

Jan

1946

PŘÍBĚHY SHERLOCKA HOLMESE

PO 25 A 106 LETECH

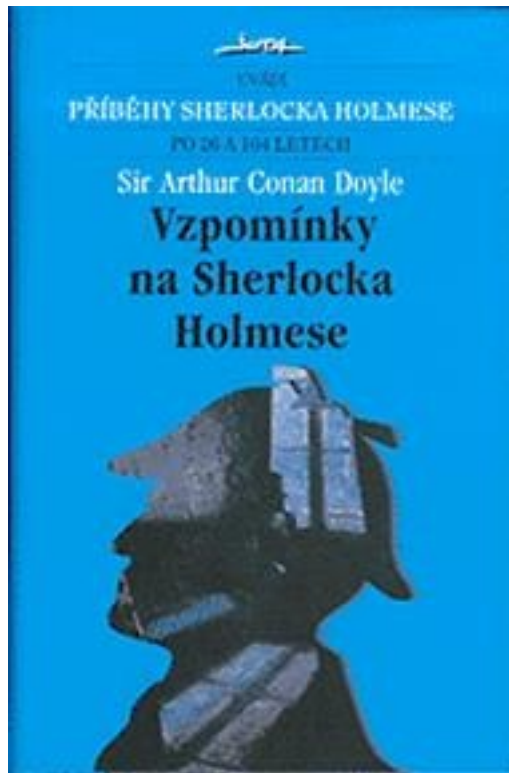
Sir Arthur Conan Doyle

Vzpomínky
na Sherlocka
Holmese



HỒI ỨC VỀ SHERLOCK HOLMES

The Memoirs of Sherlock Holmes



Phiên bản tiếng Séc

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Mục lục

Ngọn Lửa Bạc

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 12 năm 1892, với 9 hình minh họa của Sidney Paget.

Bộ Mặt Vàng Vọt

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 2 năm 1893, với 7 hình minh họa của Sidney Paget.

Người Phụ Tá Cho Nhà Môi Giới Chứng Khoán

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 3 năm 1893, với 7 hình minh họa của Sidney Paget.

Con Tàu "Gloria Scott"

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 4 năm 1893, với 7 hình minh họa của Sidney Paget.

Tục Lê Nhà Musgrave

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 5 năm 1893, với 6 hình minh họa của Sidney Paget.

Vụ Án Ở Reigate

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine (tên tiếng Anh: The Reigate Puzzle), tháng 6 năm 1893, với 7 hình minh họa của Sidney Paget. Thay thế cho các tên: The Reigate Squire và The Reigate Squires.

Kẻ Di Dạng

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 7 năm 1893, với 7 hình minh họa của Sidney Paget.

Bệnh Nhân Thường Trú

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 8 năm 1893, với 7 hình minh họa của Sidney Paget.

Người Thông Ngôn Hy Lạp

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 9 năm 1893, với 8 hình minh họa của Sidney Paget.

Bản Hiệp Ước Hải Quân

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine trong hai phần, phần đầu tiên vào tháng 10 năm 1893 với 8 hình minh họa của Sidney Paget, phần thứ hai trong tháng 11 năm 1893 với 7 hình minh họa của Paget.

Công Việc Cuối Cùng Của Sherlock Holmes

Lần đầu tiên được công bố trên tạp chí The Strand Magazine, tháng 12 năm 1893, với 9 hình minh họa của Sidney Paget.

Toàn bộ bộ sưu tập lần đầu tiên được xuất bản vào ngày 13 tháng 12 năm 1893 bởi công ty G. Newnes Ltd. trong một ấn bản với 10.000 bản, đồng thời đây cũng là phần thứ ba của The Strand Library. Phiên bản đầu tiên tại Mỹ (ấn hành bởi công ty Harper & Brothers, tháng 2 năm 1894) đã giữ lại câu chuyện The Adventure of the Cardboard Box (Hai Lỗ Tai Trong Hộp Cactong), trong khi phiên bản tiếng Anh đã gỡ bỏ nó.

2

NGỌN LỬA BẠC

Silver Blaze

Holmes đi quanh quần trong phòng, cảm gục xuống ngực, cặp lông mày nhíu lại, hút thuốc liên miên. Người bán báo đưa đến đủ mọi tờ báo khác nhau, Holmes chỉ liếc qua, rồi ném chúng vào một xó. Anh đang suy tư về sự mất tích kỳ lạ của một con ngựa và cái chết của người huấn luyện nó.

- Anh Watson, chúng ta có vừa đủ thì giờ để kịp lên tàu ở Paddington, anh nhớ mang theo cặp ống nhòm.

Một giờ sau đó, tôi ngồi trong góc một toa tàu hạng nhất, còn Holmes thì miệt mài trong đồng báo...

- Chúng ta đi mau đấy - Anh nói khi nhìn ra ngoài khung cửa sổ và xem đồng hồ - Hiện tàu đang chạy với vận tốc 43,5 dặm một giờ.

- Tôi đâu có thấy cột cây số nào...

- Tôi cũng thế. Nhưng ở tuyến đường này, các cột dây thép trồng cách nhau 60 yard. Tính ra thật đơn giản. Hình như anh cũng rất quan tâm tới vụ ám sát John Straker và vụ mất tích của con "Ngọn lửa bạc"?

- Tôi có đọc báo.

- Thảm kịch này quá hoàn hảo, khiến chúng ta có nhiều ước đoán và giả thiết. Khó khăn là ở chỗ phải tách riêng những sự việc không chối cãi được ra khỏi những điều vờ vờ của các ký giả. Tối thứ ba, tôi nhận được hai điện tín: một của đại tá Ross, và một của thanh tra Gregory. Cả hai đều mời tôi cộng tác.

- Tối thứ ba à? Thế mà nay đã là sáng thứ năm. Tại sao anh không đi từ ngày hôm qua?

- Bởi vì, tôi không thể tưởng tượng nổi là con ngựa đua hay nhất nước Anh lại có thể được che giấu lâu, nhất là trong một vùng thưa thớt dân cư như miền Bắc Dartmoor. Ngày hôm qua tôi đình ninh

rằng sớm hay muộn gì người ta cũng tìm ra nó, và kẻ cướp ngựa là người đã giết ông Straker. Nhưng một đêm đã trôi qua và người ta chẳng làm được việc gì khác hơn là bắt giữ anh chàng Fitzroy Simpson. Giờ đây tôi mới chịu ra tay. Và chẳng ngày hôm qua cũng không phải là một ngày bị lãng phí.



- Anh đã xác lập được một giả thiết.

- Tôi nghĩ ra được một số sự việc chủ yếu. Tôi xin kể cho anh nghe: "Con Ngựa lửa bạc xuất thân từ dòng Somomy và nó giữ một kỷ lục trứ danh của tổ tiên nó. Chính nó đã nhặt nhanh cho đại tá Ross tất cả mọi giải thưởng của trường đua. Cho tới lúc xảy ra thảm họa, nó là con ngựa được coi là sẽ thắng giải Wessex Cup; thiên hạ đánh cá nó ba ăn một. Do đó, có nhiều người không muốn cho nó có mặt trong cuộc đua vào thứ ba tới. Tất nhiên, người ta đã nghĩ tới "lò ngựa" King's Pylan nơi đặt những chuồng ngựa của ông đại tá. Tất cả mọi biện pháp đề phòng đã được tổ chức chu đáo để bảo vệ nó. Huấn luyện viên John Straker là một tay nài ngựa của đại tá trong 5 năm, rồi sau đó trở thành nhà huấn luyện đã 7 năm nay. Dưới quyền anh ta có ba người trẻ tuổi: một cậu ngử luôn trong chuồng để canh gác; hai cậu kia ngủ trong cái vựa. Cả ba đều được tiếng tốt. Straker

đã lập gia đình, sống sung túc trong một biệt thự nhỏ, cách chuồng ngựa chừng 200 yard. Họ chưa có con, có một người hầu gái và sống khá sung túc. Quang đó khá vắng vẻ, cách khoảng nửa dặm về hướng bắc, có khu Tavistock gồm những biệt thự dành riêng cho những người đến an dưỡng. Cách Tavistock, từ phía bên kia khu đồng hoang, khảng 2 dặm là trung tâm huấn luyện ngựa Mapleton của huân tước Backwater, do ông Silas Brown quản lý. Ở mọi hướng khác đều hoàn toàn trống trải, chỉ có vài người du mục trú ngụ. Đó là toàn cảnh bao quát vào buổi tối thứ hai, khi tai họa xảy ra.



Tối hôm đó, các con ngựa đã tập luyện xong, được dẫn đi uống nước như thường lệ. Cũng theo thông lệ, các chuồng ngựa đều được đóng cửa, khóa lại vào lúc 9 giờ. Hai trong số các cậu coi chuồng lên nhà ông huấn luyện viên để ăn bữa tối, chỉ để lại cậu Ned Hunter ở lại trông coi. Sau đó vài phút, cô Edith Baxter, là người hầu gái, đem một đĩa cà ri thịt cừ xuống tận chuồng ngựa cho cậu trực gác, cô không mang thức uống, vì trong chuồng ngựa có một vòi nước. Theo quy định, cậu coi chuồng ngựa trực gác chỉ được uống nước lã mà thôi. Cô gái xách theo một ngọn đèn lồng, bởi vì con đường mòn lại băng qua một đoạn của cánh đồng hoang.



Cô tới cách chuồng ngựa chừng 30 yard thì từ trong vùng bóng tối, một người đàn ông bước ra, kêu cô đứng lại. Đó là một người vào khoảng 30 tuổi, mặc bộ đồ may bằng vải tuyết màu xám và đội nón đỏ. Chân đi ghệt và tay cầm một cái roi ngựa, đầu có nùm tròn, vẻ mặt nhợt nhạt.

- Cô vui lòng cho tôi biết đây là đâu? Tôi sắp quyết định ngủ lại trên bãi hoang thì chợt trông thấy ánh đèn của cô.

- Ông đang ở sát bên khu chuồng tập ngựa King's Pyland.

- Thực vậy sao? A, thật may mắn biết bao! - Người lạ reo lên. - Tôi tin là đêm nào cũng có một cậu coi ngựa ngủ lại trong chuồng, cô đem bữa tối cho cậu ta đấy? Nghe này cô: cô sẽ không từ chối việc kiếm một số tiền kha khá để mua một cái áo mới, phải thế không? - Ông ta rút từ trong túi áo gi-lê một tờ giấy trắng gấp gọn và nói với cô gái: - Cô hãy trao tờ giấy này cho cậu coi ngựa rồi cô sẽ sắm được một cái áo đẹp.

Cô gái hoảng hồn, chạy ùa tới trước khung cửa sổ mà qua đó cô sẽ chuyển bữa ăn vào. Cửa sổ mở sẵn, Hunter ngồi ở phía bên trong,

trước bàn. Cô đang thuật lại cuộc gặp gỡ bất ngờ thì người lạ lại chột đến:

- Xin chào! - ông ta nói, khi nhìn qua khuôn cửa sổ - Tôi muốn nói với cậu đôi lời.

Trong lúc ông ta nói, cô gái để ý thấy mép của tờ giấy gấp ló ra ngoài những ngón tay.

- Ông tới đây làm gì? - Cậu giữ chuồng hỏi.

- Làm cho cái túi của cậu đầy ắp tiền - Người lạ trả lời - Nơi đây cậu có hai con ngựa tranh giải Wessex Cup: con Ngọn lửa bạc và con Bayard. Cậu hãy mách riêng cho tôi tuy-dô nào tốt, cậu sẽ không thiệt thòi đâu.

- À, té ra anh là một trong mấy tên do thám khốn kiếp, - cậu giữ ngựa kêu lên. - Tôi sẽ cho anh biết King's Pyland này, chúng tôi đối xử ra sao với hạng người như anh.

Cậu ta đứng lên và hồi hả tới phía bên kia chuồng ngựa để thả chó ra. Cô hầu gái chạy ùa về nhà, nhưng trong lúc chạy, cô ta còn ngoái cổ lại, trông thấy người lạ nghiêng mình trên khung cửa sổ. Tuy nhiên, một phút sau đó, khi Hunter dẫn chó tới thì người lạ không còn ở đó nữa. Cậu giữ ngựa đi một vòng quanh khu chuồng: chẳng thấy bóng dáng người lạ đâu hết.

- Chờ một tí! Khi cậu giữ ngựa ra ngoài để thả chó, cậu ta có để cửa ngỏ hay không? - Tôi hỏi.

- Tuyệt đấy, Watson! - Holmes thì thầm - Chi tiết này rất quan trọng, vì vậy tôi đã gửi một bức điện khẩn tới Dartmoor và đã được xác minh rằng thằng nhỏ đã khoá cửa lại trước khi chạy tới bên con chó. Ngoài ra khuôn cửa sổ quá hẹp, một người không thể chui qua.

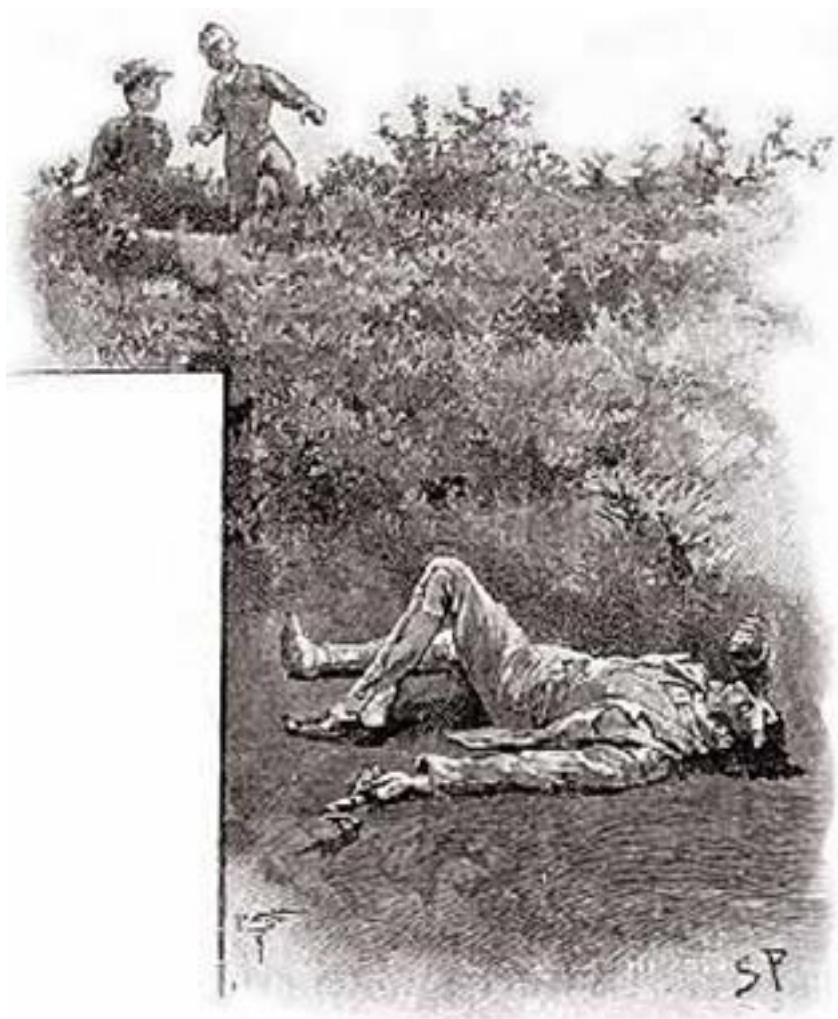
"Đợi các bạn mình quay về, Hunter đi báo cho nhà huấn luyện và thuật chuyện cho ông ta rõ. Báo cáo của Hunter làm cho Straker khó chịu. Bà Straker, thức giấc vào lúc một giờ sáng, bắt gặp chồng đang mặc quần áo. Ông bảo là mình không sao ngủ được và ông sắp xuống chuồng ngựa để kiểm tra xem tất cả đều có được bình yên không. Bà van xin ông đừng đi vì bà nghe tiếng những giọt mưa đập

dữ dội vào cửa sổ. Nhưng ông ta vẫn khoác cái áo và rời khỏi nhà.

Bà Straker mở choàng mắt vào lúc 7 giờ sáng, chồng bà vẫn chưa về. Bà vội vã gọi cô hầu gái rồi chạy về phía chuồng ngựa. Cánh cửa mở rộng. Bên trong, co rúm trên một chiếc ghế dựa, Hunter chìm đắm trong trạng thái mê mết hoàn toàn. Ngăn chuồng ngựa trống rỗng. Người huấn luyện viên đã biến mất.

Hai cậu giữ ngựa ngủ trong cái vựa được nhanh chóng đánh thức dậy. Trong đêm, họ không nghe thấy gì: cả hai đều ngủ say. Hunter bị ảnh hưởng của một loại thuốc ngủ mạnh; người ta đành để cho cậu ta ngủ, hai cậu giữ ngựa cùng hai người đàn bà hối hả đi tìm người vắng mặt.

Nhưng khi họ leo lên cái mô đất gần nhà, họ không thấy con ngựa mà thấy một đồ vật khiến họ kinh hoàng: Cách khu chuồng ngựa khoảng 400 yard, cái áo choàng đi mưa của Straker đang đu đưa trên một bụi cây kim tước.



Ngay sát bên đầm lầy có một chỗ trũng: xác nhà huấn luyện xấu số nằm dưới đáy. Một hung khí đã đập vỡ đầu ông ta, ngoài ra ông còn bị thương nơi đùi: vết thương dài và rõ nét, chứng tỏ nó đã bị một dụng cụ rất sắc bén gây ra. Tuy nhiên Straker đã chống trả kịch liệt, bởi vì tay phải của ông có nắm một con dao nhỏ, vết máu đông tới tận cán dao, bàn tay trái xiết chặt một chiếc cravat bằng lụa màu đỏ và đen, mà cô hầu gái nhận ra đó là cravat của người lạ, buổi tối hôm trước. Khi tỉnh lại, Hunter cũng chứng thực về người chủ của chiếc cravat. Cậu tin là người bí mật đó đã bỏ thuốc mê vào thức ăn trong lúc y nhào người trên thành khung cửa sổ và như vậy là hẳn đã loại bỏ người canh giữ con ngựa ra khỏi cuộc khiển.

Thế còn con ngựa? Trong đất bùn ở chỗ trũng có nhiều dấu vết chứng tỏ con ngựa đã dự vào cuộc vật lộn của người huấn luyện nó với kẻ sát nhân. Tuy số tiền thưởng lớn đã được nêu ra, nhưng tất cả dân cư sống trong vùng Dartmoor đều không tìm thấy nó. Sau cùng, một cuộc phân tích đã cho thấy là chỗ thức ăn thừa của cậu giữ ngựa có chứa một lượng bột thuốc phiện trong lúc những người ở ngôi biệt thự cũng ăn món đó thì không bị gì cả.



Đó là những dữ kiện chính của vụ án. Giờ đây là các việc mà cảnh sát đã làm.

Viên thanh tra Gregory được giao phó cho mở cuộc điều tra. Ngay khi vừa tới nơi, ông mau chóng tìm thấy và bắt giữ một người mang cà vạt đỏ và đen: Simpson. Xuất thân là con nhà gia thế, có học thức, nhưng gã đã làm tiêu tan gia sản nơi các trường đua ngựa, và sống nhờ nghề cầm cái cá độ về đua ngựa trong các câu lạc bộ thể

thao tại London. Khi quan sát cuốn sổ ghi cá độ của anh ta, người ta phát hiện anh ta đã ghi những món tiền đánh cá mà tổng số lên tới 5.000 bảng đối với con ngựa Ngọn lửa bạc. Khi bị bắt, anh ta khai là anh xuống Dartmoor với hy vọng thu lượm được vài tin tức về những con ngựa ở King's Pyland cũng như về con Desborough, con ngựa được ưa chuộng thứ hai do Silas chăm sóc trong khu luyện ngựa ở Mapleton. Anh ta chẳng chối là anh ta đã hành động như tôi vừa kể với anh nhưng lại khẳng định là anh ta không có một ý đồ xấu xa nào. Quần áo bị ướt cho thấy là anh ta bị mắc mưa suốt đêm hôm trước. Về phần cái roi ngựa, có gắn một cục chì thì đó đúng là thứ khí giới, có thể gây ra những vết thương khủng khiếp khiến cho nhà huấn luyện gục chết. Ở một mặt khác, anh ta lại hoàn toàn không hề hấn gì. Thế nhưng số máu dính trên con dao của Straker lại chứng tỏ rằng chính kẻ tấn công đã bị một vài nhát đâm”.

- Có thể là vết thương trên người Straker là do con dao của chính ông ta gây ra vào một trong những cơn co giật xảy ra sau khi sọ não bị thương tổn chẳng?

- Có thể là như vậy - Holmes trả lời - Trong trường hợp đó thì một trong những điểm chính để gỡ tội cho bị cáo sẽ không còn có giá trị.

- Cho đến lúc này, tôi vẫn chưa thấy được lập luận của cảnh sát.

- Bất cứ lý luận nào rồi cũng có những lý lẽ khác bác bỏ lại. Rất có thể, cảnh sát hình dung rằng sau khi đã đánh thuốc mê chú giữ ngựa, và dùng chìa khoá giả mở cửa, Simpson đã bắt cóc con ngựa. Trong lúc đang đi ngang qua cánh đồng thì bị người huấn luyện đuổi kịp. Một cuộc ẩu đả xảy ra. Simpson dùng roi ngựa đập bể đầu người huấn luyện mà hấn thì không bị thương tích gì. Sau đó hấn giấu con ngựa vào một chỗ bí mật.”

Bóng đêm buông xuống khi chúng tôi tới thị trấn Tavistock. Ở nhà ga có hai người ra đón chúng tôi: đại tá Ross và thanh tra Gregory.



- Tôi vui mừng vì ông đã tới đây, thưa ông Holmes! - Viên đại tá lên tiếng - ông thanh tra đã không sao lãng một việc gì nhưng tôi sẵn lòng trả thù cho Straker và tìm cho ra con ngựa.

- Có điều gì mới lạ không? - Holmes hỏi.

- Chúng tôi không đạt được nhiều tiến bộ - Viên thanh tra đáp - Có một cỗ xe đợi bên ngoài. Chúng ta sẽ nói chuyện trên đường đi.

Một phút sau, chúng tôi đều ngồi cả trong một cỗ xe đủ tiện nghi. Thanh tra nói thao thao bất tuyệt. Đại tá Ross thì ngả người về phía sau với cái mũ bẻ sụp xuống che lấy mắt. Còn tôi, tôi chú ý lắng nghe cuộc đối thoại giữa hai thám tử. Gregory trình bày lý luận của ông; nó gần giống như lý luận mà Holmes đã nói với tôi trên xe lửa.

- Lưới được bủa vây rất chặt chung quanh Simpson - ông giải thích với chúng tôi - Và tôi tin anh ta là thủ phạm.

- Thế còn con dao của Straker?

- Ông ta đã tự mình gây ra thương tích khi bị té xuống.

- Bác sĩ Watson cũng ngã theo giả thiết đó. Và nếu giả thiết đó là đúng thì anh chàng Simpson này... lâm vào vòng nguy hiểm.

- Hiển nhiên rồi. Hắn không có dao mà cũng không có vết thương nào. Có quá nhiều điều chống lại hắn ta. Hắn ta sẽ có nhiều tiền nếu con ngựa kia biến mất, bị nghi là đã đầu độc người gác chuồng ngựa, không có chứng cứ gì về việc hắn ta bị mưa, hắn trang bị một roi ngựa thật nặng, cái cravat của hắn ta lại nằm trong tay nạn nhân.

Holmes lắc đầu:

- Một luật sư giỏi sẽ bẻ gãy lập luận của ông: tại sao bị can lại đưa con ngựa ra ngoài? Nếu như muốn làm hại con ngựa y có thể làm ngay trong chuồng? Có ai thấy cái chìa khoá giả trong người y không? Và nhất là y, người xứ lạ làm sao giấu được một con ngựa nổi tiếng như con Ngọn lửa bạc? Mảnh giấy mà y nhờ cô gái chuyển lại cho cậu giữ ngựa có ý nghĩa gì?

- Chắc đó chỉ là một tấm giấy mười bảng. Chúng tôi đã tìm thấy một tờ trong bóp của y. Những lý lẽ phản bác khác của ông cũng không phải là không bị vượt qua: Trong mùa hè này, anh ta đã tới Tavistock hai lần. Thuốc phiện được mua ở London. Về cái chìa khoá giả, y vứt bỏ sau khi dùng xong. Còn con ngựa, ta sẽ tìm thấy nó dưới đáy một trong những giếng mỏ cổ xưa nằm rải rác trên cánh đồng hoang.

- Thế còn cái cravat?

- Y nhìn nhận là của y, nhưng cả quyết là y đã đánh mất. Tuy nhiên giờ này chúng ta có thể xác nhận rằng chính Simpson đã dẫn con ngựa ra khỏi chuồng...

Holmes giỏng tai nghe. Viên thanh tra nói tiếp:

- Chúng tôi đã tìm thấy những dấu vết của một toán du mục. Trong đêm thứ hai, họ đã hạ trại cách chỗ xảy ra tội ác gần một dặm. Ngày thứ ba, toán du mục biến mất. Khi thấy bị theo đuổi quá gấp, Simpson chẳng đã dẫn con ngựa đến cho những người du mục hay sao? Vậy là con ngựa đang ở trong tay những người dân du mục.

- Đó cũng chỉ là một giả thiết.

- Hiện nay, chúng tôi lục soát kỹ vùng đồng hoang để tìm họ. Tôi cũng xem xét mọi chuồng ngựa và tất cả các nhà phụ ở Tavistock, cũng như mọi phần đất nằm trong một bán kính 10 dặm.

- Tôi nghĩ là có một chuồng tập ngựa khác ở ngay kế cận, có phải thế chẳng?

- Quả vậy ngựa của chuồng đó xếp hạng thứ hai, họ cũng quan tâm tới con Ngựa lửa bạc. Silas đã đánh cá lớn về cuộc đua và ông ta cũng chẳng thân thiện gì với ông Straker. Chúng tôi đã khám xét kỹ mọi chuồng ngựa ở đó nhưng không phát hiện thấy gì.

- Và cũng không tìm thấy được mối liên hệ giữa Simpson với chuồng ngựa ở Mapleton sao?

- Hoàn toàn không.

Holmes ngồi thu mình vào trong xe và cuộc nói chuyện dừng lại. Một lát sau, người xà ích ghim cương trước một biệt thự xinh xắn xây bằng gạch đỏ có những mái nghiêng chìa ra. Cách đó một khoảng có một khu đất rào kín để nhốt ngựa trải dài một dãy nhà phụ, mái lợp ngói xám. Chúng tôi nhảy ra khỏi xe, riêng Holmes vẫn ngồi dựa vào thành ghế xe, chăm chú nhìn lên bầu trời, đắm chìm trong những suy tưởng. Tôi phải đung nhẹ vào cánh tay, anh mới giật mình và xuống xe.

- Xin ngài thứ lỗi cho - Anh nói với đại tá Ross - Tôi đang mơ trong lúc thức.

Trong tia nhìn của anh có một ánh sáng và trong thái độ của anh có một sự kích động được kìm nén; tôi hiểu rằng anh đã nắm được một cái gì đó. Thanh tra hỏi:

- Thưa ông Holmes, ông thích đến hiện trường ngay tức khắc!

- Tôi muốn được ở lại đây trong ít lâu. Dường như Straker đã được đưa về đây.

- Vâng, anh ta nằm trên kia. Ngày mai sẽ mở cuộc điều tra tư pháp.

- Anh ta đã giúp việc ông trong nhiều năm phải không, thưa đại tá.

- Anh ta không chê vào đâu được.

- Thưa ông thanh tra, ông đã lập bản liệt kê những món đồ có trong túi nạn nhân?

- Tất cả đều có trong phòng khách. Ông muốn xem?

- Tôi sẽ rất hài lòng.

Chúng tôi nối gót nhau đi vào đó và ngồi chung quanh một cái bàn ở giữa phòng. Viên thanh tra mở một cái hộp vuông bằng sắt tây và trút hết ra trước mặt chúng tôi: những cây diêm, đèn dầu, một tẩu thuốc hiệu A.D.P làm bằng rễ cây thạch thảo, một túi đựng thuốc làm bằng da hải cẩu trong đựng nửa ounce thuốc lá Cavendish sợi dài, một đồng hồ quả quýt với sợi dây bằng vàng, 5 đồng sovereign, một cây bút chì, vài tờ giấy, và một con dao cán ngà có cái lưỡi rất cứng và rất mảnh, trên có khắc dòng chữ "Weiss and Co., London" .

- Đây là một con dao đặc biệt. - Holmes nhận xét khi giơ nó lên và quan sát nó một cách tỉ mỉ - Bởi vì trên dao có những vết máu, và là con dao được tìm thấy trong bàn tay người chết. Anh Watson, con dao này thuộc phạm vi nghề nghiệp của anh đây.

- Đúng. Dao dùng để mổ mắt.

- Tôi cũng nghĩ như vậy. Một lưỡi dao rất mảnh. Có thể đây là một vũ khí lạ lùng được mang theo trong một cuộc thám hiểm nguy hiểm. Càng kỳ lạ hơn nữa khi thấy con dao này không gấp lại được, để nhét vào túi.

- Mũi dao được bọc trong một khoanh lie nhỏ mà chúng tôi tìm thấy bên cạnh xác chết - Viên thanh tra nói - Bà vợ anh ta nói rằng con dao này đã được để vài ngày trên bàn trang điểm và chồng bà đã mang theo khi rời khỏi phòng ngủ. Đúng là một món vũ khí tồi, nhưng lại là món khá nhất mà anh ta nhìn thấy vào lúc đó.

- Rất có thể. Thế còn những giấy tờ này?

- Ba hoá đơn thanh toán cho nhà bán cỏ khô. Một lá thư của đại tá Ross gửi những chỉ thị cho anh ta. Tờ này là hoá đơn của một tiệm may, trị giá 37 bảng, được lập bởi bà Lesurier ở phố Bon, gửi ông William Derbyshire, bà Straker cho biết ông Derbyshire là bạn của chồng bà. Thỉnh thoảng, thư của ông ấy vẫn được gửi đến đây.

- Bà Derbyshire có những sở thích khá tốn kém đây - Holmes nhận xét - 22 đồng guinea, quả có khá đắt đối với một bộ quần áo nữ. Tuy nhiên, dường như cũng chẳng còn gì hơn để mà xem xét nữa. Vậy chúng ta tới hiện trường thôi.

Khi chúng tôi đi ra khỏi phòng khách, một thiếu phụ đứng chờ sẵn ngoài hành lang tiến lên, giạt cổ tay áo viên thanh tra. Bà ta có vẻ mặt nhớn nhác, hằn rõ dấu ấn của một ấn tượng kinh hoàng.



- Ông đã tìm ra chúng chưa? - Bà ta hốt hển nói.

- Chưa, thưa bà. Nhưng ông Holmes từ London đã đến để giúp chúng tôi.

- Thưa bà, cách đây không lâu tôi có gặp bà tại Plymouth, trong

một bữa tiệc ở ngoài vườn.

- Thưa ông, ông lầm rồi.

- Thế mà tôi lại dám thề độc kia đây? Bữa đó bà mặc một bộ đồ may bằng lụa có màu óng ánh với những đồ trang sức bằng lông đà điểu...

- Tôi chưa bao giờ có bộ đồ như vậy.

- Thế thì, chúng ta không nói chuyện đó nữa.

Sau vài lời xin lỗi, Holmes đi theo viên thanh tra ra ngoài. Một đoạn đi ngắn bằng qua đồng hoang dẫn chúng tôi tới một chỗ trũng. Trên bờ có một bụi cây kim tước là nơi cái áo đi mưa đã được vắt lên.

- Đêm hôm đó trời không có gió? - Holmes hỏi.

- Phải, không có gió nhưng mưa lớn.

- Như vậy, cái áo này không phải bị gió thổi tấp vào bụi cây, mà là được đặt lên đây.

- Đúng, áo được vắt ngang.

- Đây này, nền đất đã bị bàn chân dẫm lên. Dường như có rất nhiều bàn chân đi qua đi lại ở nơi đây kể từ đêm thứ hai?

Tại đó có một manh chiếu rơm đã được đặt bên cạnh và mọi người trong chúng tôi đều đứng trên chiếu đó.

- Trong bao này, có một đôi ủng mà Straker đã đi một chiếc giày của Simpson và một móng ngựa cũ, bằng sắt.

- Ông thanh tra, ông đã rất xuất sắc.

Holmes đón lấy cái bao, tụt xuống chỗ lõm dưới cái trũng và đẩy manh chiếu rơm vào chính giữa, đoạn nằm dài ra trên chiếu, nằm sấp bụng úp xuống, cầm chống trên hai bàn tay, anh quan sát kỹ đám bùn bị dẫm nát trước mặt.

- Ô này! - Bất chợt anh kêu lên - Cái gì thế này nhỉ?

Đó là một que diêm đã cháy hết một nửa và đã bị vấy bùn.

- Tôi chẳng hiểu tại sao tôi lại không nhìn thấy nó - Viên thanh tra nói, giọng giận hờn.

- Nó lẫn trong bùn. Tôi nhìn thấy nó vì tôi đi tìm nó.

- Sao? Ông đi tìm nó à?

- Phải.

Holmes lấy những chiếc giày trong bao ra và đem gót giày so với những dấu vết in trên nền đất. Đoạn anh leo lên bờ, rồi bò qua những cây dương xỉ và những bụi cây.

- Không còn dấu vết nào đâu - Viên thanh tra nói - Tôi đã quan sát rất kỹ khoảng đất này trên bán kính 100 dặm.

- Thật thế ư? - Holmes kêu lên khi đứng dậy - Như vậy tôi đâu dám hỗn xược làm lại việc đó. Nhưng tôi mong muốn được đi dạo chơi trên cánh đồng trước khi trời tối hẳn. Ngõ hầu ngày mai còn nhận biết được thực địa. Nếu ông thấy không có gì trở ngại, tôi mạn phép bỏ cái móng ngựa cũ này vào túi để cầu may.

Hơi mất kiên nhẫn trước cái phương pháp ung dung của Holmes, đại tá Ross xem đồng hồ một cách không cần che giấu, rồi nói với ông thanh tra.

- Tôi mong là ông sẽ trở về cùng với tôi. Có một số việc tôi muốn hỏi ý kiến ông, chúng ta có nên công khai rút tên con Ngọn lửa bạc ra khỏi cuộc tranh giải hay không?

- Chắc chắn là không nên - Holmes kêu lên - Nó sẽ có mặt.

Viên đại tá nghiêng mình nói:

- Tôi rất sung sướng được có ý kiến của ông. Ông sẽ gặp lại chúng tôi tại nhà anh Straker, sau khi ông đi dạo xong. Sau đó, chúng ta cùng trở về Tavistock. Đại tá cùng viên thanh tra quay lưng trở lại trong lúc Holmes và tôi đi sâu vào trong cánh rừng hoang.

- Anh Watson, lúc này chúng ta hãy để vấn đề ai đã giết Straker qua một bên mà chỉ để ý tới con ngựa thôi. Cứ cho là con ngựa đã bỏ trốn trong hoặc sau lúc xảy ra thảm trạng. Vậy thì nó sẽ đi đâu? Ngựa là loài sống thành đàn. Khi bị bỏ rơi một mình, bản năng của nó sẽ đưa nó hoặc trở về King's Pyland hoặc tới Mapleton ở phía bên kia. Nó không thể chơi trò "Con ngựa hoang trên cánh đồng hoang". Và chẳng, thế nào mà lại không có người trông thấy nó, mà tại sao dân du mục lại bắt cóc nó? Những người đó luôn luôn lánh xa những nơi có chuyện chẳng lành. Họ chẳng thể nào hy vọng bán được một con ngựa như thế. Vậy thì bắt con ngựa là chuốc lấy mỗi nguy hiểm, chứ chẳng được lợi lộc gì!

- Vậy con ngựa ở đâu?

- Nó phải ở hoặc tại King's Pyland hoặc tại Mapleton. Hiện giờ nó không ở tại King's Pyland, vậy nó phải ở tại Mapleton. Chúng ta cứ theo giả thiết đó mà tiến hành và chờ xem nó dẫn chúng ta đến đâu. Phần này của cánh đồng, đất rất cứng và khô. Nhưng nó đổ dốc xuống về phía Mapleton. Từ đây, chúng ta có thể phân biệt một vết lõm xuống của nền đất: trong đêm thứ hai sang ngày thứ ba, chỗ lõm xuống đó ắt hẳn phải khá nhão, và con ngựa hẳn đã phải băng qua phần cánh đồng này.

Trong lúc nói chuyện, chúng ta đã bước đi mau, chỉ vài phút sau đã tới chỗ đất lõm xuống. Tôi đi xuống mé bên phải và Holmes xuống mé bên trái. Nhưng tôi chưa đi được năm chục bước thì đã nghe tiếng anh reo lên và vẫy tay gọi tôi tới. Trên nền đất mềm trước mặt anh, có những dấu chân ngựa y như cái móng sắt mà anh đang cầm trong tay.

- Anh đã thấy giá trị của óc tưởng tượng chưa? - Holmes bảo tôi - Đó là cái mà Gregory thiếu. Chúng ta đã tưởng tượng ra điều có thể xảy tới, rồi hành động theo giả thiết đó. Thế là chúng ta được chứng thực là đúng. Nào, tiến lên.

Chúng tôi vượt qua cái đáy sinh lầy của chỗ trũng và đi trong khoảng 400 yard trên mặt đất khô và rắn. Lần nữa, đất lại dốc và chúng tôi lại bắt gặp những dấu chân ngựa. Rồi chúng tôi lại mất hút những dấu vết đó trong khoảng gần nửa dặm. Lúc sắp tới Mapleton,

bên cạnh dấu chân ngựa có cả dấu chân người.

- Cho tới đây, con ngựa chỉ đi có một mình - Tôi kêu lên.

- Rất đúng, trước đó thì nó chỉ có một mình. Này, cái này là cái gì đây nhỉ?

Dấu chân người và ngựa bất thành hình quay ngược trở lại và đi trở về hướng King's Pyland. Cả hai chúng tôi cùng đi theo hướng đó. Holmes dõi mắt theo các vết nhưng hơi nhìn lệch sang bên. Tôi sửng sốt thấy những dấu vết đó lại hiện ra nhưng ở trong hướng ngược lại, nghĩa là lại trở về Mapleton thêm một lần nữa.

- Một điểm tốt cho anh đó, Watson! - Holmes nói - Chúng ta hãy theo dấu chân quay trở lại đi.

Chúng tôi không phải đi xa. Các dấu vết chấm dứt trên con đường rải nhựa dẫn tới hàng rào các chuồng ngựa Mapleton. Khi chúng tôi tới gần, một người nhảy ra.

- Ở đây chúng tôi không muốn thấy những kẻ lạ lảng vảng - Anh ta bảo chúng tôi.

- Chỉ xin hỏi một câu thôi - Holmes nói - Liệu có thể gặp ông Silas vào lúc năm giờ ngày mai không?

- Xin lỗi, thưa ông, ông chủ tôi luôn luôn thức dậy sớm nhất. Nhưng ủa, ông ấy đây này: ông ấy sẽ đích thân trả lời ông. Không, thưa ông không! Tôi sẽ bị mất việc nếu ông thấy tôi nhận tiền. Sau này, nếu như ông muốn cho...

Sherlock Holmes nhét lại tiền vào túi mình. Một người trung niên xuất hiện, bộ mặt kém thân thiện, cây roi mềm cầm lăm lăm trong tay.

- Có chuyện gì vậy, Dawson? - ông ta kêu lên - Không được bép xép đấy nhé. Hãy đi làm việc đi! Còn hai ông... Các ông tới đây làm cái quái gì?

- Chúng tôi xin hầu chuyện ông mười phút, thưa ông chủ! - Holmes trả lời với giọng ngọt ngào.

- Tôi làm gì có thì giờ để nói chuyện với bất cứ gã lêu lổng nào? Hãy xéo đi? Nếu không, tôi thả chó ra đây...



Holmes cúi nghiêng mình về phía trước và thì thầm vài lời bên tai nhà huấn luyện ngựa. Hắn đỏ mặt tía tai.

- Nói láo - Hắn kêu lên - Một lời nói láo quý quyết.

- Được lắm? Chúng ta sẽ bàn luận công khai ngay đây hay ở trong phòng khách?

- Ô! Xin mời vào.

Holmes cười:

- Anh Watson, sẽ không quá mấy phút đâu. Bây giờ, thưa ông Silas tôi xin đặt mình dưới quyền sai khiến của ông.

Mấy phút đồng hồ của Holmes lại kéo dài thành hai chục phút. Bầu trời màu tím đã chuyển thành xám khi Holmes và Silas hiện ra. Bây giờ gương mặt của Silas biến thành màu tro, trán ướt đầm mồ hôi và hai bàn tay run rẩy, cây gậy đi săn đứng đưa như một cành

cây lắt lay trước gió. Thái độ anh hùng rơm đã tan biến, ông ta khúm núm theo sau Holmes như một con chó đi theo chủ.

- Những mệnh lệnh của ông sẽ được thi hành - ông ta nói.

- Không được sai lầm? - Holmes nhấn mạnh, khi quay lại nhìn ông ta.

Người nọ rùng mình trước sự đe dọa ẩn chứa trong tia nhìn đó.

- Vâng. Sẽ không có sự sai lầm nào cả! Nó sẽ có mặt đúng giờ. Tôi có phải thay hình đổi dạng cho nó hay không?

Holmes suy nghĩ trong giây lát, rồi phá lên cười:

- Không, cứ để yên như thế! Tôi sẽ viết cho ông về việc này. Giờ đây nhất định không có những trò chơi khăm nữa. Nếu không...

- Ông có thể tin cậy nơi tôi!

- Ông sẵn sóc nó cho tới ngày giao ước, như thể nó là của ông vậy.

- Ông có thể hoàn toàn tin cậy nơi tôi mà!

- Phải, tôi tin nơi ông. Ngày mai ông sẽ nhận được tin tôi.

Anh quay gót, không thèm đếm xỉa gì đến bàn tay run rẩy mà người nọ chìa ra. Chúng tôi quay trở về King s Pyland.

- Lão Silas này vừa độc ác, vừa đê tiện lại vừa hèn nhát - Holmes vừa bước đi vừa nhận xét.

- Hẳn đang giữ con ngựa?

- Hẳn tìm cách trả lời bằng những câu huênh hoang, nhưng tôi đã miêu tả chính xác những gì hẳn đã làm trong buổi sáng hôm đó. Hẳn tin chắc là tôi đã theo dõi hẳn. Watson, anh có lưu ý đến những cái dấu vuông vức một cách kỳ lạ trong các dấu chân không? Giày ủng của hẳn phù hợp với dấu vết đó, tôi kể cho hẳn nghe: ông là người thức dậy sớm nhất, khi nhìn thấy một con ngựa lạ đang lang thang trên cánh đồng hoang, ông liền tới gần để xem sao. Con ngựa có "cái

trán trắng” nên mới được gọi là “Ngọn lửa bạc”. Ông thấy cơ may đã tới với mình, nên đã bắt giữ nó. Nếu làm được vậy thì con ngựa của ông sẽ về nhất. Tôi gợi cho hắn nhớ lại vì sao hành động đầu tiên của hắn là dẫn con ngựa đi trở về King’s Pyland, rồi tại sao hắn lại định đem giấu con ngựa cho tới khi cuộc đua kết thúc; tôi cũng cho hắn biết hắn đưa con ngựa về đi giấu ở Mapleton như thế nào. Tới lúc đó, hắn chỉ còn có một ý tưởng: làm sao được yên thân.

- Nhưng các chuồng ở đây đều đã được khám kỹ rồi kia mà?

- Ồ, hắn là một tay hoá trang ngựa tài ba!

- Anh không lo ngại gì khi để con ngựa ở lại đây?

- Hắn sẽ chăm sóc con ngựa như chăm sóc thân thể hắn! Hắn biết là muốn được tha tội thì phải đưa con ngựa ra trong thể trạng tốt.

- Chưa chắc đại tá Ross chịu tha cho hắn.

- Đại tá Ross không phải là người giải quyết vấn đề. Tôi theo những phương pháp của riêng tôi. Ông đại tá kém hào hiệp đối với tôi. Nên giờ đây tôi muốn đùa trên ông ta chơi. Anh chớ có nói gì về con ngựa đấy nhé?

- Nói để làm gì! Và chẳng, điều này có tầm quan trọng đối với việc tìm ra người đã giết Straker.

- Không đâu. Chúng ta cùng trở về London bằng chuyến tàu đêm.

Tôi sững sờ trước câu trả lời đó. Chúng tôi chỉ mới tới Devonshire có mấy tiếng đồng hồ, vậy mà anh ta lại bỏ ngang cuộc điều tra. Thật không tài nào hiểu nổi! Tôi không tài nào moi thêm được anh một lời nào cho tới khi về đến nhà người huấn luyện ngựa. Ông đại tá và viên thanh tra chờ chúng tôi trong phòng khách.

- Chúng tôi sẽ trở về thủ đô bằng chuyến tàu tốc hành nửa đêm. Chúng tôi đã được hít thở bầu không khí quyến rũ của Dartmoor - Holmes nói.

Viên thanh tra giương rộng đôi mắt. Ông đại tá nở một nụ cười hiểm độc:

- Như vậy là ông đã bỏ cuộc?

Holmes nhún vai:

- Dĩ nhiên là có những chướng ngại nghiêm trọng? Tuy nhiên, con ngựa của Ngài sẽ có mặt vào lúc xuất phát cuộc đua, Ngài nên chuẩn bị người nài cưỡi con ngựa đó. Tôi có thể xin một bức ảnh của ông Straker được không?

Viên thanh tra móc túi lấy ra một tấm hình đựng trong một bao thư và đưa cho Holmes.

- Ông thanh tra, ông đoán trước được mọi ý muốn của tôi. Liệu ông có chờ tôi tại đây trong chốc lát chẳng? Tôi muốn gặp cô hầu gái.

Bất thành linh đại tá Ross lên tiếng ngay sau khi Holmes bước ra khỏi phòng khách:

- Tôi thất vọng về ông Holmes. Từ khi ông ta đến đây, ta chẳng có một tiến bộ nào.

- Con ngựa của ông sẽ dự cuộc đua - Tôi nói.

- Phải, tôi đã được lời cam đoan của ông ta - Đại tá nhún vai - Có điều, tôi mong muốn nắm được con ngựa trong tay hơn là lời hứa.

Tôi định bênh vực cho Holmes thì anh ấy trở vào.

- Giờ đây, thưa quý ông, sau khi về tới London, tôi sẵn sàng trở lại Tavistock lần nữa.

Trong lúc chúng tôi leo lên xe, một trong những người hầu chuồng ngựa giữ cho cửa xe mở rộng. Một tư tưởng như bất chợt đến với Holmes, bởi vì anh cúi nghiêng người về phía trước và đụng vào ống tay áo người hầu. Anh nói:



- Ai sẵn sóc những con cừu trong vòng rào.

- Tôi, thưa ông.

- Anh có thấy điều gì khác lạ vừa xảy ra cho chúng trong thời gian gần đây không?

- Quả vậy, ba con trong đàn bị đi khắp khiêng.

Holmes khẽ cười và xoa hai bàn tay vào nhau.

- Một cú chơi đẹp thật! - Anh nói khi bấm vào cánh tay tôi, rồi nói với ông thanh tra - ông bạn nên lưu ý tới cái hiện tượng đặc biệt đó trong đàn cừu. Nào chúng ta đi thôi, chú xà ích!

Đại tá Ross tiếp tục phô ra một dáng điệu bày tỏ sự không tin tưởng nhưng vẻ mặt viên thanh tra biểu hiện một sự chăm chú. Ông ta hỏi Holmes:

- Ông cho đó là điều quan trọng sao?

- Cực kỳ quan trọng đấy!

- Còn điểm nào khác mà ông muốn lưu ý tôi nữa không?
- Con chó trong đêm đó.
- Con chó ư? Đâu có chuyện gì xảy ra với nó trong đêm đó.
- Như vậy mới là kỳ lạ. Sự kỳ lạ ẩn chứa ở ngay trong chỗ đó - Sherlock Holmes nhận xét.

Bốn ngày sau đó, Holmes và tôi lại đáp chuyến tàu đi Winchester để dự khán cuộc đua ngựa tranh giải Wessex Cup. Ông đại tá gặp chúng tôi bên ngoài nhà ga và đưa chúng tôi đến trường đua bằng xe tứ mã của ông. Mặt ông nghiêm trang và thái độ cực kỳ lạnh nhạt.

Ông nói:

- Tôi không thấy con ngựa của tôi đâu cả.
- Ông sẽ nhận ra nó khi ông trông thấy nó chứ? - Holmes hỏi.

Ông đại tá tỏ vẻ rất bất mãn. Ông nói:

- Tôi lui tới trường đua từ 20 năm nay, và chưa có ai hỏi tôi một câu như thế. Ngay một đứa bé cũng nhận ra con Ngọn lửa bạc với cái trán trắng và cái chân trước có lông đốm của nó.

- Việc đánh cá hiện nay ra sao?

- Ngày hôm qua, ông có thể đánh 15 ăn 1, nhưng khoảng cách cứ giảm dần, giờ đây thì chỉ còn 3 ăn 1.

- Hừm! Có ai đó đã tóm được tuy-dô, chắc chắn như thế - Holmes nói.

Khi xe tứ mã ngưng lại gần khán đài chính, tôi nhìn lên tấm bảng để xem tên những con ngựa tranh giải Wessex Cup:

“CHO NGỰA BỐN VÀ NĂM TUỔI

Giải nhất: 1.000 souverain

Giải nhì: 300 bảng

Giải ba: 200 bảng

Đường đua: 1,6 dặm.

1. Da đen (của ông Heath Newton), nài áo màu quế, mũ đỏ.
2. Võ sĩ (của đại tá Wardlaw), nài áo sọc xanh đen, mũ hồng.
3. Desborough (của huân tước Backwater), nài áo tay vàng, mũ vàng.
4. Ngọn lửa bạc (của đại tá Ross), nài áo đỏ, mũ đen.
5. Iris (của công tước xứ Balmoral), nài mũ, áo sọc vàng đen.
6. Rasper (của huân tước Singleford), nài áo tay đen, mũ tía.”

- Chúng tôi đã rút con kia ra và đặt tất cả hy vọng vào lời nói của ông - Viên đại tá nói - Lạ chưa! Thế nghĩa là gì? Ngọn lửa bạc được coi là chắc sẽ thắng sao?

- Ngọn lửa bạc được cá 5 ăn 4 - Các nhà cái cá ngựa găm lên - 5 ăn 4 cho Ngọn lửa bạc đây. Desborough cá 15 ăn 5 đây.

- Đủ sáu con à? - Viên đại tá kêu lên, rất giận dữ - Nhưng nó đâu? Cờ của tôi chưa được điều hành mà.

- Chỉ mới có năm con đi điều hành. Đây này, đây hẳn là nó rồi!

Vào lúc tôi nói, một con ngựa hồng lực lưỡng phóng ra khỏi khu cân nài, chạy nước kiệu ngay bên cạnh chúng tôi: nó mang trên yên màu cờ xanh và đỏ rất quen thuộc của ông đại tá.

- Đâu phải ngựa của tôi. Con vật này không có lấy một sợi lông trắng trên mình. Ông làm cái trò gì vậy ông Holmes?

- Bình tĩnh! Bình tĩnh xem nó chạy ra sao cái đã! - Holmes thì thầm, điềm tĩnh.

Anh theo dõi qua ống nhòm, bắt chợt reo lên:

- Ngay hàng đầu? Tuyệt diệu. Chúng đang ghé vào chỗ ngoặt.

Sáu con ngựa chạy sát bên nhau. Tới quãng giữa dải đường đua vòng, con ngựa chuồng Mapleton vượt lên dẫn đầu. Nhưng trước khi chúng ngang chỗ chúng tôi thì con Desborough đã hết sức và con ngựa của ông đại tá vượt qua cây cọc tới sáu thân trước đối thủ của nó là con Iris của công tước xứ Balmoral.

- Dầu sao thì tôi cũng đã thắng - Đại tá hỗn hển đưa một bàn tay lên vuốt trán - Xin thú thật là tôi chẳng hiểu gì cả. Ông còn giữ bí mật đến bao lâu nữa thưa ông Holmes?

- Rồi ông sẽ biết tất cả. Lại đây, chúng ta cùng quan sát con ngựa này... Nó đây này - Anh nói khi chúng tôi vào trong khu dành riêng cho chủ ngựa cùng bằng hữu của họ - Ông lấy cõn mà rửa đầu ngựa và chân nó thì ông sẽ nhận thấy nó chính là Ngọn lửa bạc.

- Ông làm tôi suýt đứng tim...

- Tôi thấy nó trong tay một kẻ gian xảo và tôi tự tiện cho nó đua dưới lớp giả trang này.

- Ông đã làm được một điều kỳ diệu! Con ngựa tỏ ra hoàn toàn ở thể trạng tốt. Nó chưa bao giờ chạy hay đến thế. Tôi cần phải xin lỗi ông, một ngàn lần vì đã nghi ngờ khả năng của ông. Mong ông tìm ra tên sát nhân.

- Tôi tìm ra rồi - Holmes trả lời một cách điềm tĩnh.

Viên đại tá và tôi nhìn anh:

- Không hiểu hẳn ở đâu?

- Ở đây!

- Ở đây? Hẳn đâu?

- Ngay bên cạnh tôi vào lúc này.

Viên đại tá đỏ mặt tía tai vì giận dữ.

- Tôi mang ơn ông nhiều lắm, nhưng tôi buộc lòng phải coi điều mà ông vừa nói là một trò đùa quá trớn, hoặc là một điều lảng nhục.

Holmes phá ra cười:

- Tôi không hề đùa hay làm nhục ông, thưa đại tá. Nhưng quả thật kẻ sát nhân đang đứng ngay đằng sau ông đây.

Anh tiến lên một bước và đặt bàn tay lên cái cổ bóng loáng của con ngựa thuần chủng.



- Con ngựa ư? - Tôi và ông đại tá kêu lên.

- Đúng, chính nó. Và chúng ta hãy tha tội cho nó vì nó hành động để tự vệ. Straker không xứng đáng với lòng tin cậy của ông. Nhưng chuông reo rồi đó. Bởi vì tôi muốn kiếm một ít tiền trong độ đua sau, tôi xin khất lại để lát nữa sẽ giải thích tận tường.

Trong toa xe lửa hạng đặc biệt chỉ có ba người chúng tôi. Trên đường trở về London, tôi tưởng chừng như khó có chuyến đi nào lại ngắn hơn đối với đại tá Ross, bởi vì chúng tôi đều say sưa nghe Holmes nói.

- Tôi đi tới Devonshire với sự cả tin rằng Simpson là thủ phạm, tuy vẫn nhận thức rằng chưa đủ bằng chứng để buộc tội anh ta. Chỉ tới

khi ngồi ở trong xe, ngay trước cửa nhà người huấn luyện ngựa, tôi mới nhận ra cái ý nghĩa kinh khủng trong món thịt cừu nấu cà ri. Các bạn còn nhớ là tôi đã tỏ ra đãng trí, vẫn ngồi yên trên xe trong lúc mọi người đã xuống xe cả rồi. Lúc đó, tôi đang tự hỏi vì sao tôi lại bỏ qua một chỉ dẫn lớn như vậy.

- Về phần tôi - Viên đại tá nói - Tôi xin thú nhận là ngay đến bây giờ tôi vẫn không thấy dấu vết ấy giúp chúng ta được gì.

- Trong cái chuỗi lập luận của tôi, nó là khâu đầu tiên. Bột thuốc phiện đầu hần là không có vị gì. Cái vị của nó chẳng có gì là khó chịu cả, nhưng nó có thể nhận ra được. Cho nên nếu nó được đem trộn vào một món ăn bình thường, người ăn sẽ phát hiện ra và có thể họ sẽ không ăn. Cà ri là món thích hợp để che giấu cái mùi vị ấy. Làm sao có sự trùng hợp quái gở này? Người lạ Simpson đem bỏ thuốc phiện vào thức ăn của cậu bé Hunter vào lúc thức ăn đó lại là cà ri (chỉ có cà ri mới lẫn át mùi bột thuốc phiện). Thật là không thể tưởng tượng nổi! Vậy là Simpson được loại ra khỏi diện nghi vấn. Tôi chú tâm vào Straker và bà vợ y: quả thật chỉ có họ mới có thể bố trí món thịt cừu nấu cà ri cho bữa tối đó. Thuốc phiện đã được bỏ thêm vào sau khi cái đĩa đựng món ăn dành cho Hunter được để riêng ra. Chính vì thế mà những người khác cũng đã ăn món đó nhưng vẫn bình yên. Vậy thì ai trong hai người đó đã tới gần đĩa thức ăn mà cô hầu gái lại không trông thấy?

Vụ rắc rối về Simpson đã cho thấy có một con chó canh giữ chuồng ngựa. Thử hỏi ai là người đã đi vào rồi lại đi ra với một con ngựa mà con chó lại không sủa (để đánh thức hai anh chàng giữ ngựa ngủ trong cái vựa). Đó chắc chắn phải là người mà con chó rất quen thuộc. Tôi đã tin rằng giữa đêm khuya Straker xuống chuồng ngựa và dắt con Ngọn lửa bạc. Nhằm mục đích gì? Chắc chắn là trong một mục đích bất lương, nếu không thì y đã không đánh thuốc mê anh chàng gác chuồng. Tôi suy nghĩ nát óc để đoán xem y đã nghĩ gì, trong đầu óc y. Đã từng có nhiều vụ các huấn luyện viên kiếm được nhiều tiền bằng cách đánh cá ngựa của họ bị thua, qua những người trung gian, và sau đó ngăn cản không cho ngựa của họ thắng bằng một mảnh khoé nào đó. Đôi khi, do một gã nài kìm hãm ngựa, hoặc do một phương pháp tinh tế hơn. Với Straker, anh ta hành động ra sao? Tôi hy vọng là những đồ vật ở trong các túi quần

áo anh ta sẽ giúp tôi.

Quả đúng như vậy. Hai bạn chắc chưa quên con dao kỳ lạ nằm trong bàn tay người chết: con dao mà không một đầu óc tỉnh táo nào lại chọn làm vũ khí. Con dao đó được dùng trong những ca mổ tinh tế nhất. Thưa đại tá, ông thừa biết rằng ta có thể tạo ra một vết đứt nhỏ trên những gân khoeo con ngựa, mà nếu làm bên dưới da thì vết đó không để lại một dấu vết nào. Một con ngựa bị "khía gân" như vậy sẽ đi hơi khập khiễng, điều đó sẽ chỉ được gán cho chứng phong thấp hoặc cho sự tập luyện quá sức.

- Quân vô lại! - ông đại tá kêu lên.

- Đó là lý do mà Straker muốn đưa con ngựa ra ngoài cánh đồng, bởi vì nếu bị mũi nhọn con dao rạch vào gân chân, chắc chắn con Ngọn lửa bạc sẽ hung hăng đánh thức cả đến người ngủ say nhất thế gian. Vậy là phải ra tay ngoài trời.

- Tôi đã mù quáng - Viên đại tá rên rỉ - Chính vì thế mà nó cần đến đèn cầy và đã quẹt que diêm lên đấy.

- Dĩ nhiên. Nhưng quan sát các đồ vật của anh ta, tôi còn hiểu được những động cơ gây ra tội ác nữa. Thưa đại tá, một người từng trải không bao giờ mang theo trong túi mình những hoá đơn của một người khác. Chúng ta thanh toán những hoá đơn của chính mình là đủ rồi. Ngay đó tôi kết luận là Straker có một gia đình thứ nhì. Tính chất của tờ hoá đơn chứng tỏ là nó dính dáng đến một người đàn bà, và người đàn bà đó đã tiêu xài hoang phí. Cho dù đại tá có đối xử rộng rãi đến đâu, Straker cũng không thể mua sắm cho vợ những bộ quần áo giá hơn hai mươi guinea! Tôi hỏi vặn bà Straker về bộ quần áo nữ và khi được bà đoan chắc là bà chẳng bao giờ có bộ quần áo như vậy, tôi bèn ghi địa chỉ của tiệm may. Và xin một tấm hình của Straker. Kể từ lúc đó, tất cả đều đơn giản. Straker dắt con ngựa đến một chỗ đất trống là nơi mà ánh sáng ngọn đèn bão sẽ không bị ai trông thấy. Về phần Simpson khi bỏ trốn, y đã đánh mất cái cravat. Straker nhặt lấy, có thể với ý định dùng nó để giữ cho con ngựa đứng yên. Khi đã vào trong cái hố trống rồi, hấn ra đằng sau con Ngọn lửa bạc và bật que diêm lên. Nhưng con vật hoảng sợ vì cái ánh sáng đột ngột đó, hoặc bị thúc đẩy bởi cái bản năng kỳ lạ, linh cảm rằng người ta sắp làm hại nó, nên nó đã bứt lên thật mạnh và đập

văng vào trán của Straker. Mặc dù trời mưa và để cho khỏi vướng víu, anh ta đã cởi áo đi mưa ra mặc lên bụi cây. Và khi té xuống, con dao đã vạch dài trên đùi.

- Tuyệt vời! - Viên đại tá reo lên - Tuyệt vời! Cứ y như là ông có mặt ở ngay nơi đó!

- Sau đây là cú đánh chót của tôi. Tôi nghĩ rằng một người quý quýệt như Straker hẳn sẽ không làm cái việc cắt gân nếu chưa được tập dượt từ trước. Vậy anh ta thực tập với cái gì đây? Mắt tôi lợt xuống đàn cừu và có ngay câu trả lời.

- Tất cả đều đã được làm sáng tỏ, thưa ông Holmes.

- Khi quay trở về London, tôi đến gặp người may quần áo phụ nữ và bà ta nhận ra ngay Straker là một khách hàng hạng sang, có tên là Derbyshire, và bà vợ thì mê mệt những bộ quần áo đắt tiền. Người đàn bà đó đã dẫn anh ta vào một tình hình tài chính thảm hại, khiến anh ta phải phạm tội.

- Ông đã giải thích tất cả, ngoại trừ một điều: trong thời gian đó, con ngựa ở đâu?

- Nó đã chạy trốn và được một hàng xóm của ông chăm sóc. Và về điều này, chúng ta phải tỏ ra rộng lượng, thưa đại tá. Đã tới Clapham Junction rồi! Nếu tôi không nhầm thì chúng ta sẽ tới Victoria trong vài phút nữa. Ông có thể hút xì gà nếu ông muốn. Tôi sẵn sàng cung cấp thêm một số chi tiết khác mà ông quan tâm.



SP

2

BỘ MẶT VÀNG VỢT

The Yellow Face

[In publishing these short sketches based upon the numerous cases in which my companion's singular gifts have made us the listeners to, and eventually the actors in, some strange drama, it is only natural that I should dwell rather upon his successes than upon his failures. And this not so much for the sake of his reputation—for, indeed, it was when he was at his wit's end that his energy and his versatility were most admirable—but because where he failed it happened too often that no one else succeeded, and that the tale was left forever without a conclusion. Now and again, however, it chanced that even when he erred the truth was still discovered. I have noted of some half-dozen cases of the kind; the adventure of the Musgrave Ritual and that which I am about to recount are the two which present the strongest features of interest.]

Một lần vào đầu xuân, Holmes và tôi cùng đi dạo trong công viên. Những chiếc lá xuân đầu tiên nhú lên các cành cây du, những cái chồi dính dính của hàng cây dẻ đang cựa quậy thành mấy chiếc lá non đẹp. Chúng tôi đi suốt hai tiếng liền. Khi quay trở về thì đã gần năm giờ.

“Thưa ông,” Chú bé giúp việc vừa mở cửa vừa nói “Có một vị khách đến. Ông ta hỏi ông.”

“Khách đi rồi à?” Holmes hỏi.

“Vâng, thưa ông!”

“Sao cháu không mời ông ta vào nhà ngồi chơi một lát?”

“Dạ có, ông ấy có vào nhà.”

“Ông ta đợi lâu không?”

“Nửa tiếng. Khách rất sốt ruột. Suốt thời gian ở đây ông ta cứ đi đi lại lại khắp phòng. Cuối cùng, ông ấy chạy ra ngoài hành lang và than thở “Không biết đến khi nào ông Holmes mới về?”. Cháu đáp ngay: “Một lát nữa thôi!”. Ông ta nói: “Được, tôi sẽ chờ, nhưng tôi sẽ không chờ ở đây, mà ở nơi không khí thoáng đãng kia! Chốc nữa tôi sẽ quay trở lại”. Thế là ông ấy đi thẳng.”

“Giỏi! Cháu đã làm được việc.” Holmes nói và chúng tôi bước vào căn phòng của mình “Tuy nhiên, thật là bực mình! Tôi đang buồn chán vì thiếu việc làm. Suy từ sự nôn nóng của người ấy thì chắc công việc này quan trọng đây.Ồ! Chiếc tẩu của ông ta? Chiếc tẩu tuyệt vời với cái tay cầm dài cứng như vậy.” Holmes xoay xoay chiếc tẩu trong tay và xem xét nó với vẻ thận trọng.



Anh dùng ngón tay trở gõ gõ vào nó tựa như giáo sư giải phẫu học đang giảng về một thứ xương nào đó. Rồi nói tiếp:

“Chủ nhân của nó hẳn là một người vạm vỡ, thuận tay trái, có bộ răng tốt, và là người phong lưu”

“Chỉ vì thấy ông ta có chiếc tẩu đắt giá mà anh cho rằng đó là một người giàu có hay sao?”

Holmes khẽ khàng gỡ chiếc tẩu thuốc trong lòng bàn tay của mình:



“Bởi vì ông ta có thể mua thứ thuốc lá hảo hạng, loại Grosvenor giá 8 pence ¹⁾ mỗi ounce ²⁾, đắt gấp hai lần thuốc bình thường.”

“Anh còn kết luận nào không?”

“Anh ta có thói quen hút thuốc lá dưới ngọn đèn bàn hoặc đèn bằng khí ga: chiếc tẩu cháy xém. Nó bị cháy chỉ ở phía phải: Vậy chủ nhân của nó là người thuận tay trái. Hầu thử châm tẩu thuốc bằng bàn đèn đi. Bởi anh không thuận tay trái, cho nên tự nhiên anh đưa phần trái của tẩu thuốc đến gần ngọn lửa. Sau đó anh ta cắn xuyên qua bốt. Chỉ một người khỏe mạnh và có bộ răng tuyệt vời mới có thể làm được chuyện đó ... Song nếu tôi không lầm thì kia là tiếng từng bước chân của ông ta ngoài cầu thang!”

Chưa đầy một phút sau, cách cửa rộng mở. Một người đàn ông khoảng 30 tuổi, cao lớn bước vào phòng. Ông ta mặc bộ com-lê màu thẫm bằng thứ vải tốt được cắt khéo léo. Tay cầm một chiếc mũ phớt màu xám rộng vành.

“Xin thứ lỗi!” - Ông ta nói có phần hơi luống cuống - “Hẳn là tôi cần gõ cửa. Nhưng quả thực tôi hơi bối rối.” - Ông ta đưa tay lên xoa

xoa trán như một người đầu óc bị choáng váng.

“Ông đã mất ngủ đến hai đêm rồi.” - Holmes từ tốn nói - “Điều đó làm hao kiệt thần kinh nhiều hơn so với làm việc. Xin được phép đề nghị, tôi có thể giúp ông được gì không?”

“Tôi muốn được ông khuyên giải, thưa ông...”

“Ông muốn tôi giúp ông với tư cách một người tư vấn, một thám tử hay sao?”

“Vâng. Ông là người từng trải việc đời. Và tôi muốn ông chỉ bảo cho tôi những việc tôi cần làm.” Ông ta nói những câu ngắn, mạnh và dứt quãng.

“Ông Grant Munro thân mến...” - Holmes bắt đầu nói.

Vị khách của chúng tôi nhòm phắt dậy.



“Sao? Ông biết tên tôi à?” Ông ta kêu lớn.

“Nếu ông muốn ẩn danh” - Holmes mỉm cười nói - “thì đừng viết tên mình trên mảnh vải lót của chiếc mũ, hoặc là đừng xoay chiếc mũ lại để người nói chuyện với mình thấy hàng chữ đó. Tôi muốn nói rằng tại căn phòng này, anh bạn của tôi và tôi đã từng nghe nhiều bí mật đáng kinh ngạc. Và chúng tôi đã đem lại niềm thư thái cho bao tâm hồn đầy lo âu. Chúng tôi rất vội, bởi vậy xin ông nhanh chóng kể cho tôi nghe tất cả những gì đã xảy ra.”

Vị khách lại lấy tay xoa trán. Ông ta có vẻ khó khăn khi bắt đầu câu chuyện. Mỗi cử chỉ, mỗi nét mặt đều chứng tỏ ông ta là một người kín đáo, giữ ý và kiêu hãnh. Ông ta có thiên hướng che đậy những vết thương lòng của mình hơn là phơi bày ra. Nhưng đột nhiên ông ta giận dữ vung tay lên, tựa như quăng tính dè dặt vào một hướng nào đó.

“Tôi cưới vợ đã ba năm, chúng tôi hoàn toàn hạnh phúc. Không hề giấu giếm nhau điều gì, cả ý nghĩ lẫn hành động. Thế nhưng, từ thứ hai vừa rồi, chúng tôi trở thành xa lạ với nhau, và tôi muốn biết vì sao như vậy ... Tôi biết rõ chưa bao giờ nàng yêu tôi bằng lúc này. Nhưng, nếu điều bí ẩn chằng giũa chúng tôi chưa được tháo gỡ thì mối quan hệ tốt đẹp giữa chúng tôi sẽ không tồn tại.”

“Cám ơn ông đã cho tôi biết sự thực, ông Munro.”

“Effie đến Hoa Kỳ sống ở thành phố Atlanta lúc còn rất trẻ. Tại đó nàng kết hôn với Hebron, một luật sư có tiếng trong vùng. Họ sống hạnh phúc và có một mụn con. Nhưng sau một trận dịch sốt vàng da đã giết chết chồng và con, nàng trở về Anh quốc sống với người dì ở Middlesex. Tôi thấy cần phải nhắc lại rằng sau cái chết của chồng, nàng thừa hưởng một gia tài chừng bốn ngàn rưỡi bảng ³⁾ nằm trong ngân hàng. Hàng năm nàng nhận được bảy phần trăm tiền lãi. Nàng chỉ sống với người dì chừng nửa năm thì tôi gặp nàng. Chúng tôi yêu nhau và sau vài tuần thì làm phép cưới. Lúc đó nàng hai mươi lăm tuổi.

Tôi là người buôn hoa quả. Lãi suất của tôi độ chừng tám trăm bảng một năm, bởi thế chúng tôi sống khá phong lưu: một biệt thự tốt ở Norbury. Thị trấn này không khác thôn quê cho lắm. Tại đó có hai ngôi nhà và một khách sạn cao hơn biệt thự của chúng tôi một

chút. Còn ngay phía trước mặt chúng tôi có một biệt thự đứng tách riêng ra. Ngoài những ngôi nhà ấy không còn một công trình xây dựng nào ở gần ga hơn nữa. Khi tôi lập gia đình, vợ tôi đã chuyển giao cho tôi toàn bộ tài sản của nàng. Tôi không đồng ý, vì ngại rằng nếu tôi bị thất bại trong công việc làm ăn, thì vốn liếng của nàng mất hết. Nhưng nàng vẫn nằng nặc đòi làm theo ý mình. Đột nhiên, cách đây hơn một tháng, nàng nói với tôi như thế này:

- Jack này, lúc anh nhận tiền của em, anh nói rằng vào bất kỳ lúc nào em cũng có thể lấy lại số tiền đó.

- Tất nhiên, vì đây là số tiền của em.

- Em đang cần một trăm bảng.

- Để làm gì?

- Anh yêu! - Nàng luống cuống trả lời - Anh nói anh là chủ ngân hàng của em... Thế mà, có bao giờ các chủ ngân hàng hỏi khách rút tiền để làm gì?

- Nếu em cần thì có ngay đây thôi.

- Vâng. Em cần.

- Em sẽ không nói ư?

- Sau này sẽ nói. Còn bây giờ thì không.

Tôi buộc phải vui lòng với câu trả lời như thế. Từ đây trở đi, nàng không giấu tôi một điều gì nữa. Tôi đưa séc cho nàng và không nghĩ gì thêm về câu chuyện đó. Như tôi vừa nói với ông, có một biệt thự nằm cách không xa ngôi nhà của chúng tôi. Hai căn nhà chỉ cách nhau có một bãi cỏ. Để đến ngôi biệt thự, người ta phải đi theo một con đường và sau đó rẽ vào lối mòn. Ngay phía sau biệt thự, là một cánh rừng thông nhỏ. Tôi rất thích đi dạo trong cánh rừng. Suốt tám tháng ròn, trong ngôi biệt thự không có người ở. Tôi lấy làm tiếc là ngôi nhà lại bỏ không như vậy. Đó là một tòa lâu đài hai lầu xinh xắn, với những cột hành lang cổ kính. Nhiều lần khi dừng lại trước ngôi nhà, tôi tự nghĩ: "Thật là một dinh cơ nhỏ nhắn, đậm ấm biết bao!".

Thế rồi, vào buổi chiều thứ hai tuần trước. Trong khi đi dạo, tôi nhìn thấy một chiếc xe chở hàng có mui chạy trên đường. Sau đó trên bãi cỏ phía trước thêm chắt đồng những tấm thảm và các đồ đạc khác. Rõ ràng ngôi biệt thự đã được cho thuê. Tôi đi quanh ngôi nhà, trong một khuôn cửa sổ có một khuôn mặt đang theo dõi tôi. Từ xa, tôi không thể nhìn rõ bộ mặt ấy, nhưng tôi cảm thấy ở đó có một cái gì trái tự nhiên, phi nhân tính. Do ấn tượng này, tôi muốn đến gần hơn để biết ai đang theo dõi mình. Nhưng đúng vào lúc đó, khuôn mặt màu vàng xám xịt đó tự nhiên biến mất. Hình như có ai đứng phía sau kéo người ấy vào. Tôi đứng chùng năm phút nữa, rồi quyết định trèo lên bậc tam cấp, gõ cửa. Ngay lập tức, một người đàn bà cao nghệu với dáng vẻ không hài lòng ra mở cửa.



- Ông cần gì? - Bà ta hỏi với giọng người Scotland the thé.
- Tôi là láng giềng của bà, ở ngay cạnh đây. Tôi thấy bà mới đến. Liệu tôi có thể giúp bà được điều gì chẳng?
- Khi nào cần, chúng tôi sẽ gọi! - Bà ta nói và đóng sầm cửa lại.

Suốt buổi tối, mặc dù tôi cố gắng nghĩ về một điều gì khác, nhưng ý nghĩ của tôi vẫn cứ trở về với bộ mặt thập thò trong cửa sổ và người đàn bà xác xơ đó. Tôi không nói gì cho vợ tôi biết. Nàng là người đàn bà dễ buồn phiền. Chỉ tới lúc đi ngủ, tôi nhận xét qua quýt với nàng là ngôi nhà bên cạnh đã có người ở. Nàng làm thinh.

Đêm hôm ấy, giữa giấc ngủ, tôi mang máng cảm thấy chung quanh mình đang có một cái gì đó diễn ra. Điều sau đây từ từ đến trong ý thức của tôi: Vợ tôi thức dậy, bắt đầu choàng áo ngoài và đội mũ. Trong giấc ngủ, tôi sẵn sàng biểu lộ một cái gì tựa như phản đối hoặc ngạc nhiên. Nhưng, sau khi hé mắt ra, dưới ánh sáng của ngọn nến, tôi thấy mặt nàng xanh mét, nàng thở hổn hển lúc cài áo khoác ngoài vào người và lén lút nhìn vào giường; yên chí là tôi đang ngủ, nàng thận trọng lén ra khỏi phòng. Một thoáng sau, tôi nghe có tiếng cọt két của chiếc cửa ra vào. Tôi ngồi dậy đập tay mạnh vào thành giường để biết chắc là mình đang thức. Tôi rút chiếc đồng hồ ở dưới gối: ba giờ sáng. Vợ tôi làm gì giữa đêm hôm thanh vắng này?

Tôi ngồi thừ ra đến hai mươi phút, cố gắng tìm ra một lời giải thích nào đó. Nhưng càng suy nghĩ lại càng khó hiểu. Tôi càng lúng túng hơn khi cánh cửa ra vào lại khẽ mở và có tiếng bước chân của vợ tôi trên cầu thang.

- Em ở đâu đấy, Effie? - Tôi hỏi, khi nàng bước vào.

Toàn thân nàng run lên. Nàng khẽ kêu lên một tiếng, sự xúc động và tiếng kêu này khiến tôi lo sợ hơn tất cả. Trong tiếng kêu ẩn chứa một điều tội lỗi. Vợ tôi luôn luôn là người đàn bà trung thực. Bởi thế, tôi lạnh cả người khi nàng len lén đi vào phòng mình.

- Anh không ngủ hay sao, Jack? - Nàng thốt lên trong nụ cười gượng gạo - Em tưởng rằng không gì có thể khiến anh thức.

- Em đã ở đâu? - Tôi lạnh lùng hỏi.

- Em hiểu anh đã ngạc nhiên như thế nào - Nàng nói khi nàng cởi cúc áo khoác. Ngoài ra, tôi còn nhận thấy những ngón tay của nàng run lẩy bẩy - Trước đây em chưa bao giờ nghĩ rằng có một chuyện gì xảy ra với em. Chuyện chỉ có thể này: Đột nhiên em bắt đầu cảm thấy ngọt thở. Em cần không khí trong lành. Em đã ra đứng cạnh cửa

chừng vài phút, và bây giờ em lại cảm thấy bình thường.

Khi nói những lời này, nàng không quay về phía tôi và giọng của nàng không như mọi khi. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa: nàng đã nói dối. Tôi không trả lời, quay mặt vào tường với nỗi đau đớn trong tim. Vợ tôi đã giấu giếm tôi điều gì? Nàng đã đi đâu? Từ đó cho đến sáng, tôi luôn cựa mình, trăn trọc, gắng tìm một lời giải thích đáng tin cậy hơn.

Ngày hôm ấy, tôi phải ra thành phố. Thế nhưng tôi lo lắng đến mức không làm được việc gì. Vợ tôi hình như cũng lo lắng. Trong lúc ăn sáng, chúng tôi không trao đổi với nhau một lời. Và ngay sau đó tôi đi đến cung điện Crystal, ở đó một giờ đồng hồ và trở về Norbury lúc một giờ trưa. Khi qua tòa biệt thự, tôi dừng lại giây lát, nhìn vào khung cửa sổ? Đột nhiên, cánh cửa mở rộng và vợ tôi từ trong đó bước ra.

Tôi ngậy người khi nhận ra nàng. Trong khoảnh khắc tôi cảm thấy vợ tôi muốn ẩn mình vào trong nhà. Tuy nhiên, khi biết mọi sự trốn chạy đều vô hiệu, nàng bắt đầu bước về phía trước và mỉm cười:

- Ôi Jack! - Nàng nói - Em rẽ vào vì muốn biết có thể giúp những người láng giềng của chúng ta được điều gì không? Tại sao anh lại nhìn em như vậy?

- Ban đêm em ở đây phải không?

- Anh muốn nói gì vậy? - Nàng kêu lên.

- Em đã đến đây, anh tin chắc như vậy! Sao em tới thăm họ vào lúc nửa đêm.

- Chưa khi nào em ở đây cả.

- Sao em lại nói dối - Tôi bắt đầu kêu lên - Thậm chí giọng nói của em cũng bị thay đổi khi nghe anh hỏi. Phải chẳng em đã có những điều bí ẩn đối với anh... Anh sẽ vào biệt thự này và sẽ tự mình khám phá ra tất cả.

- Đứng! Đứng! Anh!.

Nàng thở hổn hển khi không đủ sức che giấu nỗi khiếp đảm của mình. Lúc tôi tới gần cánh cửa, nàng đã tóm lấy tay tôi, kéo tôi ra với một sức mạnh không ngờ.



- Em van anh, đừng vào! - Nàng la lên - Em thề rằng sớm hay muộn rồi em cũng kể cho anh nghe tất cả. Nhưng sau, sau này đã... Nếu anh vào ngôi nhà này, một tai họa sẽ xảy ra.

Tôi gắng vùng thoát khỏi tay nàng thì nàng lại càng tóm lấy tôi với những lời cầu xin điên cuồng.



- Hãy tin em - Nàng kêu lên - Hãy tin em chỉ lần này nữa thôi! Anh sẽ không bao giờ hối tiếc đâu. Còn nếu như em có giấu anh chuyện gì thì cũng chỉ vì anh mà thôi. Chúng ta sẽ cùng trở về nhà đi, rồi mọi chuyện sẽ đâu vào đấy. Còn nếu anh đi vào ngôi nhà này ngoài ý muốn của em thì mối quan hệ của chúng ta sẽ chấm dứt.

Giọng nói của nàng chứa một sự tuyệt vọng chân thật đến nỗi tôi phải dừng lại trước cửa ngôi nhà.

- Anh chỉ tin em với một điều kiện - Cuối cùng tôi nói - Anh muốn tất cả sẽ được mau chóng kết thúc. Em có thể giữ kín bí mật của mình, nhưng hãy hứa với anh là phải ngừng ngay mọi cuộc thăm viếng ban đêm và sẽ không làm một điều gì lén lút nữa.

- Em xin hứa - Nàng thốt lên với tiếng thở phào nhẹ nhõm - Mọi chuyện sẽ diễn ra như ý. Nào, hãy đi về nhà đi!

Nàng vừa nắm lấy tay áo tôi vừa kéo tôi ra khỏi biệt thự. Nhân thể tôi ngoảnh trông lên khung cửa sổ phía trên và tôi lại thấy khuôn mặt

màu vàng tái ngắt đang theo dõi chúng tôi. Có thể có mối liên hệ nào giữa vợ tôi với con người này vậy? Hoặc nàng đã có mối quan hệ gì với người đàn bà thô lỗ hôm trước?

Sau chuyện đó tôi ở nhà luôn hai ngày liền. Hình như vợ tôi nghiêm chỉnh tuân theo các giao ước giữa chúng tôi. Nàng không ra khỏi nhà. Thế nhưng, sang ngày thứ ba thì không thể có lời nguyện nào giữ nổi nàng.

Vào ngày hôm đó tôi đi ra thành phố và trở về trên chuyến tàu hỏa hai giờ bốn mươi phút, nghĩa là về sớm hơn thường lệ. Khi tôi bước vào nhà thì chị hầu phòng chạy ra gặp tôi với bộ mặt đầy vẻ sợ hãi.

- Bà chủ đâu? - Tôi hỏi.

- Hình như bà đi dạo chơi.

Tôi sinh nghi, chạy bổ lên lầu để biết chắc là nàng có ở nhà hay không. Tôi vô tình nhìn qua cửa sổ và thấy chị hầu phòng băng qua bãi cỏ để tới ngôi biệt thự. Tôi hiểu ngay.

Run lên vì phần nộ, tôi lao nhanh xuống phía dưới, bước qua bãi cỏ, quyết chấm dứt vĩnh viễn chuyện này. Tôi trông thấy vợ tôi cùng người hầu gái đang chạy theo lối mòn về nhà. Thế nhưng tôi không đứng lại nói chuyện với họ. Tôi thề phải khám phá ra bí mật này. Không hề gõ cửa, tôi xoay tay nắm cánh cửa, chạy vào hành lang.

Lầu một thật im ắng. Ở nhà bếp, ấm trà đang sôi trên lửa, còn con mèo đen thì đang nằm cuộn tròn. Không thấy bóng dáng người đàn bà tôi gặp trước đây. Tôi chạy bổ sang phòng khác: cũng trống không. Tôi băng mình lên phía trên. Không có ai trong hai phòng. Toàn bộ ngôi nhà không một bóng người. Từ đồ đạc đến cách bài trí đều tuềnh toàng và phàm tục, trừ mỗi một căn phòng mà qua cửa sổ của nó tôi đã nhìn thấy bộ mặt khủng khiếp trước đây. Đó là căn phòng được xếp đặt ngăn nắp và trang nhã. Tất cả mỗi hoài nghi của tôi đã chuyển thành lòng căm giận mãnh liệt và cháy bỏng khi tôi nhìn thấy bức ảnh toàn thân của vợ tôi trên lò sưởi. Bức ảnh này được chụp theo yêu cầu của tôi cách đây ba tháng.

Tôi ở đó đủ thời gian cần thiết để xác định đây quả thực là một

ngôi nhà hoàn toàn trống rỗng. Khi ấy, tôi rời ngôi nhà với một nỗi đau đớn trong tim. Lúc quay về nhà, vợ tôi bước tới gần tôi. Nhưng tôi đau lòng và căm giận tới mức không buồn nói chuyện với nàng. Tôi đi qua chỗ nàng, cố lảng tránh để vào phòng mình. Tuy vậy nàng vẫn theo kịp trước khi tôi đóng cửa lại.

- Rất tiếc là em đã vi phạm lời cam kết. Nhưng giá như anh rõ mọi chuyện thì chắc anh sẽ tha thứ cho em.

- Hãy kể đi!

- Không kể được, Jack ạ.



- Chẳng nào em chưa nói ai sống trong căn biệt thự ấy và em đã trao bức ảnh cho ai thì anh sẽ không bao giờ tin em - Tôi nói lớn và sau khi vùng thoát khỏi nàng, tôi đi ra khỏi nhà.

Chuyện đó xảy ra vào ngày hôm qua, ông Holmes ạ! Ngày hôm nay tôi không về nhà. Sự giả dối của nàng đã khiến tôi lo ngại. Sáng nay tôi nghĩ đến ông."

Nãy giờ Holmes ngồi im lặng, chống tay lên cằm hồi lâu. Cuối cùng anh hỏi:

"Ông có cam đoan rằng ông đã nhìn thấy bộ mặt của người đàn

ông trong cửa sổ không?

“Lần nào tôi cũng đứng khá xa, nên không dám cả quyết điều đó.”

“Có điều nó gây cho ông một ấn tượng khó chịu chứ?”

“Nó có vẻ chết chóc và bất động đến ghê sợ. Khi tôi đến gần thì nó lập tức biến mất.”

“Bà nhà xin ông 100 bảng hồi nào?”

“Cách đây hai tháng.”

“Có khi nào ông thấy bức ảnh người chồng trước của vợ ông không?”

“Không. Chẳng bao lâu sau khi ông ta chết, ở Atlanta đã xảy ra một vụ cháy lớn, mọi giấy tờ đều bị thiêu hủy.”

“Tuy nhiên bà nhà hẳn có giấy khai tử của ông ta chứ?”

“Vâng, nàg có nhận được bản sao sau vụ cháy.”

“Có bao giờ ông gặp bất kỳ một ai đã biết vợ ông ở Mỹ không?”

“Không.”

“Chắc bà có nhận được thư ở bên đó?”

“Theo tôi biết thì không.”

“Cảm ơn ông! Tôi muốn được suy ngẫm một chút. Có lẽ những người sống trong biệt thự đã dự đoán trước về việc đột nhập của ông, nên họ đi khỏi trước khi ông tới. Nếu thế thì rất có thể họ sẽ quay trở về và chúng ta sẽ dễ dàng lý giải mọi chuyện. Vậy ông hãy trở lại Norbury tiếp tục theo dõi các cửa sổ của tòa biệt thự. Nếu ông thấy họ sống trong đó thì đừng có xộc vào, mà hãy đánh điện cho chúng tôi. Một giờ sau khi nhận được điện, chúng tôi sẽ có mặt.”

“Còn nếu vẫn chưa có người ở thì sao?”

“Nếu thế, ngày mai tôi sẽ đến. Chúng tôi sẽ cùng ông bàn bạc. Xin tạm biệt!”

“Watson thân mến, có thể đây là một câu chuyện thật tồi tệ.” - Holmes nói sau khi tiễn chân ông Munro ra khỏi cửa.

“Anh nghĩ sao?”

“Đây là một chuyện hoàn toàn như nhuốc.”

“Quả vậy, đây là sự dọa nạt để cầu lợi. Nếu không đúng thế thì tôi rất mực sai lầm.”

“Thế ai là kẻ dọa nạt?”

“Người sống trong căn phòng đầy đủ tiện nghi ấy, người đã giữ bức ảnh của người đàn bà trên lò sưởi. Bộ mặt màu vàng cạnh cửa sổ không hiểu vì lẽ gì đó, cứ bám chặt lấy tôi. Và tôi quyết không bỏ qua vụ này.”

“Anh có giả thiết nào chưa?”

“Mới chỉ là giả thiết bước đầu thôi! Trong tòa biệt thự có đức ông chồng đầu tiên của người đàn bà này.”

“Vì sao anh nghĩ như thế?”

“Khi người chồng hiện tại định vào nhà, bà đã sợ hết hồn. Tại sao vậy? Theo tôi, sự thật là thế này: Người đàn bà đã lấy chồng ở Mỹ. Sau đó anh ta trở thành người đáng ghét đối với bà. Chúng tôi giả thiết ông ta có thể bị bệnh phong hoặc có thể thành kẻ ngu đần. Rồi cuộc bà bỏ ông ta, và trở về nước Anh, thay tên và bắt đầu sống lại từ đầu. Bà đi bước nữa hồi ba năm về trước và đã coi địa vị của mình là hoàn toàn vững chắc. Thế nhưng nơi ở của bà bị phát hiện hoặc bởi người chồng đầu tiên, hoặc bởi người đàn bà trâng tráo gắn bó với người bệnh. Họ viết thư cho bà ta, đe dọa là sẽ đến tố giác bà. Bà ta dùng 100 bảng để đưa cho họ im. Do vậy mà họ đã đi đến đó. Khi người chồng vô tình nói cho bà hay về sự xuất hiện của những người mới tới ở tòa biệt thự. Bà ta đã đoán được đó chính là những kẻ đang săn lùng bà. Sau khi chờ chồng mình ngủ say, bà chạy tới đó thuyết phục họ để bà được sống yên lành. Lần đầu không đạt, bà lại tới chỗ họ vào sáng hôm sau. Nhưng vừa ra khỏi nhà thì bắt gặp chồng. Bà hứa với chồng là sẽ không vào đó nữa. Tuy vậy, hai ngày sau, hy vọng được thoát khỏi những người lằng giềng lại bùng lên

trong lòng bà. Không kìm hãm nổi, bà toan trở lại mặc cả với họ. Bà đã trao bức ảnh của mình là theo đòi hỏi của họ. Giữa lúc chuyện trò, người hầu gái chạy tới báo cho họ biết là ông chủ đã về nhà. Khi ấy, người vợ đã dẫn họ theo lối cửa sau, có lẽ ra ngoài rừng thông bên cạnh. Như vậy người khách của chúng ta chỉ thấy một ngôi nhà trống không mà thôi.”

“Theo tôi đây mới chỉ là phỏng đoán.”

“Đúng vậy! Nhưng nó soi sáng hết thảy! Nếu các sự kiện mới nổi lên mà không thể giải thích được, chúng ta sẽ có đủ thời gian để chuyển qua xem xét giả thiết của tôi. Chúng ta chưa thể bắt tay vào cuộc nếu chưa nhận được tin tức của ông ta từ Norbury.”

Chúng tôi không phải chờ đợi lâu. Bức điện đã đến ngay sau bữa điểm tâm.

“Biệt thự có người. Lại nhìn thấy bộ mặt trong cửa sổ. Gặp lúc 7 giờ. Không tiến hành chừng nào các ông chưa đến”.

Ông ta đợi chúng tôi tại sân ga, mặt xanh xao, cả người run rẩy.

“Họ còn ở đây, ông Holmes ạ!” Ông nói sau khi cầm tay bạn tôi “Tôi trông thấy ánh sáng trong tòa nhà khi đi qua đó.”

“Kế hoạch của ông thế nào?”

“Tôi muốn đột nhập vào đó. Nếu chính mắt mình trông thấy một kẻ nào đó trong nhà, tôi yêu cầu các ông trở thành nhân chứng.”

“Ông kiên quyết như vậy?”

“Cương quyết!”

“Thôi được, ông có lý. Bất kỳ sự thật nào cũng tốt hơn tình trạng không rõ ràng như hiện giờ. Cố nhiên chúng ta vi phạm luật, nhưng việc này nên làm như thế.”

Đêm hôm ấy trời tối đen như mực. Khi chúng tôi từ đường lớn rẽ vào lối mòn thì trời bắt đầu mưa lâm râm, ông Munro lao mình về phía trước, chúng tôi theo sau.

“Lửa sáng của ngôi nhà tôi ở đằng kia kìa!” - Ông vừa chỉ vào

ngọn lửa lấp ló giữa lùm cây vừa lâu bầu nói.

“Còn đây là tòa biệt thự, tôi sẽ vào đó.”

Chúng tôi rẽ vào lối mòn và tiến sát đến tòa nhà. Cánh cửa ra vào hé mở. Một vệt sáng nổi rõ trên nền đất đen. Có một cửa sổ trên gác thượng sáng rõ. Chúng tôi thấy vệt thẫm chuyển động theo rèm cửa.

“Tên súc sinh ở đó đấy!” - Munro thốt lên - “Chính các ông trông thấy nó là ai rồi! Bây giờ hãy theo tôi.”

Chúng tôi tiến đến gần cửa chính. Đột nhiên từ trong bóng tối, một người đàn bà bước ra, dang hai tay ra phía trước, van nài:

“Trời ơi! Không nên, anh!” - Bà kêu lên - “Em biết thế nào anh cũng sẽ đến. Hãy bình tĩnh lại. Anh yêu quý! Hãy một lần nữa tin vào em và rồi anh sẽ không bao giờ hối hận đâu!”

“Từ lâu tôi đã tin bà!” - Ông lãnh đạm trả lời - “Hãy buông tôi ra, tôi cần vào trong đó! Còn đây là những người bạn của tôi. Họ đến để giúp tôi chấm dứt vĩnh viễn cái việc tồi tệ này.”

Ông gạt bà sang một bên, và chúng tôi cùng bước theo. Lúc ông ta đẩy cửa thì có một bà già chạy ra, toan cản đường. Munro đẩy bà ta ra. Một loáng sau chúng tôi đã leo lên cầu thang. Munro vượt lên phía trước, nhìn thẳng căn phòng sáng choang chạy tới. Chúng tôi theo sát ông. Đây là căn phòng đầy đủ tiện nghi được xếp đặt ngay ngắn. Hai ngọn nến đang cháy trên lò sưởi. Trong góc phòng, một người nào đó đang xoay lưng lại phía chúng tôi. Rõ ràng là một cháu gái bé nhỏ. Cháu mặc váy đỏ và đeo găng tay trắng. Đột nhiên cháu quay về phía chúng tôi và kêu lên vì kinh ngạc và hãi hùng. Bộ mặt cháu thật là kỳ quái: nhợt nhạt và bất động như mặt người chết.

Holmes bật cười lấy tay xoa tóc cháu bé. Cái mặt nạ rơi xuống. Trước mặt chúng tôi là một con bé da đen. Cháu mỉm cười vui vẻ. Hàm răng trắng toát. Vẻ mặt kinh ngạc của chúng tôi khiến cháu phì cười. Tôi cười hả hê với nỗi vui sướng của cháu. Nhưng Munro xấu hổ, ép chặt tay vào ngực, không rời mắt khỏi cháu.



“Thế này là thế nào?” - Ông ta kêu lên.

Người đàn bà với khuôn mặt quả quyết và kiêu hãnh bước vào phòng, lên tiếng.

“Ông ép tôi phải nói ra tất cả những gì ngoài mong muốn của mình. Tôi buộc lòng vậy. Chồng tôi chết ở Atlanta nhưng đứa bé thì còn sống.”

“Đứa con của bà?”

Bà ta gỡ từ cổ ra một sợi dây chuyền có treo một kỷ vật.

“Ông chưa bao giờ trông thấy ông ta à?”

“Chưa.”

Bà ta bấm nút, nắp bật ra. Trong có bức chân dung của một người có khuôn mặt mang những nét của gốc người Phi thông minh, sáng đẹp đến lạ lùng.

“Ông ta đấy!” - Bà ta nói - “Trên trái đất này chưa bao giờ có một người cao thượng hơn thế. Tôi đã rời bỏ quê hương của tôi để lấy ông. Khi ông còn sống, tôi không một lần nào luyến tiếc về việc đó. Như các ngài thấy đấy, đứa trẻ duy nhất của chúng tôi giống bên nội

hơn. Nó đen hơn cha nó. Song đen hay trắng thì nó cũng là máu thịt của tôi, là đứa con yêu quý của tôi! Tôi để nó lại Mỹ bởi vì nó yếu quá. Tôi gửi cho một người đàn bà Scotland trung thành với chồng tôi Nhưng khi tôi gặp ông, tôi đã yêu ông. Tôi buộc lòng phải chọn lựa hoặc là ông, hoặc là con mình. Ba năm sau, tôi đã giấu ông về sự tồn tại của nó. Người bảo mẫu báo cho tôi tất cả và tôi biết là đứa con gái của tôi thực sự khỏe mạnh. Cuối cùng tôi mong mỏi được gặp lại nó. Tôi biết điều đó nguy hiểm, nhưng tôi quyết định chuyển đứa bé tới đây trong một vài tuần lễ. Tôi chuyển cho người bảo mẫu 100 bảng và hướng dẫn cho bà ta biết tòa biệt thự này để có thể ở đó như một người hàng xóm. Để phòng ngừa trước, tôi yêu cầu người bảo mẫu ban ngày cần đeo cho đứa trẻ chiếc mặt nạ và găng tay để nếu có ai trông thấy nó trong cửa sổ thì sẽ không bàn tán về sự hiện diện của đứa bé da đen ở đây.

Đầu tiên ông nói với tôi là tòa biệt thự đã có người thuê. Lúc đó tôi không sao ngủ được vì xúc động. Rốt cuộc tôi đã lên ra ngoài khi biết là ông đang ngủ say. Thế nhưng ông đã phát hiện ra, và chính là điểm khởi đầu cho những nỗi bất hạnh của tôi. Ba ngày sau đó, người bảo mẫu và đứa trẻ chỉ vừa kịp chạy qua cửa sau thì ông đã ập vào nhà ... Bây giờ ông đã biết hết rồi, ông quyết định như thế nào tùy ông."

Bà ta nắm chặt lấy tay mình, buồn bã chờ đợi câu trả lời. Munro không nói lời nào, đến bế đứa bé lên, hôn nó và sau khi chìa tay ra cho vợ mình cầm, ông bước ra khỏi cửa, ngọt ngào nói:



“Tốt hơn chúng ta về nhà. Anh là một người không được tốt lắm. Effie ạ! Song anh cho rằng anh tốt hơn là em nghĩ về anh.”s

Holmes và tôi bước theo sau họ trên con đường mòn. Sau đó Holmes kéo tay áo tôi lại:

“Thôi! Chúng ta ở London sẽ có ích lợi hơn ở Norbury.”

Anh không nói thêm một lời nào về chuyện đó. Tuy nhiên vào tối hôm đó, lúc đã khuya anh cầm ngọn nến nhỏ vào phòng ngủ và nói:

“Watson thân mến! Nếu một lúc nào đó, anh thấy tôi trở nên quá tự tin, hoặc làm việc ít hơn so với sự đòi hỏi của công việc thì hãy nói nhỏ vào tai tôi: “Norbury!”. Tôi sẽ vô cùng cảm tạ.

NGƯỜI PHỤ TÁ CHO NHÀ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

The Stock-Broker's Clerk

Sau đám cưới ít lâu, tôi đã mở được phòng mạch của riêng mình tại khu Paddington. Phòng mạch này của Farquhar, một người quen cũ, nhượng lại phân nửa cho tôi. Suốt ba tháng sau ngày mở phòng mạch, tôi rất ít có thời gian rỗi để ghé thăm Holmes, mặc dù phòng mạch của tôi cách phố Baker không xa. Bởi vậy vào một buổi sáng tháng sáu, tôi rất ngạc nhiên khi nghe tiếng chuông gọi cửa. Tiếp theo đó là cái giọng lạnh lạnh của anh bạn già.

- Watson thân mến! - Holmes reo lên khi bước vào phòng khách - Tôi vui mừng được gặp lại anh. Bà Watson đã hoàn toàn qua khỏi những xúc động nhỏ trong vụ "Dấu bộ tứ" chưa?

- Cám ơn anh, vợ chồng tôi đều mạnh giỏi. - Tôi trả lời, nồng nhiệt bắt tay anh.

Khi ngồi vào cái ghế xích đu, Holmes nói tiếp:

- Ông bác sĩ còn quan tâm đến những vấn đề về lý luận của chúng ta chứ?

- Đúng vậy. Tối hôm qua tôi còn chú ý mũi vào những ghi chú cũ để sắp xếp lại một vài kết quả mà chúng ta đã đạt được.

- Bộ sưu tập đã đầy đủ chưa?

- Chưa đâu! Tôi mong nó được phong phú thêm, với nhiều kinh nghiệm mới hơn nữa.



- Như ngày hôm nay chẳng hạn?
- Phải. Nếu như anh muốn như thế.
- Và đáp tàu tới tận Birmingham?
- Chắc chắn rồi.
- Thế còn các thân chủ?
- Nhiều lần, tôi chăm sóc cho thân chủ của đồng nghiệp láng giềng. Nay bắt ông ấy "trả nợ".
- Thế là ổn rồi! - Holmes reo lên, buông mình lọt sâu xuống ghế. - Tôi nghĩ rằng anh vừa mới không được khỏe. Những đợt lạnh giữa mùa hè thường gây ra những rắc rối nho nhỏ.
- Đúng vậy. Tôi phải ở trong nhà suốt 3 ngày hồi tuần trước. Tuy nhiên tôi nghĩ là tôi đã không còn dấu tích gì của chuyện đó nữa.
- Vậy mà có đấy. Anh trông khá khỏe mạnh.
- Thế thì sao? Làm sao anh biết được chuyện đấy?
- Anh bạn thân mến, anh biết là tôi có những phương pháp của

tôi.

- Anh suy diễn nó à?
- Tất nhiên!
- Từ đâu mới được?
- Từ đôi dép anh đang đi đấy.

Tôi liếc nhìn xuống đôi dép kiểu mới mà tôi đang mang.

- Thế nào mà...?

Holmes ngắt lời tôi khi tôi còn chưa kịp hỏi xong:

- Những đôi dép của anh còn rất mới. Anh không thể có nó hơn vài tuần. Tuy nhiên, dưới đế lại có những vết xém nho nhỏ. Lúc đầu tôi nghĩ rằng, có lúc nó bị ướt và anh đã hong chúng cho khô. Nhưng, chỗ gần cái quai dép vẫn còn có nguyên tờ nhãn của cửa hiệu. Nếu đôi dép bị ướt thì tờ nhãn sẽ bị bong ngay. Chỉ có thể có một cách lý giải là anh đã ngồi duỗi chân vào lò sưởi. Một người đàn ông ít khi nào ở trạng thái như thế trong những ngày ẩm ướt của tháng 6 trừ phi anh ta không được khỏe.

Như mọi khi, những suy diễn của Holmes lập tức trở nên đơn giản khi được giải thích. Anh đọc thấy điều này trên khuôn mặt tôi và nở một nụ cười thoáng có vẻ cay đắng:

- Tôi sợ là tôi đã giải thích quá nhanh chóng - anh nói - Một số sự việc diễn ra mà không có nguyên nhân còn gây nhiều ấn tượng hơn. Anh đã sẵn sàng đi Birmingham rồi chứ?

- Sẵn sàng. Mà vụ gì vậy?

- Tôi sẽ kể trên tàu. Thân chủ của tôi đang chờ trên chiếc xe ngựa ở bên ngoài. Anh đi ngay nhé?

- Chờ tôi một chút.

Tôi nguệch ngoạc vài chữ gửi ông bạn láng giềng, leo lên cầu thang để báo cho nhà tôi biết, rồi trở xuống.

- Ông hàng xóm của anh cũng là một bác sĩ - Holmes vừa nói vừa chỉ vào tấm biển đồng thau.

- Vâng. Anh cùng thực tập chung với tôi.

- Người chủ cũ à?

- Không. Cũng như tôi. Cả hai cùng đặt phòng mạch trong ngôi nhà này.

- Và anh đang giữ cái tốt nhất...

- Tôi nghĩ là vậy. Nhưng làm sao anh biết?

- Dựa trên các bậc cửa, cậu bé ạ. Bên anh sâu hơn bên kia đến 3 inch. Anh Watson, đây là ông Hall Pycroft, thân chủ của chúng ta. Cho ngựa chạy đi bác xà ích!

Người ngồi trước mặt tôi còn trẻ, có thân hình cân đối nước da sáng. Khuôn mặt cởi mở, lương thiện và hàng ria mép vàng hoe xoắn lại.

- Chúng ta có 70 phút trước khi tới nơi - Holmes báo - Tôi yêu cầu thân chủ vui lòng thuật lại cho bạn tôi biết nổi gian truân rất lý thú của ông.

Người trẻ tuổi nhìn tôi với một ánh mắt tinh nghịch, rồi nói:

- Trước đây tôi làm việc ở hãng Coxon and Woodhouse, nhưng vào đầu mùa xuân vừa qua, hãng đó bị phá sản. Hai mươi bảy người như chúng tôi đều bị thất nghiệp. Tôi gõ cửa xin việc nhiều nơi, nhưng đều thất bại. Trước kia, tại hãng cũ, tôi lĩnh 3 bảng mỗi tuần và dành dụm được 70 bảng. Chẳng bao lâu, tôi chỉ còn đủ tiền mua tem để viết thư gửi tới những nơi "cần người". Nhưng vẫn chẳng có tin vui nào.

Sau cùng, tôi được biết công ty Mawson and Williams, công ty môi giới chứng khoán lớn tại phố Lombard, có một chỗ đang khuyết người. Theo lời rao đăng trên báo thì phải trả lời bằng thư. Tôi vội gửi đến đó đủ các giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cùng bản lý lịch, nhưng lòng không hy vọng lắm. Thư phúc đáp, nói rằng tôi có

thể tới nhận việc ngay nếu ngoại hình của tôi coi được. Khởi đầu lương tôi cao hơn ở hãng cũ mà công việc thì như nhau. Ngay buổi tối của ngày nhận thư hồi âm, tôi đang hút một điếu xì gà, trong lòng thư thái, thì người chủ nhà chợt leo lên phòng tôi, đem theo một tấm danh thiếp trên đó có hàng chữ: "Arthur Pinner, đại lý tài chính". Tôi chưa bao giờ nghe nói đến cái ông Pinner đó, nhưng tôi vẫn mời ông lên.



Đó là một người tầm thước, tóc nâu, mắt đen, cái mũi có dáng vẻ là dân Do Thái. ông nói ngắn gọn, tựa như một người biết rõ giá trị của thời giờ.



- Ông là Hall Pycroft?

- Vâng, chính tôi.

Tôi đẩy ghế mời ông ngồi.

- Mới đây ông làm việc cho hãng Coxon and Woodhouse phải không? - ông ta hỏi tiếp.

- Vâng.

- Và giờ đây được hãng Mawson thuê dụng?

- Thưa vâng.

- Ông còn nhớ ông Parker, quản lý ở hãng Coxon chứ? Ông ấy nói rất tốt về ông.

- Tất nhiên, tôi rất vui khi nghe chuyện đó. Ở văn phòng, tôi luôn luôn làm việc cần mẫn, nhưng tôi chẳng bao giờ ngờ được thiên hạ

nói nhiều về tôi đến thế.

- Ông có trí nhớ tốt đấy chứ? - ông ta hỏi tôi.

- Cũng tạm được! - Tôi nói một cách khiêm nhường.

- Ông vẫn tiếp xúc với thị trường chứng khoán trong những ngày ông không có việc làm?

- Sáng nào tôi cũng đọc thông báo của các chứng khoán.

- Đó là cách người ta làm giàu đấy nhé! Ông sẽ không giận, nếu như tôi thử thách ông. Các cổ phần Ayrshires hôm nay trị giá bao nhiêu?

- 106,25 đổi lấy 105,78.

- Thế còn công trái hợp nhất của New Zealand?

- 104.

- Và những công trái Broken Hills của nước Anh?

- 7 đổi lấy 7,6.

- Tuyệt vời - ông ta giang hai cánh tay ra mà reo lên - Chính tôi cũng sẽ trả lời đến thế thôi. Chú em này, chú thật quá giỏi để vào làm cho hãng Mawson.

- Quả vậy - Tôi nói với ông Pinner - Nhưng người khác không đánh giá tôi như ông. Tôi sẽ làm hết sức mình để khỏi phụ lòng ông.

- Hừ, anh bạn thân mến! Anh phải bay lên cao hơn mới được chứ. Hãy cho tôi biết, bao giờ anh đến trình diện tại hãng Mawson?

- Thứ hai.

- Tôi sẵn lòng chi một số tiền nhỏ để anh không đi làm cho hãng Mawson.

- Không đến Mawson sao?

- Đừng đến! Ngày thứ hai anh sẽ làm giám đốc thương mại của

công ty trách nhiệm hữu hạn Franco-Midland ⁴⁾, chuyên kinh doanh hàng kim khí, có 134 chi nhánh trong các thị trấn và làng mạc tại Pháp, chưa kể tới các chi nhánh ở Brussels và San Remo.

Tôi như bị hụt hơi. Tôi thì thầm:

- Nhưng tôi chưa bao giờ nghe nhắc đến công ty đó?

- Chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Tất cả điều đó đã được giữ rất bí mật. Vốn hoàn toàn do các tư nhân đóng góp: ông anh tôi, Harry Pinner là quản trị viên được ủy nhiệm. Anh đã yêu cầu tôi tìm một người trung hậu... có nghĩa là một người trẻ tuổi, năng động, đầy nghị lực. Parker đã nói với tôi về anh. Vì thế tối nay tôi mới tới đây. Chúng tôi chỉ có thể trả cho anh mức lương khởi điểm là 500 bảng.

- Năm trăm bảng một năm à? - Tôi hét lên.

- Chỉ là để bắt đầu. Anh còn được một khoản hoa hồng là 1% trên tất cả mọi thương vụ. Với khoản hoa hồng đó, lương của anh coi như được tăng gấp đôi.

- Nhưng tôi không biết kinh doanh hàng kim khí.

- Suyt, chàng trai ơi, anh biết rành nghề đó qua những con số.

Tiếng vo vo trong đầu làm tôi ù cả tai. Tôi rất muốn giữ cho mình bình tĩnh, nhưng quả thật là khó.

- Hãng Mawson chỉ trả cho tôi có 200 bảng, nhưng Mawson là một doanh nghiệp đứng đắn. Thật ra, tôi biết quá ít về công ty của ông nên...

- A, được lắm! Hoan hô! - ông ta kêu lên trong một trạng thái như xuất thần - Anh đúng là người mà chúng tôi cần. Người ta chẳng thể lừa dối nổi anh và anh đã rất có lý. Cầm lấy này, đây là tờ giấy bạc 100 bảng. Nếu anh nghĩ là chúng ta có thể thỏa thuận với nhau, anh chỉ việc nhét khoản tạm ứng đó vô túi.

- Ông rộng rãi quá. Khi nào tôi bắt đầu nhận việc?

- Ngày mai, lúc một giờ, anh hãy có mặt ở Birmingham. Trong túi tôi có sẵn một lá thư mà anh sẽ trao lại cho anh tôi. Anh sẽ gặp anh

ấy ở 126B phố Corporation, là nơi đặt văn phòng tạm của công ty.

- Thật vậy ư, tôi không biết lấy gì đền ơn ông.

- Có gì đâu. À, mà tôi muốn thu xếp với anh. Anh có sẵn giấy không? Tốt. Anh hãy viết:

“Tôi ký tên dưới đây... đồng ý nhận chức vụ giám đốc thương mại tại công ty kinh doanh hàng kim khí Franco-Midland, với số lương tối thiểu là 500 bảng mỗi năm”.

Tôi làm theo điều ông yêu cầu và ông ta nhét tờ giấy vào túi.

- Còn một chi tiết nữa - ông ta lại nói - Anh có ý định như thế nào đối với nhà Mawson?

- Tôi sẽ viết thư từ chối.

- Đó là điều mà tôi không muốn. Anh hãy mừng tượng là tôi và nhà Mawson đã tranh nhau mời cho được anh. Ông ấy đã kết tội tôi là muốn phỉnh phờ anh để làm cho anh rời bỏ hãng ông ta. Tới phút cuối, tôi mất bình tĩnh, đã nói với ông ta: “Nếu như ông muốn thuê được những người giúp việc giỏi thì ông phải trả lương cao”. Ông ta đáp: “Người đó thà lãnh lương thấp ở chỗ chúng tôi hơn là lãnh lương cao của ông!”. Tôi tức tối, trả miếng liền: “Tôi dám đánh cược với ông năm bảng rằng anh ấy sẽ nghe những lời đề nghị của tôi và ông sẽ mất anh ấy”. Ông ta bảo tôi: “Bắt đây? Chúng tôi đã moi anh ta lên từ cảnh đê hèn, anh ta sẽ không buông rơi chúng tôi đâu”.

- Đồ xác xược! Tôi đã thấy hăn bao giờ đâu! Và chẳng tại sao tôi lại bận tâm đến hăn? Nếu ông muốn tôi không viết cho hăn, thì tôi sẽ không viết?

- Tốt! Như vậy là đã hứa với nhau rồi nhé! – ông ta nói với tôi khi xô ghế đứng lên - Đây là khoản ứng trước 100 bảng và đây là lá thư. Ngày mai lúc một giờ. Xin chúc anh một đêm an lành.

“Thưa bác sĩ Watson, tôi hài lòng biết bao với cơ may này! Sáng hôm sau, tôi vội vã đến Birmingham và tìm tới địa chỉ đã được dặn. Tôi đến trước giờ hẹn 15 phút. Địa chỉ 126B là một dãy hành lang giữa hai cửa hàng lớn, dẫn tới một cầu thang xoáy tròn ốc, trên đó

có nhiều phòng cho thuê, dùng làm văn phòng các công ty. Tên những người thuê nhà được viết bằng vôi trên một tấm bảng, nhưng tôi không thấy có tên công ty Franco-Midland. Tôi sửng sờ, tự hỏi vụ này phải chăng là một sự phỉnh lừa... Thế rồi có một người hiện ra và ngỏ lời với tôi. Người đó rất giống với người mà tôi đã gặp trong buổi tối hôm trước, nhưng không có râu mà mái tóc lại có màu sáng hơn.



- Có phải ông là Hall Pycroft?

- Phải.

- A, tôi chờ ông đây, ông đến hơi sớm một chút. Sáng nay tôi có nhận được thư của em tôi. Chú ấy ca ngợi ông hết lời.

- Tôi đang tìm văn phòng ông.

- Chúng tôi chưa kịp cho ghi tên lên bảng. Thôi, ông hãy theo tôi, chúng ta bàn công việc.

Tôi theo ông ta lên lên tí trên cầu thang, sát dưới mái nhà lợp đá đen. Tới hai căn phòng nhỏ trống trĩnh, đầy bụi bặm, không trải thảm và không có màn che cửa, ông ta đẩy tôi vào. Tôi đã nghĩ tới

một văn phòng lớn với những cái bàn bóng loáng, những nhân viên xếp hàng đằng sau, như tôi vẫn quen từ thuở nào. Thế là tôi bàng hoàng ngẩng nhìn hai cái ghế tựa lưng lay và một cái bàn nhỏ mà, cũng với một cuốn sổ và một cái giỏ đựng giấy vụn. Đó là tất cả đồ đạc trong nhà.

- Đừng có nản lòng, Pycroft - ông ta nói lớn khi trông thấy cái vẻ mặt thất vọng của tôi - Thủ đô La Mã đâu có được dựng lên trong một ngày? Chúng ta có rất nhiều vốn liếng, dẫu rằng chúng ta không có một văn phòng loè loẹt. Hãy ngồi xuống và cho tôi coi lá thư.

Tôi đưa lá thư ra. Ông ta đọc hết sức cẩn thận.

- Dường như anh đã tạo ra một ấn tượng rất mạnh nơi chú em tôi - ông nói khi đặt lá thư xuống - Chú ấy có tài phán đoán. Mong anh coi như đã được thu nhận thực sự.

- Tôi phải làm việc gì?

- Anh sẽ sắp xếp kho hàng lớn của chúng ta bên Paris, là nơi sắp tung ra thị trường một loạt đồ sành và đồ gốm Anh trong những cửa hàng lớn thuộc 134 đại lý của hãng ta ở bên Pháp. Việc mua hàng sẽ được thực hiện xong trong tuần này. Từ nay tới đó anh sẽ ở lại Birmingham và anh sẽ trở thành hữu ích.

- Bằng việc gì?

Thay cho câu trả lời, ông ta rút trong ngăn kéo ra một cuốn sách lớn màu đỏ.

- Đây là cuốn danh sách những cư dân ở Paris, và nghề nghiệp của họ. - ông nói với tôi - Anh có thể mang cuốn sách này về nhà, ghi tên tất cả những nhà đại kim khí và địa chỉ của họ. Bản danh sách sẽ giúp ích cho tôi rất nhiều.

- Chắc chắn là nó đã có trong những cuốn sách niên giám chứ?

- Không thể tin vào những cuốn niên giám đó. Hệ thống đó khác với phương thức của chúng ta. Anh hãy làm và đem cho tôi bản danh sách do anh lập ra vào sáng thứ hai tuần tới, lúc giữa trưa. Hẹn gặp lại.

Tôi quay về nhà trọ, trong lòng xốn xang những tình cảm mầu thuẫn nhau. Một bên tôi có chỗ làm, trong túi đang có 100 đồng bằng; còn bên kia là cái văn phòng nghèo nàn. Nhưng dầu sao đi nữa, tôi đã có tiền, rồi muốn ra sao thì ra. Thế là tôi bắt tay vào việc. Suốt ngày chủ nhật tôi cúi gằm trên cuốn danh sách, thế mà qua ngày thứ hai tôi chỉ mới tới được văn H. Tôi quay lại gặp ông chủ tôi. Vẫn gặp nhau trong căn phòng trống trải. ông bảo tôi cứ tiếp tục và hãy quay trở lại vào ngày thứ tư. Thứ tư tôi vẫn chưa làm xong. Tôi ráo riết làm việc, cho tới thứ sáu, có nghĩa là ngày hôm qua. Thế là tôi đem danh sách tới cho ông Harry.

- Cám ơn anh nhiều lắm! - ông ta nói - Danh sách này rất hữu ích cho tôi.

- Tôi đã mất khá nhiều thì giờ.

- Giờ đây, - ông ta nói tiếp - Tôi yêu cầu anh lập cho tôi bản danh sách những nhà bán hàng trang trí nội thất, bởi vì những cửa hàng đó thường bán cả đồ kim khí nữa.

- Được lắm.

- Tối mai, anh đến đây lúc bảy giờ để cho tôi biết là anh đã làm được đến đâu. Đừng có làm việc quá sức đấy. Hai giờ đi nghe nhạc trong buổi tối sẽ không làm hại anh.

Thế là ông ta bắt đầu vừa cười vừa nói với tôi và tôi chợt nhìn thấy cái răng thứ hai bên mé trái được bịt vàng, rất xấu xí.

Sherlock Holmes xoa xoa hai bàn tay vào nhau, dáng vẻ rất thích thú, trong lúc tôi ngơ ngác nhìn người thanh niên.

- Phải, ông quả có lý khi tỏ ra sững sờ, bác sĩ Watson - Anh ta nói với tôi - Tuy nhiên chuyện là như thế đó. Khi tôi nói chuyện với cái ông kia ở London thì ông ta cười trước cái ý kiến là tôi sẽ không đi tới hãng Mawson. Lần đó tôi đã để ý thấy cái răng bịt vàng của ông ta rất chính xác, nó y hệt như cái răng mà tôi đã thấy ngày hôm qua. Khi tôi nghĩ rằng giọng nói và dáng dấp cũng như nhau, và chỉ có những nét đặc trưng là khác nhau (có thể đã do tác dụng của một lưỡi dao cạo hoặc một mái tóc giả), thì tôi tự nhủ rằng chắc chắn đây

hai người chỉ là một mà thôi. Tất nhiên là có thể có hai anh em giống nhau, nhưng không giống tới mức có cùng một cái răng được bít vàng theo cùng một cách...

Trên đường về, tôi không biết mình đang đi bằng chân hay bằng đầu nữa. Tôi quay trở lại khách sạn, nhúng đầu vào trong nước lạnh và cố suy nghĩ. Tại sao hẳn ta lại bắt tôi rời London xuống Birmingham? Tại sao hẳn lại đến Birmingham trước tôi? Tại sao hẳn viết thư gửi cho chính hẳn? Tôi chẳng hiểu nổi điều gì. Và bất thành linh tôi biết rằng những điều tối đen đối với tôi có thể lại sáng như ban ngày đối với ông Holmes. Thế rồi tôi đã đến đây”.

Khi câu chuyện chấm dứt, có một khoảng thời gian im lặng khá lâu. Sherlock Holmes nháy mắt ra hiệu với tôi, ngả người vào gối đệm.

- Không dở, phải không Watson? Trong vụ này có một chi tiết làm tôi ưng ý. Vậy thì một cuộc nói chuyện với ông Harry sẽ hấp dẫn đây nhỉ?

- Nhưng phải làm thế nào? - Tôi hỏi.

- Ồ, rất dễ! - Pycroft reo lên một cách vui vẻ - Hai ông là hai người bạn của tôi, cùng đi tới đó tìm việc làm. Có gì là không bình thường khi tôi giới thiệu hai ông với viên quản trị được ủy nhiệm kia chứ?

- Rất tuyệt! - Holmes nói - Tôi muốn nhìn tận mặt nhân vật đó và thử tìm hiểu trò chơi của y.

Tối hôm đó, lúc 7 giờ, chúng tôi đi bộ đến văn phòng công ty.

- Chẳng cần đến sớm làm chi - Thân chủ của chúng tôi giải thích - Chắc là hẳn chỉ tới đó để gặp một mình tôi thôi. Ủa kìa ⁵⁾! Hẳn đang đi trước chúng ta kìa.

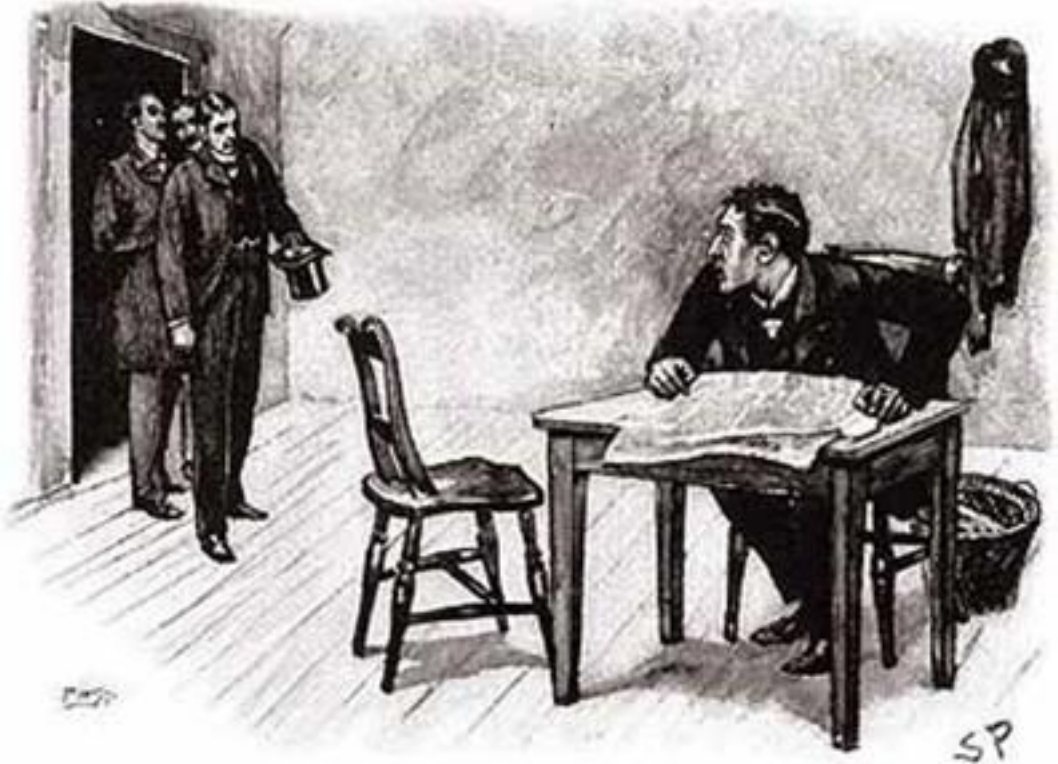
Anh ta chỉ cho chúng tôi thấy một người tóc hoe, ăn mặc bảnh bao, đang rảo bước trên vỉa hè bên kia.

Hẳn nhìn một thằng bé bán báo đang rao toáng lên những tin tức giật gân, rồi thành linh hẳn xông vào giữa những cỗ xe và xe buýt để mua một tờ báo và biến khuất sau một khung cửa.

- Chỗ đó đấy! - Pycroft kêu lên - Hẳn đang leo lên văn phòng. Hai ông hãy lại đó với tôi.

Chúng tôi leo năm tầng lầu, Pycroft gõ lên một cánh cửa hé mở.

- Cứ vào!



Lúc đó chúng tôi thấy mình đang ở trong một căn phòng trống tuếch. Ngồi trước cái bàn duy nhất là người đàn ông mà chúng tôi đã thấy ngoài đường phố, tờ báo trải rộng dưới mắt. Khi người đó ngừng lên, tưởng chừng như tôi chưa bao giờ trông thấy một khuôn mặt nào mang theo những dấu vết rã rời hơn. Vầng trán bóng đẫm mồ hôi, đôi mắt long lanh một tia nhìn hoang dại, ông ta như không còn nhận ra người giúp việc của mình nữa.

- Ông có vẻ bị đau, thưa ông chủ? - Người thanh niên nói lớn.

- Phải, tôi không được khỏe - Người kia trả lời, cố gắng trấn tĩnh lại. Ông ta thè lưỡi liếm môi trước khi hỏi: - Các ông đây là ai vậy?



- Đây là ông Harris ở Bermondsey, ông này là Price ở tại đây - Pycroft trả lời trơ tráo - Đây là hai anh bạn tôi, những người giàu kinh nghiệm nhưng nay lại bị thất nghiệp. Tôi hy vọng ông sẽ sử dụng khả năng của họ trong công ty.

- Có thể lắm chứ - Người đọc báo nói với nụ cười dễ sợ - Phải, chúng tôi có thể làm được cái đó cho hai ông. Thế ông làm nghề gì, thưa ông Harris?

- Tôi làm kế toán - Holmes trả lời.

- Thế à? Vừa đúng lúc chúng tôi đang cần một người giữ sổ sách. Thế còn ông, thưa ông Price?

- Thư ký hành chính - Tôi trả lời.

- Công ty sẽ thu nhận ông. Tôi sẽ báo tin, khi nào chúng tôi quyết định. Và giờ đây, tôi mong các ông hãy để cho tôi được yên, được ở đây một mình.

Những lời sau chót vọt ra khỏi miệng người đó tựa hồ như sự gò bó lâu ngày, mà ngày nay bất thành linh sự câu thúc bỗng bị vỡ tan tành. Holmes và tôi trao đổi một tia nhìn và Pycroft tiến một bước lên phía cái bàn, anh nói:

- Thưa ông, ông quên mất rằng ông đã hẹn tôi đến đây để cho tôi những chỉ thị hay sao.

- Chắc chắn rồi - Người nọ trả lời bằng một giọng bình tĩnh hơn - Các ông có thể chờ tôi một lát...

Hắn đứng lên trong một dáng điệu rất lịch sự, nghiêng mình khi đi ngang qua chúng tôi, mở một cánh cửa ở phía đầu bên kia văn phòng rồi khép lại sau lưng hắn.

- Như vậy có nghĩa là gì? - Holmes thì thào - Liệu hắn có vượt thoát khỏi tay chúng ta chăng?

- Không thể được! - Pycroft trả lời.

- Tại sao?

- Cánh cửa này mở vào một căn phòng trong.

- Không có lối ra sao?

- Không có lối ra nào khác.

- Phòng có bày đồ đạc không?

- Cho đến ngày hôm qua thì nó còn trống trơn.

- Thế thì hắn có thể làm gì trong đó nhỉ? Một cái gì đó vượt khỏi tôi trong vụ án này? Điều gì đã làm cho hắn run sợ đến thế?

- Hắn nghi chúng ta là cảnh sát. - Tôi nói.

- Đúng vậy! - Pycroft nói.

Holmes lắc đầu.

- Hắn đã nhợt nhạt trước khi chúng ta vô đây. Rất có thể là...

Câu nói của anh bị ngắt ngang bởi một tiếng "tốc tốc" khá mạnh từ trong cánh cửa phòng bên vọng ra.

- Ma xúi quỷ giục gì mà hấn lại gõ vào cánh cửa của hấn như vậy?
- Pycroft kêu lên.

Thêm lần nữa và thêm nhiều tiếng "tốc tốc" mạnh hơn nữa. Chúng tôi bực dọc. Tôi quay lại phía Holmes và thấy anh im lìm, nghiêng mình xuống phía trước với một sự kích động mãnh liệt. Bất chợt chúng tôi nghe một thứ tiếng "òng ọc" và một tiếng gõ trên gỗ dũ dội.

Holmes nhảy vọt qua căn phòng như một kẻ điên loạn và đẩy mạnh cánh cửa. Nó được đóng chặt từ bên trong. Chúng tôi hợp sức dốc toàn lực xô mạnh vào cánh cửa. Một cái bản lề long ra, rồi tiếp theo là một cái khác nữa; sau chót cánh cửa bật tung. Chúng tôi xông bừa lên những mảnh vụn.

Căn buồng trống không.



Chúng tôi bối rối một giây. Trong một góc, cái góc gần nhất với căn phòng là nơi mà chúng tôi đứng chờ đợi còn có một cánh cửa thứ hai. Holmes nhảy vọt tới, mở cánh cửa đó ra. Dưới đất có vương vãi tấm áo vét và áo gi-lê. Móc vào một cái móc gần sau cánh cửa, dùng những dải đeo quần của chính mình quấn vào quanh cổ, nhà quản trị đã tự treo cổ mình lên. Đầu gối hấn co quắp, tiếng những gót chân động vào cánh cửa là tiếng động làm ngắt ngang câu chuyện của chúng tôi. Trong một thoáng, tôi đã đỡ lấy thân mình hấn, nâng lên, Holmes và Pycroft tháo gỡ những dải dây ra. Chúng tôi khiêng hấn sang phòng bên. Hấn nằm dài ở đó, mặt hấn có màu sạm của da đen. Theo từng nhịp thở, đôi môi đỏ của hấn phồng lên rồi xẹp xuống.

- Anh nghĩ sao, Watson? - Holmes hỏi.

Tôi cúi nghiêng mình xuống để tiến hành cuộc khám nghiệm ngắn. Mạch đập yếu và không đều. Nhưng sự hô hấp của y lại bớt dứt khúc và đôi mi mắt run run hiện ra một chút lòng trắng.

- Chậm một chút nữa là rồi đời! Nhưng giờ đây thì hẳn sẽ sống. Làm ơn mở cửa sổ ra và mang nước lại đây.

Tôi mở cổ áo hẳn ra, rẩy nước lên mặt hẳn và làm hô hấp nhân tạo. Lát sau hẳn phát ra một hơi thở dài và bình thường.

- Chỉ còn là vấn đề thời gian thôi. - Tôi nói khi bỏ mặc hẳn nằm đó.

Holmes đứng gần bên hai cái bàn, hai bàn tay thọc sâu trong túi quần và cái cầm gục xuống ngực:

- Giờ đây chúng ta phải mời cảnh sát tới. Tuy nhiên, tôi ưa thích giao lại cho cảnh sát một vụ đã được làm sáng tỏ.

- Tất cả vụ này là khó hiểu - Pycroft vừa gãi đầu kêu lên - Tại sao bọn chúng lại muốn cho tôi lên và giữ tôi lại đây? Thế rồi sao nữa?

- Hừ! - Holmes buông ra với giọng mất kiên nhẫn - Tất cả đã rõ ràng rồi. Ngoại trừ cái hành động đột ngột sau chót này.

- Vậy ông đã hiểu những gì còn lại?

- Phần còn lại, là một sự hiển nhiên. Anh nghĩ sao Watson?

- Tôi chẳng hiểu gì hết.

- Ồ, coi nào, những nguyên nhân đầu tiên đều dẫn tới có một kết luận thôi mà!

- Thế thì, lập luận của anh là gì?

- Tất cả nội vụ dựa trên hai điểm. Điểm thứ nhất là bản xác nhận mà người ta buộc Pycroft phải viết và sau đó anh phải làm trong cái công ty quỷ quái này. Anh không thấy tầm quan trọng của điều đó hay sao?

- Không.

- Xem nào! Tại sao bọn chúng lại cần đến những giấy tờ đó. Đâu phải cần làm cho đúng phép, bởi vì những thu xếp thuộc loại này

thông thường là lời nói. Vậy thì tại sao nó được là một ngoại lệ? Anh há chẳng thấy sao, anh bạn trẻ của tôi, rằng họ mong muốn thu được một mẫu chữ viết của anh để từ đó họ sẽ có được cái họ cần có.

- Tôi chẳng hiểu gì cả.

- Một người nào đó muốn tập viết giống kiểu chữ của anh và hẳn ta cố kiếm cho ra một bản mẫu. Và giờ đây, nếu chúng ta chuyển qua điểm thứ hai, ta sẽ thấy rằng điều thứ hai làm sáng tỏ cho điều thứ nhất. Điểm thứ hai là như thế này: Pinner yêu cầu anh đừng có viết thư xin thôi việc, vì ông ta muốn để cho ông giám đốc hãng Mawson tin rằng có một ông Pycroft mà ông ta chưa từng gặp mặt lần nào, sẽ tới nhận việc vào buổi sáng thứ hai. - Lạy Chúa - Thân chủ của chúng tôi kêu lớn - Tôi khờ khạo nhất trên đời.

- Giờ đây thì anh đã ước lượng được tầm quan trọng về bản xác nhận chữ viết tay của anh chưa? Giả sử có ai đó tới nhận chỗ làm dành cho anh và rằng ai đó lại có một kiểu chữ viết rất khác biệt với kiểu chữ mà anh viết trong đơn dự tuyển thì sự gian trá ắt hẳn là sẽ bị khám phá ra. Nhưng nếu tên vô lại có kiểu chữ viết giống anh thì địa vị của hẳn đã được an toàn, bởi vì tôi phỏng đoán là chẳng một ai trong hãng đó biết mặt anh.

- Không một ai! - Pycroft rên rỉ.

- Muốn cho anh không suy nghĩ nhiều về điều đó, muốn kéo anh ra khỏi mọi sự tiếp xúc để anh không có khả năng tìm hiểu được là có một người trùng tên trùng họ với anh đang làm việc tại hãng Mawson, chúng đưa cho anh một số tiền lớn và gửi anh tới Midland, là nơi chúng bắt anh phải làm việc bù đầu, khiến anh không thể trở về London mà khám phá ra cái mưu mô nhỏ bé của chúng. Tất cả mọi việc đều đơn giản.

- Nhưng tại sao người này lại làm ra vẻ là anh ruột của y?

- Trong âm mưu này, chúng phải có hai người. Kẻ kia đang giả danh anh làm việc ở văn phòng, còn gã này thì chơi trò tuyển dụng anh. Và lại, hẳn không thể nào tìm cho anh một chủ nhân mà lại không có ông chủ, tức là một nhân vật thứ ba. Đó là điều hẳn không

muốn chút nào. Vậy là hắn đóng luôn vai anh ruột của hắn (ông chủ) bằng cách hoá trang. Anh không thể nào nhận ra, nếu không có "cái răng vàng".

Pycroft giơ hai bàn tay lên cao mà kêu lên:



- Thế là trong lúc tên Pycroft thật ở đây thì cái gã Pycroft giả mạo kia làm trò gì ở hãng Mawson? Chúng ta phải làm sao, ông Holmes?

- Cần phải đánh điện cho hãng Mawson.

- Ngày thứ bảy họ đóng cửa nghỉ vào buổi trưa.

- Không hề gì. Ở đó thế nào cũng có người gác cổng hoặc bảo vệ.

- Phải đó! Họ có thuê một người bảo vệ thường trực để giữ gìn các tủ sắt chứa những cỗ phần. Tôi nhớ đã nghe nói tới việc đó trong khu City.

- Tốt lắm. Chúng ta sẽ đánh điện cho người bảo vệ để hỏi xem tất cả có an toàn không và xem có một người nào mang tên anh làm việc trong hãng đó không. Việc này thì khá rõ ràng, còn việc kém rõ

ràng là tại sao một tên vô lại chỉ vì trông thấy chúng ta mà lại đi treo cổ.

- Tờ báo - Một giọng nói kèn kẹt phát ra phía sau chúng tôi.

Tên vô lại đã ngồi dậy, tay y xoa bóp một cách nôn nóng các vết lằn đỏ lốm sẫm quanh cổ.

- Tờ báo? Đúng thế! - Holmes kêu lớn lên trong tâm trạng kích thích cực độ - Tôi đã ngu ngốc làm sao.

Anh trải rộng tờ báo trên mặt bàn và một tiếng kêu chiến thắng vang lên.

- Đây là tờ báo xuất bản tại London, tờ Evening Standard. Hãy xem những tí này. "Một tội ác trong khu City. Án mạng trong hãng Mawson and Williams. Một vụ xếp đặt để hại người. Bắt được tên tội phạm". Watson, anh hãy đọc bài báo thật to cho chúng tôi nghe đi.

"Từ ít lâu nay, Mawson and Williams, những nhà môi giới chứng khoán rất nổi tiếng, đảm nhiệm việc cất giữ những phiếu cổ phần mà tổng số vượt quá một triệu sterling. Vị giám đốc rất có ý thức về trách nhiệm của mình, đã cho đặt những két sắt kiểu mới nhất và một giám thị có vũ trang giữ nhiệm vụ canh gác ngày cũng như đêm trong ngôi nhà. Tuần lễ vừa qua, một nhân viên mới, có tên là Pycroft được công ty thuê dụng. Anh chàng này không ai khác hơn là Beddington, kẻ làm giả nổi tiếng và là kẻ trộm. Bằng những phương pháp còn chưa được xác minh, y đã mượn tên giả, xin được một chỗ trong hãng, y lạm dụng địa vị của mình để lấy dấu nhiều ổ khoá khác nhau và tìm biết nơi đặt những két sắt.

Ở hãng Mawson, nhân viên rời sở làm vào trưa thứ bảy. Trung sĩ Tuson, thuộc sở cảnh sát khu City, đã lấy làm ngạc nhiên khi thấy một người có xách theo cái túi du lịch đi xuống những bậc thềm vào hồi 1 giờ 20. Ông nghi ngờ và theo dõi người đó. Với sự phụ giúp của cảnh sát viên Pollock, ông đã bắt giữ người nọ. Ngay tức khắc, ông phát hiện ra một vụ trộm rất táo bạo. Gần 100.000 bảng Anh trái phiếu ngành đường sắt Mỹ, và một lượng lớn những chứng khoán khác, được kiểm kê trong

cái túi. Cuộc xét nghiệm hiện trường đưa tới việc phát hiện tử thi của người bảo vệ bất hạnh, bị gấp làm hai rồi bị nhét và trong cái két sắt lớn nhất từ phía sau. Em y, thường sát cánh với y, lại không thấy xuất hiện trong vụ này. Hiện nay cảnh sát đã mở cuộc điều tra xem y đang ở đâu.”



- Vậy thì, chúng ta có thể giúp cảnh sát một tay - Holmes nói, liếc nhìn cái thân hình đang co rúm gần bên cửa sổ. Bản chất con người là một sự bí ẩn Watson ạ. Một tên vô lại và một kẻ sát nhân lại có sự liên hệ tình cảm tới mức y ngay lập tức treo cổ khi biết tính mạng anh trai mình gặp nguy. Tuy nhiên chúng ta lại không có sự lựa chọn nào khác cho hẳn.

- Bác sĩ và tôi sẽ ở lại đây canh chừng hẳn, và anh Pycroft, nếu anh có lòng tốt, anh có thể đi gọi cảnh sát ngay bây giờ.

CON TÀU GLORIA SCOTT

The “Gloria Scott”

Một buổi tối mùa đông, khi hai chúng tôi ngồi bên lò sưởi Sherlock Holmes nói:

- Đây là những tài liệu có liên quan đến vụ đắm tàu Gloria Scott, anh nên quan tâm tới nó. Trong số các tài liệu này có một lá thư đã làm cho ông quan tòa Peace Trevor đờ người ra vì kinh hãi.

Từ một ngăn kéo, anh moi ra một cái hộp nhỏ đã phai màu, sau khi tháo sợi dây cột ngoài, anh đưa cho tôi một lá thư ngắn, viết nguệch ngoạc:

“Dụng cụ trò chơi ở London đã đi từ từ quá xa.

Người quản lý Hudson kể đã nói nhận tất cả bầy ruồi trốn đi và để giữ con gà mái còn mạng sống” ⁶⁾.

Khi đọc thư xong, tôi ngược mắt lên, bắt gặp Holmes cười rúc rích:

- Dường như anh hơi lúng túng đấy?

- Tôi chẳng hiểu vì sao một tin nhắn như vậy lại có thể làm cho người nhận đờ người ra vì kinh hoàng; trái lại, tôi thấy nó...

- Đúng thế! Ấy thế mà người nhận thư đã ngã vật xuống như vừa bị trúng một phát súng.

- Anh khơi dậy óc tò mò của tôi rồi đấy. Nhưng tại sao anh bảo rằng tôi nên quan tâm đến vụ này.

- Bởi vì nó là vụ đầu tiên của tôi.

Trước đây tôi đã từng tìm cách gợi ý để Holmes kể cho tôi nghe về lý do anh lựa chọn nghề thám tử nhưng chưa bao giờ Holmes lại ở trạng thái vui vẻ như lần này. Anh ngồi hẳn vào trong chiếc ghế bành, trải những tờ giấy lên đùi mình, kéo nhẹ một hơi tẩu.

- Anh chưa hề nghe tôi nhắc tới Victor Trevor phải không? Anh ấy

là người bạn duy nhất mà tôi có trong hai năm theo học ở trường cao đẳng. Anh Watson, tôi là người thích nhất mình trong phòng riêng để hiệu đính những phương pháp lý luận của riêng tôi, vì thế tôi ít có bạn bè. Tôi quen với Victor, trong lúc đi dự một buổi lễ đạo, và con chó săn của anh ta bất chợt cắn vào mắt cá chân tôi.



Tôi phải nằm yên trong mười ngày và Victor thường đến thăm tôi. Thoạt đầu anh chỉ ở lại tán gẫu trong một lát. Nhưng rồi những chuyến tới thăm kéo dài và chúng tôi mau chóng thân nhau. Đó là một chàng trai khỏe mạnh, nóng nảy, thông minh và có nghị lực. Sau cùng vào kỳ nghỉ hè, anh mời tôi về nhà thân phụ anh ở Donnithorpe, thuộc vùng Norfolk, chơi trong một tháng.

Ông già Trevor là quan tòa tòa án hòa giải và là điền chủ. Donnithorpe là một xóm nhỏ ở ngay phía bắc Langmere, trong vùng có nhiều hồ và đầm lầy. Ngôi nhà kiểu xưa, với những cây rầm làm bằng gỗ sồi và tường xây bằng gạch; một lối đi vào nhà hai bên có trồng cây, trong những bụi dương xỉ, người ta sẵn được nhiều vẹt trời; cá cũng đáng chú ý; tủ sách thì nhỏ nhưng chứa toàn sách hay.

Bố Trevor goá vợ, và bạn tôi là con trai duy nhất của ông. Người cha không học nhiều nhưng trí nhớ rất tốt. Ông còn được trời phú cho một sức khoẻ đáng kể. Ông đọc ít, nhưng đã đi nhiều nơi và đi xa. Đó là một ông già hoạt bát, có mái tóc muối tiêu, một bộ mặt rám nắng và cặp mắt màu xanh sắc sảo, đôi lúc tạo cho ông một dáng vẻ hung hãn. Tuy nhiên ông nổi tiếng là người tốt bụng và từ

thiện. Tại tòa, ông nổi tiếng vì lòng khoan dung, độ lượng.



Một buổi tối, sau bữa ăn, chúng tôi đang ngồi trước ly rượu và anh Victor bắt đầu nói về những thói quen quan sát suy diễn mà tôi đã lập thành một phương thức riêng dù chưa biết nó sẽ được sử dụng như thế nào trong cuộc sống. Ông cụ thì cho rằng Victor đã quá phóng đại khi thuật lại hai hoặc ba kỳ tích của tôi đã hoàn thành.

- Coi nào, cậu Holmes - Ông cụ Trevor nói với tôi vừa cười thật vui vẻ - Cậu hãy thử suy diễn ra điều gì đó về tôi xem: tôi là một đề tài tuyệt hảo đấy.

- Cháu không thể nói nhiều về bác được. Tuy nhiên trong thời gian gần đây bác có lo sợ về một cuộc tấn công nhắm vào cá nhân.

Nụ cười tắt ngấm trên môi, ông cụ nhìn tôi vẻ ngạc nhiên:

- Thực thế. Ngày Victor, sau khi tòa xử phạt cái băng kẻ săn bắn trái phép, bọn chúng đã thề sẽ thanh toán chúng ta. Và mới đây ngài Edward Holly vừa bị tấn công. Từ đó, ta không ngừng cảnh giác; nhưng cha tự hỏi không biết làm sao mà bạn con lại biết được điều đó.

- Bác có một cây gậy đẹp. Căn cứ theo dấu ghi trên gậy cháu nhận thấy là bác chỉ mới sử dụng nó được một năm. Nhưng bác đã tấn công khoét cái nút tròn đầu gậy rồi đem đổ chì vào đó: nó là một vũ khí. Từ đó cháu suy ra rằng nếu như bác không lo ngại về

một mối nguy hiểm nào đó, thì bác đề phòng như vậy làm gì?

- Thế còn cái gì nữa? - Bác vừa hỏi vừa cười.

- Hồi còn trẻ, bác đã chơi quyền Anh.

- Giỏi thật. Làm sao mà cháu đoán ra? Có phải vì mũi tôi không còn thẳng thớm chẳng?

- Không phải, vì đôi tai của bác. Tai bác sệ xuống và có bề dày, vốn chỉ thấy ở tai những võ sĩ quyền Anh.

- Có gì khác nữa chẳng?

- Những chỗ chai trên đôi bàn tay bác cho biết bác đã đào xới đất rất nhiều.

- Gia tài của tôi đều đến từ cánh đồng có vàng.

- Bác đã tới New Zealand.

- Chính xác.

- Bác đã từng sống một thời bên Nhật Bản.

- Tuyệt.

- Và bác đã kết thân rất thân mật với một người có tên viết tắt là J.A... rồi sau đó bác tìm cách quên hẳn đi.

Ông già Trevor đứng lên thật khó khăn, chăm chú nhìn tôi bằng cặp mắt mà sự biểu lộ trở thành thô bạo, hung tợn rồi chúi mũi xuống bàn: bác đã ngắt đi, cứng đờ.

Anh Watson, anh có hình dung ra con trai bác ấy và tôi bị hoảng hốt đến ngần nào. Tuy nhiên, ngay sau khi chúng tôi cởi cúc áo và tưới nước lạnh lên mặt bác, thì bác nấc lên hai hoặc ba lần rồi lại ngồi dậy.

- A! Các con của ta - Bác nói với chúng tôi và cố gượng cười - Ta đã không làm cho các con phải hoảng sợ đấy chứ? Ta không biết con đã tìm ra bằng cách nào, Holmes ạ, nhưng ta có cảm tưởng rằng tất cả các thám tử chính thức so với con đều chỉ là trẻ nít. Chính đó là

nghề nghiệp của con, con nhớ nhé!

Đó là lời khuyên kèm theo một sự đánh giá được phóng đại về những khả năng của tôi, nó đã khiến tôi tin rằng mình có thể kiếm sống được vào "trò tiêu khiển đơn giản" ấy. Tuy nhiên, trong lúc đó thì tôi chỉ quan tâm đến sức khỏe của bác ấy.

- Cháu mong là đã không lỡ lời để làm phiền bác? - Tôi thì thầm.

- Do đâu mà cháu lại biết chuyện đó và cháu còn biết thêm về điều gì?

Lúc đó bác nói với tôi bằng giọng bông lơn nhưng sâu thẳm, trong ánh mắt bác vẫn còn ẩn náu một nỗi kinh hoàng.

- Hồi nãy, khi bác xắn tay áo để bắt cá, cháu thấy những chữ viết tắt "J.A" được xăm ở khuỷu tay. Những chữ đó hẳn còn thấy rõ, nhưng đã bị xoá mờ đi đến một nửa; rõ ràng bác đã tìm cách làm cho chúng biến đi. Hiển nhiên thuở xưa, đó là những chữ rất thân yêu mà về sau bác muốn quên chúng.

- Cặp mắt mới tinh làm sao - Bác kêu lên và thốt ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm – Nhưng thôi, chúng ta đừng nhắc tới chuyện đó nữa. Trong tất cả những hồn ma bóng quế thì bóng ma của những mối tình là tồi tệ hơn cả. Chúng ta hãy sang bên phòng chơi bi da và hút một điếu thuốc.

Kể từ ngày hôm đó, cụ Trevor thường có một thoáng nghi ngờ tôi. Con cụ cũng nhận ra điều đó. Anh nói:

- Anh đã làm cho ông già bỏ vía, ông chẳng còn hiểu là anh biết những gì và không biết những gì.

Ông cụ không có ý cho tôi thấy sự nghi ngờ, tôi tin chắc như thế, nhưng cảm tưởng đó lại thấm vào tôi mạnh mẽ khiến nó cứ luôn hiện ra trong tất cả mọi lúc, mọi nơi. Sau cùng, tôi thấy nên rút ngắn chuyến nghỉ hè. Tuy nhiên, vào buổi sáng trước ngày tôi lên ra về, lại xảy ra một việc quan trọng.

Chúng tôi đang ngồi trên những chiếc ghế đặt ngoài vườn, sương nắng và ngấm mặt hồ. Bỗng cô hầu gái tới báo là ngoài cửa có người

muốn gặp cụ Trevor.

- Ai vậy? - Chủ nhà hỏi.

- Ông ta không chịu nói tên.

- Thế thì hẳn muốn gì?

- Ông ấy chỉ nói là người quen biết và muốn gặp bác trong chốc lát.

- Cô đưa người đó vào đây.

Chúng tôi thấy xuất hiện một người nhỏ bé, dáng điệu xun xoe, bước chân lết dài. Gã mặc áo vét không cài khuy, cổ tay áo có dính hắc ín, áo sơ mi kẻ sọc vuông màu đen và đỏ, quần lao động, chân đi giày lớn đã mòn gót. Hẳn có bộ mặt gầy, rúm nắng, quẻ quyết, miệng luôn luôn cười, phô ra một hàng răng khấp khểnh. Những bàn tay quắt lại, cứ nắm nửa chừng, như những thủy thủ thường có thói quen như vậy. Trong lúc gã nặng nề đi ngang qua bồn cỏ, tôi nghe thấy bác Trevor cố nén một tiếng kêu nhỏ, vội vàng đứng lên và chạy vào trong nhà. Bác trở ra ngoài ngay sau đó, khi bác đi ngang qua bên, tôi ngửi thấy mùi rượu brandy nồng nặc.

- Thế nào, ông bạn? Tôi có thể làm gì để giúp ông đây? - bác ấy nói.



Gã thủy thủ đứng lên nhìn bác với đôi mắt nheo lại. Cặp môi mềm nhão của y cong lên.

- Bác không nhận ra tôi sao?

- Úi chà, chính là Hudson đây mà - Bác Trevor kêu lên với một giọng ngạc nhiên.

- Hudson đây, thưa bác, đã hơn ba mươi năm qua, tôi không gặp bác. Giờ đây bác đang sống trong nhà cao cửa rộng, trong lúc tôi vẫn còn phải đi mòt những đồ hộp đồ ăn trong các thùng rác.

- Suyt, ông bạn. Rồi anh sẽ thấy là tôi không quên những người cũ đâu - Bác Trevor nói, và tiến tới bên gã thủy thủ, hạ thấp giọng, nói với y vài lời lại cất cao giọng:

- Hãy xuống nhà bếp ăn uống. Chắc chắn là tôi sẽ tìm cho anh được một việc làm.

- Xin cảm ơn. Tôi vừa trải qua hai năm trên một con tàu chở hàng và tôi mong được nghỉ ngơi ít lâu. Tôi nghĩ rằng tôi có thể thu xếp hoặc với ông Beddoes hoặc với bác đây.

- Anh biết địa chỉ của ông Beddoes hả? - Bác Trevor kêu lên.

- Nhờ trời, tôi biết chỗ ở của mọi bạn cũ - Gã thủy thủ trả lời. Thế rồi y theo cô hầu gái xuống nhà bếp.

Bác Trevor nói với chúng tôi rằng bác từng là bạn cùng tàu với hãn trong chuyến đi tới những vùng đất có vàng. Đoạn ông cụng vào nhà. Một tiếng đồng hồ sau, khi chúng tôi đi vào, đã thấy ông cụng say như chết, nằm dài trên trường kỷ trong phòng ăn. Việc đó để lại cho tôi một cảm tưởng xấu và tôi nhận thấy sự hiện diện của tôi sẽ làm cho bạn tôi ngượng nghịu.

Ngày hôm sau, tôi trở về London, lại ru rú trong căn phòng của mình và tiến hành thí nghiệm hoá học. Tuy nhiên, vào lúc kỳ nghỉ hè sắp hết, tôi nhận được một bức điện của Victor yêu cầu tôi trở lại Donnithorpe. Tôi lại lên đường, ngược lên miền Bắc.

Victor chờ tôi ở nhà ga. Mới thoát nhìn, tôi hiểu ngay là anh vừa trải qua hai tháng quá nhiều buồn bực. Anh gầy đi, đánh mất tính vui vẻ có duyên.

- Ông già sắp chết - Anh nói với tôi ngay từ đầu.

- Đâu có thể? Mà chết vì bệnh gì?

- Một cú sốc thần kinh. Suốt ngày hôm nay, ba tôi cận kề cái chết.

- Nguyên nhân?

- Anh hãy lên xe đi! Dọc đường chúng ta sẽ nói chuyện. Anh còn nhớ cái gã tìm tới nhà ngay trước bữa anh ra về chứ?

- Nhớ rất rõ.

- Anh có biết gã đó là ai không?

- Tôi không biết.

- Quý dĩ đó, Holmes ạ.

Tôi nhìn chòng chọc vào mặt anh với vẻ kinh ngạc.

- Đúng đấy, kể từ khi hãn tới nhà, chúng tôi không còn yên tĩnh lấy một giờ. Kể từ ngày đó, ông già cũng chẳng bao giờ còn ngẩng

đầu lên được nữa. Và giờ đây, mạng sống của ông như ngàn cân treo sợi tóc.

- Hẳn ta nắm giữ quyền lực gì vậy?

- À, tôi cần biết điều đó? Cha tôi trung hậu đến thế, độ lượng đến thế, tử tế đến thế. Làm sao ông lại rơi vào móng vuốt của tên đạo tặc đó? Tôi đặt nhiều hy vọng vào anh. Vào lời khuyên của anh, anh Holmes.

Chúng tôi đi như bay trên con đường bằng phẳng và trắng phau, trước mặt chúng tôi trải dài ra tất cả các vùng hồ và đầm lầy đang long lanh dưới ánh sáng đỏ của buổi hoàng hôn. Giữa một lùm cây bên tay trái nhô lên những ống khói cao và cây cột cờ: đó là nhà bác Trevor.

- Cha tôi đã cho gã Hudson làm vườn, y có vẻ không bằng lòng, ông lại cho hẳn làm quản gia. Ngôi nhà như của chính hẳn, hẳn muốn làm gì tùy thích. Các cô hầu gái than phiền về sự rượu chè vô độ và về những cử chỉ thô tục của hẳn, ông già tăng lương để cho họ im tiếng. Hudson lấy con thuyền và khẩu súng tốt nhất của cha tôi để đi săn thỏ. Cái tên đều cáng đó, ngạo mạn đó, xảo trá đó sẽ bị tôi nện đến hai chục lần rồi nếu như y đồng trang lứa với tôi. Nhưng tôi đã tự kiềm chế, để khỏi làm cho ông già buồn. Than ôi! Cái con thú đó càng lúc càng quấy rầy, hẳn luôn luôn xía nhiều hơn vào những chuyện chẳng dính dáng gì tới hẳn. Một hôm, hẳn dám đối đáp hỗn xược với cha tôi ở ngay trước mặt tôi. Tôi tóm lấy vai y và tổng cổ y ra khỏi phòng. Hẳn lĩnh đi, mặt tái xanh, với những ánh mắt ngăm đe dọa. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra sau đó giữa cha tôi và hẳn, nhưng ngày hôm sau, ông già tìm gặp tôi và yêu cầu tôi xin lỗi Hudson. Tôi từ chối thẳng thừng và tôi hỏi vì sao cha tôi lại chịu đựng một tên vô lại như thế.

- Con không biết là ta đang lâm vào cảnh khó xử đến nhường nào. Nhưng rồi con sẽ biết, Victor. Ta sẽ nói cho con biết, rồi muốn ra sao thì ra. Con sẽ không bao giờ nghĩ xấu về cha chứ, con của ta?

Ông giam mình trong văn phòng ông suốt cả ngày hôm đó. Qua khuôn cửa sổ, tôi nhìn thấy ông: ông đang cắm cúi viết. Buổi tối hôm đó sau bữa ăn, con quý nói với chúng tôi là y sắp đi. Y có giọng nói

líu lười của người sắp say:

- Tôi chán Norfolk rồi. Tôi sẽ đi xuống Hampshire gặp ông Beddoes. Tôi mong rằng chuyến đi này sẽ làm hài lòng ông.

Cái câu nói móc họng đó khiến cho tôi giận sôi lên.

Ba tôi hỏi:

- Tôi hy vọng là anh không vì giận dỗi mà bỏ đi chứ, Hudson?

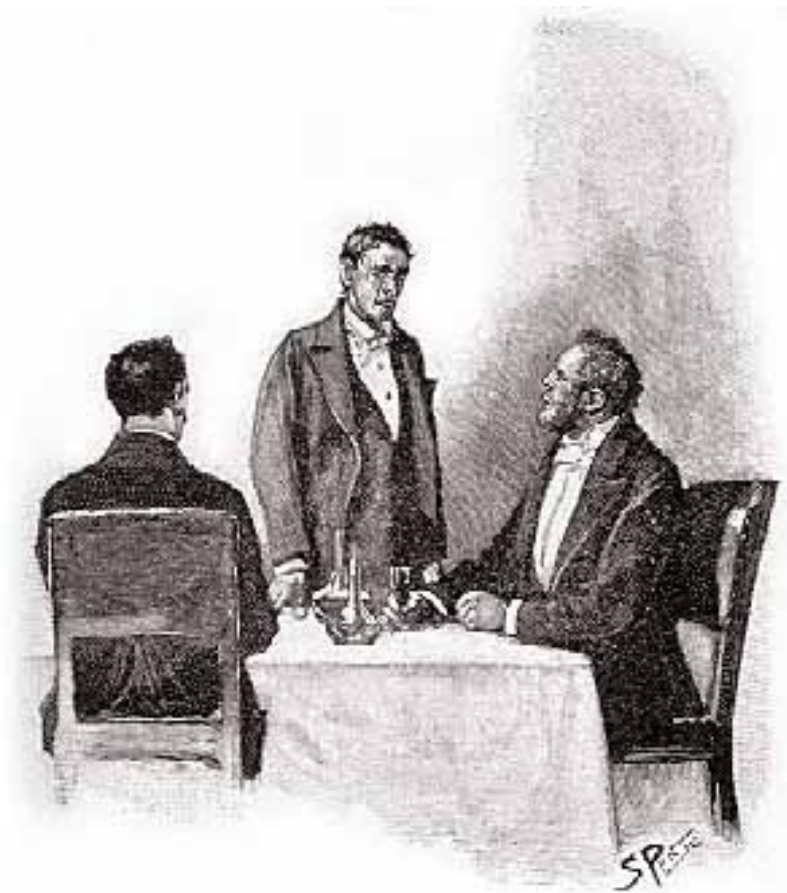
Gã nọ ném về phía tôi một tia nhìn hắc ám:

- Tôi đã không được xin lỗi.

Lúc đó ba tôi quay sang phía tôi.

- Victor, con hãy nhìn nhận rằng con đã đối xử thô bạo với người này, phải thế không nào?

Tôi phải kìm nén mà trả lời:



- Trái lại, con tin rằng cả hai cha con ta đã hết sức kiên nhẫn đối

với ông ta.

Y gầm lên:

- À ra thế, anh nghĩ như vậy đó? Được lắm, anh bạn nhỏ của tôi. Rồi anh cứ giương mắt lên mà xem?

Y lần ra khỏi phòng và nửa tiếng đồng hồ sau, y đã rời khỏi nhà. Ba tôi ở trong một tình trạng tồi tệ. Nhưng đúng vào lúc mà ba tôi tìm lại được một chút lòng tin thì xảy ra cú đánh sau cùng.

- Bằng cách nào vậy?

- Cú đánh khác thường nhất trần đời. Hôm qua, một lá thư được gửi tới. Thư mang con dấu của bưu cục Fordingham. Ba tôi đọc thư, giơ hai bàn tay ôm lấy đầu, rồi ông bắt đầu chạy vòng vòng trong phòng khách. Khi tôi đặt được ba tôi nằm xuống tràng kỷ, miệng ông và mí mắt ông co rúm sang một bên. Bác sĩ chạy tới ngay tức khắc. Nhưng cha tôi đã hôn mê.

- Anh làm cho tôi lo sợ, Trevor - Tôi thốt lên - Nhưng, trong thư nói cái gì mà lại gây ra một thảm họa tới nhường đó?

- Chẳng có gì cả. Tin nhắn thật là phi lý, tầm thường. Nhưng đó chính là điều tôi lo sợ...

Xe ngựa đã chạy quanh khúc đường vòng trên lối đi vào nhà. Trong ánh sáng chạng vạng của buổi chiều tà, chúng tôi thấy các bức màn trong nhà đều đã được buông xuống. Chúng tôi vội vã đi về phía cửa ra vào. Một người mặc đồ đen vượt qua ngưỡng cửa, ông ta dừng lại khi thấy chúng tôi.

- Chuyện xảy đến vào lúc nào vậy, thưa bác sĩ? - Victor hỏi.

- Ngay sau lúc ông vừa lên đường.

- Cha tôi có tỉnh lại không?

- Chỉ tỉnh trong chốc lát trước khi tắt thở.

- Cụ có trời trăng điều gì không?

- Ông cụ chỉ nói một câu: "Các giấy tờ để trong ngăn kéo dưới căn phòng Nhật Bản".

Victor leo lên, đi cùng với ông bác sĩ về phía buồng người chết. Tôi ở lại trong căn phòng, cảm thấy bị buồn như chưa bao giờ từng buồn đến vậy. Quá khứ của cụ Trevor là thế nào? Cụ từng là võ sĩ quyền Anh, cụ đã đi đây đi đó cụ đã trở thành người đi tìm vàng. Và do đâu mà cụ lại rơi vào quyền lực của cái tay thủy thủ gớm ghiếc kia? Tại sao cụ lại ngất xỉu khi tôi nhắc đến những chữ viết tắt trên cánh tay, tại sao cụ lại chết vì khiếp sợ khi nhận được một lá thư gửi từ Fordingham? Rồi tôi nhớ ra là Fordingham ở trong vùng Hampshire, và rằng cái nhà ông Beddoes cũng nằm trong vùng Hampshire. Như vậy lá thư có thể đến từ tên thủy thủ Hudson, báo tin là hắn đã tiết lộ điều gì bí mật, tội lỗi dường như có từ thuở trước, hoặc giả lá thư đó do Beddoes báo cho biết một kẻ hợp tác ngày xưa rằng sự phản bội này sắp xảy ra đến nơi. Cho tới đây, sự việc thật là sáng tỏ. Nhưng trong trường hợp này, làm sao mà tin nhắn lại có thể tầm thường, vô lý theo lời của Victor? Có lẽ anh ấy đã đọc không kỹ, hiểu không thấu. Hoặc giả tin nhắn đó đã được soạn thảo theo một trong những hệ mật mã khéo léo đã được hiểu theo nghĩa khác. Tôi cần phải có lá thư đó.

Suốt một tiếng đồng hồ, tôi ngồi suy nghĩ trong bóng tối, cho tới lúc một cô hầu gái mặt đầm đìa nước mắt mang tới một ngọn đèn và theo sau là Victor. Anh ngồi xuống trước mặt tôi, đẩy ngọn đèn tới sát mép bàn và đưa cho tôi một lá thư viết nguệch ngoạc, trên một tờ giấy màu xám và tôi đọc:

"Dụng cụ trò chơi ở London đã đi từ từ quá xa.

Người quản lý Hudson kể đã nói nhận tất cả bầy ruồi trốn đi và để giữ con gà mái còn mạng sống".

Tôi đọc lại lần nữa, rất chăm chú, một nghĩa thứ hai chắc hẳn phải được che giấu trong sự phối hợp kỳ lạ của những từ này. Phải chăng đã có một ý nghĩa được thoả thuận từ trước trong những từ như "bầy ruồi" hoặc "con gà mái". Chính đó là điểm mấu chốt của vụ này. Sự có mặt của tên Hudson tại nhà ông cụ đã cho tôi biết rằng người viết bức thư, chính là ông Beddoés chứ không phải là gã thủy thủ. Tôi thử đọc ngược, nhưng những chữ cuối "giữ con gà mái còn mạng sống"

đã làm tôi nản chí. Rồi tôi thử tìm những chữ xen kẽ, kể cả những cụm từ "dụng cụ trò chơi ở London" cũng như "đã đi từ từ quá xa" cũng chẳng soi sáng cho tôi được một tí nào.



Cuối cùng, bất thành linh, chìa khóa hiện ra với tôi. Tôi thấy là chữ đầu tiên của mỗi nhóm chữ là cần giữ lại, điều đó cho ta một chuỗi câu đã xô đẩy ông lão Trevor đến chỗ tuyệt vọng.

Lời cảnh cáo thật ngắn. Tôi dịch cho bạn tôi hiểu:

"Trò chơi đã đi quá xa. Hudson đã nói tất cả. Trốn đi để giữ mạng sống." ⁷⁾

Victor vui đầu trong hai bàn tay run rẩy. Anh nói với tôi:

- Tôi nghĩ rằng đó là điều chính xác. Nhưng như thế nó còn tồi tệ hơn là cái chết, bởi điều đó còn có nghĩa là sự ô danh. Nhưng những từ "người quản lý" và "con gà mái" có nghĩa là gì?

- Chẳng có nghĩa gì, nhưng chúng ta sẽ biết nhiều hơn nếu chúng ta khám phá ra người gửi. Anh thấy chứ: người đó đã bắt đầu viết: "Trò chơi... đi quá xa... Hudson... đã nói..." vân vân. Sau đó để thuận theo nguyên tắc của mật mã, người đó đã lấp đầy những chỗ trống bằng một vài từ tiếp theo sau. Đương nhiên người đó đã dùng những

từ đầu tiên chợt tới trong ý nghĩ. Và nếu như có nhiều từ liên quan tới các con vật, anh có thể tin chắc rằng người đó là một người ham săn bắn hoặc là một người đam mê với việc chăn nuôi. Anh biết gì về ông Beddoes này?

- Giờ đây tôi chợt nhớ lại là mỗi mùa thu, ông già tôi lại được mời đến săn bắn trên vùng đất của ông Beddoes.

- Vậy thì ông ấy là người đã gửi thư đến đây: Điều còn lại là tìm hiểu sự bí mật mà gã thủy thủ Hudson treo lơ lửng trên đầu ông cụ.

- Than ôi, Holmes - Anh ta kêu lên - Tôi quả lo sợ đó là một bí mật về tội lỗi và ô nhục: Đây là tờ khai mà ba tôi vừa viết. Tôi tìm thấy trong ngăn kéo trong căn phòng Nhật Bản. Anh hãy đọc cho tôi nghe. Tôi không đủ can đảm để đọc.

Bên ngoài ông cụ viết "Chi tiết về chuyến đi trên tàu Gloria Scott kể từ lúc tàu rời cảng Falmouth ngày 8 tháng 10 năm 1855 cho đến lúc tàu bị phá hủy ở 15 độ 20 phút độ vĩ Bắc và 25 độ 14 phút độ kinh Tây ngày 6 tháng 11".

Bản khai này được viết dưới hình thức viết thư. Đây là nội dung:

"CON YÊU QUÝ CỦA TA,

Giờ đây sự ô danh đang tới, làm đen tối những năm cuối cùng đời cha. Với tất cả lòng chân thành, cha nói với con rằng cha không sợ hãi pháp luật, không sợ mất địa vị trong xã hội; chính cái ý tưởng rằng con sẽ xấu hổ vì đã có một người cha như ta, đã làm tan nát cõi lòng ta. Nhưng nếu các nỗi nhục nhã đã giáng xuống đời ta, thì lúc đó cha muốn con được đọc lá thư này, ngõ hầu con hiểu rõ là cha đáng chê trách đến nhường nào; còn nếu như tất cả đều yên lành và nếu tình cờ lá thư này không bị hủy đi và rơi vào trong tay con, thì cha xin con hãy ngừng đọc ở nơi đây, đưa nó vào ngọn lửa và không còn dành cho nó một ý nghĩ nhỏ nhoi nào nữa.

"Còn nếu như con tiếp tục đọc, thì đó là cha đã bị lộ mặt nạ và bị đem ra khỏi nhà. Trong trường hợp này hoặc trường hợp kia, cha không cần giấu giếm con điều gì cả. Do đó con hãy coi mỗi từ trong những lời cha nói trong thư là những sự thật chân thành. Ta xin thể

như thế.

“Con yêu quý, cha không phải là Trevor. Khi còn trẻ, cha tên là James Armitage. Giờ đây thì con hiểu cú sốc mà cha đã chịu cách đây vài tuần khi người bạn đồng song của con nói với cha về mấy chữ J.A. Dưới cái tên Armitage, cha đã vào làm việc trong một ngân hàng tại London. Dưới cái tên James Armitage, cha đã bị tuyên cáo có tội không tuân thủ luật lệ của đất nước, và bị kết án lưu đày chung thân. Đừng có nghĩ quá xấu về cha. Ta cần trả một món nợ danh dự nên đã biến thủ tiền bạc của ngân hàng. Lúc đó, cha tin chắc là cha có thể bồi hoàn trước khi người ta phát hiện ra số tiền bị thiếu. Nhưng người ta kiểm tra sổ quá sớm, nên đã làm lộ ra số tiền thiếu hụt.

“Vụ đó xảy ra vào ngày sinh nhật thứ 33 của ta, cha bị xiềng như kẻ tội phạm cùng với 37 tên tù khổ sai khác trên con tàu Gloria Scott, sắp sửa lên đường sang châu Úc.

Đó là vào năm 1855. Cuộc chiến ở Crimée đang hồi sôi động. Những con tàu cũ kỹ chở tù khổ sai đã được dùng làm tàu chở quân ngoài Hắc Hải. Vì vậy, chính phủ buộc phải sử dụng những con tàu nhỏ bé hơn để đưa những người tù đi lưu đày nơi viễn xứ. Tàu Gloria Scott trước là thương thuyền buôn trà với Trung Quốc, nó đã quá già nua. Tàu có trọng tải 500 tấn. Thêm vào 38 người đáng bị treo cổ, một đoàn thủy thủ 36 người, 18 người lính, một đại úy, 3 trung úy, một y sĩ, một cha tuyên úy và 4 bảo vệ. Tóm lại nó chở một chuyến hàng trên 100 con người.

“Những vách ngăn giữa các xà-lim nhốt tù không làm bằng gỗ sồi rắn chắc như trong các tàu dành riêng để chở tù: chúng mỏng và dễ gãy. Người ngồi ở bên cạnh mé đặng sau cha, là một anh chàng còn trẻ, bộ mặt sáng láng, không để râu hàm, không cả râu má, anh ta có một cái mũi dài thon, cái đầu có dáng vô tư lự và khi bước đi, thân hình đu đưa. Chắc chắn là anh ta cao không dưới 6 feet rưỡi ⁸⁾; thật kỳ lạ khi ở giữa mấy chục bộ mặt buồn bã và chán nản lại có một cái đầu biểu lộ sự quả quyết và nghị lực.



“Cha hài lòng có anh ta ở bên cạnh và càng sung sướng hơn nữa khi, trong sự im lặng chán ngắt của đêm đen, cha nghe một tiếng thì thầm sát bên tai: “Đã khoét được một cái lỗ trong tấm ván ngăn cách hai xà-lim”.

- Xin chào anh bạn - Anh ta nói - Tên anh là gì nhỉ? Tại sao lại ở đây?

- James Armitage. Còn anh là ai?

- Tôi là Jack Prendergast - Anh ta bảo cha - Rồi ra anh sẽ kính trọng tên tôi.

Cha sức nhớ đã nghe nói đến vụ án của anh ta, bởi vì vụ đó đã làm xôn xao khắp nước. Đó là một người con nhà gia thế và có nhiều tài, nhưng anh ta mắc phải những thói quen tệ hại, và bằng một phương pháp lừa đảo tài tình, anh đã lột hết của cải của một số nhà buôn giàu có ở London.

- A, a! Thế ra anh còn nhớ đến tôi đấy? - Anh ta hỏi cha một cách kiêu hãnh.

- Nhớ rất rõ!

- Thế thì anh còn nhớ một chi tiết kỳ lạ trong vụ án của tôi?

- Chi tiết nào?

- Tôi có gần 25 vạn, đúng thế không nào?

- Đó là điều thiên hạ nói.

- Nhưng người ta không lấy lại được một đồng xu nào hết, phải không?

- Phải.

- Vậy thì anh thử nghĩ xem, số tiền đó hiện đang ở đâu?

- Tôi không biết.

- Ở ngay giữa ngón tay trở và ngón tay cái tôi đây này - Anh ta kêu lên - Tôi có nhiều đồng bảng, hơn là số tóc trên đầu anh. Và nếu như anh có tiền, và biết cách tiêu tiền thì anh có thể làm được bất cứ điều gì? Thế thì có thể nào một gã "làm được mọi chuyện" lại chịu kéo lê đôi ghệt của y trong cái hầm hôi thối của con tàu này chẳng? Không đâu. Một gã như thế, rất chăm lo cho chính hãn và cho những bạn bè của hãn. Anh hãy bám sát riết lấy hãn đi và thề trên Kinh Thánh, anh sẽ không phải than phiền về hãn đâu.

"Đó là cách nói của anh ta. Thoạt đầu cha tin là những lời nói như thế không có nghĩa gì. Nhưng một lát sau, khi anh ta đã thử thách ba và bắt cha hứa giữ im lặng với tất cả sự trang trọng có thể có, anh ta nói cho cha biết là đang có một âm mưu để chiếm lấy con tàu. Một tá những phạm nhân đã chuẩn bị ngầm âm mưu đó từ trước khi lên tàu. Prendergast là thủ lĩnh của nhóm đó.

- Tôi có một người hợp tác - Anh ta bảo cha - Một gã dũng cảm hiểm có, trung thành như cái vòng đai đối với thùng tôn-nô vậy. Và rất nhiều tiền. Một tay nhà giàu. Anh có biết nó đang ở đâu không? Chính là ông cha tuyên úy trên tàu này. Anh ấy đã lên tàu với chiếc

áo lễ đen và các giấy tờ hợp pháp. Anh ấy có đủ tiền để mua đứt từ sống tàu cho tới cái đỉnh cột buồm. Đoàn thủy thủ tận tụy với anh ấy cả xác lẫn hồn. Anh ấy đã trả tiền mặt trước cho họ trước khi họ ký giấy cam kết. Có hai tay bảo vệ, thêm Mereer, phó thuyền trưởng. Anh ấy hứa là sẽ mua luôn thuyền trưởng.

- Thế thì chúng ta phải làm gì? - Ba hỏi.

- Chúng ta sẽ cho một vài tên trong số bọn lính một vài tấm áo đồ hơn thứ áo mà thợ may quân phục đã cấp phát cho họ...

- Nhưng họ có vũ khí mà?

- Thì mỗi đứa chúng ta cũng có một cặp súng lục. Nếu chúng ta không cướp được tàu này, thì chúng ta phải trở lại trường làng thôi. Đêm nay anh sẽ nói với người bạn của anh ở phía bên kia và tìm hiểu xem nó đáng được tin cậy hay không.

"Người bị nhốt bên cạnh cha là một chàng trai bị kết tội giả mạo. Anh ta tên là Evans, cũng sẵn sàng tham dự vào cuộc nổi loạn. Khi chưa ra khỏi mũi Nam nước Anh, trong tàu chỉ còn có hai người tù không hay biết cái âm mưu cướp tàu. Một gã nhu nhược nên bọn cha không dám kêu gọi, gã kia bị mắc bệnh.

Trong đoàn thủy thủ có năm tên gia nhập vào chuyến phiêu lưu này. Ông cha tuyên úy giả qua lại các xà-lim để khích lệ bọn ta, ông ta đeo một cái bao đen được gọi là "bao chứa những quyển sách đạo", ông ta thường lui tới lui ra, nên sang ngày thứ ba, bọn ta đã có một cái giũa, một cặp súng lục, một cân thuốc súng và hai chục đồng tiền vàng. Tất cả được bó chặt, giấu dưới gầm giường. Hai trong số những tay bảo vệ nhận lệnh của Prendergast, viên trung úy, phó thuyền trưởng là cánh tay phải của anh ta. Những người chống lại: viên đại úy, hai viên phó thuyền trưởng khác, hai người bảo vệ, trung úy Martin cùng với 18 người lính dưới quyền của ông ta, thêm vào ông y sĩ. Tuy nhiên, bọn ta đã quyết định không sao lãng bất cứ một sự phòng ngừa nào và tiến hành cuộc tấn công bất ngờ, vào ban đêm; nhưng rồi nó lại xảy ra sớm hơn dự liệu.

"Một buổi tối, gần ba tuần sau ngày lên đường, viên y sĩ đi thăm một trong những tù nhân bị bệnh. Vừa bàn tay xuống dưới ghế nằm

của người bệnh, ông nhận ra hình dáng khẩu súng lục. Nếu ông ta lặng thinh và lên báo cáo thì vụ âm mưu sẽ bị khám phá ra nhưng ông ta thốt lên một tiếng kêu ngạc nhiên và mặt mày tái mét. Thân chủ của ông ta đoán ra ngay cái mà ông ta đã phát hiện. Y túm lấy ông, nhét giẻ vào miệng ông và trói gô ông bên dưới ghế nằm. Trước đó, viên y sĩ đã mở cánh cửa dẫn lên boong tàu, vì vậy tất cả tù nhân hăm hở vượt qua cửa đó. Hai lính canh bị hạ, viên hạ sĩ đang chạy tới xem có chuyện gì đã xảy ra cũng bị hạ. Ở lối vào các ca-bin, có hai người lính bị giết trong lúc đang gắn lưới lê lên trên đầu súng. Bọn ta chạy vội vào trong ca-bin của thuyền trưởng nhưng lúc bọn ba đẩy cánh cửa ra, thì đã thấy ông ta gục đầu trên tấm bản đồ Đại Tây Dương trên mặt bàn, còn ông cha tuyên úy thì đứng ngay bên cạnh, khẩu súng lục trong tay hãy còn bốc khói. Hai viên trung úy bị toán thủy thủ bắt giữ. Tất cả đã giải quyết xong.



“Ca-bin hạng sang ở sát hai bên ca-bin của đại úy; bọn ta ùa vào đó ngồi xếp xuống trên những ghế dài bọc nệm, đua nhau nói cùng một lượt. Wilson, ông cha tuyên úy giả, đập vỡ một cái rương, để

mới ra một chai rượu vang, đập bể cổ chai và rót đầy các cốc không chân. Vào lúc bọn ba nâng cốc lên để cúng ly, một loạt súng nổ vang, cả ca-bin tràn ngập khói đến mức ba không còn trông thấy được phía bên kia của cái bàn. Khi khói đã tan, Wilson và 8 người tù khổ sai lẫn lộn trên mặt bàn. Bọn ta bị quang cảnh làm cho tê liệt, và sẽ đầu hàng nếu như Prendergast không có ở đó. Hắn rống lên như một con bò mộng, rồi nhảy xổ ra khỏi cửa cùng với tất cả những người sống sót ùa theo sau. Trực diện với bọn ba, mé đuôi tàu có viên trung úy và 10 người lính. Những khung găng kính phía trên cái bàn trong ca-bin đã được hé mở ra và họ đã bắn qua khe hở. Trước khi họ kịp nạp đạn thì bọn ta đã nhào lên. Họ kháng cự kịch liệt nhưng số quân ít hơn. Trong năm phút, tất cả đều hoàn tất. Prendergast vùng vẫy như một con quỷ: y gom những người lính lại rồi quăng họ xuống biển, chẳng cần biết họ đã chết hay còn sống. Một trung sĩ bị thương vẫn cố bơi một hồi lâu, cho tới khi một người trong bọn ta cúi lòng thương hại, nhắm bắn một phát vào sọ. Khi cuộc chiến kết thúc, kẻ thù của bọn ta chỉ còn lại có năm người, hai người bảo vệ, hai viên trung úy và ông y sĩ.

“Thế là nổ ra cuộc tranh cãi lớn. Rất nhiều người hài lòng vì đã giành lại được tự do; với họ thế là đủ; họ không muốn giết thêm người. Tám người trong bọn ta là 3 thủy thủ và 5 tù khổ sai, tỏ ý không muốn dự vào cuộc tàn sát sắp diễn ra. Nhưng không thể làm lung lay quyết tâm của Prendergast và của những người cùng chia xẻ ý kiến với anh ta. Phe anh ta quả quyết rằng cơ may duy nhất để bảo đảm an toàn là phải nhổ cỏ tận gốc rễ và rằng anh ta sẽ không để cho một cái lưỡi còn sống có khả năng làm chứng chống lại bọn ba. Chỉ thiếu chút nữa là “nhóm tám người” cũng chịu chung với kẻ bị bắt giữ, nhưng sau chót anh ta bảo nhóm tám người hãy lấy một cái xuồng mà bỏ đi. Nhóm của cha đồng ý vì đã chán ngán cái cảnh tượng quá tàn bạo đó. Họ phát cho mỗi người trong bọn ta những bộ quần áo của thủy thủ, một thùng nước, một két thịt bò muối, một két bánh bích-quy và một cái la bàn. Prendergast dẫn nhóm tám người đến trước một tấm bản đồ, dặn dò rằng hãy nhận mình là những thủy thủ bị trôi dạt vì con tàu bị đắm ở vị trí 15 độ vĩ Bắc và 25 độ kinh Tây. Xong anh ta cắt dây buộc chiếc xuồng và để cho nó trôi theo dòng nước...

“Con thân yêu của ta, giờ đây ta sắp kể tới cái phần gây ngạc

nhiên hơn cả trong câu chuyện. Trong cuộc nổi loạn, các thủy thủ đã kéo thấp cái trục căng buồm mũi. Khi bọn ba đã rời xa con tàu thì họ lại dựng nó lên để đón một cơn gió đông bắc nhẹ. Chiếc xuồng của tám người nhì nhằng vượt qua những đợt sóng dài nhẹ. Evans và cha - vốn là những người có học thức hơn cả bọn - ngồi ở đằng sau tàu để quyết định hướng đi. Sau chót, vì gió bắc thổi nhiều hơn, Evans quyết định đi về hướng Sierra Leone. Bất thành linh, trong lúc ngó về con tàu đó, ba thấy một cụm khói đen bốc lên cuồn cuộn, khói giăng ra tựa như một cái cây khổng lồ. Vài giây sau đó, một tiếng nổ long trời. Khi khói đã bị gió mùa đi, ba không còn thấy dấu vết của con tàu Gloria Scott đâu nữa. Ngay tức khắc, nhóm 8 người chuyển hướng và chèo cật lực tới nơi mà một làn khói đen hầy còn bảng lảng trên mặt nước.

“Phải mất một tiếng đồng hồ, bọn cha mới tới được chỗ đó. Những mảnh vụn của một cái ca-nô, những mảnh thùng và những thanh gỗ dài nhấp nhô trên sóng. Không tìm ra được một dấu hiệu nào của sự sống, bọn cha vừa quay xuồng lại thì chợt nghe thấy có tiếng kêu cứu: cách xa một quãng, trên một miếng ván, có một người nằm thẳng cẳng. Bọn ba kéo người đó lên thuyền. Đó là một thủy thủ trẻ, tên là Hudson: hấn bị bỏng, và kiệt sức đến mức phải đợi đến sáng hôm sau, hấn mới đủ sức thuật lại các sự việc đã xảy ra.



- Sau khi các ông bỏ đi rồi, Prendergast ra lệnh hành hình 5 tù nhân còn sống sót: Hai người bảo vệ bị hạ sát và liệng xuống biển. Rồi đến lượt viên trung úy thứ ba. Sau đó, Prendergast đi xuống dưới tàu và tự tay mình cắt cổ họng ông y sĩ. Chỉ còn lại có viên trung úy thứ nhất vẫn là người gan dạ và cương quyết. Khi ông ta thấy Prendergast tiến lại gần, trong tay có con dao đẫm máu và ông ta tự gỡ dây trói ra (ông ta rơi lỏng được từ trước) và nhảy từ trên boong xuống khoang hầm sau. Một tá những tù khổ sai có trang bị súng lục tục xuống tìm bắt ông ta. Chúng thấy ông đang ngồi bên một thùng thuốc súng mở sẵn, trong tay cầm một bao diêm.

Thùng đó là một trong số 100 thùng thuốc súng mà con tàu chở theo. Ông ta thề là sẽ cho nổ tung tất cả, nếu ông bị hành hạ, thế rồi, vài phút sau, con tàu bị nổ. Tôi nghĩ là thùng thuốc súng bị nổ là do một phát súng bắn trượt, hơn là do que diêm của ông trung úy. Nhưng dù cho nguyên do là gì đi nữa, tàu Gloria Scott đã bị triệt hạ, cũng như cái tên vô lại đã nắm quyền chỉ huy con tàu.

“Con thân yêu, đó là câu chuyện về cái vụ khủng khiếp, trong đó ba có tham gia. Ngày hôm sau, nhóm 9 người được một con thuyền hai cột buồm nhận ra. Lúc đó thuyền đang trên đường đi sang châu Úc và viên thuyền trưởng đã tin rằng nhóm của cha là những người

còn sống sót khi một con tàu chở khách đã bị đắm. Sau một chuyến đi an toàn, con tàu hào hiệp đó đổ bộ ba lên cảng Sydney là nơi Evans và ba thay tên đổi họ và cùng nhau đi tới những vùng đất có vàng, chen lẫn trong đám dân tứ chiếng từ thập phương kéo tới nơi đó. Bọn ta đã vĩnh viễn từ bỏ căn cước đầu tiên của đời mình.

“Cha không cần thuật lại phần tiếp theo. Cha đã làm giàu, đã đi đây đi đó rồi lại trở về nước Anh như những nhà thực dân giàu có về tậu đất đai ở quê nhà. Trong hơn 20 năm, cha đã sống một cuộc đời yên bình và hữu ích với hy vọng là quá khứ đã hoàn toàn bị chôn vùi. Con hãy hình dung ra điều mà cha cảm nhận khi người thủy thủ vừa chợt hiện ra là cha nhận được ngay tức khắc đó là Hudson. Cha không biết nhờ đâu mà hắn tìm ra cha, hắn quyết tâm lợi dụng sự sợ hãi của cha. Giờ thì con đã hiểu trong một chừng mực nào đó, con sẽ thông cảm với nỗi khiếp sợ cứ mãi ở trong cha, kể từ khi hắn rời khỏi nhà ta với những lời đe dọa để tìm tới bên nạn nhân khác của hắn”.

Ở phía dưới lá thư có mấy hàng chữ run rẩy:

“Beddoes đã cho ba biết bằng mật mã rằng H. đã tiết lộ tất cả. Đức Chúa nhân từ, xin Người hãy thương xót linh hồn chúng con?”.

- Watson thân mến, đó là thiên truyện kể mà tôi đã đọc cho anh bạn Victor nghe trong đêm hôm ấy. Anh Victor tan nát cõi lòng, bỏ sang vùng Terai để trồng chè, ở đó anh rất thành công. Còn về gã thủy thủ và về Beddoes, từ đó tôi chẳng được tin tức gì về họ. Cả hai biến mất hoàn toàn. Không có một cáo buộc nào gửi đến cảnh sát. Hudson có thể lẩn tránh đâu đó vì cảnh sát không tin vào cáo buộc của hắn đối với Beddoes. Tuy nhiên, tôi tin rằng, bởi bước đường cùng, có thể Beddoes đã khử Hudson và sau đó đã lẩn trốn ra nước ngoài. Với số tài sản kếch sù của ông ta, việc đó không có gì gọi là quá khó.

Đó chính là những nét chính của trường hợp này, và nếu chúng có ích cho những ghi chép của anh, thì tôi chắc chắn rằng chúng sẽ rất thích hợp.

TỤC LỆ NHÀ MUSGRAVE

The Musgrave Ritual

Trong tính cách của Sherlock Holmes có một đặc điểm kỳ lạ bao giờ cũng làm cho tôi ngạc nhiên: mặc dù trong công việc đòi hỏi trí não phải làm việc nhiều, anh vẫn là một người cẩn thận, quần áo của anh bao giờ cũng tươm tất, chỉnh tề và tao nhã. Trong những lĩnh vực khác thì anh là người xuề xòa thiếu ngăn nắp; những thói quen của anh có thể làm cho bất cứ người nào sống với một mái nhà, đôi lúc cũng phải bực. Không phải tôi là người quá nghiêm khắc, công việc bận rộn ở Afghanistan chỉ tổ làm cho lối sống du mục của tôi ngày càng phát triển; càng làm cho tôi trở thành bừa bãi, cầu thả; mà điều này đối với một bác sĩ thì không thể tha thứ được. Nhưng tính cầu thả của tôi cũng có một thời gian nhất định: khi thấy một người để những điều xì gà của mình trong chiếc thùng dùng để chứa than đá; những bức thư đang chờ được trả thì bị một con dao nhíp hờ hững đè lên; chiếc bảng gỗ thì treo trên lò sưởi, thì ai mà không điên tiết cho được. Thú thật, tôi có cảm giác dường như tôi là một mẫu người mực thước về tính cách và đạo đức.

Tôi bao giờ cũng quan niệm rằng bắn súng là trò giải trí, mà người ta chỉ luyện tập ở ngoài trời một cách tự do. Khi Holmes bắt đầu ham thích luyện môn bắn súng, mà lại luyện tập trên ghế bành, tay cầm khẩu súng lục và băng đạn, bắt đầu luyện tập bằng cách lấy đầu đạn vạch lên tường đối diện cặp chữ lồng "K.V". Tôi thấy công việc đó không làm cho căn phòng tốt hơn, không khí trong phòng ẩm hơn, cũng không hề làm cho hình dáng bên ngoài của ngôi nhà đẹp lên chút nào.

Căn phòng của chúng tôi bao giờ cũng đầy ắp những đồ vật kỳ dị, có dính líu tới hóa học hoặc một câu chuyện hình sự nào đó. Các vật kỷ niệm ấy bao giờ cũng nằm rải rác ở những chỗ mà ít ai ngờ tới nhất; chẳng hạn đựng trong bồn chứa dầu, đôi lúc còn nằm ở chỗ không thích hợp nhất. Nhưng, giấy má của Holmes làm cho tôi đau đầu hơn cả. Anh không bao giờ tiêu huỷ những tài liệu, đặc biệt những tài liệu có dính líu đến công việc phá án mà anh có tham dự. Những việc sắp xếp những giấy má ấy đối với anh là cả một công

việc cực kỳ khó khăn, đòi hỏi một nghị lực phi thường; không quá một lần trong năm anh giành nhiều thì giờ để làm công việc ấy. Hình như trong một chuyện nào đó, tôi đã ghi là tiềm năng to lớn trong người Sherlock Holmes xuất hiện khi nào anh bắt tay vào giải quyết những cuộc khám phá tuyệt vời, điều đó làm cho tên tuổi của anh lừng danh. Nguồn năng lượng của anh thay đổi theo chu kỳ hừng hờ, cho đến lúc kiệt sức hoàn toàn. Khi ấy anh nằm dài trên giường đọc những quyển sách ưa thích trong mấy ngày liền, thỉnh thoảng anh đứng lên với lấy chiếc violông để kéo vài bản nhạc du dương. Chính thế nên đồng giấy má từ tháng này sang tháng khác ngày một nhiều thêm; tất cả các góc nhà đều chất đầy những cặp ghi chép. Đốt những ghi chép kia thì không bao giờ được phép làm, ngoài chủ nhân nó ra.

Vào một buổi chiều mùa đông, hai chúng tôi ngồi bên cạnh chiếc lò sưởi. Tôi bạo mồm nói khích Sherlock Holmes là từ lâu không thấy anh ghi chép vào sổ của mình những nguồn tin; rồi anh có nên bỏ ra một tiếng đồng hồ để sửa sang lại căn phòng của mình cho khang trang hơn không. Anh phải thừa nhận tôi nói đúng. Anh sốt sắng chạy ngay về phòng ngủ, rồi khệ nệ bê một chiếc thùng sắt tây to tướng ra. Sau khi đặt nó xuống giữa phòng, anh ngồi xuống ghế và từ từ mở nắp ra. Tôi thấy chiếc hòm sắt chứa đầy một phần ba những cặp sách đựng giấy tờ, được cẩn thận buộc bằng những dải băng màu đỏ.

- Watson, ở đây không ít những chuyện lý thú, - anh lên tiếng và âu yếm nhìn tôi. - Nếu anh mà biết những gì đang nằm trong thùng sắt tây này có lẽ anh sẽ đề nghị tôi hãy lôi ra một tập giấy nào đó chứ không phải đặt thêm vào đây những giấy má mới.

- Có phải là những số liệu về công việc trước kia của anh không? - Tôi hỏi - Tôi nhiều khi lấy làm tiếc cho việc không có những số liệu ghi chép về những việc đã qua.

- Đúng, anh bạn yêu quý của tôi ạ! Tất cả những thứ này đều xảy ra từ trước, trước khi tôi có một người bạn chuyên viết tiểu sử những vụ án, người có ý định làm rạng rỡ tên tuổi của tôi.

Bằng những động tác mềm mại, khéo léo anh lôi hết tập này, đến tập khác.

- Không phải tất cả mọi chuyện đều được kết thúc êm đẹp đâu, Watson ạ, - Anh nói - Nhưng trong số đó có một vài chuyện thú vị, làm đầu đầu tôi không ít. Ví dụ như: vụ giết chết Tarleton; câu chuyện của ngài Vamberry - một nhà buôn rượu vang; còn đây là một sự kiện của bà già người Nga. Đây là chuyện kỳ lạ của chiếc nhẫn bằng nhôm; rồi bảng chi tiêu tỉ mỉ về anh chàng Ricoletti chân cong với người vợ đáng sợ của anh ta. Còn đây... đây rõ ràng là một chuyện mê ly, hấp dẫn.

Anh thọc tay xuống sát đáy thùng và lôi ra một chiếc hộp bằng gỗ có nắp đậy, giống như chiếc hộp đựng đồ chơi trẻ em. Anh mở hộp, lấy ra một tờ giấy đã nhàu nát, một chiếc chìa khóa bằng đồng kiểu cũ; một thanh gỗ có cuốn một cuộn dây nhỏ; và ba chiếc vòng bằng kim loại đã bị han rỉ.

- Thế nào anh bạn, anh có thích những thứ trang sức này không?
- Anh hỏi, và mỉm cười với khuôn mặt ngờ ngác của tôi.

- Bộ sưu tập đây tính hấp dẫn và kích thích sự hiếu kỳ.

- Rất hấp dẫn, còn câu chuyện của nó thì càng kích thích tò mò của anh hơn.



- Chẳng lẽ, những vật kỷ niệm này đều có lịch sử?

- Hơn thế nữa, tự nó đã nói lên lịch sử rồi.

- Anh định ám chỉ điều gì?

Sherlock Holmes trải các vật ra bàn, anh ngồi xuống ghế và ngắm nghía bằng cặp mắt sáng ngời, lấp lánh đầy hứng thú.

- Tôi đã giữ những vật này làm kỷ niệm về câu chuyện có liên quan đến "Bộ nghi lễ nhà Musgrave".

Tôi đã nghe Holmes nói nhiều về câu chuyện này, nhưng chưa hề có dịp hỏi anh cặn kẽ mọi chi tiết.

- Anh hãy kể cho tôi nghe mọi chuyện về vụ này đi. - Tôi đề nghị.

- Thế cứ để nguyên những đồ bỏ đi ở đây à? Chúng ta phải thu dọn chứ? - Anh thâm thúy hỏi lại - Sự yêu thích gần gũi, gọn gàng của anh vút ở đâu rồi. Nói thế thôi, tôi cũng rất muốn anh bổ sung vụ này vào bộ biên niên sử của mình, bởi một lẽ nó có những tình tiết khá nổi tiếng trong làng hình sự, không những chỉ riêng ở nước Anh, mà có thể cả những nước khác nữa. Bộ sưu tập những chiến công nhỏ của anh sẽ không được trọn bộ nếu thiếu việc miêu tả, ghi chép câu chuyện lịch sử hoàn toàn có thật này... Chắc anh còn nhớ, chuyện xảy ra với con tàu "Gloria Scott" và đoạn đối thoại với ông già bất hạnh. Số phận của ông ta đã có lần tôi kể cho anh. Ông là người đầu tiên gợi ý cho tôi về nghề nghiệp, mà sau này nó đã trở thành sự nghiệp của cuộc đời tôi. Hiện nay tên tuổi của tôi đã nổi tiếng, không chỉ trong dân chúng mà cả giới hình sự. Nhưng riêng việc giải quyết những vấn đề tranh cãi thì những người am hiểu đều đánh giá tôi ở bậc thấp. Khi chúng ta mới quen nhau, tôi đã có một vốn sống tương đối phong phú. Anh có thể tưởng tượng được không? Lần đầu tôi vất vả biết bao, phải trải qua một thời gian dài tôi mới định hướng được.

Bước đầu tới Luân Đôn, tôi đến ở tại hẻm Montague nằm sau góc Viện bảo tàng British, tôi liền lao vào công tác nghiên cứu. Tôi nghiên cứu tất cả các lĩnh vực kiến thức, vì nó rất có lợi cho nghề nghiệp tôi sau này. Dần dần, những người đến gặp tôi để nhờ giúp đỡ: phần lớn họ đến là do bạn bè, sinh viên ngày trước giới thiệu, vì trong những năm cuối của trường đại học người ta đã bàn tán không ít về phương pháp của bản thân tôi. Việc thứ ba, người ta đã nhờ tôi giải quyết

việc của họ hàng nhà Musgrave. Hàng loạt sự kiện xảy ra một cách lý thú, các sự kiện khác tiếp theo làm cho tôi một phen điêu đứng và lúng túng; đó là nấc thang đầu tiên của con đường danh vọng và cũng là viên gạch đầu tiên để xây lên địa vị của tôi hiện nay.

Reginald Musgrave là bạn học cùng trường trung học với tôi, theo một quan tiệm nào đó thì tôi và anh ta có một tình thân bằng hữu. Anh ta quá rụt rè nhút nhát, đôi khi bạn bè cho rằng, anh ta làm cao, nên anh ta ít tiếng trong đám bạn bè. Bề ngoài anh ta đúng là một nhà quý tộc nòi; khuôn mặt thanh tú, mũi to, mắt hơi lồi; phong cách tuy hơi cầu thả, nhưng vẫn giữ được vẻ tao nhã, thanh lịch. Thực ra, đó là một người còn sót lại của một dòng dõi vua chúa, đời này có lẽ là đời cháu chắt gì đó; vào thế kỷ thứ XVI dòng họ Musgrave ở miền Bắc, tách ra và thành lập ở phía tây Sussex; cơ ngơi Hurlstone - đó là dinh thự của dòng họ Musgrave, là một trong những ngôi nhà cổ kính nhất vùng này. Hình như, dinh thự nơi anh ta sinh ra cũng mang nét hình hài của anh ta. Mỗi khi nhìn khuôn mặt trắng xanh của anh ấy, với những đường nét hơi thô, cùng phong thái đạo mạo thì bao giờ tôi cũng liên tưởng tới những mái vòm hình chóp, khung cửa hình vồng và tất cả những nét rơi rớt lại của nền kiến trúc phong kiến. Có đôi lúc chúng tôi tâm sự với nhau, lần nào anh ta cũng thích thú những phương pháp quan sát tinh tế và cách đánh giá, nhận xét chính xác của tôi.

Suốt bốn năm, chúng tôi không gặp nhau. Chợt một buổi sáng anh ta tới thăm tôi ở Montague. Anh ấy chẳng thay đổi mấy, ăn mặc rất bảnh bao - anh ta vốn là người thích ăn diện, và bây giờ vẫn giữ phong thái chững chạc đàng hoàng vốn có.

- Cậu vẫn khỏe chứ Musgrave? Sau khi bắt tay thân mật, tôi hỏi.

- Chắc cậu cũng biết, cha tớ vừa qua đời - Anh ta nói. - Chuyện ấy xảy ra đã gần hai năm rồi, cậu hiểu cho tớ, lúc bấy giờ tớ phải đứng ra đảm đương gánh vác việc cai quản cơ ngơi Hurlstone rất vất vả. Hơn nữa, tớ là đại biểu của một vùng, bạn ơi là bạn. Còn cậu, nghe đâu đã sử dụng khả năng hiếm có của mình để giúp đỡ mọi người có phải không?

- Đúng đấy, - Tôi trả lời - tớ có ý định dùng trí tuệ của mình để kiếm mẩu bánh mì.

- Rất sung sướng được biết như vậy, bởi vì lời khuyên bảo của cậu bây giờ đối với tớ thật quý giá. Ở chỗ tớ đã xảy ra một chuyện mà cảnh sát đành bó tay. Câu chuyện làm đau đầu mọi người.

Anh có thể hình dung tôi nghe anh ta như thế nào không, Watson. Đây chính là trường hợp mà tôi đã cháy ruột, cháy gan chờ đợi rờn rã trong những tháng ngày thất nghiệp, cuối cùng nó đã đến với tôi. Từ đáy lòng, bao giờ tôi cũng tin rằng, tôi có thể đạt kết quả ở những nơi mà kẻ khác bó tay; và đây chính là dịp để tôi thử nghiệm chính bản thân mình.

- Anh hãy kể cặn kẽ cho tôi nghe với! - Tôi thốt lên.

Sherlock tiếp tục:

- Tôi mời anh bạn Reginald Musgrave một điếu thuốc, anh ta ngồi đối diện với tôi và châm thuốc.



- Cần nói với cậu, - Anh ta mào đầu - mặc dù tớ chưa vợ, nhưng tớ vẫn phải giữ lại ở dinh thự Hurlstone một biên chế hoàn chỉnh số người phục vụ giúp việc. Dinh thự rất to, được xây cất quá vụng về, không hợp lý và vì thế cần có người trông coi thường xuyên để phòng trộm cắp. Hơn nữa, chỗ tớ có một khu rừng cấm, cứ đến mùa

săn chim trĩ, thì trong nhà tập trung cả một hội lớn, đòi hỏi không ít người phục vụ. Tất cả có tám người, người hầu, người làm bếp, thêm hai người xà ích và một thằng bé để chạy thư từ, tất nhiên không kể người thợ làm vườn và những người giám mã.

Trong số những người phục vụ ấy, có anh chàng Brunton là người phục vụ lâu nhất. Lúc bố tớ mời anh ta về, anh ta chỉ là một thầy giáo trẻ thất nghiệp; chẳng bao lâu, với nghị lực phi thường, tính cách mạnh mẽ, anh ta nghiêm nhiên trở thành một người không thể thiếu được trong nhà tớ. Đó là một gã đàn ông cao to, đẹp trai, có vàng trán đẹp đẽ. Tuy anh ta làm việc ở nhà tớ được hai mươi năm, nhưng anh ta chưa đến bốn mươi tuổi. Một điều rất lạ, tại sao với hình thức hấp dẫn và năng khiếu hiếm có như thế, hơn nữa anh ta lại nói được vài ba thứ tiếng, biết chơi hầu hết các loại nhạc cụ, lại cam chịu một địa vị quá ư thấp hèn? Anh ta sống không đến nỗi tồi, lúc nào cũng vui vẻ và không có ý định thay đổi cách sống. Người hầu này bao giờ cũng thu hút sự chú ý của khách khứa. Nhưng trong con người hoàn hảo này vẫn có thiếu sót: anh ta là người có tính lẳng nhăng, quan hệ yêu đương bừa bãi. Cậu biết đấy, trong địa hạt chúng tớ, anh ta thực hiện vai sở Khanh không có gì là khó. Khi vợ anh ta còn sống mọi việc đều tốt đẹp. Nhưng khi vợ anh ta mất, thì anh ta gây cho chúng tớ không ít phiền toái. Thú thật vài tháng trước chúng tớ đã yên tâm, vì anh ta đã đính hôn với cô bé Rachel Howells một con hầu trẻ tuổi. Nhưng sau đó, thật tệ, anh ta đã theo đuổi cô Janet Tregellis - con gái của một người thợ săn già lạnh nghề. Rachel - một cô gái có lòng tự trọng cao, nhưng rất nóng nảy và tính khí thì thất thường, như người dân vùng Welsh, hơn nữa cô ta bị bệnh viêm màng não năm liệt giường liệt chiếu. Cô ta mới hồi phục, và đi lại như một cái bóng, người cô ta chỉ còn lại đôi mắt.

Đó là tấn kịch đầu tiên xảy ra ở dinh thự Hurlstone của chúng tớ. Nhưng tiếp theo là một chuyện tà trời hơn đã xóa nhòa chuyện cũ trong ký ức chúng tớ. Đó là việc, người hầu trai Brunton đã bị đuổi ra khỏi nhà một cách nhục nhã. Vụ đó xảy ra như thế này: Tớ đã kể cho cậu nghe rồi.

Brunton là một người rất thông minh, có lẽ chính sự thông minh đã là nguyên nhân làm hư hỏng anh ta. Anh ta hay tò mò đến những đồ vật không hề dính dáng đến anh ta. Tớ chưa bao giờ nghĩ rằng,

anh ta lại có thể đi xa đến như thế, sự việc xảy ra làm tớ sáng mắt ra. Ngôi nhà chúng tớ xây dựng thật luộm thuộm phía trong nhiều đường đi ngang dọc. Tuần trước chính xác hơn là vào đêm thứ năm tuần trước, vì đã chót uống một ly cà phê quá đậm sau bữa ăn nên tớ nằm trần trọc mãi đến hai giờ sáng. Tớ không thể nào ngủ được, bèn ngồi dậy, thắp nến để đọc tiếp cuốn tiểu thuyết. Nhưng cuốn sách lại để quên ở phòng đọc, tớ khoác áo choàng đi vào lấy cuốn sách. Muốn đi đến phòng đọc, tớ phải đi xuống một đoạn cầu thang nổi, cắt ngang qua hành lang để đến phòng đọc và phòng để vũ khí. Tớ giật mình, ngạc nhiên khi nhìn thấy ánh sáng leo lắt chiếu qua cách cửa mở toang của thư viện. Trước khi đi ngủ, chính tay tớ đã tắt đèn, đóng cửa cẩn thận. Tớ nghĩ, có lẽ kẻ trộm đã lọt vào nhà; các bức tường của tất cả hành lang của dinh thự Hurlstone được treo đầy các loại vũ khí kỳ dị - đây là chiến lợi phẩm của tổ tiên chúng tớ. Tớ vớ lấy một cây mã tấu dựng trên tường và đặt cây nến xuống nền nhà, rồi rón rén đi trên mấy đầu ngón chân, liếc nhìn qua cánh cửa bỏ trống của thư viện.



Thằng hầu Brunton, ăn mặc chỉnh tề, đang ung dung ngồi trong chiếc ghế bành. Trên đùi hắn có một tờ giấy trông như một tấm bản đồ địa lý; hắn ngắm nghía với vẻ chăm chú và trầm ngâm suy nghĩ rất lung. Sững sờ vì quá kinh ngạc, tớ đứng im quan sát hắn. Trong phòng được thắp một ngọn nến đang cháy dở, chợt Brunton đứng lên, đi tới chỗ chiếc tủ mở ra một ngăn kéo lấy ra một tờ giấy và trở về chỗ cũ, trải tờ giấy xuống bàn bên cạnh mẫu nến, và bắt đầu quan sát. Kiểu cách nghiên cứu thản nhiên những giấy má trong gia đình tớ của hắn làm tớ vô cùng căm phẫn. Không chịu đựng được nữa, tớ bèn bước vào. Brunton vừa dừng lại ngược lên, thì hắn nhìn thấy tớ đang đứng trước cửa. Hắn vội vàng đứng dậy, mặt mày tái nhợt vì sợ hãi, và vội vội vàng vàng nhét tờ giấy như tấm bản đồ vào túi.



- Hay ho nhỉ! - Tớ lên tiếng - Anh lạm dụng lòng tin của tôi mới khéo làm sao? Từ ngày mai anh buộc phải thôi việc.

Hắn cúi xuống, bò lết lại chỗ tớ không nói một lời nào. Mẫu nến

còn nằm trên bàn, rọi le lắt những ánh sáng, tứ liếc nhìn tờ giấy mà Brunton lôi ra từ ngăn kéo. Tứ vô cùng ngạc nhiên, đây không phải là giấy tờ quan trọng, mà chỉ là bản sao các câu hỏi và câu trả lời. Chúng tứ quen gọi là "Bộ nghi lễ nhà Musgrave". Đã vài ba thế kỷ nay, mỗi người đàn ông trong dòng họ chúng tứ, khi đến tuổi trưởng thành, đều phải thực hiện lễ chế ấy. Nó chỉ có ý nghĩa đối với các thành viên trong gia đình này, nhưng ngoài đời nó không có một ý nghĩa thực tế nào hết.

- Với tờ giấy ấy, chúng ta sẽ bàn sau. – Tôi đề nghị với Musgrave.

- Nếu cậu cho là cần thiết - Anh ta nói có phần lưỡng lự - tứ sẽ kể tiếp các sự kiện. Sau khi dùng chìa khóa; khóa tủ lại, tứ định đi ra, chợt Brunton đến trước mặt tứ.

- Thưa ngài Musgrave. - Anh ta thốt lên bằng một giọng khàn khàn vì hồi hộp - Tôi không chịu đựng nổi nỗi nhục nhã này! Tôi là một kẻ nhỏ nhen, nhưng tôi có lòng tự trọng, nỗi nhục này sẽ làm tôi chết mất. Cái chết của tôi nằm trong lương tâm ngài, nếu ngài cố tình đẩy tôi vào con đường cùng cực, tuyệt vọng tôi cắn rơm, cắn cỏ lạy ngài nếu ngài thấy rằng sau hành động đê tiện của tôi ngài không thể dùng tôi được thì mong ngài hãy cho tôi thời hạn một tháng để tôi có thể nói với mọi người là tôi tự nguyện ra đi, chứ không phải là do bị đuổi. Dưới con mắt của mọi người quen biết và thân thuộc với tôi, tôi không thể chịu đựng được.

- Anh không xứng đáng để mọi người tôn trọng như vậy, anh Brunton ạ - Tứ trả lời hần. - Hành động của anh tôi không thể ngờ được. Nhưng tôi chiếu cố cho anh, vì anh phục vụ trong gia đình tôi cũng khá lâu, tôi sẽ không bêu riếu anh trước mặt mọi người. Tuy thế, một tháng thì quá nhiều. Anh có thể ra đi trong vòng một tuần, với lý do nào thì tùy anh.

- Thưa ngài, có một tuần thôi ư? - Anh ta thốt lên đầy thiếu não - Ôi! mong ngài rộng lượng cho thêm hai tuần thôi cũng được!

- Sau một tuần. – Tứ lặp lại - Đối với anh như vậy là quá nhân nhượng rồi.

Sau khi cúi đầu nhận tội, hần chậm rãi bước ra như một kẻ đã

chết hoàn toàn, còn tờ tắt nấn, quay về phòng mình.

Trong vòng hai ngày sau đó, Brunton đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình. Tớ cũng không nhắc anh ta về sự việc đã xảy ra, và nóng lòng mong đợi hẳn sẽ nghĩ cách gì để che đậy chuyện nhục nhã của mình, nhưng sang ngày thứ ba, trái với thông thường, không thấy hẳn đến nhận việc. Sau bữa ăn sáng, trong khi bước ra khỏi phòng tớ đã tình cờ thấy con hầu Rachel Howells. Tớ đã nói với cậu là cô này vừa mới ốm dậy, trông cô ta có vẻ phờ phạc, đến nỗi tớ cũng phải trách cô vì cô đã làm việc khi chưa bình phục.

- Cô cứ nghỉ cho khỏe đã - Tớ nói. - Chờ khi nào khỏe hẳn bắt tay vào việc cũng không muộn.

- Em đã khỏe hẳn rồi, thưa ông chủ. - Cô ta đáp.

- Chúng tôi phải chờ xem bác sĩ kết luận như thế nào? - Tớ chống chế. - Cô hãy dừng ngay công việc và đi tìm Brunton nói anh ta đến gặp tôi.

- Anh Brunton bỏ trốn rồi ạ. - Cô ta đáp.

- Bỏ trốn!

- Vâng, anh ta biệt tích, không một ai nhìn thấy. Trong phòng cũng không có. Anh ta bỏ trốn; vâng đã trốn!

Cô ta đứng dựa hẳn vào tường và cười hô hố trong một cơn động kinh. Còn tớ, trong lúc lo sợ vì cái động kinh bất ngờ, tớ chạy đến rung chuông kêu người đầy tớ. Người ta đã mang cô gái vào phòng, cô ta vẫn tiếp tục cười rất man rợ và khóc sướt mướt. Tớ vẫn tiếp tục tìm Brunton: Nhưng anh ta đã mất tích - điều đó không còn nghi ngờ gì nữa, giường chiếu của anh ta vẫn còn nguyên vẹn, không ai nhìn thấy anh ta kể từ lúc anh ta quay về phòng mình chiều tối hôm qua. Nhưng không thể tưởng tượng nổi, bằng cách nào anh ta chuồn được khỏi nhà: tất cả cửa sổ, cửa ra vào đều được khóa từ bên trong. Quần áo, đồng hồ ngay cả tiền bạc của Brunton vẫn còn đầy đủ trong phòng anh ta, chỉ có một bộ đồ đen, bộ anh ta hay mặc là không thấy; đôi dép dùng trong nhà cũng không có, chỉ còn một đôi ủng. Trong đêm hôm khuya khoắt Brunton bỏ đi đâu và chuyện gì đã xảy ra với anh ta. Cậu biết không? Chúng tớ đã lùng sục khắp mọi xó

xinh, nhưng không hề thấy một dấu vết nào của anh ta. Tớ xin nhắc lại, dinh thự của tớ thật sự rối rắm, đặc biệt những mái vòm cũ kỹ hoang vắng không người ở, nhưng chúng tớ cũng cứ lùng sục từng nơi một; thậm chí cả những góc xép. Mọi cố gắng của chúng tớ đều không mang lại kết quả gì. Thật đơn giản, tớ không thể tin là anh chàng Brunton đã ra đi, mà để lại tất cả tài sản, tớ nghĩ rằng, anh ta mất tích. Tớ cũng đã mới cảnh sát địa phương tới giúp. Nhưng cảnh sát cũng không khám phá được gì mới. Trước khi xảy ra vụ mất tích, có một trận mưa, do vậy mọi quan sát các dấu vết ở bãi cỏ, con đường đều vô nghĩa. Tình thế nan giải như vậy đó.

Cô Retten Howells liên tiếp trong hai ngày cứ tỉnh tỉnh mê mê và lên những cơn động kinh thật khủng khiếp. Cô ta khó ở đến nỗi chúng tớ phải cho một người hộ lý luôn luôn túc trực bên cạnh. Đêm thứ ba sau ngày Brunton bị mất tích, cô hộ lý thấy người bệnh đã ngủ, nên cô ta cũng thiu thiu một giấc. Sáng sớm hôm sau, khi thức dậy cô hộ lý giật mình khi nhìn thấy chiếc giường trống trơn, cửa sổ thì mở toang, bệnh nhân thì biến mất. Người ta lập tức gọi tớ dậy, tớ lấy hai xà ích rồi bỏ đi tìm.

Chúng tớ dễ dàng xác định hướng đi của cô hầu gái. Bắt đầu từ cửa sổ, cho đến một cái ao dọc theo bãi cỏ các dấu vết rất rõ, khi đến con đường rải sỏi thì mọi dấu vết biến mất. Cái ao lớn này có chỗ sâu đến 8 foot, cậu thử hình dung xem, khi chúng tớ nhìn thấy đôi tất của cô gái đáng thương đang trôi lững lờ trên mặt nước. Chúng tôi vội vàng lấy câu liêm để vớt xác kẻ chết đuối; nhưng vô vọng, đáy ao không có xác một người nào. Thay vào đó, chúng tớ bị bắt ngờ bởi vớt lên được một chiếc bao tải bằng vải gai, trong bao tải được nhét đầy những mảnh vụn kim loại cũ, đã han rỉ, mất hết màu sắc; các mảnh đó dùng đục mờ mờ như các mảnh sành, và cũng hơi giống thủy tinh. Không còn vật gì khác, mặc dù chúng tớ đã cật lực tìm kiếm cả ngày hôm qua. Chúng tớ đã tiến hành gạn hỏi, chất vấn mọi người nhưng vẫn không biết Brunton và Rachel Howells hiện nay ở đâu. Cảnh sát địa phương bất lực, lắc đầu; và cuối cùng tớ chỉ có hy vọng cuối cùng là nhờ đến cậu, Sherlock Holmes ạ.

Anh biết không, Watson, tôi đã lắng nghe câu chuyện với sự thú vị. Tôi có tham vọng sẽ kết dính các sự kiện thành chuỗi thống nhất, để lần tìm một sợi chỉ dẫn đường, sợi chỉ xuyên suốt mọi hành động,

nhằm tìm giải đáp của một bài toán học búa.

Người hầu trai biệt tích, cô hầu gái cũng biến luôn. Có một thời gian cô hầu gái đã yêu say đắm anh chàng hầu trai, nhưng sau đó lại thù ghét anh ta. Cô bé ấy là người vùng Welsh, tính khí rất mãnh liệt nên tình yêu mặn nồng thiết tha. Sau khi anh chàng Brunton bị mất tích, tâm trạng cô ta bị kích động dữ dội. Cô ta đã ném xuống ao một bao tải đựng toàn đồ kỳ quặc. Mỗi sự kiện đều làm cho chúng ta phải suy nghĩ, nhưng không có sự kiện nào trong đó chỉ ra được thực chất của vấn đề. Tôi phải tìm đầu sợi chỉ trong mớ bòng bong ở đâu? Nhưng tôi thoáng ngờ một mắt xích trong cả chuỗi rối rắm kỳ lạ ấy...

- Musgrave! - Tôi nói - Tớ cần xem tờ giấy mà anh chàng Brunton đã nghiền ngẫm, thậm chí vì nó mà anh ta dám xăm mình đi một nước cờ liều để rồi phải mất việc.

- Thực ra, "bộ nghi lễ" của chúng tớ chỉ toàn là điều nhằm nhí. - Anh ta nói - Cái quý duy nhất của nó là tính chất đồ cổ, lịch sử. Tớ có mang theo bản sao chép để phòng, nếu cần cậu cứ xem.

Anh ta đưa cho tôi chính mảnh giấy này, tờ giấy mà tôi đang cầm trên tay đây, Watson. Bộ nghi lễ - Ý nghĩa của nó đại loại như một kỳ thi sát hạch, mà mỗi người đàn ông trong dòng họ Musgrave đều phải trải qua khi đến tuổi vị thành niên. Tôi sẽ đọc cho anh nghe những câu hỏi và câu trả lời theo thứ tự ghi chép.

"Cái này đang thuộc về ai?" - "Về người đã ra đi".

"Cái này sẽ thuộc về ai?" - "Về người sẽ đi đến".

"Cái này đã có từ tháng mấy?" - "Tháng thứ sáu, tính từ tháng thứ nhất trở đi"

"Mặt trời ở đâu" - "Trên ngọn cây sồi".

"Bóng của nó ở đâu?" - "Ở dưới gốc cây du"

"Cần bước mấy bước?"

"Về phía bắc - 10 và 10; đi về phía đông - 5 và 5; về phía nam - 2 và 2; về phía tây - 1 và 1, và đi xuống dưới".

“Chúng ta sẽ hiến dâng cái gì cho việc ấy” - “Tất cả những gì mà chúng ta có”.

“Vì cái gì mà chúng ta hiến dâng?” - “Vì trách nhiệm, nghĩa vụ”

- Trong nguyên bản không thấy ghi ngày tháng - Musgrave nhận xét - Nhưng theo lối viết và ngữ pháp thì tớ đoán khoảng giữa thế kỷ XVII. Tớ e rằng những tài liệu này không giúp được gì cho cậu trong việc giải quyết điều bí ẩn ở dinh thự của tớ.

- Cũng có thể, nhưng nó đặt ra trước mắt chúng ta một câu đố thứ hai. - Tôi trả lời. - Một câu đố gợi trí tò mò một cách thích thú. Nếu ta giải được câu đố này thì có khả năng khám phá ra đáp số của bài toán thứ nhất. Tớ hy vọng, cậu sẽ không giận tớ Musgrave ạ, người hầu trai của cậu là một người thông minh, khôn ngoan và nhạy bén, thấu hiểu mọi vấn đề hơn hẳn chủ anh ta đến mười lần.

- Thú thật, tớ không hiểu cậu định nói cái gì? - Musgrave trả lời. - Tớ nghĩ, tờ giấy này không có một chút ý nghĩa thực tế nào hết.

- Riêng tớ thì cho rằng nó rất quan trọng, có lẽ Brunton có suy nghĩ giống tớ. Chắc là anh chàng hầu trai kia đã nhìn thấy tờ giấy này trước đêm mà cậu bắt quả tang anh ta.

- Hoàn toàn có thể, chúng tớ không giấu kín là cái gì.

- Chính xác hơn, lúc ấy anh ta chỉ muốn xem để nhớ nội dung. Theo tớ hiểu, anh ta đã cầm trên tay một tấm bản đồ, đang so sánh với bản chép tay. Khi nhìn thấy cậu, thì anh ta vội vàng nhét bản đồ vào túi.

- Đúng, nhưng anh ta cần xem tờ tiết lễ có tính chất gia giáo của chúng tớ để làm gì? Sự đam mê khờ dại kia chẳng dẫn đến kết quả nào hết?

- Tớ thiết nghĩ chúng ta có khả năng tìm được đáp số không đến nỗi khó khăn. - Tôi đáp, nếu cậu đồng ý, chúng ta sẽ đi chuyển tàu đầu tiên đến Sussex và mổ xẻ thật kỹ vụ này tại hiện trường.

Chúng tôi có mặt tại dinh thự Hurlstone trong ngày hôm ấy. Anh

đã thấy bức tranh họa ngôi nhà này chưa? Anh đã đọc được những đoạn người ta miêu tả về nó chưa? Tôi nói cho anh rõ, dinh thự này có hình dáng "L" một mái dài, trông ra dáng hơi hiện đại, còn một mái ngắn cũn cỡn trông rất cổ kính. Có thể vì đó là chiếc bào thai đã sản sinh ra tất cả. Ngay phía trên cánh cửa hẹp, nặng nề ở ngay trung tâm có khắc năm xây dựng "1607". Nhưng những nhà am hiểu lịch sử và kiến trúc thì cho rằng, những thanh xà gỗ, đá lát nền còn cổ kính lâu đời hơn nhiều. Ở thế kỷ trước, người ta thấy những bức tượng dày quái dị, cửa sổ thì bé tẹo nằm ngay phần chính ngôi nhà, đã thôi thúc chủ nhân phải xây thêm một mái nhà mới, mái nhà cũ chỉ dùng làm kho và hầm chứa, phần còn lại thì bỏ trống. Xung quanh dinh thự có một công viên bao bọc, ở trong trồng nhiều loại cây cổ thụ che mắt rất tuyệt. Còn cái hồ, hay cái ao như người khách đã nhắc tới, nằm cuối hàng cây, cách nhà chừng 200 yard.

Lúc bấy giờ, tôi cứ đinh ninh rằng không hề có ba bài toán riêng biệt, mà chỉ tồn tại một câu đố duy nhất. Nếu tôi thành công việc giải mã bộ nghi lễ nhà Musgrave, chắc chắn tôi sẽ tìm ra chiếc chìa khóa để khám phá vụ mất tích của Brunton và Howells. Tôi tập trung toàn bộ năng lực và thời gian lao vào công việc. Tại sao Brunton lại cố gắng miệt mài nghiên cứu. Bộ nghi lễ có nội dung thật kỳ lạ và hơi ngớ ngẩn? Rõ ràng anh ta đã đọc được ý nghĩa của nó, ý nghĩa này đã đánh lạc hướng nhiều thế hệ chủ nhân khu dinh thự. Điều này, không thể là cái gì khác ngoài việc anh ta hy vọng sẽ được món hời riêng cho bản thân mình. Món hời này là gì? Vì sao lại làm thay đổi số phận anh ta?

Khi đã nghiên cứu kỹ tờ giấy, tôi đã sáng tỏ được một điều: các con số có liên quan đến một địa điểm nào đó có khả năng giấu vật gì đó đã được nhắc tới ở phần đầu bộ nghi lễ. Nếu chúng ta phát hiện được điểm đó, thì chúng ta sẽ tìm được con đường đúng đắn để vạch ra điều bí mật - bí mật này đã được tổ tiên anh chàng Musgrave, biến thành mật mã theo kiểu gia phả. Để tiến hành công việc tìm kiếm, trong tay chúng ta đã có hai vật làm chuẩn. Đó là cây sồi và cây du. Về cây sồi thì không còn gì để nghi ngờ. Ngay trước mặt ngôi nhà, bên trái con đường, có một cây sồi cổ thụ, ra dáng già lão nhất. Đó là một cây sồi vĩ đại, đồ sộ nhất mà bây giờ tôi mới có dịp nhìn thấy.

- Khi viết "Bộ nghi lễ" này, cây sồi này đã có chưa? – Tôi hỏi

Musgrave.

- Cậu nói gì? Theo tớ nó có từ thời trung cổ kia - Anh ta trả lời.

- Thân nó to để đến 23 food.

Một điểm chính được sáng tỏ.

- Ở đây ngày trước có cây du cổ thụ nào không? - Tôi hỏi.

- Cách đây không xa có một cây khá to, nhưng mười năm trước đây một cơn sét đã đánh trúng nó, người ta đã đào gốc nó lên rồi.

- Cậu còn nhớ chỗ nó mọc chứ?

- Tất nhiên, tớ nhớ.

- Còn những cây du khác, quanh đây có nhiều không?

- Cây cổ thụ thì không, còn cây con rất nhiều.

- Tớ muốn biết cây du đã mọc ở đâu.



Chúng tôi đi đến bằng xe kéo, anh bạn của tôi không bước vào nhà, mà dẫn tôi tới ngay chỗ cây du trước kia đã sống, bây giờ ở đó là một bãi cỏ xanh rì. Vị trí này bằng nửa đường giữa cây sồi và ngôi nhà. Công việc tìm kiếm của chúng tôi rất trôi chảy tốt đẹp.

- Chà, gay go thật, làm sao chúng ta xác định được độ cao của cây du? - Tôi hơi chán nản hỏi.

- Ngay bây giờ tớ có thể trả lời cho cậu: Nó cao 64 foot.

- Làm sao cậu biết chính xác thế? - Tôi ngạc nhiên thốt lên.

- Ngày trước, ông giáo đại học của tớ, có ra bài tập về môn lượng giác; ông bắt tớ xác định độ cao, đo chiều dài... Vì thế, khi còn nhỏ tớ đã đo các cây và những vật được xây dựng trong dinh cơ này.

Một kết quả đến quá bất ngờ. Một nguồn tin đến với tôi nhanh hơn dự tính.

- Cậu làm ơn cho tớ biết, thẳng hầu của cậu có bao giờ hỏi một câu đại loại như tớ hỏi không? - Tôi hỏi.

Musgrave nhìn tôi ngạc nhiên.

- Nghe cậu nhắc chuyện này - Anh ta nói. - Tớ nhớ lại cách đây vài tháng Brunton có hỏi tớ về độ cao cây du đó. Anh ta giải thích rằng, có một trận cãi vã, cá độ về cây du với một người đày tớ khác... Điều này, chúng tớ tôi đã đi đúng hướng, Watson ạ. Tôi nhìn lên mặt trời, trời đã chuyển về chiều. Tôi nghĩ khoảng một giờ nữa mặt trời sẽ nằm chếch đúng trên ngọn cây sồi cổ thụ.

Điều kiện thứ nhất ghi trên tờ giấy sẽ được thực hiện. Điểm nào dính líu đến bóng cây du? Ở đây họ muốn chỉ bóng xa nhất của nó. Tôi phải xác định điểm cuối của bóng cây du, xem nó sẽ ngã đến đâu khi mặt trời đứng ngay trên ngọn cây sồi.

- Chuyện này không đơn giản phải không Holmes? Vì cây du không còn ở đấy nữa.

- Tất nhiên là khó. Nhưng tôi biết, nếu Brunton làm được thì tôi cũng phải làm được. Hơn nữa đấy không phải là chuyện khó như anh tưởng đâu. Tôi cùng với Musgrave đi vào trong phòng của anh ta, rồi chặt lấy một cái cọc nhỏ, buộc vào đó một sợi dây; đánh dấu từng đoạn, mỗi đoạn bằng một yard. Sau đó, tôi nối hai chiếc cần câu lại và trong tay tôi có một đoạn dài 64 foot. Tôi cũng cùng anh bạn tôi đi đến chỗ cây du mọc. Mặt trời vừa vặn lơ lửng trên ngọn sồi. Tôi cầm đoạn cây của tôi xuống đất xác định bóng của nó ngã theo hướng nào, và đo bóng của nó đúng 9 foot. Hướng của chúng thì trùng nhau rồi. Tôi đo khoảng cách ấy, bóng cây du trong tính toán dẫn tôi đến một điểm gần sát bức tường của ngôi nhà, tôi đóng cọc làm dấu. Watson, anh có biết tôi sung sướng như thế nào không? Cách cây cọc của tôi 2 inch, tôi nhìn thấy có một cái lỗ hình côn! Tôi hiểu đấy là điểm làm dấu của Brunton khi anh ta tiến hành đo tính. Tôi đã lần theo dấu vết của anh ta.

Từ điểm xuất phát ấy tôi bắt đầu đếm bước, trước đó tôi đã dùng la bàn để xác định phương hướng. Mười bước và thêm mười bước nữa tôi hiểu mỗi chân bước mười bước. Theo phương bắc, tôi bước hai mươi bước, dọc theo bức tường tôi đóng cọc làm dấu, sau đó

trước năm bước, rồi sau năm bước nữa theo hướng đông, rồi hai bước và hai bước theo hướng nam. Đến đây tôi đứng ngay trước một cánh cửa cũ kỹ. Chỉ còn lại một bước và một bước nữa theo hướng tây, nhưng như thế tôi buộc phải đi xuyên qua hành lang lát toàn bằng đá tảng. Chẳng lẽ, đây chính là điểm ghi trong gia phả? Trong đời chưa bao giờ tôi gặp phải một chuyện đau khổ và đáng buồn như vậy, Watson ạ. Trong một giây, tôi có ý nghĩ hay tính toán của mình bị nhằm lẫn chỗ nào chẳng? Mặt trời chiếu rực rỡ, soi rõ nền của hành lang, những tấm đá lát cũ kỹ được trát xi măng kín mít, tất nhiên hàng trăm năm nay chưa hề suy chuyển. Rõ một điều là Brunton chưa đụng đến đây. Tôi gõ gõ một vài chỗ trên nền đá, nhưng khắp nơi đều nghe thấy tiếng kêu giống nhau; không cố một dấu hiệu nào chứng tỏ có vết nứt hoặc khe hở. Rất may, anh chàng Musgrave đã bắt đầu hiểu ra ý nghĩa việc làm của tôi. Lúc này, anh ta ít hồi hộp, lo lắng hơn tôi. Anh lấy tờ gia phả ra để kiểm nghiệm lại các phép tính của tôi.



- Và chui xuống nữa! - Anh ta chột reo lên. – Cậu đã quên mất câu

“... và chui xuống”.

Tôi vỡ lẽ ra tất cả. Có nghĩa là phải đào đất để tìm nhưng lúc ấy tôi bỗng trở nên thông thái lạ thường và biết rằng mình đã nhầm.

- Như vậy có nghĩa, ở đây có một tầng ngầm? - Tôi thốt lên.

- Đúng, nó được xây đồng thời với ngôi nhà. Nào, nhanh chóng đi xuống, đi qua cánh cửa này! - Musgrave nói.

Dọc theo cầu thang xoắn chôn ốc xây bằng đá, chúng tôi đi xuống hầm ngầm. Anh bạn của tôi quẹt diêm châm cây đèn lớn để trên chiếc thùng phi. Trong khoảnh khắc, chúng tôi đều khẳng định là mình đã đi đúng hướng. Chúng tôi cũng nhận thấy, có người nào đó đã đến đây trước chúng tôi chỉ mới hai, ba ngày.

Ở tầng hầm này, người ta chắt đầy củi; những thanh củi trước kia trải đầy mặt đất, giờ đã được dồn sát chân tường, giải phóng một khoảng không gian ở giữa. Ở đây có một phiến đá rộng, to và nặng nề đang nằm chình ình. Giữa phiến đá được gắn một cái vòng bằng sắt đã hoen rỉ; trong vòng sắt có ai đã buộc một chiếc khăn quàng cổ, vài ca rô trông còn khá tốt.

- Quỷ tha ma bắt, cái khăn của Brunton! Nhưng sao nó lại ở đây? - Musgrave thốt lên ngạc nhiên và giận dữ - Tớ đã trông thấy hăn quàng chiếc khăn này ở cổ. Nhưng chẳng hiểu cái gì, mất dạy làm gì ở đây kia chứ?

Theo đề nghị của tôi, người ta cho mời hai viên cảnh sát địa phương đến. Với sự có mặt của họ, tôi toan nhấc phiến đá lên. Nhưng với sức lực của tôi phiến đá chỉ hơi nhấc khe khẽ.

Nhờ sự giúp đỡ của viên cảnh sát, tôi mới làm nổi công việc dịch chuyển phiến đá sang một bên. Dưới phiến đá là một cái hố đen ngòm, toang hoác miệng; tất cả chúng tôi đều nhòm vào. Musgrave quỳ xuống, và đưa thấp ngọn đèn xuống miệng hố.

Chúng tôi trông thấy chiếc hầm hình vuông chật hẹp, sâu độ 7 foot, rộng mỗi bên độ 4 foot. Một chiếc rương nhỏ, làm bằng gỗ được nẹp bốn góc bằng đồng, nằm dưới hầm. Một chiếc khóa cũ kỹ trông ngồ ngộ, đang lắc lư trong ổ khoá. Bụi phủ đầy chiếc rương,

hơi ẩm mốc đã làm phần gỗ phía trong mục nát. Vài đồng xu bằng kim khí - giống như những đồng xu anh trông thấy ở đây, đó là những đồng bạc thời xưa, lẫn lóc nằm dưới đáy rương. Ngoài mấy thứ đó ra, trong rương không còn bất kỳ vật nào. Tuy thế trong mấy phút đầu, chúng tôi không chú ý lắm đến rương, mà tất cả cặp mắt đều đổ dồn vào vật đang nằm bên cạnh rương.



Một người đàn ông, mặc đồ đen đang ngồi chồm hổm, đầu gục xuống, hai tay ôm chặt lấy rương. Khuôn mặt của người đó trắng bệch và biến dạng không thể nào nhận ra. Nhưng, khi chúng tôi dựng anh ta lên, Musgrave phán đoán theo tầm vóc kích thước, quần áo, tóc tai của kẻ bất hạnh và đã nhận ra đây chính là anh chàng Brunton bị mất tích. Brunton chết trước đó vài ngày, nhưng trên người anh ta không tìm thấy dấu vết thương tích... để có thể làm sáng tỏ số phận bi đát của anh ta. Khi chúng tôi lôi được xác chết lên khỏi hầm, chúng tôi lại đứng trước một bài toán hóc búa, không kém phần đau đầu, so với giải đáp mà chúng tôi vừa khám phá ra...

Thú thật với anh, Watson ạ! Tôi rất nản lòng và chán chường trước kết quả của công cuộc tìm kiếm. Tôi chỉ nghĩ rằng, tìm được địa điểm bí mật đã ghi trong gia phả lâu đời, thì mọi việc sẽ được sáng tỏ; nhưng khi đứng đúng chỗ cần tìm, thì mọi bí mật của nhà Musgrave vẫn còn quá mù mịt. Thật ra, tôi đã làm rõ việc Brunton mất tích, nhưng tôi phải giải quyết một vấn đề, để làm sáng tỏ một điều; Bằng cách nào số phận của Brunton lại bi đát đến như thế: còn người hầu gái kia có đóng vai trò gì không? Tôi ngồi xuống một chiếc thùng gỗ kê trong góc, suy tính trong óc mọi tình tiết của câu chuyện đã xảy ra...

Watson, anh biết phương pháp của tôi trong những trường hợp tương tự: Tôi đặt mình vào trường hợp kẻ hành động; trước hết cần nắm được trình độ suy luận và mức độ thông minh của anh ta. Tôi sẽ tưởng tượng mình là kẻ đó thì mình sẽ hành động ra sao? Chuyện này có đơn giản hơn, vì Brunton là kẻ có bộ óc không phải là tầm thường, tôi không phải mất công lắm để tính toán mức độ chênh lệch giữa trình độ suy luận của anh ta so với tôi. Brunton biết có một vật quý giá đang được cất giấu ở đâu đó. Anh ta đủ trí thông minh để xác định được chính xác vị trí. Anh ta biết chắc chắn rằng, tấm đá che miệng hầm rất nặng, một người thì không tài nào nhấc nổi. Sau đó, anh ta sẽ làm gì? Anh ta không thể cầu cứu người lạ được. Nếu tìm được một người mà anh ta tin tưởng, thì dẫu sao, khi đóng chặt cánh cổng từ bên ngoài, anh ta cũng thừa hiểu mình đi một bước quá liều lĩnh. Tốt hơn hết, nên tìm một người ở ngay trong dinh thự nhà Musgrave. Nhưng Brunton cần tìm ai bây giờ? Người hầu gái kia đã có một thời yêu thương anh ta. Người đàn ông, dù có những hành động đáng trách với người phụ nữ, nhưng anh ta vẫn tin rằng, tình yêu dành cho anh ta không phải là đã hết.

Khi gặp cô hầu gái Rachel, Brunton đã làm lành với cô ta, và thuyết phục để cô ta đồng lõa với hắn. Chờ khi đêm đã khuya, họ cùng nhau xuống tầng hầm, và hợp sức để đẩy tảng đá. Đến phút này, hành động của bọn họ rõ ràng như chính tôi đã quan sát bằng cặp mắt mình. Nhưng trong hai kẻ phạm tội, có một phụ nữ, rõ ràng đây không phải là một công việc nhẹ nhàng; tôi với anh chàng cảnh sát phải chật vật lắm mới đẩy được tảng đá sang một bên. Họ đã làm gì để giảm nhẹ công việc. Đúng, tôi cũng phải làm như họ đã làm. Tôi chăm chú nhìn vào đồng củi lẩn lóc, và tôi tìm thấy ngay cái tôi

đang mong đợi. Có một khúc củi dài khoảng 3 foot đã bị hơi vụn gãy ở một đầu, một cây khác thì bị bẹp dí: rõ ràng nó bị một vật nặng đè lên. Có thể, trong lúc nâng tấm đá, Brunton và cô hầu đã lèn những thanh củi vào khe hở; khi cái lỗ chưa đủ để chui vào, họ đã lèn thêm một cây củi nữa, cây này được dựng đứng nên vì thế nó mới bị vụn gãy ở đoạn cuối - chính tảng đá đã đè toàn bộ trọng lượng lên thanh củi. Những giả thiết của tôi hoàn toàn có căn cứ hẳn hoi.

Tôi phải suy xét thế nào đây, để có thể dựng lại toàn bộ bức tranh của tấn thảm kịch ban đêm? Nhất định chỉ có một người lọt vào hầm, và kẻ đó chắc phải là Brunton. Còn cô gái, có lẽ đã đứng ở phía trên chờ đợi. Brunton đã mở nắp chiếc rương và lấy hết mọi thứ chuyển lên trên cho cô gái, điều này không thể chối cãi vì chiếc rương còn lại rỗng không...



Tiếp theo, cái gì đã xảy ra? Có thể, sự khao khát trả thù anh chàng bội tình đang bùng cháy trong lòng cô gái nóng tính kia, khi cô nhìn thấy tính mạng của người tình bội bạc đang nằm trong tay

mình. Cũng có thể, tình cờ cây gỗ ngã xuống, và tảng đá đã nhốt chặt Brunton trong hầm - trong một chiếc quan tài bằng đá. Nếu như chiều hướng thứ hai, thì Rachel chỉ có lỗi là đã làm thình, không báo cho mọi người biết chuyện đã xảy ra. Hoặc cô ta đã cố ý rút cây gỗ lên, làm cho tấm đá rơi xuống chỗ cũ? Hoặc là thế này, hoặc là thế khác. Nhưng tôi mừng tượng thấy trước mặt tôi người phụ nữ kia: Sau khi giấu chặt trong ngực vật quý giá mới tìm thấy được; cô ta chạy như bay theo cầu thang xoắn ốc để tránh không phải nghe thấy những tiếng rên vì ngạt thở và những tiếng đập cầu cứu tuyệt vọng của người tình lờng gạt. Đây chính là nguyên nhân đã làm cho cô ta hoảng hốt, nhột nhạt, kích động và nổi lên những tràng cười điên loạn vào sáng hôm sau. Vật gì đã nằm trong chiếc rương kia? Cô gái đã làm gì với những vật đó? Không nghi ngờ gì nữa, đó chính là những mảnh kim loại cũ kỹ và những tấm đá vụn, mà cô ta đã kịp ném xuống ao để nhằm che giấu tội lỗi của mình...

Tôi đã ngồi bất động chừng hai mươi phút. Musgrave người nhột nhạt; vẫn đứng cầm ngọn đèn soi xuống hầm và nhìn ngơ ngẩn.

- Đây là những đồng tiền của thời vua Charles đệ nhất - Anh nói và chìa cho tôi xem vài ba đồng xu tròn tròn. - Cậu thấy không, tớ đã đoán chính xác thời gian ra đời của "Bộ nghi lễ".

- Đây chưa phải là hết. Chúng ta sẽ phải tìm một vật còn sót lại của đế chế Charles đệ nhất! - Tôi thốt lên, khi nhớ lại hai câu hỏi đầu ghi trong gia phả.

- Cậu cho tớ xem vật đã chứa trong bao tải, mà cậu tìm thấy dưới đáy ao.

Chúng tôi cùng bước về phòng Musgrave, anh ta đổ ra trước mặt tôi một đống những mảnh vụn. Tôi ngắm kỹ những thứ của nợ đó, và bỗng hiểu ra vì sao Musgrave coi nó không ý nghĩa gì hết; bởi vì kim loại thì bị đen, còn mảnh đá thì bị mất hết màu sắc và đục lờ mờ. Tôi lấy ống tay áo lau chùi một mảnh, nó bỗng sáng lấp lánh như một ngọn lửa trong lòng bàn tay tôi.

- Chắc cậu hiểu, - Tôi nói với Musgrave - Tập đoàn của nhà vua vẫn tiếp tục thống trị nước Anh, ngay cả khi nhà vua đã chết. Rất có thể, trước lúc bỏ chạy những thành viên tập đoàn Charles đệ nhất -

là vua nước Anh, đã bị lật đổ và xử tử. Họ đã cất giấu những vật quý giá nhất ở một nơi bí mật, với hy vọng sẽ quay về khi tình hình yên ổn.

- Ông cố nội tớ - ngài Ralph Musgrave, có một vị trí quan trọng trong triều đình và là cánh tay phải đắc lực của vua Charles đệ nhị, trong thời gian nhà vua còn phiêu bạt.

- À? - Tôi thốt lên, - Thật tuyệt vời, mắt xích cuối cùng đã tìm ra. Xin chúc mừng cậu Musgrave! Sau cuộc thăng trầm, gian truân, đày ải, cậu đã nghiêm nhiên trở thành chủ nhân của một thánh vật, nó có một giá trị vô cùng to lớn, bởi bản thân nó là một của quý. Nhưng nó còn có một ý nghĩa quan trọng hơn là tính lịch sử vô cùng quý giá của nó.

- Vật gì vậy? - Anh ta hỏi tôi với vẻ hồi hộp vô cùng.

- Đây chính là chiếc vương miện của các nhà vua nước Anh.

- Vương miện?!

- Đúng. Vương miện. Cậu hãy nhớ câu ghi trong gia phả thế này: "Cái này thuộc về ai?" - "Về người đã ra đi". Lời này được viết khi Charles đệ nhất bị chết. "Cái này sẽ thuộc về ai?". "Về người lên thay". Câu này có ý nói về Charles đệ nhị. Việc lên ngôi đã được tiên đoán từ trước, không còn nghi ngờ gì nữa, chiếc vương miện đã bị hỏng, mất hết hình thù oai nghiêm của nó, đã từng đội trên đầu các ông vua từ triều đại Stuarts.

- Nhưng làm sao nó lại biến được xuống đáy ao?

- Câu hỏi này không thể trả lời trong một phút.

Thế là tôi phải lần lượt kể lại cho Musgrave nghe toàn bộ quá trình, từ những giả thiết cho đến những dẫn chứng của mình. Khi tôi kết thúc câu chuyện thì trời bắt đầu nhá nhem, và trên bầu trời xuất hiện mặt trăng soi sáng, bàng bạc rạng rỡ.

- Nhưng tại sao, khi quay về với vua Charles đệ nhị đã không lấy lại vương miện của mình? - Musgrave hỏi và nhét tất cả những mảnh thánh vật quý báu vào bao tải.

- Cậu nêu lên một vấn đề mà chúng ta không tài nào giải đáp được. Có lẽ, ông Ralph Musgrave, người nắm được bí mật này, trước khi chết đã trao lại cho người kế tiếp, nhưng sau đó không ai giải thích được nội dung, ý nghĩa. Từ đó đến nay, "Bộ nghi lễ" gia phả kia được lưu truyền từ đời cha cho đến đời con. Cuối cùng đã lọt vào tay một kẻ có khả năng khám phá ra điều bí ẩn, nhưng kẻ đó phải trả cho nó một cái giá quá đắt...

Watson, câu chuyện về "Bộ nghi lễ của nhà Musgrave" chỉ có thế. Cho đến bây giờ, chiếc vương miện vẫn nằm ở dinh thự Hurlstone, mặc dù chủ nhân của nó đã phải vất vả, chi phí một món tiền khá lớn; trong lúc người ta chưa được phép chính thức giữ chiếc vương miện ở bên cạnh. Nếu anh muốn ngắm nhìn chiếc vương miện, anh chỉ cần hô tên của tôi lên thì người ta ngay lập tức cho anh xem liền. Còn người hầu gái đã biệt âm vô tín. Có khả năng cô nàng đã từ giã nước Anh và suốt đời mang theo kỷ niệm về hành động phạm pháp của mình.

☞

VỤ ÁN Ở RAIGATE

The Reigate Puzzle

Ngày 14 tháng 4 năm 1887 tôi nhận được một bức điện gửi từ Lyon báo tin Holmes bị ngã bệnh, phải nằm liệt giường ở khách sạn Dulong. Trong vòng 24 giờ, tôi đã sang nước Pháp, tới tận bên giường anh và thấy bệnh không trầm trọng. Thể trạng anh cứng cáp như sắt thép nhưng cũng không chịu nổi trước một cuộc điều tra kéo dài hai tháng; trong thời gian đó, mỗi ngày anh phải làm việc trên 15 tiếng đồng hồ: anh còn xác nhận là có lúc anh không được nghỉ ngơi lấy một tiếng đồng hồ trong 5 ngày liên tiếp.

Ba ngày sau đó, chúng tôi quay về nhà ở phố Baker. Nhưng đại tá Hayter, người bạn thân mà tôi đã chăm sóc bên xứ Atghanistan, đã tậu được một ngôi nhà ở gần Reigate, trong hạt Surrey, và ông thường mời tôi và Holmes tới đó để đổi gió. Khi Holmes được biết đại tá là người độc thân thì anh liền đồng ý. Thế là, một tuần sau ngày trở về London, chúng tôi tới nhà đại tá Hayter.

Buổi tối hôm đến nơi, chúng tôi quây quần trong phòng trưng bày vũ khí. Holmes nằm dài trên ghế trường kỷ, trong lúc Hayter và tôi xem bộ sưu tập súng. Đại tá nói:

- Nhân đây, tôi sẽ đem lên lầu một trong những khẩu súng lục này để phòng ngừa trường hợp chúng ta cần báo động.

- Báo động ư? - Tôi kêu lên.

- Phải, mới đây ông già Acton đã bị trộm tới viếng đêm thứ hai tuần qua. Thiệt hại thì không đáng kể, nhưng tên trộm vẫn chưa bị bắt.

- Không có hướng điều tra nào sao? - Holmes hỏi, liếc nhìn ông đại tá.

- Cho tới nay thì không. Nhưng đây là một vụ đáng kể, một vụ trộm vặt ở thôn quê, hoàn toàn không đáng làm cho ông phải bận tâm sau cái vụ quốc tế lớn lao kia.

Holmes khua tay như gạt bỏ lời khen ngợi, nhưng nụ cười của anh lại chứng tỏ là anh lấy thế làm khoái chí.

- Không có chi tiết đặc trưng nào sao?

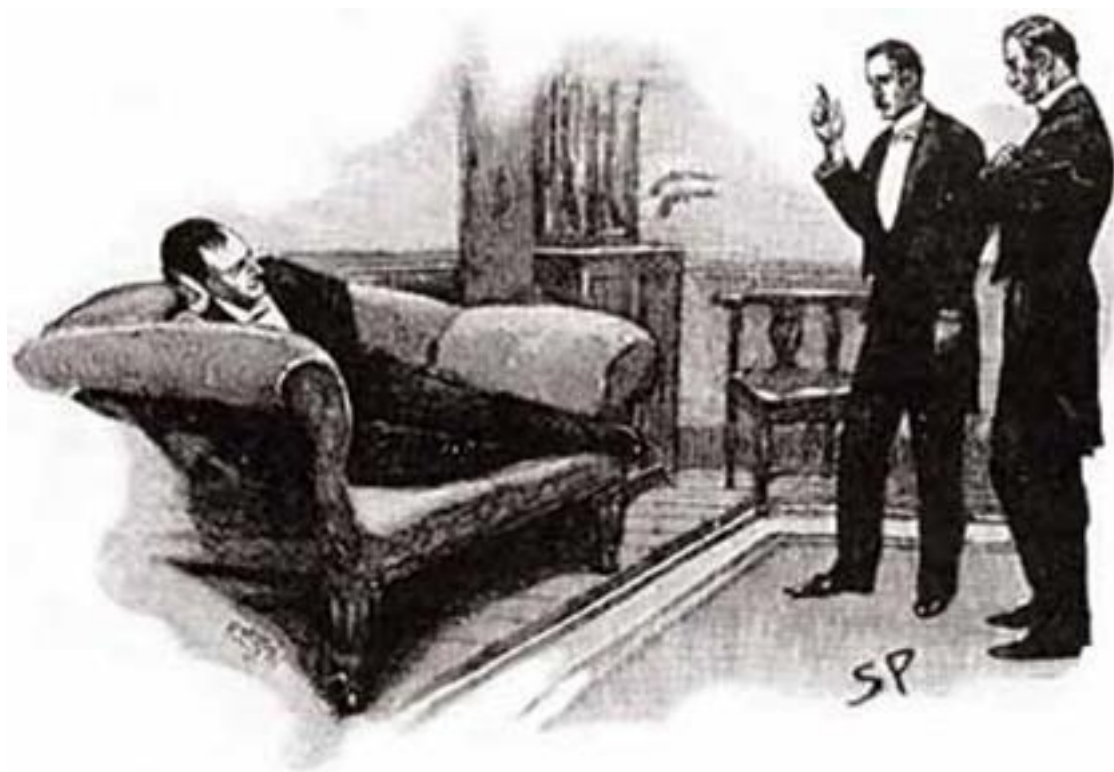
- Không. Bọn trộm đã lục tung cái thư viện. Tất cả căn phòng đã bị đảo lộn tùng phèo, các ngăn kéo bị mở tung, giấy tờ bị ném tung tóe. Các món bị mất chỉ có: một cuốn sách, hai cây đèn nền bọc quý kim, một phong vũ biểu nhỏ bằng gỗ sồi và một cuộn dây mảnh.

- Một lô hàng kỳ lạ! - Tôi thì thầm.

- Ồ, hiển nhiên là bọn trộm đã vội quơ lấy những gì mà chúng có thể mang theo.

Trên ghế trường kỷ, Holmes buông ra một tiếng làu bàu:

- Cảnh sát địa phương hẳn rút ra một điều gì đó chứ! Coi nào, thật rõ ràng là...



Nhưng tôi giơ một ngón tay lên:

- Anh tới đây là để nghỉ ngơi, anh chớ có lao mình vào một vấn đề nào, trong lúc hệ thần kinh còn đang rã rời.

Holmes nhún vai, ném về phía ông đại tá một tia nhìn mang dấu cam chịu rồi câu chuyện chuyển sang những đề tài bớt nguy hiểm hơn.

Tuy nhiên chúng tôi đang dùng điểm tâm thì người quản gia của đại tá ulla vào trong phòng.

- Ông đã hay tin gì chưa? thưa ông?... Ở đằng nhà cụ Cunningham đó, thưa ông!

Ông đại tá bất động với tách cà phê trong tay, lơ lửng giữa mặt bàn và miệng ông.

- Trộm à?

- Một vụ giết người!

Ông đại tá nghiêng răng và rít lên:

- Mẹ kiếp! Ai bị giết? Ông tòa hòa giải hay là con ông ta.

- Gã đánh xe ngựa. Một phát trúng tim. Chết mà chẳng nói lấy nửa lời.

- Ai đã giết anh ta?

- Kẻ trộm. Hắn đã biến mất. Hắn vừa bẻ gãy cửa sổ gian bếp phụ thì William tới đó. William đã mất mạng khi bảo vệ của cải cho chủ mình.

- Lúc đó là mấy giờ?

- Vào khoảng nửa đêm.

- Tốt. Lát nữa, chúng tôi sẽ tới đó. - Ông nói với giọng rất thản nhiên.

Ông chờ cho người quản gia ra khỏi phòng rồi mới nói thêm:

- Chuyện tồi tệ! Ông già Cunningham là một nhân vật rất có thể lực ở đây, hơn nữa, ông là một người trung hậu. Ông sẽ đau khổ, bởi vì người đánh xe là một người đầy tớ rất tốt. Chắc là cũng cùng

những tên trộm cướp đã tới viếng nhà Acton.

- Và là kẻ đã ăn trộm cái sưu tập quá đặc biệt đó ư? - Holmes hỏi với vẻ ngẫm nghĩ.

- Đúng vậy.

- Hừm!

Thoạt nhìn sự việc ra vẻ kỳ cục. Thông thường một băng trộm cắp hoạt động tại một vùng không hề thực hiện hai lần trong cùng một thành phố, cách nhau có vài ngày. Tối qua, khi ông nói cần đề phòng, tôi đã nghĩ rằng Riegate là giáo khu sau chót ở nước Anh bị bọn trộm để ý tới.

- Nếu vấn đề là do một tên chuyên nghiệp ở địa phương thì hiển nhiên hai gia đình Acton và Cunningham là những nhà lớn nhất trong xứ này mà.

- Và là những nhà giàu có nhất chứ?

- Họ giàu từ trước, song từ nhiều năm qua, chủ nhân của cả hai nhà đã dẫn vào một cuộc tranh tụng kéo dài và nay họ bị sạt nghiệp, ấy là theo ý tôi. Ông già Acton hiện đòi lại phần nửa cơ nghiệp của nhà Cunningham. ở cả hai bên, các luật gia đều đòi thù lao thật đắt...

- "Nếu là một tên vô lại ở trong vùng lân cận, hẳn người ta sẽ tóm cổ hắn dễ dàng". Holmes nói, cố nén một tiếng ngáp. "Anh đừng có lo sợ, anh Watson! Tôi chẳng can thiệp vào chuyện này đâu."

- Thanh tra Forrester đến, thưa ông! - Người quản gia loan báo khi mở cửa ra.

Người đại diện của cảnh sát còn rất trẻ, trông có vẻ đàng hoàng, bước vào trong phòng.



- Xin chào, thưa đại tá. Tôi hy vọng làm phiền đại tá? Nhưng chúng tôi được biết là ông Holmes đang có mặt nơi đây...

Ông đại tá chỉ vào bạn tôi. Viên thanh tra nghiêng mình chào.

- Thưa ông Holmes, chúng tôi mong rằng ông sẵn lòng cùng đi ít bước với tôi.

- "Số mệnh đã chống lại anh rồi, Watson ơi"! Holmes vừa kêu lên vừa cười. "Chúng tôi đang bàn luận về vụ án thì ông tới đó, ông thanh tra. Ông có thể cho chúng tôi biết vài chi tiết không?"

Khi tôi thấy Holmes ngồi ngả vào thành ghế dựa với một trong những tư thế được anh ưa thích thì tôi thất vọng.

- Chúng tôi không có một dấu vết nào trong vụ Acton. Nhưng chắc chắn là cả hai vụ đều do cùng một băng nhóm gây ra. Người phạm tội đã bị nhận diện.

- A!

- Vâng, nhưng hấn chuồn đi như một cơn gió, sau khi đã nổ súng

vào William Kirwan. Cụ Cunningham đã trông thấy y từ cửa sổ phòng cụ và con trai cụ, ông Alec Cunningham, cũng đã trông thấy từ cánh cửa sau, dành cho người giúp việc. Hồi 23 giờ 45 phút thì có tiếng báo động. Cụ Cunningham vừa vào giường, còn Alec thì đang hút thuốc. Cả hai đều nghe tiếng anh William kêu cứu. Ông Alec chạy vội xuống. Cánh cửa sau mở rộng. Khi tới chân cầu thang, ông thấy bên ngoài có hai người đang đánh nhau. Một trong hai người nổ một phát súng, người kia gục xuống, kẻ sát nhân nhảy bổ ra vườn và leo vượt hàng rào. Cụ Cunningham từ khuôn cửa sổ phòng mình, cũng thấy tên cướp nhảy ra tới đường, và mất dạng. Ông Alec đứng lại để xem có thể cứu giúp gì được cho người hấp hối, khiến cho kẻ sát nhân có thời giờ trốn thoát. Ngoài chi tiết hấn là người tầm thước và mặc vải sẫm, chúng tôi không còn thêm chi tiết đặc biệt nào khác.

- Anh chàng William làm gì tại đó? Anh ta nói được điều gì trước khi chết không?

- Không một lời. Anh ta ở cùng với bà mẹ trong nhà người gác cổng, đó là một người giúp việc tận tụy; có lẽ anh đã đi về phía ngôi nhà để xem mọi việc có bình thường không. Khi tên trộm vừa chạy phía xong cánh cửa sau, thì William nhào lên người hấn.

- William có nói gì với mẹ trước khi ra khỏi nhà không?

- Bà mẹ rất già lại điếc. Không tài nào moi được từ nơi bà một điều chỉ dẫn nào! Cái chết của con trai đã quật sục bà. Tuy nhiên, có một nguyên tố cực kỳ quan trọng. Ông hãy coi đây!

Viên thanh tra rút ra từ cuốn sổ tay một mảnh giấy nhỏ bị rách và ông mở rộng ra trên đầu gối.

- Mẩu giấy này được tìm thấy giữa hai ngón tay cái và ngón tay trỏ của nạn nhân. Dường như đây là một góc của một tờ giấy lớn hơn. Con số ghi trên mảnh giấy này là giờ mà William bị hạ sát. Kẻ sát nhân đã giật lấy phần còn lại của tờ giấy; nếu không, William đã có thể giành lấy nguyên vẹn tờ giấy rồi:

“... Vào lúc 11 giờ 45... sẽ được biết... nhiều ... rất hữu ích...”.

*- at guard to twelve
learn what
may*

Holmes cầm lấy tờ giấy.

- "Cứ cho đây là một cuộc hẹn". Viên thanh tra nói tiếp "Chúng ta có thể ngờ rằng, gã William mặc dù có tiếng là lương thiện, đã thông đồng với tên trộm. Gã đã gặp tên trộm ở đó, hoặc đã giúp tên trộm cạy cửa, rồi sau đó hai đứa gây lộn với nhau..."

- "Miếng giấy này hữu ích biết bao!" Holmes thì thầm sau khi quan sát nó rất kỹ, "Chúng ta bị ngập sâu trong nước hơn là tôi tưởng."

Anh vùi đầu trong hai bàn tay giữa lúc viên thanh tra cười thỏa mãn trước sự chú tâm của chuyên gia nổi tiếng ở London.

Holmes nói ngay sau đó:

- Điều nhận xét sau chót của ông thật là tài tình, tờ giấy này mở cho chúng ta...

Lần nữa anh lại gục mặt vào trong lòng hai bàn tay và anh khép kín mình trong vài phút vào tư tưởng của anh. Khi anh ngừng đầu lên, tôi ngạc nhiên thấy cặp mắt anh long lanh như trước những ngày chưa bệnh. Anh nháy cẳng lên với tất cả năng lực cũ của mình:

- Tôi đang nói gì với ông nhỉ: tôi muốn xem xét những chi tiết của vụ án. Nếu được ông cho phép, thưa đại tá, tôi sẽ đi dạo một vòng cùng với ông thanh tra để kiểm soát lại một vài ý nghĩ bông lông của tôi. Tôi sẽ trở về trong nửa tiếng.

Một tiếng rưỡi đã trôi qua. Viên thanh tra quay lại có một mình nói:

- Ông Holmes đang đi bách bộ ngoài đồng và muốn chúng ta đi tới ngôi nhà.

- Tới nhà cụ Cunningham sao?

- Vâng, thưa ông.

- Để làm gì?

Viên thanh tra nhún vai.

- Tôi không biết. Giữa chúng ta với nhau, tôi nghĩ rằng ông Holmes chưa được hoàn toàn bình phục. Ông cư xử một cách kỳ lạ, sôi động.

- Ông không cần phải lo âu. Anh ấy luôn luôn có phương pháp trong sự điên rồ - Tôi nói.

- Ông Holmes đầy nhiệt tình đòi đi, thưa đại tá. Nếu hai vị sẵn sàng, chúng ta cũng nên đến đó.

Chúng tôi gặp lại Holmes ngoài trời. Anh đi từng bước dài trên đường, cầm gục xuống ngực, hai bàn tay thọc sâu trong túi quần. Anh nói:

- Vụ án có tầm lợi ích đây. Anh Watson, chuyển đi chơi vùng quê này sẽ là một thành công đáng kể. Tôi đã hưởng một buổi sáng thú vị.

- Ông đã đi tới nơi xảy ra vụ án à? - Đại tá hỏi.

- Phải. Ông thanh tra và tôi.

- Đưa tới thành công chứ?

- Quả vậy, chúng tôi đã thấy nhiều điều khác nhau rất lý thú. Thoạt tiên, chúng tôi đã xem thi hài của kẻ bất hạnh: anh ta chết vì một viên đạn súng lục, như các anh đã được cho biết.

- Anh nghi ngờ chuyện đó sao?

- Ồ, luôn luôn nên kiểm tra tất cả. Việc quan sát của chúng tôi đã không vô ích. Sau đó chúng tôi có trao đổi với cụ Cunningham và con trai cụ. Alec hướng dẫn chúng tôi tới nơi mà kẻ sát nhân đã chuồn qua khi vượt hàng rào, trốn chạy. Rất đáng quan tâm.

- Tất nhiên.

- Chúng tôi đã gặp bà mẹ đau khổ nhưng không thu thập được điều gì. Bà đã quá yếu.

Và kết quả cuộc điều tra cho thấy là...

- ... tội ác này không tầm thường. Thưa ông thanh tra, giờ đây chúng ta đã đồng ý với nhau về mẫu giấy trên đó có viết giờ chết của nạn nhân?

- Mẫu giấy đó chẳng cho chúng ta một điều chỉ dẫn, thưa ông Holmes.

- Nó cho chúng ta thấy rõ: người viết bức thư đã lôi William ra khỏi giường trong đêm hôm khuya khoắt. Nhưng phần còn lại của tờ giấy hiện ở đâu?

- Tôi đã quan sát mặt đất rất kỹ với hy vọng tìm ra mẫu giấy đó. Viên thanh tra thì thào.

Mảnh giấy đã được giựt ra khỏi bàn tay người chết. Bởi vì tờ giấy đã kết tội y nên y đã nhét vội nó vào túi mà không hề để ý thấy một góc bị thiếu. Nếu thu hồi được phần còn lại của tờ giấy, thì chúng ta sẽ kết thúc vấn đề.

- Đúng. Nhưng phải làm thế nào bây giờ.

- Điều đó đáng tốn công. Còn một điểm này nữa. Lá thư đã được gửi tới cho William. Người viết thư đã không tự mình trao cho người nhận; nếu không, hẳn dùng lời nói chứ viết thư làm gì. Vậy ai đã chuyển bức thư? hoặc lá thư đã được gửi tới qua đường bưu điện?

- "Tôi đã cho điều tra về điểm đó", - viên thanh tra trả lời. "Hôm qua William có nhận được một lá thư trong chuyến phát thư buổi chiều. Anh ta hủy cái bao thư".

- "Tuyệt vời!" Holmes kêu lên khi vỗ lên lưng viên thanh tra. "Ông đã gặp nhân viên đưa thư. Thật thích thú khi được làm việc chung với ông! Tốt! Đây là nhà người gác cổng. Thưa đại tá, xin cho phép tôi được chỉ cho ông thấy nơi xảy ra tội ác."

- Chúng tôi đi ngang qua căn biệt thự nhỏ, nơi người đánh xe đã ở và leo lên một lối đi vào hai bên có trồng cây sồi, đưa tới một ngôi nhà cổ kính.

Một cảnh sát viên đứng gác ở cửa sau.

- "Xin ông vui lòng mở cửa ra". Holmes nói. "Giờ đây, các bạn trông thấy cái cầu thang này: chính từ những bậc thang đó mà cụ Cunningham đã trông thấy hai người vật lộn nhau tại nơi chúng ta đang đứng. Ông cụ đứng ở cửa sổ này, cái thứ hai bên tay trái, và cụ đã trông thấy kẻ sát nhân bỏ chạy ngay bên trái bụi cây. Alec cũng trông thấy y nữa. Sau đó, Alec đã chạy tới quỳ xuống bên người bị thương. Nền đất rất rắn, như các bạn có thể ghi nhận: không có dấu vết nào để hướng dẫn chúng ta.

Trong lúc anh nói, có hai người đi xuống lối vào vườn, sau khi đã đi vòng quanh nhà. Một người lớn tuổi, có một cái đầu mạnh mẽ, nhưng có nét nhăn sâu, mí mắt nặng trĩu. người kia là một thanh niên lạnh lợi.



- "Thế nào, vẫn còn về việc đó à?" Anh ta nói với Holmes. "Những người từ London đến, phải là những người không thể đánh bại. Nhưng quý vị không tiến tới được bao nhiêu".

- Cần phải cho chúng tôi một ít thì giờ. - Holmes trả lời bằng một giọng vui vẻ hồn nhiên.

- "Quý vị sẽ cần nhiều thời giờ nữa đây!" Alec nói đồng dục. "Dường như chúng ta không có một chỉ dẫn nhỏ nhoi nào".

- "Mỗi một", viên thanh tra trả lời, "Chúng ta sẽ tìm thấy... Lạy chúa tôi! Đây ông Holmes, ông làm sao vậy? Ông Holmes!".



Bộ mặt Holmes có một dáng vẻ đáng ghê sợ. Mắt anh đảo lộn tròn, nét mặt bị cơn đau làm cho quặn lại, khi buông ra một tiếng rên rỉ, anh té lăn xuống đất. Hoảng hốt, chúng tôi khiêng anh vào trong bếp, đặt anh vào một ghế bành rộng và anh ngồi đó thở nặng nề trong vài phút. Cuối cùng, sau khi đã cáo lỗi về sự yếu đuối của mình, anh lại đứng lên, nói:

- Tôi vừa mới qua một cơn bệnh nặng. Tôi vẫn còn dễ bị những

cơ cấp phát thần kinh đột ngột đó.

- Ông muốn về nhà bằng cỗ xe độc mã của tôi không? - Cụ Cunningham đề nghị.

- Tôi phải ở đây để xác minh một điểm.

- Điểm gì?

- Thế này: Không biết William đã tới trước hay là chỉ tới sau khi tên trộm đã lọt vào nhà. Quý vị đã nói rằng tuy cánh cửa bị cạy phá, nhưng kẻ trộm chưa lọt vào bên trong.

- "Điều đó là hiển nhiên rồi". Cụ Cunningham trả lời một cách nghiêm trang. "Coi nào, Alec vẫn còn chưa vào giường chắc chắn là cháu nó đã nghe thấy tiếng động".

- Cậu ấy ngồi ở đâu?

- Trong phòng tắm của tôi, đang hút thuốc và nhìn qua cửa sổ - Ông cụ trả lời.

- Cửa sổ nào? - Holmes nói tiếp

- Cửa sổ cuối cùng bên trái, kế bên cửa sổ phòng cha tôi. - Alec đáp.

- Đèn nơi phòng anh và nơi phòng ông cụ vẫn còn thắp sáng cả chứ?

- Không còn nghi ngờ gì cả.

- "Rõ ràng là có vài điểm kỳ lạ trong vụ này". Holmes cười nói. "Một kẻ trộm vào nhà trong lúc đèn vẫn còn sáng và cả hai người trong gia đình còn thức".

- Y phải cực kỳ bình tĩnh.

- "Nếu vụ án mà không kỳ lạ, thì chúng tôi nhờ ông làm chi"! Alec nói: "Kẻ trộm đã không lấy đồ trước khi bị William bắt gặp, bằng có là chúng tôi đâu có mất món gì và hiện trường cũng không bị bừa bộn".

- "Cái đó còn tùy thuộc vào bản chất của những món đồ". Holmes trả lời. "Chúng ta đang đối phó với một kẻ trộm thuộc loại đặc biệt và hành động theo cách đặc biệt, chẳng hạn như, cái lô hàng ở nhà cụ Acton chỉ là một cuộn dây mảnh, một cái phong vũ biểu....".

- "Chúng tôi phó thác hoàn toàn nơi ông, thưa ông Holmes" - Cụ Cunningham nói.

- Mở đầu, tôi muốn cụ treo một giải thưởng. Tôi đã soạn sẵn một mẫu, cụ có ưng ký tên không? 50 bảng là đủ.

- "Tôi sẵn lòng thưởng 500". Ông tòa hòa giải nói, sau khi cầm lấy tờ giấy mà Holmes đưa cho cụ. "Nhưng giấy này chưa được đúng", cụ nói thêm khi đọc lướt qua nội dung".

- Tôi viết nó khá vội...

- Coi này! Sao ông lại bắt đầu như vậy: "Xét rằng, vào hồi 0 giờ 45 phút, một mưu toan". Nó là hồi một khắc trước nửa đêm, 11 giờ 45, nếu ông ưa thế.

Sự nhầm lẫn đó khiến tôi buồn. Holmes nổi tiếng là chính xác về các sự việc. Nhưng con bệnh đã làm anh như đấng trí. Trong một lúc, anh bị bối rối. Viên thanh tra nhướn lông mày lên. Alec thì phá ra cười. Ông già sửa chỗ viết sai và trả tờ giấy lại cho Holmes, nói:

- Ông cho in càng sớm càng tốt. Ý kiến của ông thật là tuyệt hảo.

Holmes cẩn thận đặt tờ giấy vào trong bóp, rồi nói:

- Ta cùng đi khắp nhà để tìm xem cái tên trộm kỳ quặc kia đã mang đi món đồ nào.

Trước đó, Holmes quan sát cánh cửa đã bị cạy phá. Một con dao cứng hoặc một cây kéo được cắm sâu vào ổ khóa và ổ khóa đã bị bung ra. Những dấu vết trên gỗ hãy còn thấy rõ.

- Như vậy là cụ không cần cho đặt then chặn cửa? - Holmes hỏi.

- Chúng tôi thấy không cần phải làm như vậy.

- Cụ có nuôi chó không?

- Có, chó được cột ở phía bên kia nhà.

- Các gia nhân đi ngủ vào lúc nào?

- Khoảng mười giờ.

- Thông thường thì William đi ngủ vào giờ đó, phải không?

- Phải.

- Thật kỳ lạ! Vào đúng đêm đó, anh ta lại thức khuya hơn thường lệ. Giờ đây, thưa cụ, chúng tôi sẽ rất hân hạnh nếu được phép vô thăm nhà cụ.

Một hành lang lát đá, đưa tới một cầu thang bằng cây dẫn thẳng lên lầu một của ngôi nhà. Trên bậc thềm dẫn lên một cầu thang thứ hai đi đến tiền sảnh, người ta trông thấy ở đó nhiều cánh cửa phòng khách cũng như cửa nhiều phòng, trong số đó có cửa phòng cụ Cunningham và phòng Alec. Holmes bước chậm rãi, quan sát kỹ. Cứ theo vẻ mặt anh, tôi biết anh đang theo một hướng điều tra nóng bỏng.

- "Ông hảo tâm của tôi ơi!". Cụ Cunningham kêu lên, vẻ mặt kiên nhẫn. Điều này không cần thiết đâu. Phòng của tôi là đây, nơi cuối cùng những bậc thang, và phòng con trai tôi là phòng kế cận. Nếu kẻ trộm lên đây thì cha con tôi đã nghe tiếng động do hấn gây ra rồi.

- Ông hãy điều tra theo hướng khác thôi. - Alec nói với nụ cười.

- "Tuy nhiên, tôi xin quý vị lượng thứ cho cái ý thích thất thường của tôi. Chẳng hạn như tôi muốn biết tầm nhìn từ những khuôn cửa sổ kéo dài tới tận đâu. Phòng của anh Alec đây ạ?" Holmes hỏi khi đẩy cánh cửa ra. "Và đây là phòng tắm mà anh đang ngồi hút thuốc thì có tiếng báo động. Cánh cửa sổ mở ra cái gì đây?"

Anh băng ngang phòng, mở một cánh cửa và liếc nhìn sang căn phòng ở sát bên.

- Giờ đây ông đã được thỏa mãn? - Cụ Cunningham hỏi với vẻ hóm hỉnh.

- Xin cảm ơn. Tôi đã thấy tất cả những gì muốn biết.
- Nếu thật là cần thiết, chúng ta có thể vào trong phòng tôi.
- Nếu không làm phiền cụ quá đáng...

Ông tòa hòa giải nhún vai và ông dẫn chúng tôi vào trong phòng riêng của ông, đồ đạc đủ tiện nghi. Trong lúc chúng tôi đi ngang phòng tới hướng khuôn cửa sổ, Holmes chậm bước lại để sánh ngang tôi đi ở cuối toán. Ở chân giường có kê một cái bàn vuông nhỏ, trên có đặt một bình nước và một giỏ cam. Khi đi ngang cái bàn, Holmes cúi xuống và hất đổ cái bàn. Bình nước vỡ tan và trái cây văng tung toé.



- “Ồ quý, Watson”. Anh kêu lên một cách lạnh lùng. “Thế là anh đã ngược đãi tẩm tẩm rồi”!

Hoàn toàn bối rối, tôi cúi xuống và bắt đầu tìm lượm trái cây. Hẳn là vì một duyên cớ nào đó nên Holmes mới muốn để tôi cáng đáng cái trách nhiệm về sự vụng về này. Những người khác cũng lượm trái cam và dựng cái bàn thẳng đứng trở lại.

- “Coi kìa!” Viên thanh tra kêu lên. “Ông ấy đi đâu vậy?”.

Holmes đã biến mất.

- “Quý ông hãy đợi tôi ở đây”. - Alec nói. – “Cái ông này coi bộ thần kinh không bình thường. Hãy đi với con đi, ba!”.

Cả hai chạy vội ra khỏi phòng. Còn ba chúng tôi cứ đứng đó, sửng sờ nhìn nhau.

- “Mẹ kiếp, tôi bắt đầu tin rằng cậu Alec có lý.” Viên thanh tra thì thầm. “Có thể đây là hậu quả về căn bệnh của ông ấy, nhưng dù sao thì cũng...”

Bỗng ông ngưng mặt. Một tiếng kêu, gần như một tiếng hét, vang lên.

- Cứu tôi với! Sát nhân!

Như người điên, tôi phóng ra thềm cầu thang, bởi vì tôi đã nhận ra giọng Holmes. Những tiếng kêu cứu đã biến thành tiếng rên rĩ khàn khàn, không thành tiếng. Chúng thoát ra từ căn phòng mà chúng tôi đã vào thăm trước hết. Tôi lao vào trong, rồi chạy vào phòng tắm. Hai cha con Cunningham đang cúi trên cơ thể lả đi của Holmes. Người con dùng hai bàn tay siết chặt cổ họng Holmes, ông bố thì vịn cổ tay anh. Trong chớp mắt chúng tôi đã lôi được hai cha con ra. Holmes đứng lên, xanh xao, lão đảo.



- Hãy bắt giữ những người này, ông thanh tra! - Anh hỗn hển nói.
- Về tội gì?
- Tội ám sát người đánh xe của họ.

Viên thanh tra ngơ ngác nhìn anh.

- Coi nào, coi nào, ông Holmes, ông đâu muốn nói rằng...
- Không à? Ông hãy nhìn họ mà xem! - Holmes kêu lên.

Ông già Cunningham đờ người ra, tưởng chừng như hóa đá, khuôn mặt nhăn sâu, in hằn một nét tàn nhẫn sâu xa. Người con trai đã mất hết thói ba hoa, thói nhạo báng, trong cặp mắt đen của anh ta lóe lên tính hung dữ của một con thú hoang nguy hiểm. Viên thanh tra đi ra cửa và rút cái còi ra. Hai cảnh sát kéo tới nơi ngay đó.

- "Thưa cụ Cunningham", viên thanh tra nói. "Tôi hy vọng rằng chuyện này sẽ chấm dứt bằng sự chứng minh về sự vô tội của cụ. Nhưng cụ cũng có thể thấy rằng. A, anh muốn vậy sao? Hãy buông ngay cái đó ra coi!"

Ông vung tay về phía trước và một khẩu súng lục rớt xuống sàn nhà.

- "Giữ lấy tang vật này"! - Holmes nói khi đặt bàn chân lên khẩu súng. "Nó sẽ có ích trong phiên tòa. Đây mới là cái chúng ta cần có hơn hết"!

Anh giơ lên cao một mảnh giấy nhỏ đã bị vò nát.

- Phần còn lại của lá thư? - Viên thanh tra reo lên.

- Chính nó.

- Ông tìm ra nó ở đây vậy?

- Ở chỗ mà tôi tin chắc là sẽ tìm ra nó. Tôi sẽ giải thích. Thưa đại tá, ông và Watson có thể trở về nhà. Tôi cũng sẽ về trong một giờ nữa. Ông thanh tra và tôi, còn phải nói chuyện với các phạm nhân.

Sherlock Holmes đã giữ lời. Khoảng một giờ sau, anh bước vào phòng hút thuốc của ông đại tá. Anh đi cùng với một ông lão mà anh giới thiệu là cụ Acton. Holmes tươi cười nói:

- Thưa quý vị, ngay từ đầu, tôi thấy chìa khóa của vấn đề là mẫu giấy nằm trong tay nạn nhân.

Nếu chuyện kể của Alec là thật và nếu kẻ trộm bỏ trốn ngay tức khắc, thì hẳn đã không giựt và làm rách tờ giấy. Nếu không phải như vậy thì thủ phạm chính là Alec, bởi vì trước khi ông già xuống, nhiều gia nhân khác hẳn đã chạy tới. Đó là một chi tiết đơn giản nhưng ông thanh tra đã bỏ qua, bởi vì ông ấy cho rằng những vị chức trọng quyền cao trong địa hạt chẳng liên can gì tới vụ án.



Thế là tôi nghiên cứu thật kỹ cái mẫu giấy. Nó đây này. Nó gợi ra một ý nào không?

- Toàn chữ không đều. - Ông đại tá nói.

- "Ông bạn thân mến ơi", Holmes kêu lên, "Nó đã được viết bởi hai người, mỗi người viết một chữ: Nhìn cách gạch ngang khá rõ nét trên chữ "t" trong những từ "phút" thì quý vị sẽ tin chắc rằng toàn chữ do hai người viết. Một cuộc phân tích ngắn cho phép quý vị xác nhận rằng những từ "sẽ được biết" và "nhiều" được viết bởi một bàn tay rắn rỏi, trong lúc từ "hữu ích" lại được viết bởi một bàn tay yếu hơn.



- "Sáng như ban ngày!" Ông đại tá kêu lên. "Tại sao lại quá giờ khi cần đến hai người để viết một lá thư".

- Đây là một vụ bí ối. Một trong hai người có tính rất đa nghi, đã quyết định mỗi người có một phần bằng nhau về điều gì sẽ xảy ra. Nhưng trong hai người, kẻ viết những chữ "một" và chữ "rất" là kẻ xúi giục gây ra vụ này.

- Do đâu ông đi tới cái kết luận đó?

- Tôi so sánh đặc tính của hai chữ. Quý vị hãy quan sát thật cẩn thận mẫu giấy này: người có bàn tay rắn rỏi đã viết trước, và chừa lại những khoảng trống để cho người kia điền vào. Nhưng những khoảng trống đó không phải lúc nào cũng đủ chỗ cho kẻ viết sau. Người có bàn tay yếu hơn đã gặp khó khăn, chẳng hạn như khi ông ấy viết chữ "giờ" vào khoảng giữa hai chữ "một" và "bốn". "Một" và "bốn" rõ ràng là những chữ đã được viết từ trước. Vậy người được phép viết trước, là người chủ mưu.

- Tuyệt vời! - Cụ Acton kêu lên.

- Hẳn quý vị đã biết rằng thông thường người ta có thể xem xét nét bút mà đoán ra tuổi của một người, chênh lệch chừng mười năm. Tôi nói thông thường, bởi vì có những trường hợp do bệnh hoạn hoặc do suy yếu cơ thể thì kết quả sẽ khác đi. Nhưng trong vụ này, khi quan sát chữ rắn rỏi của một người (dấu gạch ngang trên các chữ t rất rõ) và nét chữ ngập ngừng của người kia (những chữ t gần như

mất hẳn nét ngang) chúng ta có thể xác định rằng trong hai người này, một người còn trẻ và một người tuổi đã cao, tuy hãy còn tráng kiện.

- Tuyệt vời! - Cụ Acton kêu lên lần nữa.

- Tuy nhiên, giữa hai nét chữ này có những điểm giống nhau. Thường thì những sự giống nhau đó xuất phát từ hai chữ "e" Hy Lạp mà cả hai cùng viết giống nhau. Nhưng những nét giống nhau khác kém khẳng định hơn cũng cho thấy cùng điểm đó. Tôi tuyệt đối tin chắc rằng có "một nét chữ gia đình" trong hai nét chữ viết này. Thế là tôi vững tin rằng cha con ông Cunningham là tác giả của bức thư.

Tôi đi tới nhà đó cùng với ông thanh tra. Tôi thấy rõ vết thương trên xác chết, đã gây ra bởi một phát súng lục bắn cách xa hơn bốn mét. Trên quần áo nạn nhân không có những vết sạm đen gây ra bởi thuốc súng.



Vậy là Alec đã nói dối khi khai rằng hai người đang đánh lộn thì súng nổ. Mặt khác, hai cha con đều đồng ý về cái nơi mà "hung thủ" đã bỏ chạy ra đường. ở chỗ đó có một vài hố ngập bùn, nhưng không hề có những dấu chân: nghĩa là chẳng hề có một kẻ xa lạ nào can dự vào vụ án.

Tôi lại còn phải khám phá cái động cơ của tội ác kỳ cục này. Trong mục đích đó, trước hết tôi phải tìm hiểu vụ trộm xảy ra nơi nhà cụ Acton. Ông đại tá đã nói rằng một vụ tranh tụng đã làm cho cụ Acton với cha con Cunningham kinh địch nhau. Ngay lập tức, tôi đoán là họ đã xông vào thư viện nhà cụ với ý định lấy trộm một tài liệu quan trọng khả dĩ giúp họ chiếm phần thắng ở phiên tòa.

- "Tuyệt vời!" Cụ Acton lại kêu lên y như hai lần trước. "Ý định của họ thật rõ. Tôi có đủ giấy tờ để được hưởng phần nửa cơ nghiệp của nhà đó. Nếu họ cướp những giấy tờ ấy, thì chúng tôi nguy mất".

- "Chúng ta tới đích rồi vậy!" Holmes cười nói. "Đó là một mưu toan khá liều lĩnh do Alec đề xướng. Lục soát khắp nơi mà không tìm ra được cái gì, họ đã làm như những tên trộm tầm thường để đánh lạc hướng cảnh sát. Chính vì thế mà họ đã quơ lấy bất cứ cái gì họ thấy. Tất cả điều đó đã khá sáng tỏ, nhưng tôi còn muốn thu hồi lại phần còn thiếu của lá thư. Tôi tin chắc rằng Alec đã nhét vào trong túi áo ngủ. Và chẳng, anh ta còn có thể để nó vào đâu? Tất cả vấn đề là tìm hiểu xem nó có còn ở đó không? Vì thế tất cả chúng ta đều đi vào trong nhà.

Cha con nhà Cunningham đã gặp chúng tôi ở bên ngoài, gần bên cánh cửa nhà bếp. Cần phải tuyệt đối không làm cho họ nhớ lại sự hiện hữu của tờ giấy đó; nếu không, họ sẽ hủy nó đi ngay tức khắc. Viên thanh tra sắp ám chỉ đến tờ giấy khi giải thích với họ về tầm quan trọng của nó. Lúc đó "tình cờ" tôi bị mệt và đề tài của câu chuyện được thay đổi.

- Trời đất thánh thần ơi! - Ông đại tá cười vang.

- Đóng trò khéo tuyệt vời! - Tôi kêu lên khi nhìn Holmes với lòng hâm phục.

- "Có những trò hề hữu ích", Holmes trả lời. "Khi đứng lên, tôi đã có sẵn một mưu mẹo: làm cho ông già Cunningham viết ra 2 chữ "giờ" và "phút" để có thể so sánh nó với 2 chữ giờ và phút viết trên mẫu giấy.

- Ồ, tôi ngu xuẩn làm sao! - Tôi kêu lên.

- "Lúc đó tôi có nhìn thấy rõ lòng trắc ẩn của anh đối với tôi!"

Holmes cười nói. "Tôi lấy làm tiếc đã gây cho anh một nỗi buồn nhỏ. Khi lên lầu, tôi vào trong phòng, thấy cái áo ngủ treo ở đằng sau cánh cửa, tôi xô ngã một cái bàn để chuyển hướng sự chú ý của họ trong chốc lát và vội vã đi khám xét các túi áo. Tôi vừa mới tìm ra được tờ giấy thì hai cha con nhào lên tôi. Tôi thật sự tin rằng họ chủ tâm giết tôi, nếu các bạn không tới kịp; người con thì siết cổ, còn người ha vắn tay tôi để tôi phải buông tờ giấy ra.

Sau đó, tôi đã nói chuyện tới ông Cunningham để làm sáng tỏ cái động cơ gây ra tội ác. Ông cụ tỏ ra biết điều, trong lúc Alec vẫn cứ hung hăng như loài quỷ dữ. Cụ Cunningham thú nhận rằng William đã bí mật theo dõi hai cha con ông trong cái đêm họ đã ăn trộm nơi nhà cụ Acton. William đe dọa và đòi tiền họ. Nhưng Alec không thuộc hạng người dễ khuất phục. Thế là William đã bị gài bẫy và bị giết. Nếu cha con nhà Cunningham thu hồi được nguyên vẹn lá thư (trong đó họ hẹn giờ gặp nhau), và nếu họ không sơ suất một vài chi tiết nhỏ, thì chẳng bao giờ họ bị nghi ngờ gì cả.

- Thế còn cái lá thư trứ danh đó đâu? - Tôi hỏi.

Sherlock Holmes đặt nó trước mặt chúng tôi khi ráp hai mảnh giấy lại. Chúng tôi đọc được:

"Nếu anh tới vào lúc 11 giờ 45 ở cửa sau, anh sẽ biết được một điều làm anh ngạc nhiên nhiều và nó sẽ rất hữu ích cho anh cũng như cho cả Annie Morrison. Nhưng chớ có tiết lộ với bất cứ người nào". ¹⁰⁾

If you will only come round at quarter to twelve to the east gate you will learn what will very much surprise you and may be of the greatest service to you and also to Annie Morrison. But say nothing to anyone upon the matter

- Anh Watson, có điều là chúng ta chưa biết các mối liên hệ giữa

Alec Cunningham, William Kirwan và Annie Morrison là như thế nào; nhưng rõ ràng kỳ nghỉ ngắn ngày của chúng ta ở nông thôn rất là thành công. Ngày mai, tôi sẽ trở về nhà, hoàn toàn khỏe khoắn...

☺

KỂ DỊ DẠNG

The Crooked Man

Một buổi tối, tôi ngủ gà ngủ gật trên một cuốn tiểu thuyết. Nhà tôi đã lên trên lầu. Tiếng then cài cánh cửa ra vào báo cho tôi biết là những người giúp việc đã lui về. Tôi còn chờ thêm chút nữa rồi mới đứng lên khỏi ghế. Đúng vào lúc đó, tiếng chuông vang lên.

Tôi nhìn đồng hồ: 11 giờ 45. Muộn thế này thì chỉ có thể là khách, một ca bệnh sẽ làm tôi phải thức thâu đêm. Hơi cúi kính, tôi ra phòng ngoài để mở cửa: Sherlock Holmes



- A Watson! - Anh reo lên. - Tôi đến thăm quá muộn.
- Có gì đâu. Vào đi chứ!
- Anh tỏ vẻ ngạc nhiên... Anh có thể cho tôi ngủ nhờ đêm nay

không?

- Sẵn sàng. Anh ăn tối?

- Không, xin cảm ơn, tôi đã dùng rồi, ở ga Waterloo.

Tôi đưa cái túi đựng thuốc cho anh. Anh im lặng hút. Tôi biết rõ là chỉ có một vụ quan trọng mới có thể đưa anh tới đây vào một giờ muộn như vậy. Vậy là tôi kiên nhẫn chờ anh vào chuyện.

- Ngày mai anh tới Aldershot được không?

- Tôi nhờ một bác sỹ bạn thay tôi chăm sóc các bệnh nhân.

- Tốt lắm! Tôi muốn đáp chuyến tàu 11 giờ 10 ở ga Waterloo.

- Rất thuận tiện cho tôi.

- Vậy thì, nếu anh chưa buồn ngủ, tôi xin tóm tắt những sự việc và những gì cần làm.

- Trước khi anh tới, tôi đã ngủ gà ngủ gật nhưng bây giờ thì hoàn toàn tỉnh táo.

- Đó là vụ ám sát đại tá Barkerclay thuộc sư đoàn Royal Munsters ở Aldershot. Sự việc xảy ra cách đây hai ngày.

“Royal Munsters là một trong những trung đoàn Ailen nổi tiếng trong quân đội Anh. Tối thứ hai vừa qua, trung đoàn đặt dưới quyền chỉ huy của đại tá James Barkerclay, một lính già can đảm đã được lên lon nhờ vào lòng dũng cảm. Barkerclay lấy vợ khi ông còn là trung sĩ. Ông kết hôn với cô Nancy Devoy, con gái thượng sĩ Devoy trong cùng đơn vị. Vợ chồng Barkerclay đã thích nghi mau chóng với địa vị mới của họ. Bà vợ sống ăn ý với các bà vợ sĩ quan cũng như chồng bà đối với các bạn đồng đội. Tôi xin thêm bà là một phụ nữ rất đẹp và cho mãi đến bây giờ, sau ba chục năm lập gia đình, sự xuất hiện của bà còn gây ấn tượng mạnh.”

“Thoạt nhìn, cặp vợ chồng này đã được hưởng một hạnh phúc hiền hòa. Tôi đã đến hỏi ông thiếu tá Murphy, thì ông này đoán chắc với tôi là ông chẳng bao giờ thấy có sự bất hòa trong gia đình đó. Tôi hỏi ông cặn kẽ hơn. Thiếu tá nói rằng sự gắn bó của ông Barkerclay

đối với vợ thì lớn mạnh hơn là sự gắn bó của bà Barkerclay đối với chồng. Nếu phải xa vợ trong một ngày, ông rất buồn phiền; nhưng bà vợ thì không chứng tỏ một sự mãnh liệt đến thế. Dầu sao, trong trung đoàn, họ vẫn được coi như là một cặp vợ chồng lý tưởng.”

“Dường như là đại tá Barkerclay có một tính khí khác thường. Bình thường, ông là một quân nhân già, vui tính, hăng hái. Nhưng đôi khi ông cũng hung bạo và thù hằn. Tuy vậy, bà vợ không bao giờ chịu đựng những tật xấu đó. Có một điều khác là: theo định kỳ, một tâm trạng gì đó như trầm uất lại giáng xuống ông. Viên thiếu tá mà tôi hỏi chuyện đã ghi nhận điều đó và họ đã lấy làm ngạc nhiên. Nó theo ông thiếu tá thì nụ cười biến mất trên mặt ông Barkerclay tựa hồ như có một bàn tay vô hình đã xua đuổi nó. Và các hiện tượng đó xảy ra trong những buổi họp mặt xã giao cũng như tại bàn ăn của sĩ quan ở đơn vị. Có khi trong nhiều ngày liên tục, ông như bị giày vò bởi sự ưu sầu đen tối nhất.”

“Tiểu đoàn 1 (trước là tiểu đoàn 117) trung đoàn Royal Munsters hạ trại tại Andershot từ vài năm qua. Các sĩ quan lập gia đình thì ngủ ngoài doanh trại. Ông đại tá đã chọn biệt thự Lachine, cách trại bắc chưa tới nửa dặm, nhưng mặt nhà phía tây cách đường cái 30 yard. Gia nhân gồm có bác xà ích và hai người hầu gái. Vợ chồng Barkerclay không con, rất ít khi tiếp khách trong nhà. Tóm lại, có năm người sống trong biệt thự đó.”

“Bà Barkerclay là một tín đồ Thiên Chúa Giáo. Bà rất tận tụy với Hội Thánh Georges và hết lòng với việc lo cấp quần áo cho những người nghèo trong vùng. Tối hôm đó, một buổi họp được khai mạc vào lúc 8 giờ. Bà vội vàng ăn bữa tối để kịp đi họp. Khi rời khỏi nhà, bà báo cho chồng biết là bà sẽ không vắng mặt lau. Theo lời chúng của người xà ích, bà đón một cô láng giềng còn trẻ Morrison, rồi cả hai cùng đi. Buổi họp kéo dài bốn mươi phút. Tới chín giờ mười lăm phút, bà cho ngừng xe để cô gái xuống trước cửa và về nhà cô.”

“Ngôi biệt thự của đại tá có một căn phòng được dùng làm phòng khách nhỏ, có cửa hướng ra ngoài đường. Từ bên ngoài, muốn vào phòng đó phải băng qua một bãi cỏ tròn, đường kính ba mươi mét. Nó được ngăn cách với con đường bằng một bức tường thấp, phía trên có gắn lưới sắt, bà đại tá đã vào nhà qua ngả đó. Bà thắp đèn và gọi chuông rồi sai cô hầu phòng đem tới một tách trà: đó là điều

trái ngược với những thói quen của bà. Ông đại tá ở lại trong phòng ăn; biết vợ mình đã về nhà, ông đi sáng phòng khách nhỏ để gặp bà. Bác xà ích trông thấy ông đi ngang qua gian tiền sảnh rồi vào trong đó.”

“Mười phút sau khi được lệnh, cô hầu phòng đem trà lên cho bà chủ, cô ngạc nhiên nghe ông chủ và bà chủ cãi nhau kịch liệt. Cô gõ cửa, không có tiếng trả lời. Cô muốn mở cửa nhưng cánh cửa đã bị khóa từ bên trong. Cô hồi hả chạy xuống bếp, báo động với bà bếp. Thế rồi hai người đàn bà cùng bác đánh xe vào trong gian tiền sảnh, gióng tai lên mà nghe cuộc cãi lộn.



Cả ba người đều nhất trí rằng họ chỉ nghe thấy có hai giọng nói: giọng của ông đại tá và của bà vợ. Những câu của ông Barkerclay thì thô bạo, nói với giọng thất thanh, khiến người nghe không hiểu được. Còn những câu nói của bà Barkerclay thì lại còn ác liệt hơn nữa: Ba người giúp việc rõ ràng: “Anh là một thằng hèn!” Bà không ngớt lặp đi lặp lại câu đó. Và bà còn nói: “Biết làm sao bây giờ? Hãy trả lại cho

tôi được tự do! Không bao giờ ta còn có thể thở chung một bầu không khí với mi! Đồ hèn!” Bất chợt người đàn ông hét lên một tiếng khùng khiếp rồi tiếp đó là tiếng đổ ngã, tiếng thét xé tai của bà chủ. Bác đánh xe lao mình vào cánh cửa, cố sức bật nó ra. Bên trong những tiếng thét nổi tiếp nhau. Người đánh xe không phá được cánh cửa và hai người tớ gái lại quá lo sợ nên chẳng giúp được gì. Một ý kiến chợt lóe lên trong trí bác. Bác bỏ ra ngoài, đi vòng ngôi nhà, ngang qua bãi cỏ trên đó có mở ra cánh cửa sổ sát đất. Cửa mở rộng, bác vào trong phòng khách nhỏ. Bà chủ đã ngưng kêu gào. Bà nằm im trên đi-văng; ông đại tá thì hai chân vắt ngang trên cái tay dựa của ghế bành, đầu gục xuống đất; ông chết trong một vũng máu.”

“Người đánh xe định mở cửa ra. Nhưng chìa khóa không có trong ổ khóa và cũng không thấy để ở đâu trong căn phòng. Vậy là bác lại nhay qua cửa sổ sát đất, đi mời một cảnh sát và một y sĩ, rồi trở lại. Bà Barkerclay được chuyển sang phòng riêng của bà, vẫn còn hôn mê. Thi hài ông đại tá được đặt nằm dài trên ghế trường kỷ. Và người ta tiến hành cuộc điều tra.”

“Vết thương trên người nạn nhân là một vết đứt dài 2 inch ở phía sau đầu, được gây ra bởi một loại hung khí có mũi nhọn. Trên sàn nhà, gần bên xác chết, người ta tìm thấy một thứ như cây gậy ngắn bằng gỗ rắn, có một cái cán bằng xương: Ông đại tá có một bộ sưu tập lớn những khí giới mà ông đã đem về từ nhiều Quốc gia khác nhau, tại những nơi mà ông đã tham chiến. Cảnh sát cho rằng cây gậy đó là một trong những vũ khí sưu tập của ông. Nhưng các gia nhân thì nói là trước đó, họ chưa từng trông thấy nó. Cảnh sát không khám phá ra được điều gì khác. Và đây là việc quái lạ mà chưa ai có thể giải thích được: trên người bà Barkerclay, trên người nạn nhân, cũng như ở bất cứ chỗ nào trong phòng khách nhỏ, người ta không thể tìm thấy cái chìa khóa. Cần phải gọi một người thợ khóa từ Aldershot tới để mở cánh cửa ra. Trường tình hình bế tắc như vậy, thiếu tá Murphy mời tôi xuống Aldershot để phụ giúp cảnh sát.”

“Trước khi quan sát căn phòng, tôi thăm vấn nhiều gia nhân, nhưng không thu được gì hơn là những điều mà tôi vừa trình bày với anh. Tuy nhiên, cô hầu phòng có cung cấp cho tôi một chi tiết đáng chú ý: số là khi nghe tiếng cãi cọ, cô ta xuống bếp và đi lên

cùng với hai người đầy tớ khác. Nhưng cô nói rằng lúc đầu, khi chỉ có mình cô, những giọng nói của ông bà chủ bị nghẹt đến mức cô gần như chẳng thể nào hiểu được điều gì và rằng chính là do những ngữ điệu nhiều hơn là những tiếng nói mà cô hiểu ra rằng hai người đang cãi nhau. Tôi dồn dập đặt nhiều câu hỏi. Sau chót cô nhớ rằng có hai lần cô đã nghe thấy bà chủ thốt lên cái tên "David". Điểm đó có tầm quan trọng cao để soi sáng cho chúng ta về những nguyên cơ gây ra cãi vã."

"Mọi điều gây ra cảm tưởng sâu đậm cho mọi người là: những nét nhăn nhỏ của ông đại tá. Theo lời chúng của họ, vẻ mặt ông có một nét biểu lộ sự khiếp sợ và sự kinh hoàng chưa từng thấy. Rõ ràng là ông biết mình sắp chết và rằng sự trông thấy cái chết đã làm cho ông kinh hoàng. Điều đó, phù hợp với lý thuyết của cảnh sát: ông đại tá hẳn đã thấy vợ mình chuẩn bị giết mình. Và cái việc cú đánh đã được giáng xuống từ đằng sau cũng không mâu thuẫn với lý thuyết đó, bởi vì ông đại tá rất có thể quay mình để né tránh cú đánh. Về phía bà Barkerclay, người ta không có một tin tức nào cả. Bà bị một cơn cấp phát sốt thuộc não và tạm thời bị mất lý trí."

"Cảnh sát đã cho biết là cô Morrison (người đã cùng đi với bà Barkerclay vào buổi tối hôm đó), quả quyết là cô không biết chút gì về nguyên cơ đã gây ra cơn tức giận của bạn mình. Anh Watson, khi tập hợp những dữ kiện đó, tôi đã chú ý đến việc mất cái chìa khóa. Căn phòng đó đã được lục soát hết sức kỹ lưỡng mà chỉ uổng công. Do đó cái chìa khóa đã bị lấy. Nhưng cả ông đại tá lẫn bà vợ đều không lấy. Vậy thì một người thứ ba hẳn đã vào trong phòng và cái người thứ ba đó đã chỉ có thể vào được qua ngả cửa sổ sát đất."

"Ngay tức khắc tôi đã tin rằng một cuộc quan sát kỹ căn phòng khách nhỏ và bãi cỏ có thể phát hiện ra một dấu vết nào đó của nhân vật bí mật kia. Tôi không bỏ sót một dấu vết nào. Và sau chót tôi đã tìm ra nhiều dấu vết. Đã có một người ở trong căn phòng khách nhỏ. Người đó đã đi qua bãi cỏ từ ngoài đường vào. Tôi phát hiện 5 dấu chân rất rõ: một trên đường, ở nơi mà người đó đã leo lên đường, hai trên bãi cỏ, và hai trên ván sàn gần khuôn cửa sổ mà qua đó người lạ đã vào trong phòng. Chắc chắn là người đó đã chạy băng qua bãi cỏ, bởi vì dấu những ngón chân thì sâu hơn dấu những gót chân. Nhưng không phải người đó đã làm cho tôi ngạc nhiên đến bởi

rồi. Chính là cái đi kèm với người đó.”

- Cái đi kèm?

Holmes rút từ túi áo ra một tờ giấy lụa lớn và mở ra một cách thận trọng trên đầu gối anh.

- Anh nghĩ sao về cái này?

Tờ giấy phủ đầy những tranh vẽ phỏng sao lại những dấu chân một con vật nhỏ. Có năm ngón chân, có móng dài. Mỗi dấu lớn bằng một cái muỗng dùng để ăn món tráng miệng.

- Đây là một con chó. - Tôi nói.

- Con chó làm sao leo lên được những tấm ri-đô? Tôi đã phát hiện ra những dấu vết này trên một tấm ri-đô.

- Thế thì một con khí?

- Không phải.

- Thế thì là cái gì?

- Đây không là con chó, không là con mèo, cũng chẳng là con khí, cũng chẳng là con vật nào mà ta biết. Tôi đã thử hình dung ra con vật đó theo các kích thước của dấu chân nó. Đây là bốn dấu chân ở một nơi mà con vật đứng bất động. Giữa chân trước và chân sau cách nhau vào khoảng gần 15 inch. Anh hãy thêm vào đó chiều dài của cái cổ và của cái đầu thì anh sẽ có một con vật mà chiều dài thân mình chưa tới 2 feet, và nó có thể còn ngắn hơn thế nữa, hoặc dài hơn nếu nó có một cái đuôi. Nhưng khi con vật di chuyển, ta có chiều dài của bước chân nó. Dấu bước chân là 3 inch. Vậy là con vật này có cái thân mình dài với những chân rất ngắn. Tóm lại, đó là một thú leo được lên tấm riđô và là con thú ăn thịt.

- Làm sao mà anh suy diễn ra được điều đó?

- Bởi vì ở khuôn cửa sổ có treo một lồng chim hoàng yến. Đường như mục tiêu của nó khi leo lên ri-đô là để bắt con chim.

- Thế thì con vật đó là gì?

- Đó là một loại chồn hạt dẻ, mồm nhọn, lớn hơn những con chồn mà tôi đã từng thấy.

- Nhưng nó đáng gì đến tội ác?

- Điều đó cũng lại tối tăm. Nhưng chúng ta biết là có một người đứng trên đường và rình mò cuộc cãi vã của hai vợ chồng, bởi vì những mảnh sáo còn chưa buông xuống và ngọn đèn còn được thắp sáng. Chúng ta cũng còn biết là người đó đã chạy băng ngang bãi cỏ, đã vào trong phòng khách nhỏ, có đem theo một con thú bí mật, và y đã đánh ông đại tá (nếu không, thì vừa lúc trông thấy y, ông đại tá đã té bật ngựa xuống thanh gác củi và bị té đầu). Sau chót y bỏ đi với chiếc chìa khóa cửa.

- Những khám phá của anh làm cho nội vụ tối tăm hơn, thay vì làm cho nó được sáng tỏ!

- Anh có lý! Nhưng tôi đã làm cho anh thức quá khuya! Vậy ngày mai, trên đường đi Aldershot, tôi sẽ kể tiếp.

- Cảm ơn! Anh cứ kể tiếp.

- Khi ra khỏi nhà vào hồi bảy giờ rưỡi, bà Barkerclay không giận hờn gì chồng; người đánh xe đã nghe bà nói chuyện với ông đại tá theo lối thân tình. Mặt khác, ngay sau khi về nhà, bà đã vào trong căn phòng và kêu người hầu pha trà; bất cứ người phụ nữ nào bị bồn chồn cũng đều làm như vậy, và ngay sau khi ông đại tá hiện ra là bùng nổ. Thế mà cô Morrison đã không rời khỏi bà trong suốt khoảng thời gian đó, cho nên mặc dù cô ta có chối cãi, nhưng chắc chắn cô có biết một cái gì đó.

“Ý nghĩ đầu tiên của tôi là có sự đan díu giữa cô Morrison và ông lính già, và cô này hẳn đã ít nhiều thổ lộ với người vợ. Điều đó giải thích rõ về cơn tức giận khi trở về nhà cũng như những lời chối bỏ của cô gái trong cuộc. Và điều đó cũng không mâu thuẫn lắm với những từ mà 3 người giúp việc nghe được. Nhưng lại có một người tên là David, lại có sự triu mến của ông đại tá đối với vợ, và sau chót còn có sự lén vào của một người đàn ông khác. Thật khó mà chọn ra đường để tiến hành điều tra. Dù sao đi nữa, tôi không thiên về việc cô Morrison có “tình ý” với ông đại tá, nhưng tôi lại vững tin rằng

chính cô ấy là người biết rõ sự bí mật vì sao bà Barkerclay thành linh thay đổi tính khí. Vậy là tôi tìm tới nhà cô Morrison, giải thích rằng tôi tin chắc là cô biết rõ những sự việc, và tôi đã báo cho cô biết là bà Barkerclay sẽ bị đặt vào ghế của bị cáo về tội ám sát chồng, nếu nội vụ được làm sáng tỏ.

Morrison là một cô gái bé nhỏ, thanh khiết, có cặp mắt e lệ và mái tóc vàng hoe. Sau khi nghe chuyện, cô ngồi suy tư trong một lúc, rồi quay sang phía tôi và với dáng vẻ của người đã có một quyết định dứt khoát:

- Tôi đã hứa với bạn tôi rằng tôi sẽ không nói ra bất cứ điều gì. Nhưng nay bà ấy lâm trọng bệnh và đang trên bờ của sự tù tội, vậy thì tôi không thể làm thinh. Thưa ông, tối thứ hai đó chúng tôi từ Hội quán trở về. Lúc ấy vào khoảng 9 giờ kém 15. Khi băng ngang qua đường Hudson - một con đường rất lớn và rất yên tĩnh - tôi thấy một người đàn ông tiến lại phía chúng tôi: lưng rất còng và đeo một cái hộp chéo qua vai, đầu cúi thấp và bước đi với hai đầu gối co gấp lạ.



Ông ta ngược mắt lên đúng vào lúc chúng tôi bước vào trong cái vòng ánh sáng của ngọn đèn đường. Ngay tức khắc, ông ta đứng lại và kêu lên bằng một giọng khùng khiếp: "Lạy Chúa tôi, đây đúng là Nancy!" Bà Barkerclay bỗng tái mét. Bà hẳn đã sụp xuống nếu con quái vật đó không đỡ lấy bà. Tôi trực kêu cứu, nhưng bà lại dịu dàng nói với người đàn ông.

- Henry, em cứ tin rằng anh đã chết từ 30 năm qua.

- Tôi đã từng bị chết! - người kia trả lời.

Thật là kinh khủng khi nghe cái ngữ điệu trong tiếng nói của ông ta. Ông có một bộ mặt r ám nắng, đáng lo ngại, với một ánh chói trong tia mắt. Tóc, râu má đã lấm tẩm những sợi xám. Những nếp nhăn, những vết nhăn hằn trên mặt ông.

- "Hãy đi tiếp một quãng, em gái! - Bà Barkerclay bảo tôi. - Chị muốn nói chuyện với ông đây. Không có gì phải lo sợ cả". Bà nói với vẻ quả quyết, nhưng bà vẫn còn tái xanh.

Tôi đi trước một quãng để cho hai người tự do nói chuyện trong vài phút. Sau đó bà đi xuống phố. Cặp mắt bà long lanh. Tôi thấy người đàn ông khốn khổ đứng lại bên ngọn đèn đường và vung nắm đấm lên không khí, tựa hồ như ông ta bị điên vì tức giận. Bà không nói một lời nào cho tới khi chúng tôi về đến cửa nhà tôi. Lúc đó bà mới nắm lấy bàn tay tôi, yêu cầu tôi đừng nói gì với bất cứ ai về cuộc gặp gỡ này.

- "Đó là một người quen cũ của chị, nay lại hiện ra." - Bà nói.

Tôi hứa, và bà ôm hôn tôi. Giờ đây vì lợi ích của bà, tất cả chuyện đó phải được biết đến."

"Anh Watson, những lời khai của Morrison như là ánh sáng trong đêm. Tất cả những gì trước đây không lợi ích liên lạc với nhau thì nay lại ràng buộc nhau trong một trật tự bình thường. Tôi chỉ còn việc tìm gặp cái người dị dạng đó. Nếu anh ta còn ở Aldershot thì việc đó sẽ dễ dàng." Ban ngày tôi dò hỏi và buổi tối hôm đó, tôi đã biết địa chỉ. Đó là Henry Wood ở trọ trong cùng một đường phố và bà Barkerclay đã gặp ông ta. Ông ta chỉ mới tới đó có năm ngày. Tôi đến gặp bà

chủ nhà trọ và tự xưng là nhân viên mới đến thu những phiếu thuộc cảnh sát và bà ta đã bép xép: "Cái ông Henry Wood là nhà ảo thuật và nghệ sĩ diễn rong. Ông ta đi diễn quanh các trại lính và các quán cà phê buổi chiều". Trong cái hộp, có một con vật đã làm cho bà chủ nhà trọ phải nhiều phen sợ bở vía: đó là con thú mà ông đem ra trình diễn. Bà ấy còn cho biết đôi lúc ông nói một thứ tiếng lạ hoắc và hai đêm vừa qua ông ta cứ rên rĩ và khóc lóc ở trong phòng. Về tiền bạc, ông sòng phẳng, nhưng dẫu sao trong số tiền ứng trước thì ông đã trả cho bà một đồng florin ¹¹⁾ giả. Bà đưa cho tôi xem; đó là một đồng rupi ¹²⁾ Ấn Độ.

"Giờ đây, thật hoàn toàn sáng tỏ rằng: hai người đàn bà chia tay nhau, người dị dạng đã đi theo họ trong khoảng cách xa, ông ta chứng kiến cảnh cãi cọ giữa hai vợ chồng, ông ta vội vã chạy vào trong phòng khách nhỏ và con thú mà ông ta mang theo đã trốn ra khỏi hộp. Nhưng ông ta là người duy nhất có thể cho chúng ta biết những gì đã xảy ra."

- Và anh có ý định hỏi ông ta?

- Tất nhiên! Nhưng hỏi trước mặt một người chứng.

- Người chứng sẽ là tôi?

- Phải, điều đó làm sáng tỏ vấn đề. Nhưng nếu ông ta từ chối, chúng ta buộc lòng đưa nội vụ cho cảnh sát.

- Liệu ông ta còn ở đó không?

- Một trong những chú nhóc của tôi đã lảng vảng trước nhà trọ và nếu ông ta bỏ đi thì chú bé sẽ bám sát ông ta như một con đĩa. Ngày mai chúng ta sẽ gặp lại chú bé. Nhưng trong lúc chờ đợi, chính tôi là kẻ gây ra tội ác nếu tôi còn bắt anh thức lâu hơn nữa.

Chúng tôi tới nơi xảy ra tấm thảm trạng vào hồi giữa trưa rồi tới đường Hudson ngay lập tức.

- Đây là đường Hudson. A! Kìa, chú nhỏ tới báo cáo.

- Ông ta vẫn còn ở đó, thưa ông! - Một cậu bé vừa chạy tới vừa kêu lên với chúng tôi.

- Tốt! - Holmes nói khi vuốt ve má chú bé. - Lại đây, Watson. Chúng ta tới nơi rồi.

Holmes đưa vào tấm thiệp trên đó chỉ vài lời ngỏ ý muốn được gặp ông Henry Wood về một việc quan trọng. Ngay sau đó chúng tôi được mời vào nhà. Mặc dù đang mùa nóng nực, ông ta vẫn thu mình bên ngọn lửa và căn phòng đúng là một cái lò. Henry Wood hoàn toàn dị hình và co rúm trên một cái ghế dựa. Nhưng khuôn mặt ông hướng về chúng tôi, thuở trước hẳn là rất điển trai.



Ông nhìn chúng tôi với vẻ nghi hoặc. Không nói mà cũng chẳng đứng lên, ông chỉ cho chúng tôi hai cái ghế dựa.

- Ông từ bên Ấn Độ về, tôi nghĩ thế? - Holmes hỏi với một giọng nhã nhặn. - Tôi tới về cái vụ nhỏ nhỏ mà ông đã biết: cái chết của đại tá Barkerclay.

- Vụ đó thì can hệ gì tới tôi?

- Tôi cũng mong muốn sự việc như thế. Bởi vì nếu nội vụ không được làm sáng tỏ thì bà Barkerclay - vốn là một người bạn cũ của ông - sẽ bị gán cho tội giết người.

Người đó giật nảy mình, kêu lên:

- Tôi không biết ông là ai, cũng chẳng hiểu vì sao ông lại biết được điều đó.

- Người ta chỉ còn chờ đợi bà tỉnh lại để bắt giam bà.

- Lạy Chúa! Ông là cảnh sát hả?

- Không.

- Thế thì sao ông lại can thiệp vô?

- Tôi can thiệp là để cho công lý được thể hiện.

- Ông có thể tin nơi tôi, bà ấy vô tội.

- Thế thì chính ông là phạm tội.

- Không. Tôi không gây ra tội ác.

- Vậy, ai giết đại tá James Barkerclay?

- Chúa giết ông ta. Nhưng ông hãy nhớ lấy điều này: nếu như tôi có đập vỡ óc y ra thì cũng rất đáng với cái tội của y. Ông muốn tôi khai à? Được, tôi chẳng có gì phải hổ thẹn cả. Đây, hiện giờ trên lưng tôi có một cái bấu lạc đà và những xương sườn xiêu vẹo. Nhưng đã có một thời, hạ sĩ Henry Wood này là người đẹp trai nhất trong tiểu đoàn bộ binh 117. Thuở đó, chúng tôi ở bên Ấn Độ, tại vùng Bhurtee. Barkerclay là trung sĩ trong cùng một đại đội với tôi. Còn người đẹp của trung đoàn... đúng thế! Là Nancy Devoy; thân phụ cô là thượng sĩ trưởng đội. Hai chàng trai cùng yêu cô và chỉ có một được cô yêu thương: Tôi. Tôi đã chiếm được trái tim cô, nhưng cha cô lại ưa Barkerclay hơn. Tôi là một người mạo hiểm, một tay phiêu lưu, còn Barkerclay là người có học và người ta đã dự đoán trước là anh sẽ thành sĩ quan. Nhưng Nancy lại tha thiết yêu tôi và tôi tin là tôi sẽ lấy được nàng. Than ôi, cuộc nổi loạn của lính bản xứ Cipayes bùng nổ

và khắp xứ ngập chìm trong máu lửa!

“Toàn thể trung đoàn, thêm phân nửa đội pháo binh, một đại đội lính người Sikhs và nhiều người thường dân cùng đàn bà, trẻ con bị bao vây trong miền Bhurtee. Tới tuần thứ hai thì nước bắt đầu khan hiếm. Cần phải liên lạc với binh đoàn của tướng Neill đang ngược lên xứ đó. Đó là cơ may duy nhất. Tôi tự ý tình nguyện lên ra khỏi vòng vây và báo cho tướng Neill biết về tình trạng nguy ngập của chúng tôi. Đề nghị của tôi được chấp thuận. Tôi bàn bạc với trung sĩ Barkerclay, là người biết rõ thực địa hơn bất cứ ai. Ông ta đã vẽ cho tôi một bản đồ để ra khỏi vòng vây. Tới 10 giờ tối tôi lên đường. Có cả ngàn sinh mạng cần được cứu sống, nhưng thật tâm tôi chỉ nghĩ đến có một người: Nàng.”



“Con đường men theo một dòng nước cạn: tôi hy vọng là đi như thế sẽ thoát được sự canh chừng của bên địch. Nhưng trong lúc đang bò, tôi rơi vào tay sáu tên lính gác đang chờ đợi tôi. Trong hai giây, tôi bị choáng váng vì một cú đánh rồi bị trói. Cú đánh đó làm cho tôi đau đớn trong lòng người hơn là ở trên đầu, bởi vì tôi nghe quân Cipayes nói với nhau rằng chính Barkerclay đã cho một dây tơ địa phương đến báo tin cho họ, nhờ vậy họ mới bắt được tôi.”

“Ngày hôm sau, vùng Bhurtee được quân của tướng Neill giải cứu, nhưng quân nổi loạn đem tôi chúng trong cuộc rút lui. Tôi bị tra tấn. Tôi đào thoát. Tôi bị bắt lại và bị hành hạ thành người tàn phế. Một phần quân phiến loạn bỏ trốn qua Népal; tôi phải theo đoàn đó. Chúng tôi còn đi xa hơn, đi tới tận Darjeeling. ở đó dân sơn cước giết quân phiến loạn và tôi trở thành nô lệ của họ. Tôi lại bỏ trốn nữa. Nhưng thay vì đi về hướng nam, tôi lại ngược lên hướng bắc, đến xứ người Afghans. Tôi lang thang ở đó trong người năm, rồi trở xuống Punjab là nơi tôi đã sống với dân địa phương, kiếm ăn bằng cách làm trò ảo thuật. Tôi làm sao dám trở về nước Anh. Thà cứ để cho Nancy và các bạn cũ cứ giữ mãi cái hồi ức về một gã Henry Wood đã chết với một cái lưng thẳng, hơn là thấy tôi trong một cái hình thể của một kẻ dị dạng góm ghiếc như vậy. Họ tin chắc là tôi đã chết. Như thế lại càng hay! Tôi nghe nói Barkerclay đã cưới Nancy và đã được thăng cấp trong trung đoàn.”

“Nhưng khi về già, người ta tha thiết nhớ cố hương. Trong những năm dài, rồi những năm dài, tôi đã đeo đuổi theo hình ảnh bao đồng cỏ xanh và các hàng rào bên nước Anh. Sau cùng tôi muốn nhìn lại chúng một lần chót trước khi lìa đời”.

- Câu chuyện của ông thật là cảm động - Sherlock Holmes nói. - Tôi đã biết có cuộc gặp mặt giữa ông và bà Barkerclay. Ông đã đi theo bà ấy về nhà, nhìn qua cánh cửa sổ, ông thấy họ cãi nhau, chắc hẳn là người vợ trách móc ông chồng về câu chuyện ngày xưa. Những tình cảm cá nhân của ông lúc đó đã thẳng, ông liền chạy băng qua bãi cỏ và vào trong phòng.

- Đúng, thưa ông. Và khi thấy tôi, y té gục đầu xuống thanh gác cũi. Nhưng y đã chết trước khi gục xuống: tôi trông thấy cái chết trên mặt y, cũng rõ ràng như tôi đọc sách này. Việc nhìn thấy tôi tựa như viên đạn súng lục bắn thẳng vào trái tim tội lỗi của y.

- Rồi sau đó?

- Nancy ngất đi. Tôi rút trong bàn tay nàng cái chìa khóa, định mở cửa đi tìm người cấp cứu. Nhưng tôi nảy ra cái ý định nên để nàng lại đó, còn mình thì bỏ trốn. Tôi nhét cái chìa khóa vào túi và đánh rơi cây gậy trong lúc đuổi theo Teddy đang lên lên tấm ri-đô. Khi tôi

nhốt được nó vào trong cái hộp, tôi chạy đi với tốc độ nhanh nhất.

- Teddy là ai? - Holmes hỏi.

Henry cúi xuống và lôi ra một con vật bé nhỏ xinh đẹp màu đỏ lạt, mảnh mai và mềm mại, một cái mũi dài màu hồng và cặp mắt đỏ tuyệt đẹp.

- Một con chồn đen.

- Vâng, người ta gọi như thế, hoặc còn gọi nó là cây ăn rắn. Tôi gọi nó là con bắt rắn. Tôi có nuôi một con rắn hổ đã bẻ hết răng nanh, và mỗi tối Teddy lại bắt rắn để mua vui cho những người trong xứ. Còn có chuyện gì ông muốn biết nữa không, thưa ông?

- Rất có thể là chúng tôi sẽ cần đến ông, nếu bà Barkerclay bị gặp khó khăn.

- Trong trường hợp đó, xin ông hãy tuyệt đối tin cậy nơi tôi!

- Giờ đây, ông đã vừa ý khi biết rằng trong ba mươi năm qua, lương tâm ông đại tá đã không ngừng cắn rứt về cái hành vi phản bội của mình. A, ông thiếu tá Murphy đang đi bên kia đường. Xin chào, ông Wood.

Chúng tôi đuổi kịp ông thiếu tá.

- A, Holmes, - Thiếu tá reo lên, - Ông đã biết tin gì chưa.

- Chuyện gì vậy?

- Cuộc điều tra đã kết thúc. Y sĩ chứng nhận rằng nạn nhân chết vì chứng ngạt máu. Tóm lại đây chỉ là một vụ thật tầm thường.

- Ồ, rất tầm thường! - Holmes cười và trả lời. - Mình đi thôi, anh Watson! người ta chẳng còn cần đến chúng ta nữa.



Trong lúc đi ra nhà ga, tôi nói với Holmes:

- Có một điều tôi vẫn chưa rõ: người chồng tên là James và người kia là Henry, tại sao bà ấy lại nói đến tên David?
- Đó là một từ ngữ dùng để oán trách.
- Để oán trách?
- Trong kinh Thánh, nhân vật David thỉnh thoảng lại sa đọa, hẳn đã hành động y hệt như trung sĩ James Barkerclay vậy.

2

BỆNH NHÂN THƯỜNG TRÚ

The Resident Patient

Trời đang tiết tháng Mười, một ngày nặng nề, mưa nhiều. Màn cửa được buông xuống nửa vời. Holmes nằm cuộn mình trên ghế tràng kỷ để đọc đi đọc lại lá thư mà anh vừa nhận được. Về phần tôi, thời gian ở bên Ấn Độ đã tập cho tôi chịu đựng được nóng hơn là chịu lạnh. Nhưng tờ báo lại chẳng có gì đáng đọc. Mọi người đã bỏ đi khỏi thủ đô và tôi thèm muốn đi nghỉ mát ở bờ biển, nhưng không đủ tiền. Holmes quá mải mê, không tiện nói chuyện, tôi bèn liệng tờ báo, ngồi thoải mái trong ghế bành và chìm vào trong một giấc mơ. Bất thành linh giọng nói của anh chen vào trong tư tưởng tôi:

- Buổi tối đem đến một chút mát mẻ. Ta đi dạo thành phố nhé.



Tôi tán thành ngay. Trong ba tiếng đồng hồ, chúng tôi đi lang

thang, chăm chú vào cái kính vạn hoa ngàn đời thay đổi không ngừng của cuộc sống trong đại lộ và khu bờ sông. Cuộc nói chuyện của Holmes luôn luôn gây thích thú. Chúng tôi trở về phố Baker lúc 10 giờ. Một xe ngựa bốn bánh đậu trước cửa nhà chúng tôi.

- Hừm! Một bác sỹ... tôi nhận thấy thế. - Holmes nói. - Ông này hành nghề chưa bao lâu, nhưng rất bận rộn. Ông tới hỏi ý kiến chúng ta.

Ánh sáng lung linh đằng sau khuôn cửa sổ chứng tỏ người khách đang chờ đợi chúng tôi. Tôi theo Holmes vào nhà. Một người xanh xao có bộ mặt dài và để râu má vàng hoe đứng lên khi chúng tôi bước vào. Ông ta chưa quá bước mười hoặc ba mươi bốn tuổi, đang nhìn nhón nhác. Đó là thái độ của một người rụt rè và dễ kích động: bàn tay trắng mà ông tì lên lò sưởi khi đứng dậy khỏi ghế hần thích hợp với một nghệ sĩ hơn là một y sỹ. Ông ta ăn mặc đàng hoàng với quần áo màu sẫm. Một cái áo rơ-đanh-gốt đen, quần màu sẫm, thắt cà vạt trang nhã.

- Xin chào bác sỹ! - Holmes vui vẻ nói. - Tôi vui mừng được thấy bác sỹ không phải chờ chúng tôi quá lâu.

- Vậy là ông đã nói chuyện với người đánh xe của tôi?

- Không. Ngọn đèn nện trên bàn đã nói. Xin mời ông ngồi xuống và xin cho biết tôi có thể giúp ông điều gì.

- Tôi là bác sỹ Percy Trevelyan ở số 403 phố Brood.

- Có phải ông là tác giả của một cuốn sách chuyên khảo về các thương tổn thần kinh không? - Tôi hỏi.

Niềm vui sướng làm cho cặp má xanh xao của ông ta trở thành có màu sắc.

- Tôi ít khi được nghe nhắc tới cuốn sách đó. - Ông trả lời. Nhà xuất bản nói nó bán rất ế. Ông cũng là bác sỹ?

- Bác sỹ quân y đang nghỉ phép.

- Tôi muốn chuyên về bệnh thần kinh, nhưng chúng ta buộc phải

“có gì lấy này”. Nhưng đó là chuyện ngoài đề. Thưa ông Holmes, một chuỗi sự việc xảy ra nơi nhà tôi đã khiến tôi tới đây để xin ông một lời khuyên.

Holmes ngồi xuống và mời tôi thuốc.

- Hoan nghênh ông đã đến. Câu chuyện như thế nào?

- Tôi theo học đại học London và các giáo sư đã coi tôi như một đối tượng có nhiều hứa hẹn. Sau khi tốt nghiệp, tôi tiếp tục chuyên tâm vào việc nghiên cứu chứng giản huyết: sau chót, tôi được tặng giải thưởng và một huân chương cho cuốn sách chuyên khảo về những thương tổn thần kinh mà bạn ông vừa nhắc tới hồi nãy. Nhưng chướng ngại chính ngăn chặn con đường lập nghiệp của tôi là sự thiếu vốn. Muốn khởi nghiệp, tôi bắt buộc phải định cư tại một trong mười hai con đường trong khu sang trọng Cavendish: tiền thuê nhà rất cao và một số đồ đạc đắt giá, lại còn phải nuôi kẻ ăn người ở, phải nuôi một con ngựa và một cỗ xe coi được. Điều đó vượt quá khả năng của tôi. Tôi hy vọng sẽ ăn uống dè sẻn trong mười năm, mới có thể gắn được tấm bảng hiệu lên trước cửa nhà mình. Nhưng một buổi sáng, có một người khách tên là Blessington đến tìm tôi. Tôi vừa mới mời ông ta ngồi xuống là ông ta liền nói một hơi:

- Ông có phải là cái ông Percy Trevelyan, người vừa được trao giải thưởng không?

Tôi nghiêng mình.

- Hãy thẳng thắn trả lời tôi, - Người khách nói tiếp. - Rồi ông sẽ không phải hối tiếc. Tài năng của ông sẽ còn đưa ông tiến xa hơn nữa. Ông có khéo xử sự không?

Tôi không thể mỉm cười trước câu hỏi.

- Tạm được.

- Và không có các thói hư tật xấu đấy chứ? Không có những tính ham... uống rượu chẳng hạn?

- Nhưng mà, thưa ông! - Tôi kêu lên.

- Rất tốt! Hoàn toàn tốt! Nhưng tôi buộc phải đặt ra những câu hỏi đó. Ông có tài, có đức, tại sao không lo lập nghiệp.

Tôi nhún vai.

- Coi nào, coi nào, - Người khách nói. Trong đầu ông có nhiều thứ hơn là ở trong bóp. Ông nghĩ sao nếu tôi bố trí cho ông mở phòng mạch ở đường Brook?

Tôi nhìn người khách với vẻ ngạc nhiên.



- Ồ, nếu như tôi làm việc đó, thì chính là vì lợi ích của tôi, chứ chẳng phải để làm vừa lòng ông đâu. - Người khách kêu lên. - Tôi sẽ hết sức thành thật với ông. Tôi có vài ngàn bảng và tôi muốn đầu tư. Phải, tôi muốn đầu tư vào đầu óc ông.

- Như thế nào?

- Cách đầu tư này ăn chắc.

- Nhưng tôi phải làm gì.

- Tôi mượn nhà. Tôi sắm đồ đạc. Tôi trả lương cho kẻ hầu hạ. Nghĩa là tất cả mọi khoản chi tiêu. Ông chỉ ngồi trong cái ghế bành nơi phòng khám bệnh. Ông chia cho tôi 3/4 tiền thu được, ông hưởng 1/4 còn lại.

Tôi nhận lời, tới ngụ tại đường Brook và bắt đầu hành nghề, làm theo những điều kiện mà ông ta đưa ra. Ông ta tới ở trong nhà tôi như một người khách trọ được hưởng bổng lộc. Tôi nhận thấy ông ta bị yếu tim và tình trạng sức khỏe của ông ta cần được chăm sóc thường xuyên. Ông ta sửa đổi hai căn phòng trên lầu thành phòng khách và phòng ngủ để dùng riêng. Đó là một con người kỳ quặc: ông trốn tránh xã hội và ít khi đi ra phố. Tối nào cũng vậy, cứ đúng giờ là ông ta lại vào phòng mạch tôi, xem sổ khám bệnh, rồi chia tiền cho tôi và cất kỹ số còn lại vào cái két sắt đặt trong phòng. Việc đầu tư của ông ta có kết quả. Một vài thành công trong những ca bệnh khó đã mau chóng đưa tôi lên hàng đầu. Trong hai năm, tôi đã làm cho ông ta trở thành người giàu có.

“Cách đây vài tuần, ông ta tới gặp tôi trong một trạng thái cực kỳ bồn chồn. Ông nói với tôi về một vụ trộm vừa mới xảy ra trong khu West End. Ông cho tôi hay là trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa, then cửa an toàn sẽ được đặt vào các cửa sổ và cửa ra vào nhà tôi. Sự căng thẳng thần kinh của ông kéo dài khoảng chừng một tuần. Ông luôn luôn đứng rình bên cửa sổ và không ra khỏi nhà để đi dạo chơi như ông vẫn làm đều đặn trước bữa ăn tối. Nhìn thái độ ông, tôi suy luận rằng ông đang có một nỗi sợ hãi kinh khủng đối với một ai đó hoặc một cái gì đó. Tôi nêu ra với ông vài câu hỏi, nhưng ông tỏ vẻ hờ hững tới mức tôi không muốn tìm hiểu thêm nữa. Thời gian trôi qua, mối lo sợ của ông dường như tan biến dần. Ông đã nối lại những thói quen ngày trước.

“Cách đây hai ngày, tôi nhận được một lá thư không đề ngày tháng và không ghi địa chỉ người gửi, nội dung như sau:

“Một thành viên thuộc giới quý tộc Nga sẽ rất sung sướng được bác sỹ nhận chăm sóc. Từ nhiều năm qua, người này bị chứng giãn huyết. Khi được biết bác sỹ rất giỏi về môn này,

bệnh nhân muốn đến khám bệnh vào chiều mai, lúc 6 giờ 45 phút.”

“Lá thư đó làm tôi thích thú bởi vì sự khó khăn chính trong việc nghiên cứu về bệnh giãn huyết là căn bệnh này ít có bệnh nhân để thực tập. Vậy là tôi có mặt ở phòng mạch vào giờ hẹn. Thân chủ tôi là một người đứng tuổi, gày gò, ung dung. Bề ngoài khá tầm thường: chẳng có chút nào giống với cái ý nghĩ mà chúng ta thường có về một nhà quý phái Nga. Nhưng tôi lại ngạc nhiên nhiều hơn về người cùng đi. Đó là một thanh niên cao lớn, đẹp lạ lùng, với bộ mặt râu rĩ và dữ tợn, một thân hình mạnh khỏe. Khi hai người vào phòng, người trẻ tuổi đang giang vòng tay đỡ lấy ông già rồi đặt ngồi xuống với một sự âu yếm và dịu dàng.



- Tôi xin được thứ lỗi, thưa bác sỹ, - Anh ta nói với tôi bằng tiếng Anh với một giọng nói yếu ớt - Tôi phải cùng đi với cha tôi, vì cha tôi rất yếu.

Sự hiếu thảo đó làm tôi cảm động.

- Phải chăng ông muốn ở lại bên ông cụ trong lúc tôi chẩn bệnh.

- Ồ, không! Không đời nào. - Anh ta kêu lên, tay phác ra một cử chỉ hoảng sợ. - Tôi sẽ rất đau buồn khi phải thấy ba tôi trong những

cơ cấp phát kinh hoàng đó. Hệ thần kinh của tôi rất nhạy cảm. Tôi xin ngồi ở phòng đợi.

“Người thanh niên bỏ ra ngoài. Tôi nói chuyện với người bệnh và ghi chú. Ông già không thông minh, những câu trả lời của ông thường tối nghĩa, tôi cho là ông không đủ từ ngữ tiếng Anh. Tuy nhiên, bất thành linh, trong lúc tôi đang cúi gập ghi chép, thì ông ngưng không trả lời. Tôi ngưng đầu lên, thấy ông ta ngồi thẳng trong ghế bành mà ngó nhìn tôi, mặt ông tái mét, cứng đờ: Cơ bệnh lại tái phát.



Tôi đếm số mạch đập và đo nhiệt độ của người bệnh, cơ bắp đã cứng. Tôi không phát hiện ra điều bất thường đặc biệt nào. Trạng thái của ông phù hợp với điều mà những cuộc quan sát trước đó đã cho tôi biết. Bệnh này trị bằng cách cho xông chất nitrat amyl. Tôi tự nhủ rằng mình đang gặp một cơ hội tuyệt vời để chứng tỏ sự hữu hiệu. Vì chai thuốc đặt ở tầng dưới trong phòng thí nghiệm, tôi để thân chủ ngồi đó, chạy đi lấy. Phải mất năm phút mới tìm ra nó: khi trở lại phòng mạch thì người bệnh đã bỏ đi.

“Tôi chạy ra ngoài. Người con trai cũng đã bỏ đi. Cánh cửa ra vào được khép lại, nhưng không đóng kín. Người đầy tớ, kẻ đưa khách vào, mới vào làm và lại hơi dần dần. Y cứ ở bên dưới và chỉ lên lầu

để chỉ đường cho người bệnh hoặc khi tôi gọi chuông. Y chẳng nghe thấy gì và chúng tôi lúng túng trong sự bí mật hoàn toàn. Sau đó một lát, ông Blessington trở về sau khi đi dạo. Tôi không nói với ông một lời nào về sự việc xảy ra.

“Tôi đình ninh mình sẽ chẳng bao giờ gặp lại người Nga nọ cùng cậu con trai! Thế mà chiều nay họ lại tới phòng mạch tôi.

- Tôi phải xin lỗi ông nhiều vì đã bỏ đi bất thành lình ngày hôm qua, thưa bác sỹ! - Thân chủ của tôi nói.

- Quả thật việc đó làm tôi hơi ngạc nhiên...

- Khi ra khỏi cơn cấp phát, đầu óc rối rắm, tôi không còn nhớ gì về điều đã xảy ra trước đó. Tôi thấy mình tỉnh lại trong một căn phòng lạ, thế là tôi bỏ đi và tôi đã đi ngoài phố như đi trong sương mù.

- Còn tôi, - Người con trai nói thêm, - Khi thấy ba tôi đi ra ngoài, tôi tưởng là cuộc khám bệnh đã xong. Tôi chỉ biết sự thật khi đã về tới nhà.

- Vậy thì, - Tôi cười, - Chẳng có gì là phiền hà cả. Bây giờ, ông có thể lui ra ngoài phòng khách, tôi tiếp tục chẩn đoán cho thân phụ ông.

Trong vòng nửa tiếng đồng hồ, tôi khám xong, kê toa. Sau đó ông ra về, vịn tay vào người con trai. Một lát sau, Blessington về nhà và leo lên phòng. Liền ngay sau đó, tôi nghe tiếng chân ông lao xuống cầu thang và ùa vào trong phòng mạch tôi như một viên đại bác.



- Ai đã vào phòng tôi? - Ông ta hét lên.

- Không ai cả.

- Ông nói dối! Hãy lên mà xem!

“Tôi bỏ qua lời lẽ lỗ mắng của ông ta. Khi lên tới nơi, ông chỉ cho tôi thấy nhiều vết chân trên tấm thảm màu nhạt.

- Đây đâu có phải là các dấu chân của tôi - Ông ta kêu toáng lên.

“Quả thật đó là những dấu chân mới có. Nó lớn hơn dấu chân của ông ta. Buổi chiều đó trời mưa nhiều, khách đến nhà tôi đều là bệnh nhân. Vậy là, trong lúc tôi đang khám bệnh cho người cha, thì anh thanh niên đã rời phòng đợi và đã leo lên phòng của ông Blessington. Không có nơi nào bị đụng tới hoặc bị lấy đi, nhưng rõ ràng căn phòng đã bị xâm nhập. Blessington bị kích động cực kỳ mạnh mẽ. Ông ngồi sụp xuống ghế bành và khóc. Phải rất lâu tôi mới làm ông tỉnh lại đôi phần. Ông ta khuyên tôi đến đây để gặp ông, thưa ông Holmes. Nếu ông vui lòng đi cùng với tôi, có thể ông sẽ trấn an được ông ấy”.

Holmes, đã nghe câu chuyện kể dài dòng ấy với một sự chú tâm

mãnh liệt. Khi người khách chấm dứt, Holmes không nói một lời, đưa cái mũ cho tôi rồi anh đi theo thân chủ.

Mười lăm phút sau, chúng tôi dừng lại trước ngôi nhà của bác sỹ. Một người đầy tớ mở cửa và chúng tôi leo ngay lên cái cầu thang rộng có trải thảm. Ngọn đèn trên thềm cầu thang đột ngột bị gió thổi tắt. Từ trong bóng tối, một giọng nhỏ, run rẩy vọng tới chúng tôi.

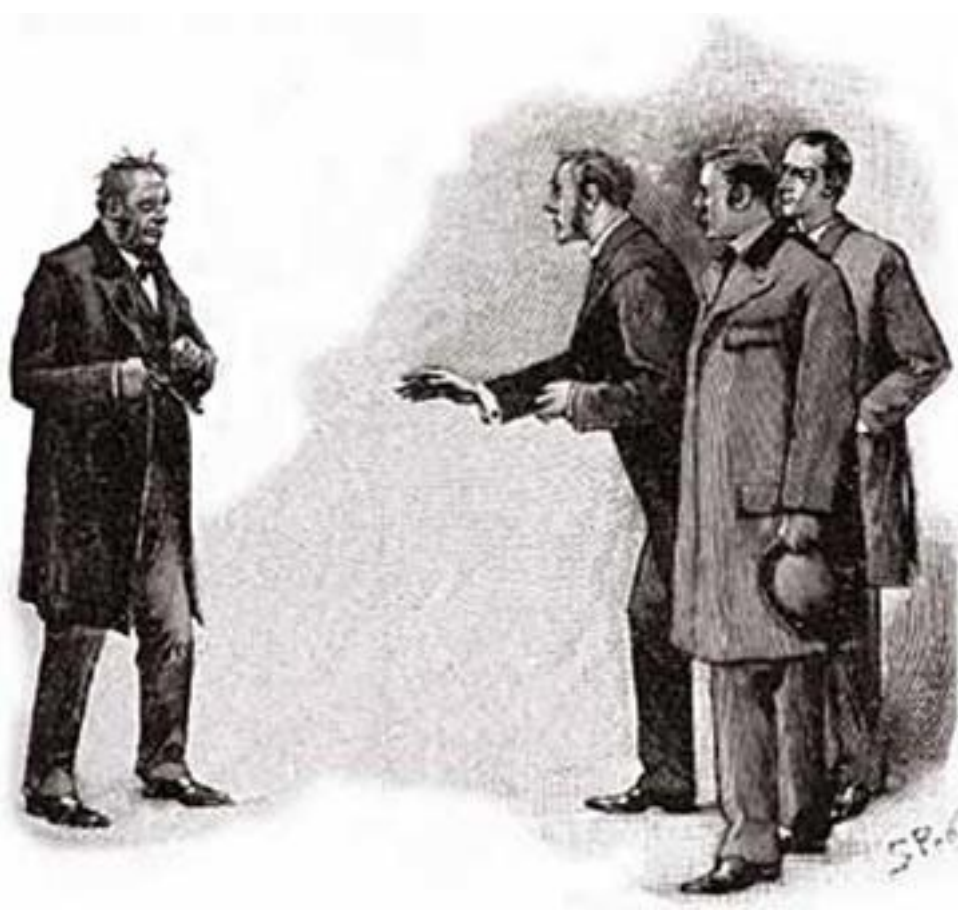
- Ông Blessington, ông quá đáng rồi đấy. - Bác sỹ Percy kêu lên.

- Ồ, thế ra là ông đấy à, bác sỹ? - Giọng nói thốt ra có kèm theo một tiếng thở dài nhẹ nhõm. - Nhưng còn những người kia, ông có bảo đảm cho họ không?

Blessington quan sát tỉ mỉ chúng tôi.

- Tốt. Được rồi. - Sau cùng ông ta nói, - Các ông có thể lên. Tôi xin lỗi nếu sự đề phòng đã làm quý ông khó chịu.

Ông ta đốt gas lên và chúng tôi thấy trước mặt mình là một người kỳ lạ. Ông ta rất mập, nước da bệnh hoạn. Mỗi tay cầm một khẩu súng lục; ông nhét súng vào túi khi chúng tôi tiến lên.



- Xin chào ông Holmes. Tôi thật rất mang ơn ông đã cất công đến đây. Bác sỹ đã cho ông biết về vụ xâm nhập tồi tệ vào nhà tôi?

- Có, hai người đó là ai vậy, tại sao họ lại định hại ông?

- Thế thì, đó là ... Thật là khó nói. Tôi chẳng biết trả lời ông ra làm sao, thưa ông Holmes.

- Nói cách khác, ông không biết họ là ai?

- Xin mời vào. Xin vui lòng đi ngang qua đây.

Ông dẫn chúng tôi vào trong phòng ông. Đó là một căn phòng đẹp, đồ đạc bày biện một cách thích đáng.

- Quý ông thấy cái này chứ? - Ông nói khi chỉ vào một cái hộp đen lớn để ở dưới chân giường. - Tôi chưa bao giờ giàu có. Trọn đời, tôi chỉ đầu tư vào mỗi một việc như bác sỹ Percy sẽ nói cho quý ông rõ. Tôi chẳng bao giờ tin một chủ ngân hàng nào cả, thưa ông Holmes. Chút ít vốn mọn mà tôi có được để cất giấu trong cái rương này, vậy là ông hiểu điều tôi cảm nhận khi có những kẻ vô danh lén vào nhà tôi.

Holmes nhìn kỹ Blessington với con mắt dò hỏi và lắc đầu.

- Tôi không thể giúp gì cho ông nếu ông tìm cách nói dối tôi. - Anh nói.

- Tôi đã nói tất cả rồi.

Holmes xoay gót với một cử chỉ chán ghét:

- Xin chúc anh một đêm an lành, bác sỹ Percy.

- Ông bỏ đi mà chẳng nói với tôi điều gì ư? - Blessington kêu lên với một giọng kiệt quệ.

- Thưa ông, tôi chỉ có một lời khuyên: đó là hãy nói sự thật.

Một phút sau, chúng tôi đã ra tới ngoài phố và chúng tôi lại trên đường về nhà.

- Anh Watson, tôi rất tiếc đã làm anh phải ra khỏi nhà vì một cuộc dạo chơi của những người điên. Thực ra, đây là một chuyện lý thú đấy. Holmes nói.

- Tôi chẳng hiểu gì hết!

- Có hai người... Có thể hơn hai người... oán thù gã này, cái chàng trai nọ đã hai lần lẻn vào phòng của Blessington trong lúc người đồng lõa kiểm giữ bác sỹ trong phòng mạch.

- Thế còn bệnh gián huyết?

- Một chứng bệnh giả và đó là một chứng rất dễ bắt chước. Tôi đã từng bắt chước chứng đó. Tôi, người đang nói với anh đây này.

- Thế rồi sao?

- Bọn chúng mà đến khám bệnh muộn như thế là vì lúc đó trong phòng đợi không còn khách. Tuy nhiên, giờ đó lại trùng hợp với một thói quen của Blessington. Vậy là bọn chúng biết rõ thói quen hàng ngày của ông ta. Nếu chúng chỉ muốn "xoáy" một món nhỏ thôi thì hẳn chúng đã để lại dấu vết của chuyến ăn hàng. Và chẳng, tôi có khả năng đọc được trong mắt một người để biết là người đó lo sợ cho mạng sống của mình. Ông ấy có hai kẻ ham trả thù đến thế mà lại không biết họ là ai ư? Không. Ông ta phải biết họ. Nhưng ông ta đã nói dối. Có thể là ngày mai chúng ta sẽ gặp lại ông ta trong một trạng thái cởi mở hơn!

- Liệu có giả thiết nào khác không? Liệu có thể nào câu chuyện người Nga bị bệnh với con trai ông ta chỉ là sản phẩm tưởng tượng của bác sỹ Percy không?

Dưới ánh sáng một ngọn đèn đường thấp bằng khí đốt, tôi thấy Holmes cười với vẻ thích thú.

- Chàng trai đã để lại những vết chân rất rõ ràng: giày cả anh ta có mũi vuông chứ không nhọn như giày của Blessington và giày đó lớn hơn giày của ông bác sỹ tới 3 inch. Vậy dấu chân trên các tấm thảm là không hề bị lấm lẩn. Nhưng tốt hơn chúng ta nên đi ngủ, bởi vì sáng sớm mai sẽ có tin mới.

Sáng hôm sau, vào hồi 7 giờ rưỡi, trong ánh sáng lờ mờ đầu tiên của buổi sớm mai, tôi đã thấy Holmes mặc áo ngủ đứng ngay đầu giường tôi. Anh nói:

- Watson! Một cỗ xe đang đợi chúng ta.
- Để làm gì?
- Về vụ ở đường Brook.
- Anh nhận được tin mới?
- Nghiêm trọng, nhưng chưa rõ ràng.

Anh tới kéo tấm màn sáo lên, đoạn quay lại bên tôi

- Anh hãy xem cái này. Đây là một miếng giấy nhỏ bứt ra từ một cuốn sổ tay, với những từ đơn giản này:

“Vì lòng kính Chúa, xin hãy tới ngay tức khắc.

P.”

Chữ viết nguệch ngoạc bằng bút chì. Ông bạn bác sỹ đã không có đủ thì giờ! Đi thôi, đây là một lời kêu gọi khẩn cấp.

Mười lăm phút sau, chúng tôi trở lại nhà bác sỹ Percy. Ông chạy ra đón chúng tôi. Vẻ mặt kinh hoàng.

- Ồ, một vụ như thế này! – Ông kêu lên khi giơ hai bàn tay ôm lấy trán.

- Chuyện gì vậy?
- Blessington đã tự tử.

Holmes huýt sáo.

- Phải, ông ấy đã treo cổ trong đêm. - Bác sỹ Percy nói.

Ông bác sỹ dẫn chúng tôi vào căn phòng đợi.

- Tôi không còn biết làm gì hơn. - Ông nói với chúng tôi. - Cảnh

sát đang ở trên lầu. Tôi bị kiệt quệ đến lúc chết được.

- Ông phát hiện chuyện đó vào lúc nào?

- Mỗi buổi sáng người hầu đem lên phòng ông ấy một tách trà. Vào khoảng bảy giờ, cô vào trong phòng, thấy ông ấy đang toòng teng ngay giữa phòng.

Holmes ngồi yên lặng một hồi lâu, đắm chìm trong suy tư, lo lắng.

- Nếu được ông cho phép, tôi sẽ lên trên đó để coi sự việc.

Chúng tôi vào trong phòng, quang cảnh thật chẳng lấy gì làm đẹp! Treo lơ lửng và đu đưa trên cái móc, người chết chẳng còn chút gì là đáng người. Cổ ông ta giãn ra như một con gà giò bị nhổ lông, làm tăng thêm sự phì nộn trong phần còn lại của cơ thể. Trên người ông ta chỉ có một cái áo ngủ dài. Cạnh xác ông có một viên thanh tra đang đứng viết trên một cuốn sổ tay.

- A, ông Holmes! - Ông thanh tra nói khi thấy bạn tôi. - Tôi vui mừng được gặp ông.

- Chào anh, Lanner. - Holmes đáp. - Tôi không quấy rầy đây chứ? Anh có biết những tình huống trước khi vụ này xảy ra không?

- Có

- Quan điểm của anh như thế nào?

- Theo tôi. Blessington đã tự tử trong một cơn sợ hãi. Ông ta đã ngủ say trên giường, ông nhìn đây này: dấu vết của thân thể lún khá sâu. Ông ta đã treo cổ vào lúc năm giờ sáng. Dường như đây là một hành động hoàn toàn cố ý.

- Cứ xét theo sự cứng đờ của các cơ thì cái chết đã xảy ra lúc 3 giờ. - Tôi nói.

- Không có gì đặc biệt ở trong phòng sao? - Holmes hỏi.

- Trên cái bàn nhỏ ở chậu rửa, có một cái vụn danh ốc và vài con danh ốc. Ông ta hẳn cũng đã hút nhiều trong đêm. Đây là bốn mẫu xì gà mà tôi vừa lấy trong lò sưởi ra.

- Hừm! Anh đã coi cái hộp đựng xì gà của ông ấy chưa? Holmes hỏi.

- Không. Không thấy nó đâu cả.

- Thế thì ống đựng xì gà đâu?

- Nó ở trong túi áo vét của ông ta.

Holmes mở ống ra và ngửi hơi của điếu xì gà duy nhất.



- Điếu này là xì gà Havana đây! Những điếu kia là xì gà do người Hà Lan nhập từ những thuộc địa của họ bên Đông Ấn. Anh cầm lấy bốn mẫu thuốc và quan sát chúng qua kính lúp.

- Hai điếu này được hút qua một cái đót, hai điếu kia thì được hút trực tiếp bằng miệng. Hai điếu được cắt đầu bằng một con dao nhíp rất bén, hai điếu kia thì được cắn đầu bằng một hàm răng rất tốt. Đây không phải là một vụ tự sát. Đây là một vụ ám sát được dự mưu từ lâu và được thực hiện một cách khéo léo.

- Không thể được! - Viên thanh tra kêu lên.
- Tại sao lại không thể được?
- Tại sao lại ám sát một người bằng cách treo cổ?
- Đó điều chúng ta cần phải chứng minh.
- Người ta lọt vào nhà bằng cách nào?
- Qua lối cửa ra vào.
- Buổi sáng, những then chặn đã được cài.
- Chúng đã được cài lại sau khi họ đã bỏ đi..
- Làm thế nào ông biết được?
- Tôi đã thấy những dấu vết của họ. Xin thứ lỗi cho tôi trong chốc lát: tôi sắp cung cấp cho ông những thông tin chính xác hơn.

Anh đi ra phía cửa, xoay xoay ổ khóa và quan sát nó. Đoạn anh rút cái chìa khóa cắm ở phía trong ra và chăm chú nhìn nó. Sau đó anh quan sát liên tục tấm thảm, những cái ghế, lò sưởi, xác chết và cuộn dây thừng. Anh tỏ ra hài lòng, yêu cầu viên thanh tra và tôi, cởi dây đưa người bất hạnh xuống, đặt lên một tấm vải trải giường.

- Sợi dây này ở đâu ra? - Holmes hỏi.

- Nó đã được cắt ra trong cuộn dây này. - Bác sỹ Percy trả lời khi kéo từ dưới gầm giường ra một cuộn dây thừng. - Ông ta lo sợ hoả hạn một cách không lành mạnh và ông luôn giữ cuộn dây này gần mình, ngõ hầu gặp trường hợp cầu thang nhà đã bị cháy thì ông có thể trốn thoát qua ngã cửa sổ.

- Đây là điều giúp cho bọn chúng bắt vết vả. - Holmes thì thào trong lúc suy nghĩ thật lung. - Phải, sự việc rất đơn giản. Tối buổi chiều tôi sẽ giải thích tận tường nội vụ với các ông. Tôi xin mang theo tấm ảnh của Blessington đang đặt trên mặt lò sưởi đây.

- Nhưng ông chưa cho chúng tôi biết gì hết. - Bác sỹ Percy kêu lên.

- Bọn chúng có ba người: chàng thanh niên, ông già và một người thứ ba mà tôi chưa tìm ra. Hai người đầu, chính là những người đã giả trang thành những nhà quý tộc Nga. Chúng được một kẻ đồng lõa đưa vào nhà. Nếu ông muốn có một lời khuyên, thưa ông thanh tra, thì ông hãy bắt giữ người đầy tớ trẻ tuổi, mới vào giúp việc.

- Không thấy thằng quý đó đâu cả. - Bác sỹ trả lời. - Cô hầu phòng và bà bếp đã kiểm nó cả buổi sáng nay.

Holmes nhún vai...

- Y không giữ một vai trò quan trọng lắm trong tấn thảm kịch này. Thây kệ! Ba người đã leo lên cầu thang, nhón trên đầu ngón chân, người già dẫn đầu, người trai trẻ đi sau và một người vô danh đi cuối đoàn...

- Holmes ơi! - Tôi reo lên.

- Ồ, một chút nghi ngờ nhỏ nhặt cũng bị cấm đoán đây, chỉ việc nhìn các dấu chân chồng lên nhau cũng thấy rõ. Vậy là bọn họ leo lên tới phòng ông Blessington. Cửa đã khóa. Dùng cọng dây kẽm, chúng đã mở ra. Chẳng cần dùng kính lúp, ta cũng nhận thấy, qua những vết xước, trên cái khe răng ổ khóa này là nơi sức ép đã được nhấn xuống. Khi đã vào phòng, đầu tiên chúng nhét giẻ vào miệng Blessington. Có thể là ông đang ngủ. Có thể là ông bị đờ người vì khiếp sợ. Có điều là ông đã không kêu lên được tiếng nào. Mặt khác, những bức tường này lại rất dày, có thể ông đã kêu cứu, nhưng chẳng ai nghe.

Sau khi đã kiểm chế ông xong. Chúng bình tĩnh ngồi thảo luận. Rất có thể là dưới hình thức một phiên tòa. Cuộc thảo luận ắt hẳn đã kéo dài trong một thời gian, bởi vì những điều xì gà đã được hút trong khoảng thời gian đó. Người lớn tuổi hơn ngồi trên cái ghế dựa đan lát này; người trẻ hơn, chỗ kia. Anh ta đã vẩy tàn thuốc vào cái tủ com-mốt. Về phần người thứ ba, y đi đi lại lại. Có lẽ Blessington vẫn ngồi ở trên giường, nhưng về điểm này tôi không chắc lắm. Để kết thúc, chúng tóm lấy và treo cổ ông lên.



Vụ này đã được suy tính kỹ vì chúng đã mang theo một thứ như cái ròng rọc có thể được dùng làm giá treo cổ. Cái vắn con ốc cùng những con ốc này dự liệu dùng gắn cái giá đó. Nhưng khi chúng trông thấy cái móc của bộ đèn treo, chúng mừng lắm. Khi công việc đã làm xong, chúng bỏ đi và thanh chặn cửa được một đũa gài trở lại sau lưng chúng.

Tất cả chúng tôi đã lắng nghe với một sự chú tâm say sưa bản tóm tắt những việc xảy ra trong đêm. Những suy diễn của Holmes khởi điểm từ những tiền đề quá tinh tế và quá chi tiết khiến cho ngay cả khi anh đã chỉ cho chúng tôi thấy, chúng tôi vẫn còn gặp khó khăn khi theo cái dòng suy luận của anh. Viên thanh tra gấp gáp bỏ ra ngoài để thúc đẩy sự truy lùng người đầy tớ trẻ. Holmes và tôi trở về phố Baker để ăn điểm tâm. Xong bữa, anh nói:

- Tôi sẽ trở về đây vào lúc 3 giờ. Viên thanh tra và ông bác sỹ sẽ có mặt nơi đây vào giờ đó. Tôi hy vọng có thể trình bày rành mạch với họ về vấn đề đã hoàn toàn được làm sáng tỏ.

Các vị khách của chúng tôi có mặt vào giờ đã hẹn, thế nhưng anh bạn tôi lại chỉ trở về vào lúc 3 giờ 45. Nhìn anh, tôi biết ngay là mọi việc đều mỹ mãn.

- Có gì mới lạ không ông thanh tra?

- Chúng tôi đã bắt được người đầy tớ.



- Tuyệt vời! Còn tôi, tôi đã bắt được ba người kia. Tôi chỉ bắt được danh tánh của chúng mà thôi. Cái người được gọi là Blessington, là kẻ rất quen biết với cảnh sát, còn những người tấn công y cũng vậy. Đó là Biddle, Hayward và Moffat.

- Cái băng đã đánh cướp tại ngân hàng Worthingdon đó hả? - Viên thanh tra kêu lên.

- Đúng thế.

- Như vậy, Blessington chính là Sutton.

- Đúng thế.

- Vậy thì tất cả đều đã rõ ràng! - Viên thanh tra kết luận.

Percy và tôi, chúng tôi nhìn lẫn nhau: chúng tôi chẳng hay biết gì về chuyện đó hết.

- Trong vụ nổi cộm về ngân hàng Worthingdon có năm người tham dự: bốn tên vừa kể và người thứ năm, tên là Cartwright. Người bảo vệ tên là Tobin thì bị hạ sát; bọn trộm bỏ trốn với bảy ngàn

bảng. Chuyện xảy ra vào năm 1875. Tất cả năm tên đều bị bắt giữ, nhưng chúng cố lại thiếu. Tên Sutton đã bán đứng bạn bè, Cartwright bị xử giảo, còn ba người kia bị phạt tù mười lăm năm. Vài năm trước khi mãn hạn tù, chúng bắt đầu tìm kiếm tên phản bội. Khi vừa được phóng thích, chúng tìm cách trả thù: hai lần chúng tìm cách đến gần sát hãn, nhưng hai lần đều bị thất bại. Đến lần thứ ba này mới thành công. Ông có thấy cần hỏi thêm tôi một lời giải thích nào khác nữa không, bác sỹ Percy.

- Ông đã làm sáng tỏ nội vụ một cách đáng khâm phục. - Ông bác sỹ trả lời. - Chẳng còn chút nghi ngờ gì, cái ngày mà Blessington bị rối loạn quá mức là ngày hãn vừa đọc báo, thấy tin mấy người bạn cũ vừa được phóng thích.

- Đúng vậy. Chuyện vụ trộm là điều bịa đặt.

- Tại sao hãn không muốn thổ lộ với ông?

- Bởi vì, hãn biết rõ về tính hay trả thù của những người bạn cũ. Hãn cố che giấu căn cước đích thực của hãn càng lâu càng tốt.

Đó là những sự kiện liên quan tới người khách trọ được hưởng bổng lộc và ông bác sỹ ở đường Brook. Cảnh sát chẳng tóm được tên nào. Người ta tin tưởng rằng bọn chúng đã đáp tàu Norah Creina, và con tàu này đã chìm cách đây vài năm ở ngoài khơi Bồ Đào Nha. Thiếu chúng cố, gã đây tớ được tha, và sự "Bí mật ở đường Brook" hoàn toàn ở lại trong trí nhớ của những người đọc báo.

NGƯỜI THÔNG NGÔN HY LẠP

The Greek Interpreter

Chưa bao giờ tôi thấy Holmes nhắc tới gia đình và quãng đời thơ ấu của anh. Tôi thì tôi coi anh như một người kỳ dị cá biệt. Lòng ghét cay ghét đắng đàn bà, sự ghê sợ có thêm những người bạn mới, sự khăng khăng không nhắc đến những người bạn thân là đặc tính của anh. Tôi đã tin rằng anh là trẻ mồ côi và là kẻ "vô gia đình", nhưng ngày nọ tôi ngạc nhiên khi nghe anh nói về người anh của anh.

Một buổi chiều hè, sau lúc uống trà, câu chuyện có vẻ rời rạc. Từ những Câu lạc bộ chơi golf, chúng tôi chuyển tới tranh luận về sự lai giống cùng những khả năng di truyền. Cái khả năng quan sát và suy diễn mà anh có được là do anh được giáo dục có hệ thống.

- Tổ tiên tôi là những người điền chủ nhỏ ở nông thôn, những người đã sống một cuộc sống phù hợp với giai cấp xã hội của họ. Tuy nhiên tôi lại chọn một lối sống hoàn toàn khác hẳn, có thể là do bà nội tôi là em gái Vernet, một họa sỹ người Pháp. Nghệ thuật trong dòng huyết thống có thể nảy nở thành những phong cách rất khác nhau.

- Nhưng làm thế nào mà anh biết được những đức tính đó là di truyền?

- Bởi vì anh Mycroft của tôi thừa hưởng những đức tính đó ở một mức độ cao hơn tôi nhiều.

- Nếu ở đây có một người nào đó có nhiều thiên tư hơn anh, thì tại sao người ta chưa biết đến anh ấy. Phải chăng anh khiêm tốn mà nói như vậy?

Holmes cười với tất cả chân tâm.

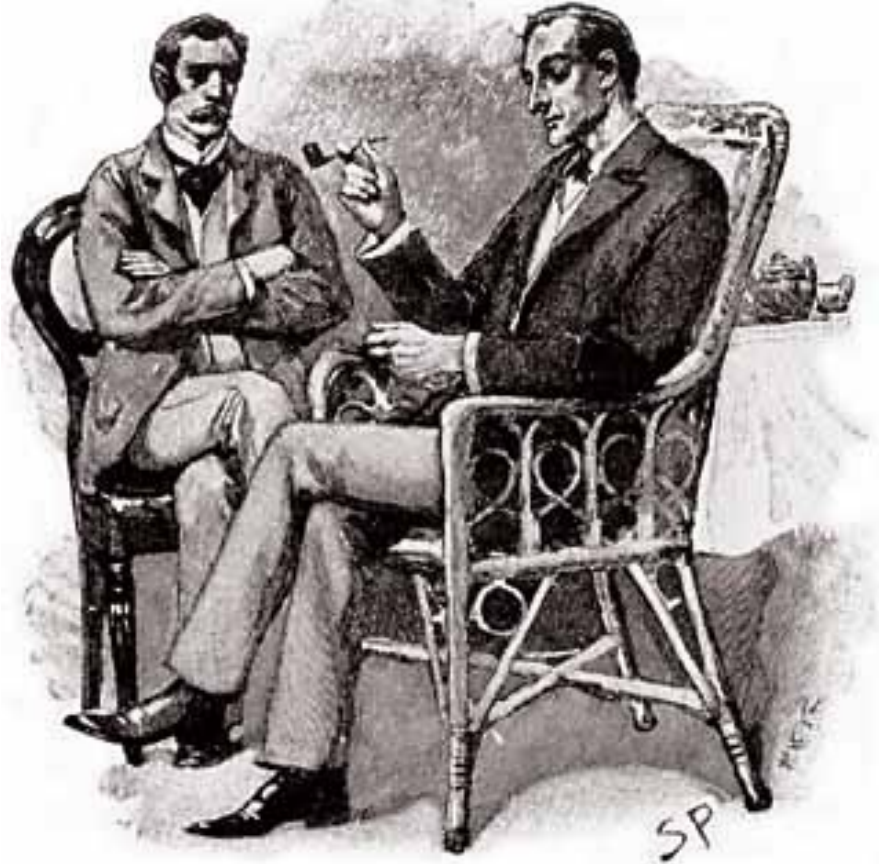
- Anh bạn thân mến! Đó là sự thật.

- Thế sao anh ấy lại không nổi danh.

- Anh ấy rất nổi tiếng tại Câu lạc bộ.

- Câu lạc bộ nào?
- Câu lạc bộ Diogenes.

Tôi hoàn toàn không biết gì về hội quán đó. Holmes rút đồng hồ trong túi ra:



- Câu lạc bộ Diogenes là hội quán kỳ lạ nhất ở London, và Mycroft luôn luôn đến đó trong khoảng từ 4 giờ 45 đến 7 giờ 40. Bây giờ là 6 giờ, ta đến đó chơi.

Năm phút sau, chúng tôi đã ra ngoài đường. Holmes nói:

- Anh ngạc nhiên khi thấy Mycroft có khả năng suy diễn giỏi hơn tôi nhưng không trở thành thám tử chứ gì? Tôi xin trả lời thắc mắc đó: Mycroft không thể làm thám tử được,..

- Nhưng anh đã nói là...

- ... anh ấy quan sát và suy diễn giỏi hơn tôi. Nếu nghệ thuật của nhà thám tử chỉ gồm có mỗi một việc ngồi nhà mà suy luận thì anh

tôi sẽ là một cảnh sát giỏi nhất trên đời. Nhưng tiếc thay, anh ấy lại thiếu tham vọng và nghị lực. Anh chẳng buồn bỏ công kiểm tra những điều đã khám phá được. Tôi đã thẩm vấn anh một vài vụ và anh đã giúp tôi thành công.

- Như vậy, đó không phải là nghề của anh ấy hay sao?

- Không, đó chỉ là một thú tiêu khiển của anh ấy mà thôi. Nhờ có năng khiếu khác thường về những con số, anh được người ta mời vào việc kiểm tra tài khoản trong các Bộ. Anh làm việc đều đặn như một cái đồng hồ: sáng đi tới Câu lạc bộ, chiều trở về nhà... Suốt năm, anh không làm bất cứ một việc nào khác và chẳng cần xuất hiện ở bất cứ nơi nào, ngoại trừ Câu lạc bộ Diogenes, nằm ngay trước nhà của anh.

- Câu lạc bộ đó rất xa lạ với tôi.

- Đương nhiên. Ở London có nhiều người không thích giao du với ai cả. Câu lạc bộ Diogenes được lập ra để giành riêng cho những người ấy. Không một thành viên nào của Câu lạc bộ Diogenes chịu quan tâm tới bất kỳ một bạn đồng sự nào. Ngoại trừ trong phòng khách dành cho người lạ, còn thì không một ai được nói chuyện, dù với bất cứ lý do nào; vi phạm tới lần thứ ba, kẻ ba hoa đó có thể bị trục xuất. Anh tôi là một trong những người sáng lập ra Câu lạc bộ đó.

Vừa đi vừa nói, lát sau chúng tôi đã tới Pall Mall. Holmes dặn tôi giữ yên lặng, rồi đi trước, dẫn tôi vào trong tiền sảnh. Qua một tấm vách bằng kính, tôi thấy một phòng rộng mênh mông và bày biện đồ đạc sang trọng, bên trong có nhiều người, mỗi người ngồi ở một góc, đọc nhật báo, hoặc tạp chí. Holmes đưa tôi tới một phòng khách nhỏ hơn, để tôi ở đó một phút, rồi trở lại cùng với một người; có thể đó là anh của Holmes.



Mycroft lớn hơn và mạnh khỏe hơn Holmes nhiều, cặp mắt xám lợt, tia nhìn sắc sảo, sâu thẳm, tràn ngập một sự linh hoạt.

- Tôi sung sướng được gặp ông, thưa ông. - Mycroft nói với tôi trong lúc chìa ra một bàn tay rộng. - Tôi nghe thiên hạ nhắc tới Sherlock ở khắp nơi kể từ khi ông viết về chú ấy trên báo. - Quay sang phía Holmes, anh nói tiếp - À, tuần qua, anh có ý mong gặp chú về cái vụ Manor House. Chú bị khó khăn, phải thế không?

- Không. Em đã giải quyết xong vụ đó rồi. - Holmes cười, trả lời.

- Đúng là Adams.

- Phải, chính hẳn.

- Anh đã tin chắc ngay từ đầu mà.

Hai anh em ngồi bên nhau trong chỗ khuôn cửa sổ nhô ra. Mycroft nói tiếp:

- Đây là một nơi lý tưởng cho kẻ nào muốn tìm hiểu nhân loại. Hãy nhìn những cái mẫu tuyệt đẹp kia mà coi! Hãy nhìn hai gã đang đi về hướng chúng ta.

- Người ghi điểm billiard và người kia?

- Phải. Chú nghĩ sao về người kia?

Hai người kia dừng lại ngay trước khuôn cửa sổ, một trong hai người có vài vết phấn viết bảng trên túi áo gi-lê. Người kia rất nhỏ con, tóc nâu, đội cái nón hất về đằng sau và dưới cánh tay có cặp nhiều gói đồ.

- Một cựu quân nhân.

- Và mới vừa được giải ngũ - Mycroft nhận xét.

- Anh ta đã phục vụ bên Ấn Độ.

- Như một hạ sĩ quan.

- Trong pháo binh.

- Và góa vợ.

- Nhưng có một đứa con, chú nó. Nhiều đứa con.

- Coi nào. Điều đó hơi quá đáng chẳng. - Tôi cười, nói xen vào.

- Một người có cái tư thế đó, cái dáng và quyền thế đó và cái da bị mặt trời nung đó, thì anh ta phải là "một quân nhân" có "cấp bậc hạ sĩ quan" và đã "từ Ấn Độ trở về". - Holmes nói một hơi.

- Ông ta vừa mới được giải ngũ bởi vì hiện giờ ông ta vẫn còn mang giày nhà binh. - Mycroft giải thích.

- Ông ta không có một lối đi của kỵ binh, ấy thế mà ông ta lại đội mũ lệch sang một bên, bởi vì một bên vầng trán có màu sẫm hơn bên kia; thân hình ông ta không phải là của một công binh. Vậy thì ông là "lính pháo binh". - Holmes nói tiếp.

- Ông ta đang có tang lớn: chúng ta có thể suy diễn ra là ông ta

mất một ai đó rất gần gũi. Việc phải đi mua sắm chứng tỏ là "vợ ông đã chết". Ông ta đi mua nhiều món linh tinh cho các con. Có một cái lúc lắc cho con nít chơi, vậy là một trong những đứa con ông ta còn rất nhỏ. Vợ ông ta hẳn đã từ trần từ khi sinh con. Việc ông ta kẹp dưới cánh tay một cuốn truyện tranh cho thấy là "ông ta còn có một đứa con khác".

Tôi bắt đầu tin rằng Mycroft quả thật có nhiều thiên tư sắc bén hơn Holmes. Holmes liếc mắt nhìn tôi và mỉm cười. Mycroft nói:

- Này chú, người ta vừa đưa tới anh một vấn đề rất hợp với chú. Anh không có can đảm nghiên cứu nó tận tường, nhưng nếu chú muốn nghe.

- Em rất vui sướng!

Mycroft viết vài dòng chữ trên một tờ giấy, gọi chuông, rồi đưa lá thư cho một người hầu.

- Tôi mời ông Melas lại đây. Ông ấy ở tầng lầu bên trên lầu tôi, tôi chỉ biết sơ thôi. Đó là một nhà ngữ học người Hy Lạp, làm thông ngôn trong các tòa án và làm hướng dẫn cho những tay nhà giàu Đông Phương.

Một lát sau, một người thấp và béo lùn đến, ông ta có nước da màu ôliu và mái tóc đen. Ông nồng nhiệt siết tay Holmes.

- Cảnh sát chẳng bao giờ tin những lời khai của tôi. - Ông nói bằng một giọng giễu cợt. - Họ cho rằng tôi phịa ra câu chuyện đó.

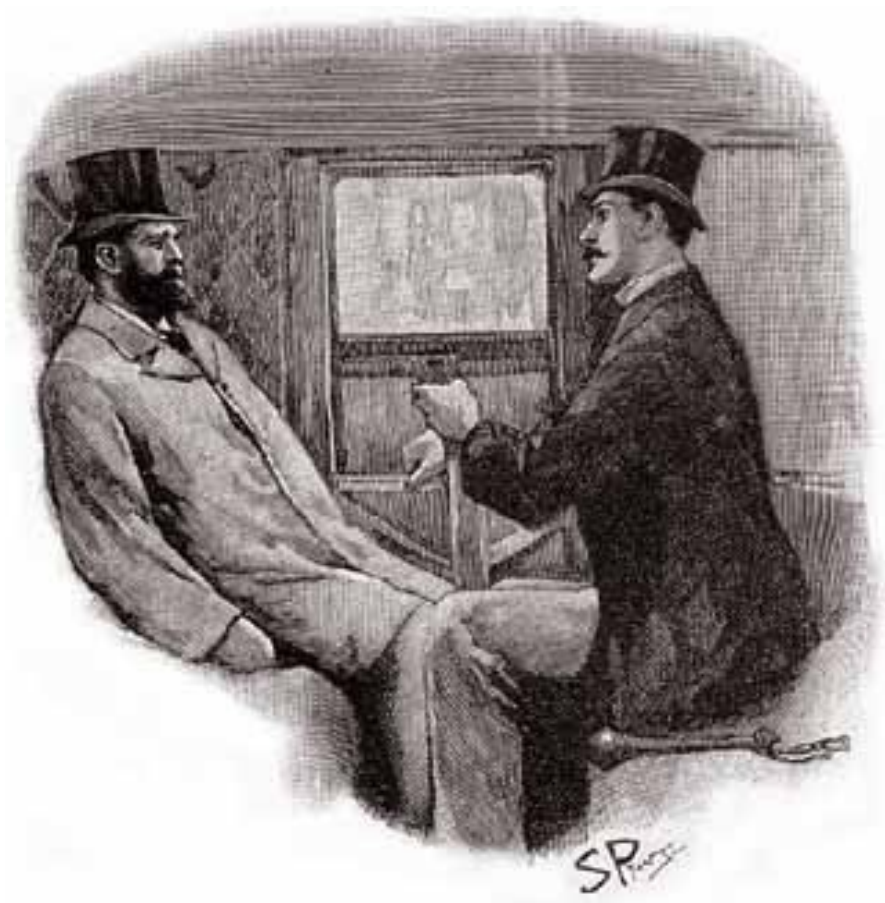
- Tôi vênh tai lên mà nghe ông đây! Holmes nói.

- Chuyện xảy ra vào ngày hôm kia. Tôi biết rất nhiều thứ tiếng. Nhưng vì tôi là người Hy Lạp nên được yêu cầu dịch tiếng Hy Lạp nhiều hơn cả. Tôi thường bị gọi vào những lúc "ngoài giờ" vì du khách tới muộ. Buổi tối ngày thứ hai, ông Latimer tới giật chuông nhà tôi và yêu cầu tôi đi theo ông trong một cỗ xe ngựa thuê đang đợi trước cửa.

- Một người Hy Lạp đã tới gặp tôi để bàn công việc làm ăn, - Ông ta bảo tôi, - Người ấy chỉ nói được tiếng mẹ đẻ. Ông ta ngụ trong

vùng Kensington.

Trong chiếc xe ngựa sang trọng, ông Latimer ngồi trước mặt tôi. Xe đi ngang qua bùng binh Charing và đại lộ Shaftesbury, khi tới đường Oxford, tôi đánh liều đưa ra ý kiến nên cho xe đi theo con đường ngắn nhất để tới Kensington, nhưng tôi ngưng bật trước thái độ bất thường của người khách. Ông ta rút ra khỏi túi một cây dùi cui rất lớn và khua nó nhiều lần, tựa hồ như ông ta muốn thử sức nặng của nó. Rồi ông ta đặt nó xuống bên cạnh. Sau đó ông ta kéo kính ở hai bên xe lên: các kính đó được dán giấy kín đến mức tôi chẳng còn trông thấy gì còn ở bên ngoài.



- Rất tiếc phải che mắt ông bạn lại, thưa ông Melas! - Ông ta nói. - Chúng tôi không muốn cho ông biết nơi ông sẽ tới, để ông khỏi bị rắc rối về sau.

Tôi hoàn toàn choáng váng. Latimer còn trẻ, cường tráng với những bờ vai rộng. Ngay cả khi anh ta không có vũ khí đi nữa, tôi cũng không thể nào địch nổi anh ta.

- Đây là một cách cư xử rất khác thường. - Tôi ấp úng nói.

- Tôi đã sống sã đối với ông. - Anh ta trả lời tôi. - Nhưng tôi sẽ đền bù cho ông. Tuy nhiên, tôi phải báo trước, nếu ông tìm cách báo động hoặc làm bất cứ điều gì chống lại tôi thì ông sẽ hối hận đấy!

Anh ta nói bằng một giọng trầm tĩnh, nhưng rất ư đe dọa. Tôi lặng thinh, không ngừng tự hỏi vì sao hắn bắt cóc tôi. Nhưng rõ ràng mọi sự kháng cự đều vô ích. Xe chạy gần hai tiếng đồng hồ và tôi không hề biết hướng xe đi. Thỉnh thoảng tiếng ầm ầm của bánh xe lăn cho tôi biết xe chạy trên mặt đường lát: nhiều lúc xe chạy êm ru, gợn ra mặt đường trải nhựa. ánh sáng không lọt được qua cửa kính bị dán giấy và một tấm ri-đô màu xanh đã được kéo phủ tấm kính ở đằng trước. Chúng tôi rời Pall Mall vào hồi 7 giờ kém 15 và dừng lại vào lúc 9 giờ kém 10. Chàng trai hạ kính xe và tôi nhận ra một vòm cổng trên có một ngọn đèn lồng thấp sáng. Khi tôi xuống xe thì cổng đã mở ra.

Trong nhà có một có một cây đèn mà ngọn lửa quá nhỏ đến mức tôi chỉ vừa đủ phân biệt được một gian tiền sảnh thật lớn, có trang hoàng nhiều họa phẩm. Tôi cũng quan sát thấy người ra mở cửa là một người đàn ông trạc năm mươi tuổi, nhỏ bé gầy gò, đôi vai còng, mắt kiếng. Ông ta hỏi.

- Có phải ông Melas đấy không, Harold?

- Phải.

- Xin ông đừng giận chúng tôi, chúng tôi rất cần đến ông. Nếu ông xử sự đàng hoàng thì ông sẽ không có gì phải hối tiếc cả.

Ông ta nói một cách dứt khúc, với nhiều tiếng cười nhỏ cắt ngang mỗi câu nói. Tôi thú nhận là tôi sợ ông ta hơn là sợ người thanh niên.

- Ông muốn gì nơi tôi?

- Chúng tôi nhờ ông phiên dịch. Dịch chính xác và không được thêm bớt tí gì cả.

Ông ta lại phát ra tiếng cười nho nhỏ, rồi mở một cánh cửa ra và đưa tôi vào một căn phòng thật rộng rãi, tấm thảm rất dày, ghế bành bọc nhung, một cái lò sưởi cao màu trắng. Dưới ngọn đèn có một cái

ghế dựa: người lớn tuổi mời tôi ngồi xuống đó. Người trẻ tuổi đã ra khỏi phòng, nhưng rồi anh ta quay lại qua một ngả cửa khác, dẫn theo một nhân vật mặc một loại áo ngủ rộng và bước đi chậm chạp. Khi người đó tới trong vùng ánh sáng, tôi thấy ông ta cực kỳ tái mét, gương mặt hốc hác, đôi mắt lồi ra, mặt ông ta quần chằng chịt nhiều lớp vải mỏng có phết hồ dán: ngay cả cái miệng cũng bị che kín bằng một dải rộng làm cho miệng ông bị nghẽn kín hoàn toàn.



- Cậu có cái bảng nhỏ đó không, Harold? - Người lớn tuổi kêu lên trong lúc người bị quần vải buông rơi mình xuống một cái ghế dựa. - Đã cởi trói cho ông ấy chưa? Tốt. Đưa cho ông ấy cây viết chì. Chúng tôi sẽ đặt ra những câu hỏi, thưa ông Melas, và ông ấy sẽ viết ra các câu trả lời. Trước hết, xin ông hỏi xem ông ấy có sẵn sàng ký giấy không.

Đôi mắt người lạ phóng ra những tia lửa. Không bao giờ ông ta chịu viết trên bảng đen.

- Không ký với bất cứ điều kiện nào hay sao? - Tôi dịch, sau khi bọn kia nêu ra câu hỏi.

- Tôi chỉ ký khi mà cô ấy làm lễ cưới trước mặt tôi, do một linh mục Hy Lạp mà tôi quen biết đứng chủ lễ.

Người nọ thốt ra nụ cười hiểm độc:

- Thế thì, anh biết cái gì chờ đợi anh chứ?

- Tôi chẳng sợ cái gì cả.

Đó là một mẫu những câu hỏi và câu trả lời trong cuộc nói chuyện kỳ lạ, phân nửa hỏi, phân nửa viết. Một cách đều đặn, tôi phải hỏi xem ông ta có chịu nhượng bộ và ký tên vào bản cam kết không. Cũng không kém đều đặn, tôi luôn luôn nhận được câu trả lời phần nộ. Nhưng ngay sau đó một ý nghĩ chợt đến với tôi. Tôi tự ý thêm những câu ngắn (do chính mình nghĩ ra) vào sau những câu hỏi: thoát đầu thật vô hại, ngõ hầu để thử xem hai tay bạo ngược đó có biết chút ít tiếng Hy Lạp không. Khi thấy chúng không có phản ứng nào, tôi chơi bạo hơn. Cuộc đối thoại của chúng tôi lúc đó giống như thế này:

- Anh sẽ chẳng được lợi ích nếu cứ ngoan cố mãi. Ông là ai?

- Tôi cóc cần. Tôi là một người lạ ở London.

- Ông thí mạng đó. Ông đã ở đây từ bao lâu?

- Thây kệ. Ba tuần.

- Những của cải đó sẽ không bao giờ còn thuộc về ông nữa. Ông bị đau ra sao?

- Của cải sẽ không rơi vào tay bọn vô lại. Bọn chúng bỏ đời tôi.

- Ông sẽ được tự do, nếu như ông chịu ký. Nhà này là nhà nào?

- Tôi sẽ không bao giờ ký. Tôi không biết.

- Ông chẳng giúp ích được chút nào cho cô ấy đâu. Ông tên là gì?

- Cô ấy cứ việc đến đây nói cho tôi biết! Kratides.

- Ông sẽ gặp cô ấy nếu ông chịu ký. Ông từ đâu tới.?

- Thế thì tôi sẽ chẳng bao giờ gặp lại cô ấy. Từ Athènes

Thưa ông Holmes, chỉ cần thêm năm phút nữa là tôi có thể làm sáng tỏ câu chuyện, nhưng ngay lúc đó, cánh cửa lại mở ra và một người đàn bà bước vào. Cô ta cao, mảnh mai, tóc nâu và mặc một cái áo trắng rộng thùng thình.

- Harold, - Cô ta kêu lên với một âm tiết tồi. - Em không thể ở nơi đó được nữa. Em cảm thấy quá cô đơn. Ồ, anh Paul đây mà!

Cô ấy nói câu sau chót bằng tiếng Hy Lạp. Cùng lúc, nạn nhân trong một nỗ lực mạnh mẽ, đã bứt lớp vải mỏng có phết hồ dán trên đôi môi ra và hét lên:



- Sophy! Em!

Ông lao vào trong vòng tay người phụ nữ. Hai người chỉ ôm nhau trong một thoáng, bởi vì người trẻ tuổi đã nắm lấy người đàn bà, đẩy ra khỏi phòng, trong lúc người già kia túm lấy người tù nhân và dẫn ra ngã cửa kia. Còn lại mình tôi. Tôi đứng lên, suy nghĩ xem tôi có thể nào tìm ra nơi đây là đâu. Nhưng thật may là tôi đã không động

đây. Vừa ngược mắt lên, tôi thấy người đứng tuổi đang quan sát tôi.



- Thế là đủ rồi, ông Melas! Chúng tôi đánh giá cao những phẩm chất của ông.

Tôi nghiêng mình.

- Đây là 5 sovereigns. - Ông ta nói, khi tiến lại bên tôi. - Một món thù lao trọng hậu. Nhưng ông hãy nhớ đấy! - Ông ta nói thêm, tay vỗ nhẹ lên vai tôi và buông ra tiếng cười nho nhỏ.

- Nếu ông nói ra chuyện này với bất cứ ai... với bất cứ ai, ông nghe rõ chưa? Thì lúc đó Chúa cũng không cứu nổi ông. Xe đang chờ ông.

Tôi gần như bị ném ra căn phòng ngoài, rồi vào trong cỗ xe. Một lần nữa tôi lại thấy cây cối và thửa ruộng. Gã Latimer ngồi trước mặt tôi. Sau một chuyến đi bất tận, chúng tôi dừng lại:

- Ông hãy xuống đây, thưa ông Melas. Tôi rất tiếc phải bỏ ông xuống cách nhà ông quá xa, nhưng tôi không được quyền chọn lựa.

Anh ta mở cánh cửa xe và tôi có vừa đủ thì giờ để nhảy xuống, bởi vì người đánh xe đã quất roi vào con ngựa và cỗ xe phóng đi thật nhanh. Tôi nhìn chung quanh, thấy mình đang ở trong một đồng cỏ,

rải rác có những bụi kim tước. Đằng xa có một dãy nhà, rải rác đó đây những ánh sáng hắt ra ngoài khuôn cửa sổ trên những tầng lầu. Nhìn về phía bên kia, tôi thấy những tín hiệu đèn đỏ của đường sắt. Cỗ xe đã vượt ngoài tầm mắt. Tôi đang phân vân không biết mình đang ở đâu thì chợt thấy một người tiến tới. Đó là một phu khuân vác ở nhà ga.



- Xin ông vui lòng cho tôi biết đây là đâu?
- Hạt Wandsworth.
- Làm sao đáp tàu đi London.
- Cách đây hai cây số. Nếu đi nhanh thì còn kịp chuyển chót.

Thưa ông Holmes, chuyến phiêu lưu của tôi kết thúc như vậy đó”.

Chúng tôi ngồi yên lặng hồi lâu. Sau cùng Holmes liếc sang Mycroft.

- Anh có thấy một hướng điều tra nào không?

Mycroft lấy tờ báo Daily News trên mặt bàn:

“Một phần thưởng được tặng cho người nào biết chỗ ở của công dân Hy Lạp tên là Paul Kratides, từ Athènes tới; và là người không biết nói tiếng Anh. Một phần thưởng khác sẽ được đổi lấy bất cứ tin tức nào liên quan đến một phụ nữ Hy Lạp tên là Sophy. Trả lời về X2473.”

Tất cả các nhật báo đều đăng lời nhắn tin này. Cho tới nay chưa có hồi âm.

- Thế còn đại diện của nước Hy Lạp?

- Tôi đã tới hỏi thăm. Người ta chẳng biết gì hết.

- Một bức điện gửi cho cảnh sát ở Athènes, thế nào?

- Sherlock có tất cả nghị lực của gia đình. - Mycroft nói với tôi. - Vậy thì, hãy nhận lấy trách nhiệm và hãy báo cho anh biết tin, nếu chú thành công.

- Em sẽ báo tin cho anh biết cũng như sẽ báo cho ông Melas rõ. Trong khi chờ đợi, thưa ông Melas, ông hãy đề phòng cẩn thận.

Trên đường, Holmes dừng lại bưu cục và đánh đi nhiều bức điện tín.

- Anh Watson, chúng ta đã không lãng phí buổi tối nay. Vấn đề này có vài dữ kiện không kém tầm thường.

- Anh giải quyết được chứ?

- Khi đã biết được phân nửa mà không khám phá ra nốt phần còn lại, thì còn bất hạnh nào hơn!

- Cô gái Hy Lạp đó đã bị chàng trai người Anh tên là Harold Latimer bắt cóc - Tôi nói.

- Bắt cóc từ đâu?

- Từ Athènes.

Sherlock lắc đầu nói:

- Người thanh niên đó không nói được một tiếng Hy Lạp, còn cô

gái nói được tiếng Anh. Vậy là cô ta đã sống trong một thời gian ở nước Anh, nhưng còn hẵn thì không sang Hy Lạp.

- Được. Thế thì chúng ta giả thiết rằng cô ấy lưu lại nước Anh và gã lưu manh dụ dỗ được cô ta. - Tôi nói.

- Rất có lý.

- Anh ruột cô ta tới nước Anh để can thiệp, nhưng ông rơi vào tay bọn chúng. Chúng giam giữ ông, dùng vũ lực buộc ông phải ký vào một văn kiện chuyển tài sản của cô gái cho chúng, bởi vì ông ta là người quản lý tài sản đó. Ông từ chối. Để có thể đạt tới sự thoả hiệp, chúng cần có một người thông ngôn và chúng đã chọn ông Melas, sau khi đã dùng một người khác từ trước đó. Cô gái không biết là anh cô đã tới đây và cô chỉ biết được sự kiện này nhờ sự tình cờ.

- Hoan hô, Watson. - Holmes kêu lên. - Anh đã gần đoán ra. Chúng ta nắm tất cả mọi quân bài, chỉ còn lo ngại chúng dùng bạo lực.

- Làm sao tìm ra sào huyệt chúng.

- Nếu cô gái tên là Sophy Kratides, chúng ta sẽ dễ dàng tìm ra cô. Bởi vì gã Harold đã làm quen với cô ít ra đã được vài tuần. Nếu họ ở cùng một nơi thì tin nhắn của Mycroft được hồi âm.

Chúng tôi về tới nhà Holmes lên cầu thang trước và cửa mở, anh rất ngạc nhiên khi thấy Mycroft đang ngồi trong ghế bành và bình thản hút thuốc.



- Vào đi, Sherlock. Hãy vào đi, ông Watson. - Mycroft nói, khi thấy chúng tôi. - Chú không ngờ là tôi chịu dẫn thân vào vụ này, phải thể không Holmes? Vụ này làm tôi thích thú.

- Anh đến đây bằng gì?

- Xe ngựa.

- Có tin gì mới chẳng?

- Anh đã nhận được hồi âm.

- A!

- Phải, thư trả lời tới anh vài phút, sau khi các chú ra về.

- Thư nói gì?

Mycroft rút ra một tờ giấy.

- Nó đây này. Tôi xin đọc nhé.

“**T**HƯA **Ô**NG, để trả lời cho tin nhắn của ông về ngày hôm nay,

tôi cho ông biết rằng tôi hiểu rất rõ về người phụ nữ ấy. Nếu ông đến gặp tôi, tôi sẽ cho ông biết vài chi tiết liên quan tới câu chuyện đau buồn của cô ấy. Hiện nay cô đang ở tại biệt thự Myrtles tại Beckenham.

Người bạn tận tâm của ông.

J. DAVENPORT”.

Ông ấy viết từ Hạ Brixton. Này Holmes, em có nghĩ rằng chúng ta nên đi tới không?

- Mạng sống của anh cô ta quan trọng hơn câu chuyện đau buồn của cô ta. Chúng ta cần tới ngay Scoland Yard để tìm thanh tra Gregson và cùng nhau đi tới Bekenham. Một cái chết đang được tính từng giờ!

- Chúng ta tới rủ ông Melas đi cùng. Biết đâu chúng ta chẳng cần tới một người thông ngôn. - Tôi gợi ý.

- Ý kiến tuyệt vời! - Holmes nói. - Hãy sai người đi tới một cỗ xe.

Holmes mở ngăn kéo và nhét khẩu súng lục vào túi.

- Phải, - Anh nói để trả lời cho tia nhìn của tôi. - Chúng ta phải đối phó với một băng nhóm đáng sợ.

Màn đêm buông xuống khi chúng tôi tới Pall Mall. Chúng tôi gọi chuông căn hộ của ông Melas.

- Bà vui lòng cho tôi biết ông Melas có ở nhà không? - Mycroft hỏi.

- Tôi không biết ông đi đâu. - Người đàn bà mở cửa cho chúng tôi trả lời. - Tôi chỉ biết là ông ấy đã ra đi cùng với một ông trong một cỗ xe.

- Ông kia có xưng tên không?

- Không, thưa ông.

- Có phải người đó là một thanh niên tóc nâu, vạm vỡ?

- Đó là một người nhỏ con, mang mắt kiếng, gày gò nhưng rất ngộ nghĩnh: ông ta cứ cười luôn trong khi nói.

- Đi thôi! - Holmes kêu lên với chúng tôi. - Chuyện nghiêm trọng lắm rồi!

Trong lúc chúng tôi cho xe chạy tới trụ sở của Scotland Yard, anh nói với chúng tôi: - Bọn cướp đã bắt cóc Melas, rất có thể là chúng còn cần tới ông. Nhưng sau khi dùng ông xong rồi, chúng sẽ trừng phạt ông.

Tới Scotland Yard, phải mất một giờ, chúng tôi mới tiếp xúc được với thanh tra Gregson, rồi sau đó vội vã tới ngay biệt thự Myrtles: ngôi nhà lớn tối tăm, nằm trên một thửa đất cách xa đường. Sau khi cho xe ngựa về, chúng tôi đi trên lối vào nhà.

- Các cửa sổ đều không có ánh đèn vào cái tổ đã trống trơn. - Holmes nói.

- Tại sao anh lại nói vậy?

- Cách đây gần một tiếng đồng hồ, một cỗ xe chở đầy hành lý đã đi ngang qua đây: nó từ trong nhà chạy ra.

Viên thanh tra cất tiếng cười vang:

- Ngọn đèn ở hàng rào đã chỉ cho tôi thấy những vết bánh xe, nhưng còn hành lý thì...

- Ông hãy quan sát những vết của cùng những bánh xe đó, trong chiều ngược lại: những vết đi ra cánh đồng thì hằn rõ hơn trên nền đất. Vậy là xe phải chịu đựng một trọng tải nặng hơn rất nhiều.

- Thế là ông đã đi xa hơn tôi. - Viên thanh tra nhún vai mà trả lời. - Cánh cửa này chẳng dễ gì mở được. Nhưng trước hết, chúng ta hãy thử gọi cửa xem sao?

Ông dùng búa gõ rất dữ dội, giật mạnh dây chuông, nhưng không có kết quả. Holmes linh đi. Vài phút sau, anh trở lại, nói:

- Một cửa sổ đã mở.

- Thật may mà anh lại đứng về phía cảnh sát. - Viên thanh tra quan sát và khâm phục cái cách mà Holmes nạy then móc cửa sổ ra.
- Chúng ta có thể vào nhà mà không cần được mời.

Chúng tôi lần lượt vào trong một gian phòng lớn, hiển nhiên là nơi ông Melas đã được đưa vào. Viên thanh tra thắp đèn. Trên bàn có hai cái ly, một chai brandy đã cạn và vài món ăn dư.

- Cái gì vậy nhỉ? - Đột nhiên Holmes hỏi.

Chúng tôi gióng tai lên nghe ngóng, đứng bất động. Từ một nơi nào đó trên lầu vọng xuống một tiếng rên rỉ nhỏ, nghẹn. Holmes vội leo lên, viên thanh tra và tôi bám theo bèn gót, anh Mycroft cũng đuổi theo chúng tôi. Lên tới thềm cầu thang lầu hai, chúng tôi thấy có ba cánh cửa: tiếng kêu xé ruột phát ra từ phía sau cánh cửa giữa. Cánh cửa bị đóng, nhưng chìa khóa lại cắm ở bên ngoài. Holmes mở cửa, lao vào, nhưng rồi anh quay ra ngay sau đó và giơ tay chặn lấy cuống họng.



- Khói quá! - Anh kêu lên. - Chúng ta chờ một chút.

Liếc vào bên trong, chúng tôi thấy ở giữa phòng có một ngọn lửa xanh, bốc lên từ một cái giá ba chân đồng. Ngọn lửa vẽ trên sàn nhà một vòng tròn nhỏ, nhọn nhọn; chúng tôi nhận ra hai bóng người co quắp dựa vào tường. Holmes leo lên bậc thang trên cao để hít thở không khí ít khói, đoạn trở vào phòng, mở một cửa sổ ra và liệng cái giá ba chân nóng rực xuống dưới vườn.



- Trong một phút nữa, chúng ta có thể vào được. - Anh hỗn hển nói khi trở ra ngoài. - Làm sao có ngọn nến nhỉ. Không khí như vậy không thể đánh diêm quẹt được. Mycroft, anh hãy cầm lấy cây đèn lồng đứng ngay cửa, rọi sáng để chúng tôi khiêng họ ra ngoài. Nào! Chúng ta xông vào!

Chúng tôi nín thở, túm lấy những kẻ bất hạnh, lôi họ ra ngoài cầu thang. Cả hai đều bất tỉnh. Một trong hai người là viên thông ngôn Hy Lạp. Ông bị trói ở chân và ở tay, một con mắt sưng vù. Người kia cũng bị trói tương tự, cao và gầy trơ xương, mặt ông ta trông kỳ quái với những dải vải mỏng có phết hồ dán. Khi chúng tôi đặt ông ta xuống đất thì ông ta ngừng rên rỉ: ông đã chết, Melas thì còn sống.

Câu chuyện của Melas rất đơn giản: người khách đến kêu cửa, khi

nhìn thấy cây dù cui, ông đã khiếp sợ, đành để cho bị bắt cóc một lần thứ hai, bị đem về Beckenham và phải làm thông ngôn cho một cuộc đối thoại còn bi thảm hơn cuộc nói chuyện lần đầu. Sau chót, thấy rõ là không thể nào lay chuyển được còn mồi, chúng đưa ông về chỗ giam cũ. Sau khi nói với ông Melas rằng chúng đã đọc được tin nhắn trên các báo; chúng nện một cú dù cui, và ông bị ngắt đi... cho tới lúc chúng tôi đến cứu ông.

Chúng tôi khám phá ra được vụ này nhờ người viết thư ở Hạ Brixton. Người này cho biết rằng thiếu phụ bất hạnh thuộc một gia đình Hy Lạp giàu có và cô sang nước Anh ở chơi nơi nhà bạn bè. Cô gặp Harold, gã này thuyết phục cô bỏ trốn theo y. Các bạn cô ngao ngán báo tin cho anh cô ở Athènes rồi sau đó họ không còn bận tâm gì nữa. Nhưng khi vừa tới nước Anh, anh của cô rơi vào tay Harold và Wilson Kemp. Hai tên lưu manh đó giam giữ ông và ra sức ép buộc ông ký tên vào một văn kiện chịu từ bỏ tài sản của hai anh em ông. Chúng đã giam giữ ông và ngụy trang ông bằng những dải vải mỏng có phết hồ dán, ngỡ tưởng cô em gái không nhận ra người anh, trong trường hợp cô nhìn thấy ông. Tuy nhiên, cái trực giác của người đàn bà giúp cô nhận ra anh mình. Thế là đến phiên cô bị cầm giữ trong nhà người đánh xe ngựa và cô vợ y. Khi hai tên bất lương biết rằng bí mật của chúng bị phát giác và người bị chúng giam khăng khăng không chịu ký tên, thì chúng bỏ trốn cùng với cô gái. Nhưng trước khi bỏ đi, chúng ra tay trả thù con người đã cả gan thách thức chúng.

Vài tháng sau, một bản tin kỳ lạ đánh đi từ Budapest được đăng trên các báo. Tin cho hay hai người anh du hành cùng một thiếu phụ đã có một kết cuộc bi thảm. Cả hai người đàn ông đều bị đâm chết. Cảnh sát Hungary cho rằng hai người đó đã gây lộn với nhau và đã giết nhau... Holmes thì cho rằng những nỗi thống khổ của hai anh em người Hy Lạp đã được trả thù.

BẢN HIỆP ƯỚC HẢI QUÂN

The Naval Treaty

Tháng 7, ngay sau đám cưới của tôi, là một tháng đáng ghi nhớ bởi 3 vụ phá án của Sherlock Holmes mà tôi có tham gia. Điều thú vị là những vụ án này có liên quan đến từng vấn đề trong xã hội theo một cách trình tự: gia đình, quốc gia và cuối cùng là quần chúng. Trong vụ án mà tôi sắp kể lại dưới đây, nó minh họa một cách rõ nét cho phương pháp phân tích và những mối liên hệ sâu xa của Holmes. Tôi vẫn còn giữ những ghi chép của ông Dubugue ¹³⁾ của sở cảnh sát Paris và ngài Fritz von Waldbaum, chuyên viên nổi tiếng của Dantzig, cả hai đều mất khá nhiều công sức để tiếp cận vụ việc. Tuy nhiên, có nhiều vấn đề còn trong vòng bảo mật. Bản ghi chép dưới đây của tôi sẽ trình bày một số yếu tố quan trọng, có thể sẽ dẫn đến những biến cố của quốc gia. Nó chỉ có thể được phép công khai về sau này, khi những yếu tố bảo mật không còn hiệu lực.

Lúc còn đi học tôi rất thân với Percy Phelps, cũng trạc tuổi tôi nhưng học trên tôi hai lớp. Là học sinh ưu tú giành được nhiều giải thưởng và một học bổng ở Cambridge; thuộc dòng dõi danh giá: ông cậu của anh là hân tước Holdhurst. Ở tại trường, cái quan hệ họ hàng ấy chẳng đem lại cho anh cái gì. Trái lại, chúng tôi còn thấy thích thú khi lôi anh ra sân chơi và đá vào mông anh vài cú. Nhưng lúc ra đời thì khác hẳn: ảnh hưởng của ông cậu đã đưa anh lên một địa vị tốt ở Bộ ngoại giao. Thế rồi tôi quên bẵng anh, cho tới khi nhận được lá thư dưới đây.

“BRIARBRAE, WOKING.

WATSON THÂN MẾN,

Hy vọng cậu chưa quên tôi, Phelps “Nòng nọc” thời học trung học. Có thể cậu cũng đã biết rằng tôi đang nắm giữ một chức vụ quan trọng ở Bộ ngoại giao và được tin cẩn. Nhưng gần đây một

bất hạnh xảy đến, phá tan sự nghiệp của tôi. Không có cách nào để diễn tả sự việc khủng khiếp đó. Trừ phi tôi có thể kể một cách tường tận trực tiếp với cậu. Ngoài ra, tôi lại vừa ra khỏi một cơn sốt viêm não, phải nghỉ ngơi 9 tuần lễ và vẫn còn đang rất yếu.

Cậu có thể mời ông Holmes tới nhà tôi được không? Tôi mong được biết ý kiến ông ấy về vụ này, tuy nhà chức trách đã khẳng định rằng chẳng còn gì để mà tìm kiếm nữa. Tôi mong ông ấy đến đây càng sớm càng hay. Mỗi phút dài như cả tiếng đồng hồ kể từ lúc chuyện đó xảy ra. Cậu nhớ nói rõ với ông ấy rằng nếu tôi không hỏi ý kiến sớm hơn, đó không phải là vì tôi nghi ngờ tài năng của ông ấy mà vì tôi đã mất lý trí. Giờ đây tôi đã tỉnh táo lại, nhưng chưa dám suy nghĩ nhiều, sợ bệnh tái phát. Cậu thấy đó, tôi suy nhược đến độ phải đọc thư này cho người khác viết.

Cậu hãy cố mời ông Holmes đến đây giúp tôi.

Bạn học cũ của cậu.

PERCY PHELPS".

Tôi xúc động đến nỗi, dù cho việc đó có khó khăn đến mấy tôi cũng vẫn làm. Vợ tôi đồng ý là không nên để lỡ một phút nào. Thế là tôi vội vàng tới ngôi nhà cũ ở phố Baker.



Khi tôi bước vào, Holmes – trong bộ áo choàng cũ kĩ, đang say sưa với những phản ứng hóa học của mình. Trên bàn làm việc của anh, ngổn ngang những chai lọ hóa chất và những dụng cụ thí nghiệm. Công việc được Holmes tiến hành tập trung tới mức bạn tôi gần như không để ý tới sự xuất hiện của tôi trong căn phòng. Tôi ngồi thu mình trên chiếc ghế bành và chờ đợi anh xong việc. Holmes chuẩn bị hai bình chứa dung dịch, dùng ống pipe lấy ra ở mỗi bình vài giọt hóa chất rồi cho chung vào một ống nghiệm, bên tay phải anh đã để sẵn một mẫu giấy quỳ.

- “Anh đến đây với một tâm trạng căng thẳng, Watson ạ.” – Anh nói, - “Nếu tờ báo này vẫn giữ được màu xanh, đó sẽ là điều tuyệt vời. Còn nếu nó chuyển sang màu đỏ thì đó chính là gương mặt của một kẻ làm thí nghiệm ngốc nghếch!”. “Hừm! Tôi nghĩ nó còn nhiều hơn thế.”

- “Tôi sẵn sàng phục vụ anh rồi đây, Watson.” – Anh quay sang bàn làm việc của mình và viết nguệch ngoạc một số điện tín. Sau đó, anh ném mình xuống chiếc ghế đối diện và siết chặt các ngón tay lại với nhau.

- “Nó là gì vậy, Watson?”

Tôi đưa lá thư ra. Holmes chăm chú đọc.

- Thư chẳng cho chúng ta biết chi nhiều? - Holmes nói, lúc đưa trả lại tôi.

- Hầu như chẳng có gì.

- Ấy thế mà tuồng chữ thì lại đáng chú ý.

- Nhưng đâu có phải là anh ấy viết.

- Đúng. Đó là chữ của đàn bà.

- Chữ đàn ông chứ - Tôi phản đối.

- Không. Thư này do đàn bà viết. Đó là một phụ nữ có cá tính hiểm có. Anh xem, việc bắt đầu một sự khảo sát đó là cần biết rằng khách hàng của bạn thường xuyên tiếp xúc với những người nào, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc một môi trường khác thường. Vụ này gây hứng thú cho tôi rồi đó. Nếu anh đã sẵn sàng, chúng ta đi Working ngay tức khắc, để gặp nhà ngoại giao và người đàn bà viết thư.

Chúng tôi bắt kịp ngay chuyến tàu ở ga Waterloo. Chưa đầy một giờ sau, chúng tôi đã tới giữa khu rừng thông ở Working. Nhà bạn tôi nằm giữa một khu đất mênh mông, cách nhà ga khoảng năm phút đi đường. Chúng tôi được mời vào trong một phòng khách sang trọng, nơi đó có người đàn ông vạm vỡ đón tiếp chúng tôi với một lòng hiếu khách nhất. Ông ta gần 40 tuổi, nhưng cặp má thật hồng hào và đôi mắt rất vui khiến ông giữ được sắc mặt của một đứa bé mũm mĩm và tinh nghịch.

- Tôi vui mừng khi thấy quý ông đã tới - Ông ta nói, nồng nhiệt bắt tay chúng tôi - Suốt buổi sáng nay, Phelps không ngớt lo âu. Bố mẹ Phelps yêu cầu tôi tiếp quý ông, bởi vì mỗi lần nhắc đến câu chuyện là hai cụ đau buồn.

- Chúng tôi chưa được biết gì cả - Holmes nhận xét - Cứ theo tôi thấy, ông không phải là thành viên trong gia đình.

Người tiếp chuyện chúng tôi tỏ vẻ ngạc nhiên, rồi sau khi đã đưa mắt lên nhìn bộ quần áo, ông ta bật cười:

- A, ông đã thấy chữ "J.H" thêu trên áo của tôi? Lúc đầu, tôi cứ tưởng ông là nhà tiên tri. Tôi là Joseph Harrison. Vì Phelps sắp cưới em gái Annie của tôi nên tôi sẽ là anh vợ cậu ấy. Quý ông sẽ gặp em gái tôi trong phòng của Phelps, cô ấy đã chăm sóc Phelps suốt 2 tháng nay. Chúng ta tới đó ngay. Phelps đang rất sốt ruột.

Gian phòng được trang trí nửa như một phòng khách của phụ nữ, nửa như phòng ngủ. Nhiều hoa được trưng bày với phong cách nhã nhặn khắp các căn phòng. Trên một trường kỷ kê bên một cửa sổ mở rộng, một thanh niên xanh xao, đang nằm dài. Một thiếu nữ ngồi cạnh anh ta, đứng lên khi thấy chúng tôi bước vào.



- Em ra ngoài, phải thế không Percy? - Cô hỏi.

Phelps giơ tay ra, níu cô lại.

- Cậu khỏe chứ, Watson? - Anh ta nói với giọng thân mật - Tôi khó nhận ra cậu với bộ ria kia. Chắc đây là ông Sherlock Holmes?

Sau khi giới thiệu xong, chúng tôi ngồi xuống ghế. Người anh của vị hôn thê lần đi, nhưng em gái thì ở lại, tay cô trong tay người bệnh. Cô thật rất đáng chú ý: hơi thấp và đầy mình, làn da không bóng láng, cặp mắt đen lớn sẫm tối của phụ nữ Ý và một mái tóc mun đen như hạt huyền.



- Tôi không muốn làm ông mất thì giờ - Anh bắt đầu nói - Khi gượng ngồi dậy, tôi xin đi thẳng vào vấn đề. Tôi đã thành công mỹ mãn. Nhưng ngay trước ngày lễ thành hôn, một bất hạnh đã giáng xuống đầu tôi.

"Tôi làm việc tại Bộ ngoại giao và nhờ có Huân tước Holdhurst, tôi mau chóng đạt tới một chức vị có trách nhiệm. Khi cậu tôi được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ ngoại giao, ông giao cho tôi nhiệm vụ tế nhị và tôi đã hoàn thành một cách mỹ mãn. Ông đã tới chỗ tuyệt đối tin tưởng vào những khả năng và sự kín đáo của tôi

Cách đây hai tháng rưỡi, chính xác là ngày 23 tháng 5, cậu tôi gọi tôi tới văn phòng, báo cho tôi biết rằng tôi sắp nhận một nhiệm vụ mới. Ông đặt lên bàn một cuộn giấy màu xám, nói:

- Đây là bản chính của bản hiệp ước bí mật giữa Anh và Ý. Thật không may là một số chi tiết linh tinh đã lọt vào tay báo giới. Không thể để lọt thêm một chi tiết nhỏ nào nữa. Các tòa đại sứ Pháp và Nga sẽ chi rất nhiều tiền để được biết nội dung của văn kiện này. Nó không được đưa ra khỏi bàn giấy của ta, nhưng ta cần có một bản sao. Bàn giấy cháu có khóa chứ?

- Dạ có.



- Thế thì cháu hãy cầm bản hiệp ước về và cất kỹ nó. Ta sẽ cho những chỉ thị để tối nay cháu có thể ở lại trong văn phòng, sau khi các bạn đồng sự của cháu đã ra về, cháu sẽ chép một cách yên tĩnh. Khi chép xong, cháu cất bản chính cùng với bản sao vào trong ngăn kéo có khóa và sáng mai cháu sẽ tận tay đem cả hai đến cho ta.

Tôi nhận lấy những tài liệu và..."

- Xin lỗi - Holmes nói - Chỉ có mình ông trong cuộc nói chuyện đó thôi chứ?

- Vâng, chỉ có hai người.

- Trong một gian phòng lớn?

- Mỗi cạnh 30 feet.

- Hai người ở giữa phòng.

- Phải.

- Và hai người nói thấp giọng.

- Cậu tôi luôn luôn nói thấp giọng. Về phần tôi, hầu như tôi chỉ nói có 2 tiếng.

- Cám ơn ông - Holmes nói, nhắm mắt lại - Xin ông vui lòng kể tiếp

"Tôi chờ cho các nhân viên khác ra về. Một nhân viên khác là Charles Gorot còn ở nán lại để làm cho xong một cái gì đó. Tôi để anh ta ở lại và ra phố ăn bữa tối. Khi tôi trở về thì anh ấy đã đi. Tôi vội chép bản hiệp ước cho xong, bởi vì Joseph, anh vợ tôi đang ở London, sẽ đáp chuyến tàu 11 giờ để đi tới đây.

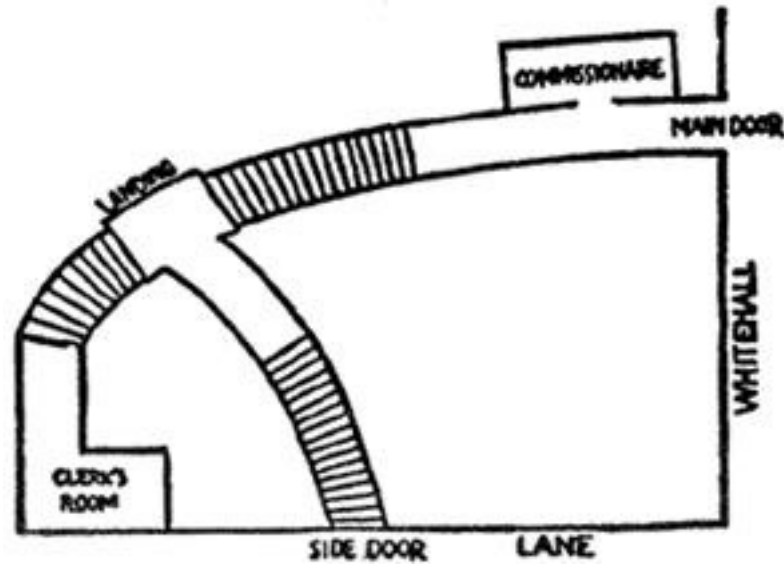
Nội dung bản hiệp ước xác định vị trí của nước Anh đối với Liên minh tay ba. Nó cũng dự kiến cho đường lối chính trị mà nước Anh sẽ đi theo trong trường hợp hạm đội Pháp có ưu thế hơn hạm đội của Ý. Văn kiện này hoàn toàn đề cập đến các vấn đề thuộc về hải quân. Bên dưới có chữ ký của những nhân vật cao cấp. Sau khi đọc xong, tôi bắt đầu chép.

Văn kiện này rất dài, bằng tiếng Pháp và gồm 26 điều khoản. Tôi chép thật nhanh nhưng tới 9 giờ chỉ mới được có 9 điều khoản. Lúc đó tôi biết là bị lỡ chuyến tàu 11 giờ. Tôi thấy người mình mệt mỏi, một phần vì thức ăn khó tiêu, một phần vì làm việc cả ngày. Tôi bắt đầu thêm một tách cà phê. Ở dưới chân cầu thang có một nhân viên phục vụ, ông thường pha cà phê cho các viên chức phải trực đêm. Tôi giật chuông, gọi ông ta lên.

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy người bước vào phòng tôi là một người đàn bà luống tuổi, to lớn đeo tạp dề. Bà ta nói rằng chồng bà ta đang bận... Tôi bảo bà đem cà phê lên cho tôi.

Tôi chép thêm được 2 điều khoản nữa. Rồi càng lúc càng thêm buồn ngủ, tôi đứng lên, đi đi lại lại trong phòng cho giãn gân giãn cốt. Vẫn chưa có cà phê và tôi tự hỏi vì sao lâu quá như vậy? Tôi mở cửa, đi vào hành lang nối liền nơi tôi làm việc tới một cầu thang xoáy ốc ở mé dưới là căn phòng nhỏ của người phục vụ. Lưng chừng cầu thang có một bậc thềm, với một hành lang khác thẳng góc với hành lang này. Cái hành lang thứ hai, qua một cầu thang nhỏ, dẫn tới một cánh cửa dành cho nhân viên phục vụ hoặc những viên chức vào từ

phố Charles.



Tôi xuống cầu thang và thấy người phục vụ ngủ vùi trong phòng; ấm nước đặt trên ngọn đèn còn sôi sùng sục, nước tràn ra cả sàn nhà. Tôi lay ông ta thì có tiếng chuông reo phía trên đầu tôi và ông ta cũng giật mình thức giấc.



- Ông Phelps, thưa ông! - Anh ta nói.

- Tôi xuống để xem cà phê xong chưa.

- Tôi ngủ thiếp đi, thưa ông.

Ông ta nhìn tôi rồi ngược mắt nhìn lên cái chuông vẫn còn kêu vang, sau cùng ông nói:

- Ông đang ở đây, vậy ai gọi chuông?

- Gọi chuông? - Tôi lặp lại. - Cái chuông nào?

- Cái chuông trong văn phòng ông đó.

Tôi có cảm tưởng như có một bàn tay lạnh giá bóp tim tôi. Tôi leo lên cầu thang, nhảy từng bốn bước một, tôi chạy trong hành lang; không có ai trong văn phòng tôi cả. Tất cả vẫn y nguyên như khi tôi bỏ ra ngoài. Bản sao chép của hiệp ước còn đó, nhưng nguyên bản thì đã biến mất.



Holmes nhòm dậy trên ghế và xoa hai bàn tay vào nhau.

- Vậy lúc đó ông làm gì? - Holmes hỏi.

- Tôi đoán rằng kẻ trộm đã lén vào qua ngả cửa nhỏ và lối cầu thang thứ hai. Nếu không, thì tôi đã gặp y rồi.

- Ông có chắc là người đó không ẩn nấp trong văn phòng hoặc trong hành lang chứ?

- Không thể nào được? Ngay đến một con chuột cũng không thể ẩn mình trong văn phòng tôi hoặc trong hành lang. Không có một chỗ nào để nấp cả.

- Cám ơn, xin ông tiếp tục.

- Bấy giờ người phục vụ cũng đã chạy lên. Chúng tôi cùng chạy bổ vào hành lang thứ hai và tuột xuống cầu thang chật hẹp trở ra phố Charles. Bên dưới, cánh cửa đó đóng lại nhưng không khóa. Chúng tôi mở cửa và chạy ra ngoài. Lúc đó tháp chuông nhà thờ điểm 3 tiếng: 10 giờ thiếu 15.

- Chi tiết này hết sức quan trọng - Holmes nói và ghi vội vào cổ tay áo anh.

“Đêm đó trời tối, và có một cơn mưa nhỏ. Không thấy bóng một ai, nhưng ở cuối phố Charles, xe cộ vẫn đi lại nườm nượp như mọi ngày. Chúng tôi chạy trên vỉa hè, tới góc đường, gặp một cảnh sát đang đứng gác.

- Vừa xảy ra một vụ trộm - Tôi kêu lên với ông ta - Một tài liệu quan trọng vừa bị đánh cắp tại Bộ ngoại giao. Ông có thấy người nào đi ngang qua đây không?

- Tôi đứng gác ở đây đã 15 phút và chỉ thấy có mỗi một người đi qua: một bà to lớn, luống tuổi, đầu choàng khăn san.

- Đó là bà vợ tôi - Người phục vụ vội nói - Không có một ai khác đã đi qua đây sao?

- Không một ai.

- Thế thì kẻ trộm hẳn đã bỏ trốn qua đầu bên kia - Người phục vụ kêu lên, sau khi kéo vào tay áo tôi.

Nhưng điều đó không làm tôi hài lòng, và sự nài nỉ lại càng làm cho tôi thêm hồ nghi.

- Bà ấy đi lối nào? - Tôi hỏi.

- Tôi không biết, thưa ông. Tôi chỉ thấy bà ấy đi ngang qua, đi rất nhanh - Người cảnh sát báo cáo.

- Bao lâu rồi?

- Ồ, chưa lâu lắm.

- Năm phút?

- Không tới năm phút đâu.

- Ông chỉ phí thì giờ - Người phục vụ kêu lên – Và mỗi một phút là đáng kể. Tôi đã nói với ông rằng vợ tôi chẳng liên can gì đến vụ này hết. Tốt hơn chúng ta nên tới đầu phía đằng kia. Nếu ông không đi, thì tôi đi.

Nói xong, ông ta bỏ chạy về hướng ngược lại. Nhưng tôi đã bắt kịp ngay và tôi nắm lấy cổ tay ông ta.

- Nhà ông ở đâu?

- Số 16 đường Ivy Lane ở Brixton. Nhưng thưa ông Phelps, ông hãy tới đầu phố bên kia để thử xem chúng ta có biết được điều gì chẳng.

Cùng với người cảnh sát, chúng tôi chạy lại đầu đằng kia. Nhưng chúng tôi chỉ thấy đường phố chật ních một dòng lưu thông dày đặc. Những người qua đường hối hả, tìm chỗ trú mưa. Chẳng có những người thơ thẩn đi chơi rong để chúng tôi có thể hỏi thăm.

Thế là chúng tôi quay trở lại Bộ. Lùng khắp cầu thang và hành lang, nhưng không có kết quả. Cái hành lang dẫn tới văn phòng tôi có lót một tấm thảm bằng vải nhựa. Chúng tôi đã quan sát kỹ lưỡng nhưng chúng tôi không tìm thấy một dấu chân nào!”

- Trời mưa suốt buổi tối đó?

- Trời mưa lúc 7 giờ.

- Thế thì tại sao người đàn bà vào trong văn phòng ông lúc 9 giờ mà lại không để lại các dấu bìn?

- Tôi sung sướng thấy ông nhấn mạnh trên điểm đó. Ngay lúc đó nó cũng đã làm tôi chú ý. Nhưng mấy bà quét dọn trong nhà có thói quen khi tới Bộ, thường tháo giày ra trong căn phòng nhỏ của người phục vụ để thay bằng đôi giày vải nhẹ.

- Thế là rõ rồi. Vậy là không có dấu vết nào cả trong lúc bên ngoài trời vẫn có mưa. Sau đó ông làm gì?

- Chúng tôi quan sát văn phòng. Không có một lối cửa bí mật nào, còn các cửa sổ thì cao hơn mặt đất tới 30 feet. Và chẳng cả hai cửa sổ đều đã đóng kín từ bên trong. Tôi dám đem mạng sống mà đánh cá rằng kẻ cắp đã lén qua ngả cửa chính.

- Thế còn lò sưởi?

- Không dùng đến. Sợi dây giạt chuông treo ngay bên phải bàn giấy để với lấy nó. Nhưng tại sao một kẻ phạm tội lại muốn giạt chuông? Điều này quả thật khó hiểu.

- Sau đó thì ông làm gì? Các ông đã quan sát căn phòng, thử xem kẻ lén nhập có để lại dấu vết nào không? Không có tàn thuốc, hoặc một cái bao tay mà y có thể đánh rơi, hoặc một cây trâm cài tóc, hoặc bất cứ một cái gì đó.

- Hoàn toàn không có một cái gì hết.

- Không có cái mùi gì sao?

- Chúng tôi không nghĩ tới điều này.

- Một mùi thuốc hút có thể giúp chúng ta nhiều trong cuộc điều tra.

- Tôi không hút thuốc. Cho nên nếu có một mùi thuốc ắt hẳn tôi đã ngửi thấy. Không, tuyệt đối không có một dấu vết nào. Cái việc xác định duy nhất là vợ người phục vụ hồi hả rời khỏi hiện trường. Người cảnh sát và tôi đều đồng ý là cần phải tóm lấy người đàn bà

đó, trước khi bà ta tâu tán tài liệu.

Trong thời gian đó, Scotland Yard đã được báo động. Thám tử Forbes đã tới ngay sau đó và nắm lấy nội vụ với lòng hăng hái nhất. Chúng tôi mượn một cỗ xe ngựa và nửa giờ sau tới địa chỉ đã được biết. Một cô gái ra mở cửa: đó là con gái lớn của bà Tangey. Mẹ cô chưa về tới. Cô đưa chúng tôi vào trong căn phòng phía trước để chờ bà.

Mười phút sau, có tiếng gõ cửa. Và lúc đó chúng tôi đã mắc phải lỗi lầm nghiêm trọng. Thay vì chúng tôi ra mở cửa thì chúng tôi lại để cho cô gái làm việc đó. Chúng tôi nghe cô nói: "Mẹ ơi, có hai ông đang đợi mẹ". Liên đó, chúng tôi nghe tiếng những bước chân bước vội ngoài hành lang. Forbes đã mở cánh cửa ra và cả hai chúng tôi đều nhào về phía căn phòng ở cuối nhà bếp, nơi mà người đàn bà đã tới trước chúng tôi. Bà ấy nhìn chăm chặp vào chúng tôi với cặp mắt ngờ vực, rồi bất chợt bà ấy nhận ra tôi và hết sức ngạc nhiên.



- Nhưng... Nhưng đây là ông Phelps ở Bộ Ngại giao mà!

- Vậy bà tưởng chúng tôi là ai, khi bà bỏ chạy? - Người đi cùng với

tôi hỏi bà.

- Tôi cứ tưởng các ông là cảnh sát. Chúng tôi đang gặp khó khăn với một nhà buôn.

- Chúng tôi tin rằng bà đã lấy một tài liệu quan trọng ở Bộ ngoại giao và vội vã vào đây để giấu nó. Bà phải đi về trụ sở của Scotland Yard.

Bà ta phản đối và kháng cự, nhưng uổng công. Một cỗ xe ngựa lớn được gọi đến và cả chúng tôi lên xe. Trước đó chúng tôi quan sát khắp gian bếp, đặc biệt là cái lò, để xem bà ta có giấu tài liệu trong thời gian ngắn ngủi chỉ có mình bà ở trong bếp. Không có dấu vết tàn tro hoặc mẩu giấy nào. Ngay khi về tới Scotland Yard, bà ta được giao cho một nữ cảnh sát. Thời gian chờ đợi cuộc khám xét dường như dài bất tận: tìm tôi như hấp hối. Sau chót, người nữ cảnh sát tới báo cáo rằng bà không mang theo cái gì trong người.

Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy hiện ra một nỗi sợ khủng khiếp. Cho đến lúc đó, tôi vẫn tin chắc là mình sẽ thâm lại được bản hiệp ước. Nhưng giờ đây chẳng còn gì để làm nữa. Nó thật là thê thảm. Thưa ông Holmes, cậu Watson sẽ cho ông biết là hồi còn đi học, tôi là một đứa bé nhạy cảm, dễ kích động. Tôi nghĩ tới cậu tôi, tới nỗi nhục nhã mà tôi sắp bắt ông phải hứng chịu, tôi phải hứng chịu và tất cả những ai thân cận với tôi đều phải liên quan. Tôi không biết điều gì đã xảy đến với tôi. Dường như thần kinh tôi bị kích động quá mãnh liệt. Tôi còn nhớ một cách mơ hồ rằng một toán nhân viên cố tìm cách làm cho tôi bình tĩnh lại. Một người trong toán đó đã dẫn tôi ra ga và đưa tôi về đây. Mẹ tôi tan nát cõi lòng vì buồn phiền. Anh bạn Joseph đã bị tống ra khỏi căn phòng xinh đẹp này để nó được biến thành bệnh xá. Trong 9 tuần, tôi cứ nằm đây trong cơn mê sảng, bị giày vò bởi chứng sốt viêm não. Nếu không có cô Harrison và ông bác sĩ đã tận tình chăm sóc thì chắc tôi đã chết rồi. Cô là người điều dưỡng ban ngày. Ban đêm một nữ điều dưỡng chuyên nghiệp khác thức chanh chừng tôi. Dần dà trí nhớ trở lại với tôi. Việc đầu tiên tôi làm là đánh điện cho ông Forbes. Ông ta tới đây, nói rằng vẫn chưa có một mẫu chốt nào được phát hiện. Người phục vụ và bà vợ đã bị thẩm vấn đến cùng vẫn không đem lại một ánh sáng nhỏ nhoi nào. Thế là những mối nghi ngờ được chuyển sang Gorot, là người đã làm việc đến khuya hôm đó ở văn phòng. Việc anh ta ở lại

Bộ và cái tên gốc Pháp của anh ta là hai điểm duy nhất có thể làm anh ta bị nghi ngờ. Nhưng rõ ràng tôi chỉ ghi chép khi anh ta đã ra về. Rốt cuộc người ta chẳng tìm ra được cái gì và nội vụ dừng lại ở đó. Vậy là tôi hướng về ông, thưa ông Holmes. Ông là nguồn hy vọng cuối cùng của tôi. Nếu ông không thành công thì danh dự và sự nghiệp của tôi vĩnh viễn sụp đổ.

Bị kiệt sức vì câu chuyện kể dài, người bệnh lại nằm xuống. Người nữ tá cho anh uống một thứ thuốc nào đó. Holmes vẫn ngồi yên, đầu ngả ra đằng sau, hai mắt nhắm nghiền lại để tập trung tư tưởng. Sau cùng anh nói:

- Bản tường trình của ông thật quá minh bạch. Tuy nhiên có một điểm mà tôi cho là rất quan trọng. Ông có nói với bất cứ ai về việc ông được giao phó cho làm công việc đó không?

- Tôi không nói với ai cả.

- Ngay với cô Harrison?

- Không. Tôi không trở về Working trong khoảng thời gian từ lúc nhận được lệnh tới lúc bắt đầu ghi chép.

- Không một ai tình cờ gặp ông?

- Không một ai.

- Có ai trong những thành viên thuộc gia đình ông lại biết con đường đi tới văn phòng ông không?

- Ồ, có. Tất cả đều biết.

- Nếu ông không nói với người nào về bản hiệp ước, thì những câu hỏi đó quả là thừa.

- Tôi đã không nói điều gì, với bất cứ ai!

- Ông biết gì về người phục vụ.

- Chỉ biết ông ta là cựu quân nhân.

- Trung đoàn nào?

-Ồ, người ta nói với tôi... Coldstream Guards!

- Cám ơn. Tôi sẽ được Forbes cho biết những chi tiết. Nhà cầm quyền thu thập tài liệu giỏi nhưng không sử dụng chúng theo cách tốt nhất.



Anh đi từ bên giường ra khuôn cửa sổ mở rộng và nâng lên một bông hoa đã rử, chiêm ngưỡng nét hài hòa của màu đỏ và màu xanh.

- Tất cả những thực phẩm đều thực sự cần thiết cho đời sống chúng ta. Nhưng đóa hoa hồng này là một món xa hoa. Hương thơm và sắc màu của nó là một sự tô điểm cho cuộc sống. Chính lòng nhân từ của Thượng đế đã tạo cho con người những cái dư thừa ấy, và vì thế chúng ta phải hy vọng nhiều nơi những đóa hoa.

Phelps và cô y tá nhìn Holmes với nét mặt đầy vẻ ngạc nhiên và thất vọng. Holmes đã đắm chìm vào mơ mộng và bông hồng trên tay. Sau vài phút im lặng, cô thiếu nữ chen vào.

- Ông có một phương cách nào để giải đáp cái bí ẩn này không, thưa ông Holmes? - Cô hỏi với một thoáng chua chát trong giọng nói.

- Ồ, điều bí ẩn à? - Holmes lặp lại khi bất thành linh bị lôi trở về với thực tại - Quả thật đây là một vấn đề rắc rối, nhưng tôi sẽ chú tâm đến. Tôi sẽ thông báo cho cô biết.

- Ông có thấy một dấu vết nào không?

- Quý vị đã cho chúng tôi biết tới 7 vấn đề. Nhưng tôi phải kiểm tra lại chúng, trước khi có thể bày tỏ ý kiến.

- Ông có nghi ngờ ai không?

- Tôi nghi...

- Ai?

-... Rằng tôi đã rút ra những kết luận của mình một cách quá nhanh.

- Vậy thì ông hãy trở lại London và kiểm tra lại chúng.

- Lời khuyên của cô thật là chí lý, thưa cô Harrison. - Holmes nói khi đứng lên. - Watson, tôi tin rằng chúng ta chẳng có thể làm gì khác hơn. Ông Phelps, ông đừng có quá hy vọng. Vấn đề rất là rối rắm.

- Tôi sẽ sống trong cơn sốt cho tới lúc được gặp lại ông. - Nhà ngoại giao kêu lên.

- Thế thì ngày mai tôi sẽ trở lại bằng cùng một chuyến tàu. Nhưng rất có thể là bản tường trình của tôi sẽ không mấy lạc quan.

- Khi được biết là có người đang cố làm một cái gì đó, tôi có thêm một chút khí lực. Nhân đây, tôi vừa nhận được thư của Huân tước Holhurst.

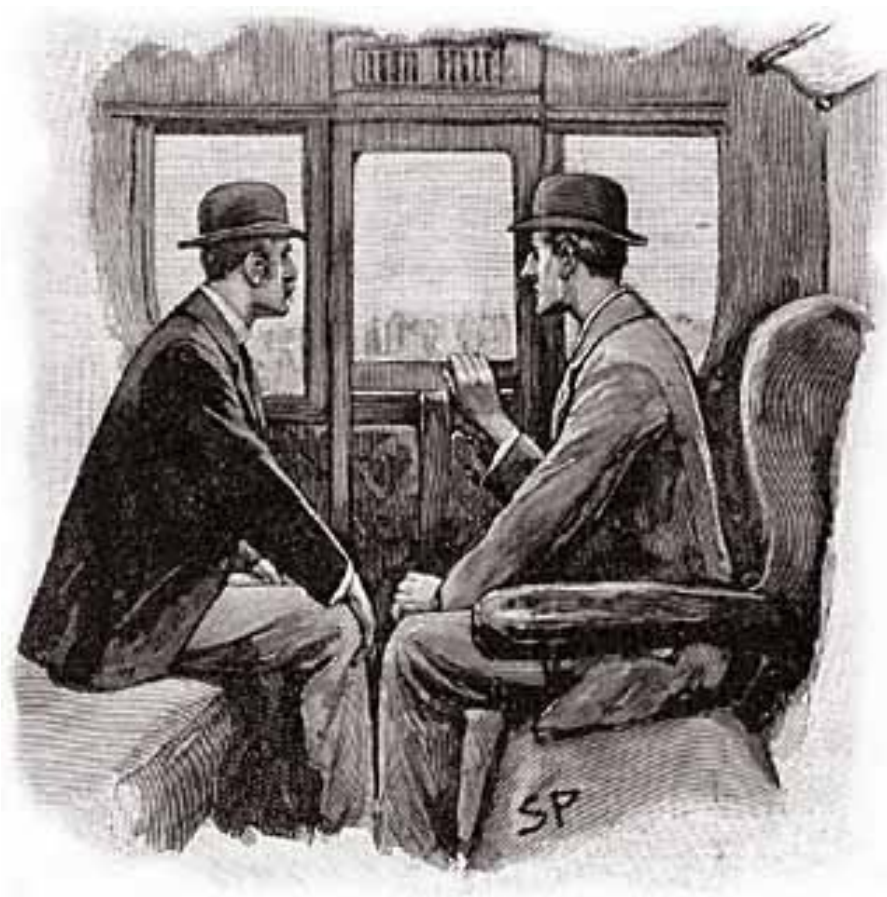
- Thế à? Ông ta nói gì vậy?

- Một lá thư lạnh nhạt, nhưng không khô khan. Ông lặp lại là vụ này có tầm quan trọng hàng đầu và thêm rằng ông sẽ không ký một

quyết định nào về tương lai của tôi trước khi tôi được bình phục và có khả năng để sửa chữa cái tai họa do tôi gây ra.

- Vậy thì, đó là người biết điều và đầy lòng nhân hậu - Holmes nói
- Ta đi thôi, Watson, chúng ta còn có cả một ngày để làm việc.

Ông Joseph tiễn chúng tôi ra ga và ngay đó chúng tôi lên tàu. Holmes chìm đắm trong suy tư sâu lắng. Anh chỉ mở miệng khi tới vùng phụ cận London.



- Anh chàng Phelps không uống rượu chứ?

- Tôi nghĩ là không.

- Tôi cũng vậy. Nhưng cần phải tính đến mọi tình huống bất trắc có thể xảy ra. Anh chàng đó đang lún mình trong những làn nước thật sâu, và tất cả vấn đề là liệu chúng ta có thể kéo anh ta lên bờ được chẳng. Anh nghĩ sao về cô Harrison?

- Cô là người có cá tính riêng.

- Đúng, nhưng hoặc là một cá tính hướng về điều thiện, hoặc là tôi

bị làm to. Cô ta và người anh là con của một người thợ cả xưởng rèn ở bên Northumberland. Phelps đính hôn với cô trong một chuyến đi vào mùa đông năm ngoái và cô đã cùng anh mình tới đây để được giới thiệu với gia đình bên chồng. Rồi thì tai họa nổ ra và cô ở lại để chăm sóc cho hôn phu, trong lúc ông anh Joseph, thấy mình được chăm chút một cách đầy đủ, nên cũng ở lại luôn. Anh thấy đó, có lúc tôi làm vài cuộc điều tra hoàn toàn biệt lập. Nhưng ngày hôm nay chúng ta đi tìm...

- Các bệnh nhân của tôi.

- Ồ, nếu anh thấy những công việc của anh lại lý thú hơn thì... - Holmes nói với một giọng trách cứ.

- Tôi định nói với anh rằng các bệnh nhân của tôi có thể không cần đến tôi trong hai hay ba ngày, bởi vì lúc này đang mùa ít việc.

- Tuyệt vời! - Anh kêu lên, lấy lại tính khí vui vẻ - Thế thì chúng ta cùng nhau chăm lo cái vụ này. Tôi nghĩ là khởi đầu chúng ta cần phải gặp Forbes để có những chi tiết mà chúng ta cần biết. Rồi chúng ta sẽ biết cần tấn công theo chiều hướng nào.

- Anh đã nói là có một dấu vết?

- Chúng ta có nhiều dấu vết. Nhưng sau cuộc điều tra, ta sẽ kiểm tra lại giá trị của các điểm đó. Vụ án khó giải thích nhất, là vụ án được thực hành không mục đích. Vụ án này ở đây có một mục đích. Nó đưa lại lợi ích cho ai? Có ông đại sứ nước Pháp này, ông đại sứ nước Nga này, và có cả người trả giá cao hơn hai ông đại sứ đó, và còn có huân tước Holdhurst nữa.

- Huân tước Holdhurst?

- Thật không tưởng tượng nổi một chính khách bị rơi vào hoàn cảnh như thế mà lại không tiếc nuối về sự biến mất của một tài liệu quan trọng đến nhường đó.

- Nhưng huân tước Holdhurst là một chính khách có một quá khứ khả kính.

- Nhưng chúng ta không thể chỉ mới thoát nhìn mà gạt bỏ nó.

Ngày hôm nay chúng ta sẽ tới đó, để xem ông nói với chúng ta điều gì. Trong lúc chờ đợi, tôi đã cho phát động cuộc điều tra rồi.

- Thế à?

- Phải. Từ ga Working tôi đã đánh hai bức điện cho các tờ báo ở London. Lời nhắn tin này sẽ được đăng tải trên các báo phát hành vào chiều nay.

Anh đưa cho tôi một tờ giấy xé ra từ cuốn sổ tay. Trên đó được viết bằng bút chì:

“Thưởng 10 bảng cho người nào biết số xe của cỗ xe ngựa đã đổ một người khách xuống cổng hoặc gần cổng Bộ ngoại giao trên phố Charles, vào hồi 10 giờ kém 15 đêm 23 tháng 5. Trả lời về 221B, phố Baker”.

- Kẻ trộm đi xe ngựa đến à?

- Nếu ông Phelps không lầm lẫn khi khai rằng không có một chỗ ẩn nấp nào trong văn phòng cũng như ngoài hành lang thì người khách tất phải từ bên ngoài vào. Nếu người đó tới vào một đêm ẩm ướt mà không để lại một vết chân nào trên vải nhựa lót nhà (được quan sát vài phút sau khi y đi qua), thì chắc chắn là y đã tới bằng xe ngựa.

- Điều đó có thể chấp nhận được.

- Có thể dấu vết này sẽ dẫn chúng ta đến một nơi nào đó. Nhưng, còn có hồi chuông, chi tiết lố lảng nhất trong vụ này. Tại sao y lại gọi chuông? Có phải tên trộm làm thế để tỏ thái độ anh hùng? Hoặc có một ai khác đi cùng với kẻ trộm đã giật chuông để ngăn chặn vụ trộm? Hoặc việc đó chỉ là ngẫu nhiên? Hoặc đó là... - Holmes lại rơi vào trạng thái suy tư trầm lặng. Nhưng tôi thấy dường như có một giả thiết mới bất chợt hình thành trong óc anh.

Chúng tôi xuống tàu vào hồi 3 giờ 20. Sau khi đã nuốt vội vàng một miếng ở quầy ăn nhà ga, chúng tôi đi thẳng tới Scotland Yard. Forbes là một người thấp nhỏ, gương mặt thông minh và những đường nét kiên quyết, nhưng kém dễ thương. Cuộc tiếp xúc thật lạ lùng và thái độ của ông còn lạ lùng hơn nữa khi ông được biết mục

đích chuyến viếng thăm của chúng tôi.



- Đã từ lâu tôi biết phương pháp làm việc của ông, thưa ông Holmes - ông ta nói với một giọng mỉa mai cay độc - Ông luôn luôn sử dụng những tin tức mà cảnh sát cung cấp cho ông và rồi tìm cách tự mình kết thúc vụ án để làm mất uy tín của những cơ quan công quyền.

- Trái lại - Holmes đáp - Trong 53 vụ, tên tôi chỉ xuất hiện có 4 lần, và cảnh sát đã lấy về phần mình 49 vụ. Tôi không trách ông vì ông chưa biết đến điều đó, bởi lẽ ông còn trẻ và thiếu kinh nghiệm. Nhưng nếu như ông muốn nổi danh trong cái vụ mới này, ông cần phải cộng tác với tôi, chớ không phải chống lại tôi.

- Tôi không mong gì hơn là có được một vài thành tích - Ông thanh tra thay đổi giọng nói - Cho tới nay, thật sự tôi không thu đạt được chút gì.

- Ông đã áp dụng những biện pháp nào?

- Khi theo dõi ông Tangey, chúng tôi biết ông ấy là một người

dũng cảm và rất tốt. Nhưng bà vợ thì chẳng ra gì. Tôi có cảm tưởng là bà ấy biết rất nhiều, nhưng chẳng muốn nói ra.

- Ông cũng cho theo dõi bà ấy chứ?

- Phải. Bà ấy uống rượu, và nhân viên của chúng tôi đã hai lần ngồi bên bà khi bà đã quá chén, nhưng cũng không moi ra được điều gì.

- Những kẻ môi giới đã tới nhà họ phải không?

- Phải, nhưng họ đã thanh toán cái món nợ cho nhà buôn xong rồi.

- Tiền do đâu mà có?

- Tiền lương hưu của ông chồng. Họ chẳng có vẻ gì là có tiền cả.

- Bà ta giải thích ra sao về cú chuông gọi của ông Phelps kêu đưa cà phê lên?

- Bà nói rằng chồng bà rất mệt và bà muốn làm đỡ cho chồng.

- Điều đó phù hợp với việc ít lâu sau người chồng ngủ vùi trong phòng. Vậy là chẳng có gì chống lại họ, ngoại trừ tính nết của bà vợ. Ông có hỏi tại sao bà hồi hả ra về trong đêm tối đó?

- Bà đã ra về muộn hơn ngày thường và muốn trở về nhà ngay.

- Ông có cho bà ta biết ông và ông Phelps đã đi sau bà ta tới 20 phút mà lại đến nhà trước bà không?

- Bà ta giải thích rằng đi xe ngựa phải nhanh hơn đi bộ.

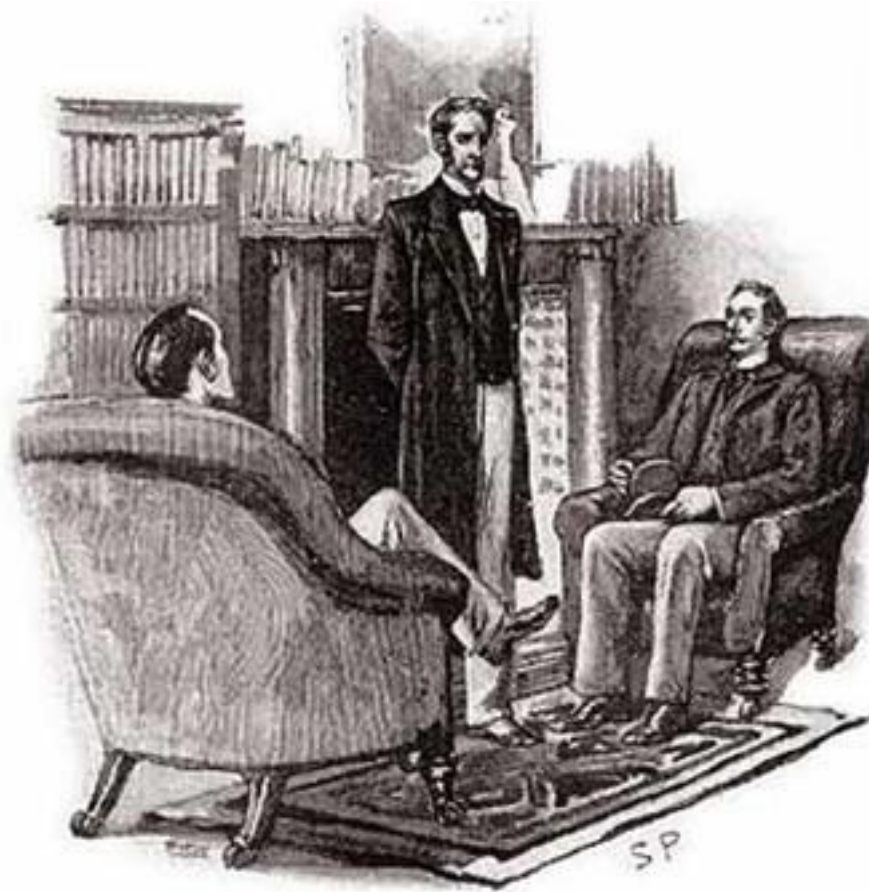
- Bà ta có giải thích cái lý do đã khiến cho bà ta ngay khi vừa về tới nhà đã chạy vội vào trong bếp không?

- Tiền để trả nợ nằm trong bếp.

- Ít ra thì bà có câu trả lời cho mọi chuyện. Ông có hỏi bà ta xem, khi ra khỏi trụ sở Bộ, bà có gặp ai không, hoặc có thấy ai thơ thẩn bên phía phố Charles không?

- Bà chỉ trông thấy có người cảnh sát thôi.
- Vậy thì tôi thấy ông đã thăm vấn bà ta rất kỹ càng! Thế ông còn làm những gì khác?
- Nhân viên Gorot đã được theo dõi trong suốt 9 tuần qua, nhưng không có kết quả gì. Không có gì chống lại ông ta.
- Và còn gì nữa?
- Nói thật, chúng tôi chẳng có gì để mà tiến hành.
- Ông nghĩ gì về cái chuông trong lúc ông Phelps ở trong phòng của người phục vụ?
- Tôi xin thú thật là tôi còn chưa hết ngạc nhiên. Phải là một kẻ to gan lớn mật mới vừa ăn trộm vừa báo động.
- Đúng, thật là kỳ cục! Tôi xin cảm ơn ông về tất cả những chỉ dẫn đó. Ta đi thôi, Watson.
- Bây giờ chúng ta đi đâu? - Tôi hỏi khi đã ra bên ngoài.
- Chúng ta tới huân tước.

Chúng tôi gặp may: Huân tước Huldurst vẫn còn ở trong văn phòng ông. Holmes cho trình danh thiếp và ngay đó chúng tôi được mời vào. Nhà chính khách đón tiếp chúng tôi với vẻ mặt lịch sự. Ông mời chúng tôi ngồi trong hai ghế bành sang trọng kê hai bên lò sưởi. Đứng trên tấm thảm giữa hai chúng tôi, ông có một dáng thật đẹp với thân hình cao mảnh, bộ mặt nhọn và trầm tư.



- Tên ông đối với tôi rất quen thuộc, thưa ông Holmes? - ông cười nói - Và đương nhiên tôi không thể làm như không biết lý do của chuyến viếng thăm này. Nhưng tôi muốn được biết ông hành động vì lợi ích của ai, nếu như tôi có thể tự cho phép đặt ra với ông câu hỏi đó.

- Vì lợi ích của ông Percy Phelps.

- A! Vì đứa cháu của tôi ông thừa biết rằng tôi rất thích câu: Luật pháp không chừa bất cứ ai.

- Nhưng nếu tôi tìm ra tập tài liệu đó?

- A! Vấn đề sẽ lại khác hẳn!

- Có một hoặc hai câu hỏi mà tôi mong muốn được đặt ra với huân tước!

- Tôi sẽ sung sướng được thông báo cho ông điều gì tôi có thể nói, trong phạm vi quyền hạn của tôi.

- Có phải ngài đã ban những chỉ thị sao chép bản văn tại gian

phòng này.

- Phải.

- Thế thì không một ai có thể nghe được lời ngài?

- Phải.

- Ngài có nói với một người nào đó rằng ngài có ý định chép lại bản hiệp ước không?

- Không.

- Ngài tuyệt đối tin chắc như vậy chứ?

- Tuyệt đối.

- Thế thì, bởi vì ngài không bao giờ nói đến, bởi vì ông Phelps không bao giờ nói đến, bởi vì không một ai ngoài hai cậu cháu ngài biết được, nên sự có mặt của kẻ trộm trong văn phòng là hoàn toàn do ngẫu nhiên. Kẻ đó đã thấy mình bỗng nhiên gặp cơ may. Và y đã lấy trộm.



Nhà chính khách mỉm cười nói:

- Điều đó đã vượt khỏi phạm vi của tôi.

Holmes suy nghĩ trong một lát:

- Theo chỗ tôi biết, ngài e sợ rằng sự phổ biến bản hiệp ước sẽ kéo theo nhiều hậu quả trầm trọng.

Ông bộ trưởng sa sầm nét mặt:

- Đúng thế.

- Nhưng những hậu quả đó chưa xảy ra?

- Chưa.

- Nếu bản hiệp ước đã lọt tới Bộ ngoại giao Pháp hoặc Nga thì hẳn là ngài đã nghe thấy tiếng vọng?

- Hẳn là như thế - Huân tước nhăn mặt, nói.

- Gần 10 tuần lễ đã trôi qua mà ngài vẫn còn chưa nghe thấy một động tĩnh nào. Vậy phải chăng vì một lý do nào đó, bản hiệp ước vẫn chưa đến đó?

Huân tước nhún vai:

- Chúng ta không thể tin rằng tên ăn trộm đem bản hiệp ước về nhà rồi đóng khung treo lên tường.

- Có thể là y đợi một cuộc đấu giá.

- Nếu y đợi quá lâu thì y sẽ chẳng còn được cái gì. Trong vài tháng, bản hiệp ước sẽ không còn gì là bí mật cả.

- Phải chăng tên trộm đã đột nhiên ngã bệnh.

- Một cơn sốt viêm não, chẳng hạn? - Nhà chính khách hỏi, phóng lên người Holmes một tia nhìn sắc sảo.

- Tôi đã không dám nói như thế - Holmes điềm tĩnh trả lời - Giờ

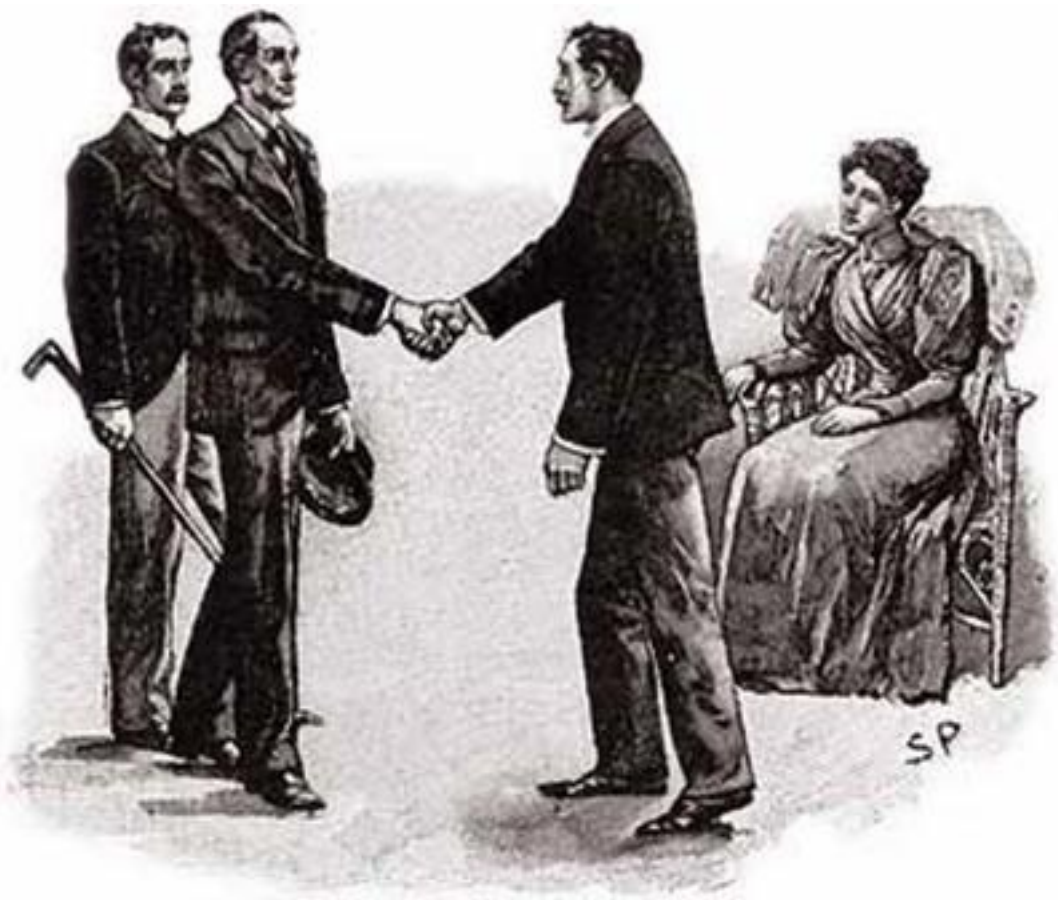
đây, thưa ngài, chúng tôi đã làm ngài tốn nhiều thì giờ, và chúng tôi xin từ giả.

- Tôi xin cầu chúc ông tất cả sự thành công, cho dù kẻ phạm tội là ai? - Ông Bộ trưởng nói khi tiễn chúng tôi ra cửa.

- Một cá tính cao quý! Nhưng ông ấy phải tranh đấu để bảo vệ cương vị mình. Ông ấy chẳng giàu có gì cả và có nhiều việc phải làm. Chắc hẳn anh đã thấy là đôi giày của ông đã phải thay đế. Anh Watson, anh hãy trở lại với công việc của anh, nhưng nhớ trở lại Working vào ngày mai.

Sáng hôm sau, tôi đi cùng anh xuống Working. Anh cho tôi biết là anh không nhận được hồi âm cho lời nhắn tin trên các tờ báo và anh cũng chẳng có gì để cho tôi biết thêm.

Chúng tôi gặp lại Phelps, anh ta đã khá hơn buổi tối hôm trước, đã có thể đứng lên được.



- Ông có tin gì mới không? - Phelps hỏi ngay tức khắc.

- Như đã tiên liệu bản báo cáo của tôi là tiêu cực - Holmes đáp.
- Nhưng ông không nản chí chứ?
- Không.
- Nếu chúng ta kiên trì thì sự thật sẽ thắng. – Cô Harrison nói.
- Ở đây, chúng tôi có nhiều điều để nói với ông hơn - Phelps nói khi ngồi xuống trường kỷ.
- Tôi hy vọng ông đã có tin gì mới.
- Chúng tôi đã gặp một biến cố...

Gương mặt Phelps trở thành rất nghiêm trọng và ở đằng sau tia nhìn của anh, là sự sợ hãi.

- Tôi bắt đầu tin rằng tôi là mục tiêu của một âm mưu quỷ quái nào đó.
- A! - Holmes kêu lên.
- Điều đó khó mà tin nổi, bởi vì tôi không có kẻ thù nào. Tuy nhiên, sau đêm qua, tôi đã đi tới một kết luận như thế.
- Mong ông kể cho nghe.

- Trước hết, đó là đêm đầu tiên không có người canh chừng trong phòng tôi. Tôi cảm thấy mình khoẻ mạnh đến mức không còn cần đến cô y tá nữa. Tuy nhiên, tôi không tắt đèn trong khi ngủ. Vào khoảng 2 giờ sáng, tôi đang ngủ thì bị đánh thức bởi một tiếng động nhẹ. Một tiếng động giống như tiếng con chuột gậy ra khi nó gặm tấm ván. Tôi nằm yên để lắng nghe, với cảm tưởng đó chỉ là một con chuột nhắt. Rồi tiếng động lại mạnh hơn và từ cửa sổ vang lên một tiếng động gọn của kim khí. Tôi ngồi dậy. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa: một người nào đó đang cố nhét một dụng cụ qua khe hở giữa các khung cửa và cái tiếng động lớn là do then móc cửa sổ bị đẩy ra.

Trong 10 phút, tôi không nghe thấy gì hơn: tựa hồ như người ta muốn kiểm tra xem tiếng động có đánh thức tôi dậy không. Rồi một

tiếng kêu cọt kẹt và cánh cửa mở ra từ từ. Tôi không biết cách tự chủ để chờ xem sự việc ra sao, nên đã nhảy ra khỏi giường. Một người đàn ông ngồi xổm bên khuôn cửa sổ. Tôi không nhìn rõ y vì y chuẩn bị như một tia chớp, một tấm áo choàng che kín phần dưới mặt y. Một điều mà tôi tin chắc, là trong tay y có cầm một con dao dài.

- Thế rồi sau đó ông làm gì?

- Tôi định gọi chuông và đánh thức cả nhà dậy. Nhưng chuông thì đặt trong bếp còn các gia nhân thì ngủ tuốt trên cao. Tôi la lên. Joseph chạy xuống và anh báo động cho những người còn lại trong nhà. Joseph và người hầu phòng tìm thấy những dấu chân trong cái bồn hoa ở mé dưới cửa sổ, nhưng thời tiết khô ráo của mùa này đã khiến họ không còn theo được dấu vết trên bãi cỏ. Tuy nhiên có một chỗ trên hàng rào gỗ dọc theo con đường là nơi có những dấu vết. Họ cho rằng có ai đó đã nhảy qua và đã làm cho hàng rào bị hư. Tôi chưa báo với cảnh sát địa phương, bởi vì tôi mong được biết ý kiến ông trước đã.

Câu chuyện kể của Phelps đã tạo ra một tác dụng khác thường nơi Holmes. Anh đứng lên khỏi ghế và đi đi lại lại trong phòng trong một trạng thái bị kích động.

- Hoạ vô đơn chí! - Phelps cười, kết luận.

- Ông có thể đi dạo một vòng quanh nhà với tôi được chăng? - Holmes nói.

- Tôi rất mong được hưởng chút nắng trời. Joseph sẽ cùng đi.

- Và cả em nữa - cô Harrison nói.

- Cô cứ ngồi ngay tại cái chỗ mà cô đang ngồi đây - Holmes kêu lên.

Cô thiếu nữ ngồi xuống, bất mãn. Anh cố nhập bọn, và bốn người chúng tôi ra khỏi nhà. Chúng tôi đi dọc theo bãi cỏ để tới khuôn cửa sổ. Quả thật ở đó có những dấu chân trên bồn hoa, nhưng những dấu đó đã bị làm rối và không còn rõ nữa. Holmes cúi nghiêng xuống trong chốc lát rồi đứng lên và nhún vai:

- Chẳng ai rút ra từ đây được một cái gì! Chúng ta hãy đi quanh nhà để xem vì sao căn phòng này lại được chọn lựa.

- Căn phòng được nhìn thấy rõ hơn từ ngoài đường - Ông Joseph gợi ý.

- À phải, đương nhiên ở đây có một cánh cửa ắt hẳn hẳn định cạy phá. Cửa này dùng để làm gì?

- Đây là lối vào của những người giao hàng, ban đêm được khóa lại.

- Trước đây đã có lần nào báo động tương tự không?

- Chưa bao giờ - Phelps đáp.

- Trong nhà ông có cất giữ những bát đĩa hoặc đồ dùng bằng bạc khiến cho kẻ trộm dòm ngó chẳng?

- Chẳng có món đồ đắt tiền nào cả.

Holmes đi dạo, tay đút trong túi, và dáng vẻ vô tư lự đó hoàn toàn trái ngược với các thói quen của anh.

- Nhân đây, - Anh nói với Joseph, - Ông đã tìm ra một chỗ mà từ đó kẻ trộm đã leo lên hàng rào. Chúng ta tới đó coi qua?

Người thanh niên dẫn chúng tôi đến một nơi mà thanh trên của hàng rào đã bị nứt rạn. Một mẫu gỗ nhỏ hãy còn vướng trên đó. Holmes rút mẫu gỗ ra và quan sát kỹ lưỡng.



- Ông tin là cái này mới có từ đêm qua? Tôi có cảm tưởng là nó có từ lâu rồi, phải thế không?

- Rất có thể là như ông nói.

- Tôi không thấy nơi nào mà một ai đó lại nhảy từ phía bên kia sang. Không, chúng ta không thu được một tin tức nào ở đây: Hãy trở về phòng để bàn chuyện.

Phelps đi rất chậm và vịn vào cánh tay người anh vợ tương lai. Holmes băng thật mau qua bãi cỏ và chúng tôi tới khuôn cửa sổ trước hơn hai người kia.

- Thưa cô Harrison - Holmes nói với một giọng nghiêm trọng - Cô phải ở lại đây suốt ngày, không được rời khỏi phòng một giây phút nào cả. Việc này rất quan trọng.

- Chắc chắn rồi, bởi vì ông muốn thế, thưa ông Holmes - Cô thiếu nữ trả lời, vẻ ngạc nhiên.

- Khi đi ngủ, cô hãy khóa cửa phòng từ bên ngoài và cô hãy cất giữ chìa khóa. Cô hứa với tôi sẽ làm như thế chứ?

- Nhưng còn Phelps...

- Anh ấy sẽ đi London cùng với chúng tôi.

- Và ông buộc tôi phải ở lại nơi đây?

- Vì anh ấy. Cô giúp cho anh ấy. Mau lên! Hãy hứa đi.

Cô gạt đầu vào lúc hai người kia đi tới ngang tầm chúng tôi.

- Tại sao em lại cứ phiền muộn trong căn phòng đó, Annie? - Anh cô kêu lên - Hãy đi dạo một vòng dưới nắng đi.

- Không, cảm ơn Joseph. Em hơi bị nhức đầu. Phòng này lại mát mẻ và thoải mái nên em thích lắm.

- Giờ đây ông đề nghị điều gì, thưa ông Holmes? - Phelps hỏi.

- Nếu ông có thể cùng đi tới London với chúng tôi thì điều đó sẽ giúp ích cho tôi rất nhiều.

- Ngay tức khắc sao?

- Trong vòng một tiếng đồng hồ nữa.

- Tôi hoàn toàn mạnh khỏe. Ông sẽ yêu cầu tôi ở lại London trong đêm nay?

- Tôi đang định đề nghị như vậy.

- Nếu vị khách đêm qua trở lại tìm gặp tôi thì y sẽ thấy con chim đã bay rồi. Thưa ông Holmes, ông có muốn anh Joseph cùng đi không, để chăm sóc tôi?

-Ồ không! Anh bạn Watson là bác sĩ, anh ấy sẽ chăm sóc cho ông. Chúng ta sẽ dùng bữa ở đây, sau đó chúng ta sẽ cùng đi London.

Tất cả được thu xếp như anh đã đề nghị. Cô Harrison xin lỗi không

thể ra khỏi phòng. Tôi không hiểu được cái dự định của bạn, ngoài cái việc anh muốn tách xa hai người đã hứa hôn. Nhưng sau khi đã cùng với chúng tôi ra ga và đã đưa chúng tôi lên toa tàu rồi, Holmes báo cho chúng tôi biết là anh phải ở lại Working:

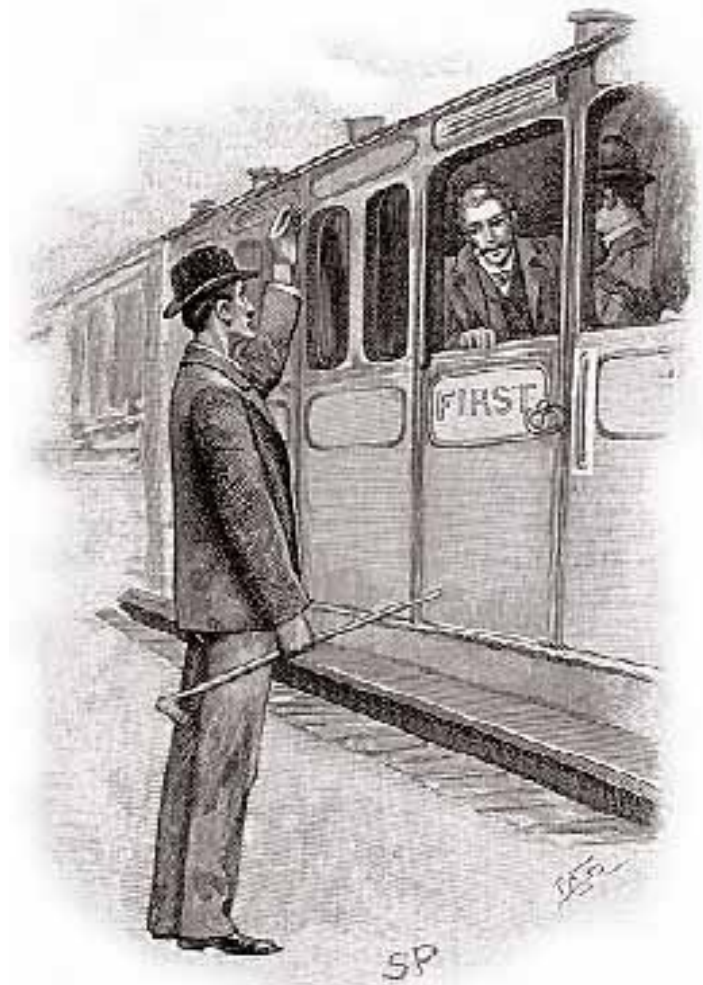
- Còn có hai hoặc ba điều mà tôi muốn làm cho sáng tỏ. Sự vắng mặt của ông, thưa ông Phelps, sẽ có một tầm lợi ích nào đó. Anh Watson, khi về tới London, anh đưa Phelps về phố Baker và ở bên anh bạn cho tới lúc tôi trở về. Là bạn cũ, hai anh hẳn có rất nhiều chuyện để nói với nhau. Ông Phelps có thể ngủ trong phòng của tôi. Tôi sẽ trở về nhà dùng bữa điểm tâm.

- Nhưng còn việc điều tra của chúng ta ở London thì sao? - Phelps hỏi, cúi kính.

- Chuyện đó có thể đợi đến ngày mai.

- Ông có thể báo cho gia đình tôi biết là tôi sẽ trở về vào tối mai - Phelps kêu lên, vào lúc con tàu chuyển bánh.

- Đâu có ai trông thấy tôi ở nhà anh. - Holmes đáp, vui vẻ vẫy tay.



Phelps và tôi tán chuyện trong lúc đi đường.

- Anh ấy muốn thu thập một đầu mối liên quan tới vụ trộm đêm vừa qua. Riêng tôi, tôi không cho đó là một tên trộm bình thường.

- Thế ý anh ra sao?

- Có lẽ cậu sẽ nói rằng đó là do hệ thần kinh của tôi bị mệt mỏi, nhưng tôi thật sự tin rằng có một âm mưu chính trị triển khai quanh tôi và những kẻ chủ mưu lại còn muốn ám hại tôi. Điều đó nghe ra có vẻ phi lý, nhưng cậu cứ xem sự việc thì rõ. Tại sao kẻ trộm lại cạy phá cửa sổ một phòng ngủ trong đó không có cái gì để mà đánh cắp cả, và tại sao y lại tới với một con dao lớn?

- Đó có thể chỉ là dụng cụ mà kẻ trộm dùng để cạy cửa.

- Nó chính là một con dao. Tôi đã thấy lưỡi dao lóe lên một cách rõ ràng.

- Nhưng chẳng hiểu vì sao anh lại bị theo dõi với một sự ác tâm tới nhường đó!

- A! Đó chính là vấn đề.

- Nếu Holmes tin lời anh nói là chính xác thì anh ấy hẳn tiến được một bước lớn về sự nhận dạng kẻ đã đánh cắp bản hiệp ước về hải quân. Thật vô lý khi giả thiết rằng anh có tới hai kẻ thù, một kẻ đánh cắp tài liệu và một kẻ muốn ám hại anh.

- Nhưng ông Holmes đã nói rằng ông ấy sẽ không trở về nhà tôi.

- Anh ấy chưa bao giờ hành động mà không có lý do chính đáng. Hãy tin lời chúng tôi.

Tới đó câu chuyện của chúng tôi chuyển sang những đề tài khác.

Bữa đó là một ngày kiệt sức đối với tôi. Phelps hãy còn yếu sau cơn bệnh dài ngày và nôn nóng. Tôi cố gắng làm cho Phelps quan tâm tới những vấn đề xã hội, tất cả những cái gì có thể làm cho anh khuây khỏa, nhưng tôi chỉ uống công. Anh luôn luôn quay lại với bản hiệp ước bị mất. Anh tự hỏi Holmes đang làm gì, huân tước sẽ xử trí ra sao, sáng mai chúng tôi sẽ nhận được những tin tức nào. Đến tối, anh trở thành hoàn toàn khó chịu.

- Cậu có tin ở Holmes không? - Phelps hỏi.

- Anh ấy đã hoàn thành được nhiều vụ đáng kể.

- Nhưng có bao giờ anh ấy làm sáng tỏ được một việc đen tối như vụ này chưa?

- Ồ, có chứ?

- Nhưng không có vấn đề mà những tầm lợi ích lớn lao đến thế bị lâm nguy?

- Cái đó tôi không biết. Trái lại, anh ấy đã hoạt động thay cho ba gia đình trị vì ở châu Âu trong những vụ trọng đại.

- Tôi chẳng còn biết nghĩ sao nữa. Cậu có tin là anh ấy có hy vọng không? Cậu có tin là anh ấy chắc sẽ thành công không?

- Anh ấy không nói gì hết.

- Dấu hiệu xấu?

- Chính khi anh ấy ở trên một hướng tốt, anh mới ít nói. Bạn thân mến ơi, sự bực dọc chẳng được việc gì. Anh hãy đi ngủ, ngỡ hầu được tỉnh táo.

Bạn tôi theo lời khuyên của tôi, nhưng bản thân tôi cũng trăn trở mãi. Tôi đã đặt ra cả trăm câu hỏi. Tại sao Holmes lại ở lại Working? Tại sao anh lại yêu cầu cô Harrison ở nguyên trong phòng người bệnh suốt ngày hôm đó? Tại sao anh lại không báo cho gia đình Phelps biết việc anh ở lại? Tôi hành hạ bộ óc mình cho tới khi hai mắt sụp xuống vì mệt mỏi.

Tôi thức giấc vào lúc 7 giờ và tôi đi ngay sang phòng Phelps: suốt đêm qua anh không ngủ. Câu hỏi đầu tiên của anh là chuyển trở về của Holmes.

- Holmes đã hứa là Holmes giữ lời. Và giờ giấc đối với anh ấy là giờ giấc: không sớm quá mà cũng không muộn quá.

Tôi nói đúng, bởi không lâu sau lúc 8 giờ, một cỗ xe ngựa dừng lại trước nhà và bạn tôi ra khỏi xe.

Đứng trên cửa sổ, chúng tôi thấy bàn tay trái anh bị quấn băng; bộ mặt anh thật u tối, nhợt nhạt. Anh vào trong nhà, nhưng vài giây đã trôi qua, tôi mới thấy anh lên tới cầu thang.

- Anh ấy có vẻ như một người bại trận? – Phelps kêu lên.

Tôi buộc phải nhìn nhận là Phelps có lý. Tôi nói:

- Cuối cùng, chìa khóa của sự bí mật chắc chắn là ở đây, ở London.

Phelps thốt ra một tiếng rên rí:

- Tôi không biết chìa khóa đó là cái gì. Nhưng tôi đã hy vọng biết bao về chuyển trở về của ông ấy. Hôm qua tay ông ta đâu có bị băng bó? Có chuyện gì xảy ra vậy?

- Anh không bị thương đấy chứ, Holmes? - Tôi hỏi, khi anh bước vào phòng khám.

- Suyt! Một vết xước do tôi vụng về mà ra. Vụ của ông, thưa ông Phelps, là một trong những vụ hắc ám nhất mà chưa bao giờ tôi nắm trong tay.

- Có vượt quá sức ông không?

- Đó là một sự gian truân rất lý thú.

- Chuyện gì đã xảy ra?

- Để ăn điểm tâm xong đã, bạn Watson thân mến. Tôi đoán chừng rằng không có hồi âm nào cho lời nhắn của tôi liên quan tới cỗ xe ngựa? Ừ phải, đâu cứ lần nào tấn công là cũng thắng.

Bàn ăn đã dọn sẵn và bà Hudson đem trà và cà phê tới. Holmes háu ăn, tôi tò mò, còn Phelps thì ở độ chót của sự ủ rũ

- Bà Hudson quả rất khéo léo - Holmes nói khi thấy đĩa thịt gà nấu cà ri - Nghệ thuật nấu ăn của bà không được đa dạng, nhưng với tư cách là một phụ nữ xứ Scotland, bà biết thế nào là một bữa điểm tâm. Anh có món sò đẳng đó không, Watson?

- Trứng chiên jambon.

- Tốt, ông dùng món gì nào, ông Phelps: gà nấu cà ri, trứng hay là ông muốn tự mình chọn lấy món ăn?

- Cám ơn, tôi chẳng nuốt nổi cái gì.

- Ô, coi nào! Hãy dùng cái món này, để ngay trước mặt ông đó.

- Xin cám ơn, tôi không thể nào ăn được!

- Thế thì - Holmes nói với một cái nháy mắt tinh nghịch - ông nhường nốt món đó cho tôi chứ?



Phelps mở cái vung ra và anh thốt lên một tiếng kêu. Mặt anh trở thành trắng bệch. Ở giữa cái liễn đựng thức ăn có một cuộn giấy nhỏ màu xám xanh. Anh vồ lấy cuộn giấy, chăm chăm nhìn vào nó, đứng lên và múa may trong phòng. Anh hét lên vì sung sướng. Đoạn anh rơi xuống một ghế bành và kiệt sức.

- Thôi chứ! Thôi chứ - Holmes nói khi vỗ nhẹ lên vai anh - Tôi biết ông đã mòn mỏi chờ đợi.

Phelps nắm lấy bàn tay anh và hôn nó:

- Chúa phù hộ cho ông! Ông đã cứu được danh dự cho tôi.

- Danh dự của tôi cũng bị lâm nguy, nếu tôi thất bại trong vụ này.

Phelps nhét bản tài liệu vào túi trong của áo vét.

- Tôi không dám làm gián đoạn lâu hơn bữa điểm tâm của hai ông, nhưng tôi lại mong muốn được biết, ông đã thu hồi được nó như thế nào.

Sherlock Holmes uống một tách cà phê và lưu ý đến món trứng chiên jambon. Sau đó, anh đứng lên, mỗi một mẫu thuốc và ngồi thoải mái trong chiếc ghế bành:

- Sau khi đã tạm biệt các bạn ở nhà ga, tôi đi ngang qua vùng đồng quê ở Surrey, tới một làng nhỏ tên là Riphey. Tới đó, tôi uống trà ở lữ quán và chế đầy bầu nước, nhét bánh sandwich vào đầy túi. Tôi ở lại đó cho tới chiều tối. Đoạn tôi quay trở lại Working vào đúng lúc mặt trời lặn. Tôi đợi cho con đường vắng hẳn bóng người rồi mới leo lên hàng rào về nhà.

- Nhưng cửa song sắt mở mà? - Phelps nói.

- Đúng. Nhưng tôi có những sở thích đặc biệt trong lãnh vực này. Tôi đã chọn cái chỗ có ba cây thông và, nhờ những cành nhánh của ba cây đó che chở mà tôi lọt được vào trong mà không một ai trông thấy. Tôi náu mình giữa những bụi cây, rồi bò từ bụi này sang bụi kia... Các bạn cứ coi tình trạng thảm hại của hai đầu gối quần tôi thì đủ?

Sau chót, tôi tới được lùm cây đổ quỳên đối diện với cửa sổ phòng ông Phelps. Tới đó tôi ngồi xổm xuống và chờ đợi.

Tấm màn còn chưa được buông xuống; tôi trông thấy cô Harrison ngồi đọc sách bên cạnh bàn. Tới 10 giờ 15, cô gấp sách lại, cột những cánh cửa lá chập lại và lui ra. Tôi nghe tiếng cô khép cánh cửa và cảm thấy gần như chắc chắn cô đã xoay chìa khóa trong ổ khóa.

- Chìa khóa? - Phelps ngạc nhiên.

- Phải. Tôi đã cho cô Harrison những chỉ thị để khóa cửa lại từ bên ngoài và đem theo chìa khóa ấy về phòng ngủ. Cô đã làm theo lời dặn dò của tôi đúng từng ly từng tý, cô đi ra, các ngọn đèn bị thổi tắt. Đêm rất đẹp trời, nhưng tôi mệt mỏi. Ở Working, tháp chuông một giáo đường báo từng khắc. Sau chót, vào khoảng 2 giờ sáng, bất thình lình tôi nghe thấy một tiếng động nhỏ của một cái then cài bị người ta đẩy ra và tiếng kêu cọt kẹt của một cái chìa khóa. Một lát sau, cánh cửa bên dành cho những người giao hàng mở ra và ông Joseph xuất hiện dưới ánh trăng.



- Joseph? - Phelps kêu lên.

- Ông ta để đầu trần, nhưng trên vai có vắt một cái áo choàng đen. Ông ta nhón gót đi trong bóng tối, dọc theo bức tường. Khi tới trước cửa sổ, ông lùa một con dao dài xen qua khung cửa sổ và đẩy then móc cửa sổ lên. Thế rồi ông mở thật rộng cánh cửa sổ ra và dùng con dao ông lùa nó qua khe hở giữa những cửa lá chập, nạy cái thanh lên và tách chúng ra.

Từ chỗ mai phục, tôi nhìn vào trong phòng thật rõ. Ông ta đốt hai cây nến, đặt trên mặt lò sưởi, đoạn lật cái góc tấm thảm gần cánh cửa ra vào lên. Liên đó ông cúi xuống và rút ra một miếng ván chân tường, lấy ra cuộn giấy, đặt một miếng ván chân tường lại, phủ tấm thảm lại như trước, thổi tắt những ngọn nến và rơi vào trong hai cánh tay tôi đang chờ đợi sẵn. Mẹ kiếp, hắn ta hung dữ cầm dao xông thẳng vào tôi. Tôi phải đốn ngã hắn xuống đất tới hai lần. Hắn đã làm đứt mạch máu ở ngón tay tôi. Tất cả chuyện đó xảy ra trước khi tôi có thể chế ngự được hắn. Hắn chỉ còn có thể nhìn đời bằng

một con mắt thôi, nhưng từ con mắt đó, hắn đã ném cho tôi một tia nhìn giết người... Nói tóm lại, sau cùng hắn chịu giao trả cho tôi tập tài liệu. Khi đã thu hồi lại được bản hiệp ước, tôi để cho hắn đi nhưng sáng nay tôi đã gửi cho Forbes vài chi tiết. Nếu Forbes nhanh tay bắt kịp con chim thì anh ta cứ tự xoay xở lấy: nhưng nếu anh ta lại thấy cái tổ đã trống rỗng thì càng hay. Tôi có cảm tưởng rằng cả huân tước lẫn ông Phelps, chẳng ai muốn đưa vụ này ra tòa?

- Vậy là trong mấy tuần lễ, giấy tờ bị đánh cắp đã ở trong phòng tôi?

- Đúng vậy!

- Và Joseph là một tên vô lại?

- Hừm! Tôi được anh ta cho biết anh ta đã thua đậm khi chơi ở thị trường chứng khoán, và anh ta dám làm bất cứ chuyện gì để tạo dựng lại địa vị của mình. Anh ta chẳng cần quan tâm chi tới hạnh phúc của em gái mình và cũng cóc cần đến danh tiếng của ông.

Phelps lún xuống trong ghế bành.

- Những điều ông nói làm tôi choáng váng.

- Tôi bắt đầu nghi ngờ Joseph, vì trong đêm xảy ra vụ trộm, ông đã có ý định trở về cùng với anh ta. Mặt khác, thật là tự nhiên khi anh ta tới rủ ông cùng về, bởi vì anh ta biết đường vào văn phòng ông. Rồi khi được biết có người muốn bẻ khoá cửa sổ để vào phòng ngủ của ông, trong cái phòng mà không một ai, ngoài Joseph, có thể cất giấu một cái gì đó, thì những nghi ngờ của tôi chuyển thành một sự tin chắc. Vậy thì kẻ muốn đột nhập phải là kẻ biết rõ những chuyện xảy ra trong nhà.

- Tôi mù quáng biết chừng nào!

- Những sự việc được tóm tắt như thế này: Joseph vào trong Bộ ngoại giao qua ngã phố Charles, anh ta đi thẳng tới văn phòng ông đúng vào lúc ông vừa bỏ ra ngoài. Vì thấy không có ai, anh ta đã giật chuông. Trong lúc gọi chuông, anh ta trông thấy tờ giấy trải trên mặt bàn. Chỉ lướt qua, anh ta thấy ngay là thần may mắn đã mỉm cười với mình. Anh ta vội nhét nó vào túi rồi bỏ đi.

Anh ta trở về Working bằng chuyến tàu đầu tiên để xem cất giấu vào trong một chỗ mà anh ta cho là nơi cất giấu thật tốt, với ý định đến ngày hôm sau hoặc ngày hôm sau nữa sẽ lấy để đưa ra làm tiền. Nhưng bất thành linh ông lại trở về. Anh ta không được báo trước, và bị đuổi ra khỏi căn phòng trước đó dành cho anh ta. Và từ đó cho mãi tới ngày hôm qua, lúc nào trong phòng cũng có hai người, khiến anh ta không thể lấy lại được kho báu. Cái tình huống đó hẳn đã làm cho anh ta điên lên được. Anh ta đã thử lấy cắp nó đêm hôm trước, nhưng đã thất bại bởi vì ông đã thức giấc. Ông hãy nhớ lại là buổi tối hôm trước, ông đã không uống thuốc ngủ như mọi khi.

- Đúng vậy.

- Anh ta đã phải thu xếp để cho thuốc nước phải có công hiệu, và anh ta tin rằng ông sẽ không thức dậy. Tôi tin chắc rằng anh ta sẽ làm lại mưu toan đó khi tôi đưa ông về London. Tôi đã yêu cầu cô Harrison không rời phòng suốt ngày hôm đó để anh ta không thể ra tay trước chúng ta... Tôi nghi là giấy tờ ở trong phòng, nhưng tôi không muốn tự mình tìm kiếm. Để cho anh ta lấy chúng ra, thì tôi đỡ mất công biết bao.



- Tại sao anh ta lại muốn vào phòng qua ngả cửa sổ, trong lúc mà anh ta có thể vào bằng cửa chính?

- Muốn tới được cửa ra vào chính, anh ta phải qua trước bẫy căn phòng ngủ. Phần khác, anh ta có thể bỏ chạy trốn qua ngả vườn.

- Anh ta không có ý định giết người sao? Con dao có thể chỉ là một dụng cụ để đào tường khoét gạch thôi ư?

Có thể lắm! - Holmes nhún vai trả lời.

☺

CÔNG VIỆC CUỐI CÙNG CỦA SHERLOCK HOLMES

The Final Problem

Tôi vô cùng đau đớn khi viết lên những dòng cuối cùng của thiên phóng sự có liên quan đến những thiên tài hiếm có của người bạn vô cùng thân thiết đối với tôi, anh Sherlock Holmes. Thú thật, tôi muốn im lặng, không muốn nhắc đến sự kiện đã để lại trong lòng tôi một nỗi cô đơn hoang vắng, trống trải, không biết lấy gì để bù đắp cho nỗi mất mát lớn lao này, mặc dù câu chuyện đã xảy ra đã hai năm rồi. Những lá thư cuối cùng của ngài đại tá James Moriarty, trong đó ông ta muốn bảo vệ danh dự cho người anh trai quá cố của mình, buộc lòng tôi phải cầm lấy bút mực. Tôi tự đặt cho mình trách nhiệm phải giới thiệu trước công chúng tất cả những sự kiện xảy ra theo đúng như trong thực tế. Chỉ một mình tôi là người có may mắn chứng kiến, biết được toàn bộ sự thật ấy điều này làm tôi thấy xúc động. Giờ đây không còn lý do gì để che giấu sự thật. Theo tôi được biết, chỉ có ba thông báo sau đây là được đăng trên báo chí: một mẫu tin đăng trên "Tạp chí Geneva" ngày 6-5-1891, một bức điện của hãng thông tin Reuter đăng trên báo từ ngày 7-5; cuối cùng là những thông báo mới đây. Trong số những thông báo đó, thì thông báo thứ nhất và thứ hai quá tóm tắt; thông báo bóp méo sự thật một cách trắng trợn. Trách nhiệm của tôi là làm sao nói cho toàn thế giới biết, những sự kiện đã xảy ra giữa giáo sư Moriarty và Sherlock Holmes đúng như sự thật của nó.



Có lẽ bạn đọc còn nhớ, ngay sau khi tôi lấy vợ và ra phòng mạch, mối quan hệ mật thiết giữa tôi và Sherlock Holmes đã có thay đổi trong một chừng mực nào đó. Tôi bận bịu với công việc chữa bệnh. Còn anh vẫn ghé lại chỗ tôi khi cần có người bạn đồng hành cùng tham gia giải quyết những công việc khám phá của mình, nhưng ngày càng thưa dần, ít dần. Vì thế trong năm 1890 tôi chỉ thu thập được có ba bài về chuyện phá án của anh. Mùa đông năm ấy và chớm xuân 1891, báo chí đăng tin Holmes được chính phủ Pháp mời sang giải quyết một chuyện rất quan trọng; qua hai bức điện anh gửi cho tôi từ Narbonne và Nimes, tôi định ninh cuộc viếng thăm của anh ở nước Pháp chắc sẽ còn kéo dài. Vì vậy tôi vô cùng ngạc nhiên khi vào lúc chập tối ngày 24 tháng 4, anh đột ngột xuất hiện trong phòng làm việc của tôi. Đầu tiên đập vào mắt tôi là dáng hình anh gầy gò xanh xao hơn mọi khi rất nhiều.

- Đúng, tôi đã tiêu hao gần hết sức lực của mình - Anh đáp, như muốn thanh minh cho cái nhìn e ngại của tôi. - Trong thời gian gần đây, tôi túng túng quá. Tôi kéo tấm rèm lại được chứ?

Căn phòng chỉ thắp một chiếc đèn bàn, thông thường tôi vẫn đọc dưới ngọn đèn này. Rón rén đi dọc theo bức tường, Holmes đi vòng khắp căn nhà và kéo kín các tấm rèm, vén kín một cách kỹ lưỡng không để hở một chỗ trống nào.

- Anh đang có chuyện phải lo sợ hả? - Tôi hỏi.

- Đúng, tôi rất sợ.

- Sợ cái gì?

- Một loại súng hơi.

- Anh bạn yêu quý ơi, anh muốn ám chỉ cái gì?

- Watson, chắc anh biết tôi khá rõ đấy, từ lâu anh đã biết tôi không phải là một con thỏ. Đừng cho là có mối nguy hiểm đang đe dọa anh. Nó chỉ là một hành động mù quáng, không phải là một hành động anh hùng. Anh cho tôi xin que diêm.

Anh châm thuốc hút, và dường như khói thuốc lá làm anh tươi tỉnh hẳn lên.

- Trước hết tôi cần phải xin lỗi vì cuộc viếng thăm quá muộn, - Anh lên tiếng. - Ngoài ra tôi xin phép được làm một việc hơi bất nhã, thứ hai là sẽ trèo qua bức tường sau vườn nhà anh. Tôi định đi ra bằng cách như vậy đấy.

- Những chuyện ấy có ý nghĩa gì vậy? - Tôi hỏi.

Anh chìa cánh tay lại sát ngọn đèn, tôi trông thấy hai khớp ngón tay bị xây sát và rớm máu.



- Anh thấy đấy, không phải là chuyện đùa đâu. - Anh vừa cười vừa nói. - Cái này có thể làm mất cả bàn tay như không. Vợ anh đâu rồi? Có ở nhà không?

- Không, cô ấy đi thăm người quen.

- Hay quá! Nghĩa là anh ở nhà một mình.

- Chỉ một mình.

- Nếu thế thì, tôi dễ dàng mời anh cùng đi với tôi qua biên giới trong vòng một tuần lễ.

- Đi đâu vậy?

- Đi đâu mà chả được, tôi thì thế nào cũng được.

Tất cả những chuyện này tôi thấy kỳ quặc thế nào ấy. Trong khuôn mặt trắng bệch, mệt mỏi của anh, tôi cảm thấy hệ thống thần kinh của anh đang ở trạng thái căng thẳng tột độ. Qua cái nhìn của tôi anh biết rằng tôi không hiểu. Chống cùi chỏ lên bảp đùi và xiết chặt các ngón tay lại với nhau, anh bắt đầu giải thích cho tôi nghe tình hình của công việc.

- Tôi nghĩ là anh chưa được nghe nói gì về giáo sư Moriarty? - Anh

hỏi.

- Chưa.

- Đó là một người đại tài về việc giữ kín tung tích của mình. Hắn ta đã thiết lập một mạng lưới khắp thành London. Thậm chí chưa ai nói về hắn. Riêng chuyện này cũng đáng liệt hắn ta vào bậc đàn anh trong giới hình sự. Watson, tôi có thể nói chắc rằng, nếu tôi chiến thắng con người này, tức là làm được việc vạch mặt chỉ tên hắn ta ra trước xã hội thì đó đúng là một thành công lớn trong sự nghiệp của tôi. Lúc ấy, tôi sẽ kết thúc bước đường công danh của mình và tôi sẵn sàng chuyển sang nghiên cứu các lĩnh vực khác yên tĩnh hơn. Nói riêng với anh nhé. Hai sự việc cuối cùng đã tạo cho tôi khả năng thuyết phục vương quốc Scandinavia và nước cộng hòa Pháp cho tôi những công cụ, điều kiện tiến hành một cuộc đổi mới, hợp với sở thích của tôi hơn. Lúc đó tôi sẽ toàn tâm nghiên cứu trong lĩnh vực hóa học. Nhưng tôi chưa thể ngồi yên trong chiếc ghế bành của mình, một khi con người kia, cái tay giáo sư Moriarty đang tự do tung hoành ngang dọc trên các đường phố ở London.

- Hắn ta đã phạm những tội ác gì?

- Ôi! Hắn có một tiểu sử thật khác thường! Hắn xuất thân trong một gia đình tốt, được đào tạo đến nơi đến chốn, hắn có một tài năng hiếm có về toán học. Khi tròn 21 tuổi, hắn đã viết xong một luận văn về nhị thức Newton, làm cho tên tuổi của hắn nổi tiếng khắp châu Âu. Sau đó, hắn được phụ trách khoa toán trong một trường đại học tổng hợp của nước Anh. Một tương lai sán lạn, rạng rỡ đang chờ đón hắn. Nhưng hắn bỗng biến mất một cách lạnh lùng và trở thành một tên hung đồ độc ác. Trong huyết quản của hắn dòng máu của kẻ phạm tội đang chảy. Do có trí óc thông minh hiếm có nên hành động độc ác của hắn càng nguy hiểm. Trong trường đại học, những lời đồn đại không hay về hắn đã bay đi khắp nơi, cuối cùng buộc lòng hắn phải rời bỏ trường để đến cư trú tại London. Ở đây hắn ta bắt đầu chuẩn bị một đội ngũ những tên ăn cắp, lưu manh chuyên nghiệp trẻ tuổi. Đó là những điều tôi biết về hắn. Chính anh biết đấy, không ai nắm vững giới hình sự ở London này bằng tôi. Cách đây không lâu, tôi bắt đầu cảm thấy là ở sau lưng của bọn tội phạm, có một thế lực không lường được đang bảo vệ, che chở cho chúng - một thế lực hùng mạnh, có tổ chức đang hoạt động trái với pháp luật, được núp

dưới những bộ mặt giả tạo. Rất nhiều lần, trong các trường hợp khác nhau, qua những vụ ăn cắp hoặc giết người, tôi đều nhận thấy sự có mặt của cái thế lực ấy. Bằng con đường tính toán rất logic, tôi đã phát hiện ra dấu vết của nó, ngay cả trong những vụ chưa được khám phá, hay trong những vụ án đã tìm ra, mà bản thân tôi không trực tiếp tham gia, tôi đều thấy thấp thoáng thế lực đó. Trong nhiều năm, tôi có ý định xé toạc bức bình phong che đậy tội ác kia, và đã đến lúc tôi lần theo đầu mối của cuộn dây, bắt đầu một công cuộc gỡ dần từng mối rối ren, cho đến khi nào phanh ra, tóm được cái nút cuối cùng dẫn tới vị giáo sư Moriarty - một nhà toán học lỗi lạc.

Hắn như một Napoléon trong giới tội phạm hình sự, hắn là một nhà tổ chức lãnh đạo gần một nửa số vụ độc ác và tất cả các vụ phạm pháp chưa được khám phá đã xảy ra trung thành phố này. Phải thừa nhận đó là một thiên tài, một triết gia, một con người có đầu óc suy luận những vấn đề có tính chất trừu tượng. Hắn có một bộ óc thuộc loại thông thái số một. Hắn ngồi bất động như một con nhện trong mạng tơ của mình, trong mạng nhện có hàng nghìn sợi dây, hắn sẽ tóm lấy, giải quyết khi có một sự rung động nhỏ của từng sợi dây. Rất hãn hữu, hắn mới trực tiếp hành động, hắn chỉ tổ chức, xây dựng kế hoạch. Tay chân của hắn thì rất nhiều, và được tổ chức đến nơi đến chốn. Nếu có ai cần ăn cắp một tập tài liệu, cần đột nhập vào nhà, cần giết, thủ tiêu một người nào đó... thì chỉ cần trình bày nguyện vọng đó với giáo sư. Ngay lập tức một vụ án sẽ được chuẩn bị và thi hành. Bọn tay chân của hắn có thể sẽ bị bắt, trong những trường hợp như vậy, bao giờ hắn cũng tung tiền ra mua chuộc hoặc nhờ người bảo lãnh. Nhưng tên chỉ huy chính, cầm đầu, bao giờ cũng nằm ngoài diện nghi vấn.

Tổ chức ấy là như vậy, bằng con đường suy luận tôi đã xác định được bộ máy hoạt động của nó. Tôi đã dồn toàn bộ sức lực của mình để phát hiện và quyết bẻ gãy nó. Nhưng tay giáo sư cũng rất láu cá, hắn luôn thay hình đổi dạng, nguy trang rất khéo và được bảo vệ vững chắc đến nỗi mặc dù tôi tập trung mọi cố gắng nhưng vẫn không sao có đủ chứng cứ để buộc tội hắn trước tòa. Watson thân mến, anh rất biết khả năng của tôi, thú thật với anh là phải mất 3 tháng ròng rã, cuối cùng tôi mới tìm thấy đối thủ xứng đáng của mình. Những việc làm phạm pháp của hắn gây cho tôi một nỗi lo lắng, sợ hãi thì bây giờ đã nhường chỗ cho sự kính nể trước năng lực

tài ba của hắn. Tuy vậy; cuối cùng hắn cũng sơ hở, mặc dù một sơ hở không đáng kể, đáng lý hắn không nên để xảy ra sự sơ hở đó mới phải bởi tôi đang bám riết hắn như một con đỉa. Tôi đã lợi dụng sơ hở ấy, sau khi dùng nó làm xuất phát điểm cho cuộc tấn công tay đôi, tôi bắt đầu giăng xung quanh hắn một cái bẫy. Hiện này cái bẫy ấy hầu như đã chuẩn bị xong; sau ba ngày nữa, nghĩa là đúng vào tối thứ hai, mọi chuyện sẽ được giải quyết. Ngài giáo sư cùng với những kẻ cầm đầu băng đảng ấy sẽ rơi vào tay tòa đại hình. Còn sau đó một công cuộc hình sự lớn nhất thế kỷ chúng ta sẽ bắt đầu: Bức màn đã che giấu hơn 40 vụ án sẽ được vén lên; tất cả những tên tội phạm sẽ bị trừng trị thích đáng. Nhưng cần phải khẩn trương, chỉ cần một tính toán sai lầm là chúng nó sẽ trượt khỏi bàn tay chúng ta vào đúng thời điểm cuối cùng.

Mọi việc sẽ tốt đẹp nếu tôi có thể hành động một cách kín đáo, sao cho tay giáo sư Moriarty không hề biết về chuyện này. Nhưng hắn là một tên thâm hiểm và xảo quyệt. Mỗi cử động của tôi nhằm đưa hắn vào tròng, hắn đều biết hết. Hắn đã nhiều lần mưu toan phá vỡ, để thoát khỏi cái lưới mà tôi đã giăng, nhưng mỗi lần như vậy, tôi đều tìm cách cản trở không cho hắn thực hiện ý đồ. Nếu cứ miêu tả cặn kẽ, tỉ mỉ cuộc chiến đấu thầm lặng và đem xuất bản thì sẽ có một quyển sách hồi hộp nhất và tuyệt vời nhất trong làng sách về thể loại trinh thám. Chưa bao giờ tôi phải căng thẳng như bây giờ; cũng chưa bao giờ tôi phải chật vật đối phó với địch thủ của mình như hiện nay. Đòn của hắn rất mạnh và tôi đỡ lại bằng một sức còn mạnh hơn.

Sáng nay, tôi đã đi đến một quyết định và chỉ cần thêm 3 ngày nữa để dứt điểm công việc. Tôi đang ngồi trong phòng của mình, đang suy đi tính lại nước cờ, thì bỗng cánh cửa bật mở. Trước mặt tôi là tay giáo sư Moriarty đang đứng sừng sững. Watson ạ, thần kinh của tôi khá vững, nhưng phải thú thật với anh, tôi không thể nào nén được tiếng thở ra khi nhìn; thấy trước mặt mình con người đã chiếm toàn bộ ý nghĩ của tôi. Hình dáng bên ngoài của hắn không có gì thay đổi, vì tôi đã quen thuộc từ trước.



Hắn ta rất gầy và cao lêu ngêu. Trán hắn dô nhưng rộng, da trắng trẻo, cặp mắt sâu hoắm trông rất sắc. Khuôn mặt được cạo nhẵn thín, nhìn hắn có phần khổ hạnh. Đôi vai hơi còng, có lẽ do ngồi nhiều bên bàn làm việc, còn cái đầu thì nhô tới trước trông như một con rắn, ngó bên này, nghiêng bên kia. Cặp mắt cú vọ của hắn như đâm xuyên vào người tôi.

“Hộp sọ của ngài chưa đến nỗi bị vỡ như tôi đã nghĩ”. Cuối cùng hắn lên tiếng. “Thưa ngài Holmes, bỏ khẩu súng đã lên đạn ở trong túi áo choàng của mình là một thói quen nguy hiểm”.

Đúng như thế thật, khi hắn ta bước vào, tôi hiểu ngay là một mối nguy đang đe dọa tôi. Khả năng duy nhất để tôi tự cứu mình, đó là tôi buộc phải im lặng mãi mãi. Vì vậy, tôi nhanh như chớp, đã chuyển khẩu súng lục từ ngăn kéo bàn vào túi áo choàng và ngay lập tức cho tay vào cò súng. Sau khi bị hắn điểm huyết, tôi đã lôi khẩu súng ra khỏi túi áo, kéo quy lát và để trước mặt. Moriarty tiếp tục cười và nheo nheo cặp mắt, nhưng có một cái gì đấy trong mắt hắn ta đã làm cho tôi phải cảnh giác và buộc tôi phải đến gần khẩu súng của mình.

“Rõ ràng là ngài chưa biết tôi”. Hấn ta lên tiếng.

“Ngược lại,” tôi phản đối, “tôi cảm thấy ngài khó mà hiểu nổi tôi đã biết ngài. Xin mời ngài ngồi, nếu ngài có việc gì muốn nói với tôi, tôi có thể dành cho ngài năm phút”.

“Những gì tôi muốn nói với ngài, chắc ngài đã đoán được” Hấn ta lạnh lùng đáp. “Ngài vẫn cương quyết giữ lập trường của mình?”

“Hoàn toàn không thay đổi”.

Hấn dứt tay vào túi, còn tôi vội vàng chớp lấy khẩu súng trên bàn. Nhưng hấn chỉ rút ra từ trong túi một quyển sổ ghi chép, trong đó có ghi nguệch ngoạc những con số ngày tháng gì đó.

“Ngài đã cản đường của tôi từ ngày mồng 4 tháng giêng,” hấn ta tiếp. “Ngày 23, ngài đã làm cho tôi một phen hú vía, và giữa tháng hai ngài lại làm cho tôi một cú hoảng hồn. Cuối tháng 3, ngài đã làm đảo lộn mọi kế hoạch của tôi. Hiện nay, vì những vụ liên tiếp của ngài, tôi đã rơi vào một tình thế có thể mất hết tự do. Không thể tiếp tục như vậy được”.

“Ngài định làm gì?” Tôi hỏi lại.

“Thưa ngài Holmes, ngài hãy chấm dứt công việc của mình,” hấn ta nói và lắc đầu “Ngài hãy từ bỏ công việc đó”.

“Đến hết ngày thứ hai kia”. Tôi đáp.

“Đủ rồi, thưa ngài Holmes. Ngài là một người khá thông minh, tất nhiên ngài hiểu tôi, tôi muốn giải lao đầu óc một chút, trong lúc theo dõi cách thức hành động của ngài. Mong ngài hiểu cho tôi lấy làm buồn phiền, nếu như ngài cứ cố tình buộc tôi phải dùng những biện pháp không hay đối với ngài. Ngài phải tránh ra một bên, ngài hãy tin là tôi nói rất chân thành”.

“Hiểm nguy, đó là người bạn đồng hành không thể thiếu được trong nghề nghiệp của tôi”. Tôi đáp.

“Đấy không phải chỉ là sự nguy hiểm, mà là sự tiêu diệt không thể tránh khỏi,” hấn ta phản đối, “Ngài đứng ra cản đường không phải

chỉ một người, mà là cả một tổ chức hùng mạnh, mà toàn bộ sức mạnh của nó, với trí thông minh của ngài, ngài không thể nào hiểu nổi đâu. Mong ngài hãy tránh ra một bên, thưa ngài Holmes. Bằng không ngài sẽ bị trừng trị”.

“Tôi sợ rằng,” tôi đứng dậy và đáp, “từ buổi nói chuyện thú vị của chúng ta, tôi có thể bỏ mất một công việc quan trọng, nó sẽ đưa tôi đến vị trí khác”.

Hắn ta cũng đứng dậy, lặng thinh nhìn tôi và buồn bã lắc đầu.

“Biết làm sao được!” Cuối cùng hắn lên tiếng. “Tôi rất lấy làm tiếc, nhưng tôi đã làm mọi việc mà tôi có thể làm được. Tôi biết từng đường đi nước bước trong công việc của ngài. Đến ngày thứ hai, ngài sẽ không còn cử động được nữa rồi. Đó là cuộc đọ sức giữa hai chúng ta, thưa ngài Holmes. Ngài hy vọng sẽ cho tôi ngồi vào chiếc ghế bị cáo. Tôi nói cho ngài biết, điều đó sẽ không bao giờ xảy ra. Ngài hy vọng sẽ thắng tôi. Tôi xin nói cho ngài biết rằng không đời nào ngài đạt được điều đó. Nếu ngài có đủ sức mạnh để giết tôi, thì tôi xin thề với ngài rằng cả ngài nữa sẽ cùng chết với tôi”.

“Thưa ngài Moriarty, ngài đã dùng quá nhiều lời để tán tụng tôi một cách quá đáng, cho nên tôi cũng muốn đáp lại bằng những lời lẽ tán tụng như thế. Nhân danh cho công lý, vì sự phồn vinh của xã hội, tôi rất vui lòng chấp thuận điều kiện thứ hai, mặc dù tôi hy vọng ở điều thứ nhất”.

“Điều thứ nhất tôi không thể hứa với ngài được, nhưng điều thứ hai tôi sẵn sàng hứa”. Hắn ta đáp và cười man rợ.



Sau khi quay cái lưng khòm về phía tôi, hắn bước ra, nhưng còn quay lại nheo nheo con mắt nhìn tôi. Cuộc gặp gỡ đặc biệt của tôi với tay giáo sư Moriarty là như vậy! Thú thật với anh, cuộc gặp gỡ này làm cho tôi khó chịu. Phong thái mềm mại, chính xác của hắn làm cho anh sẽ tin vào lòng chân thật của hắn, mà lòng chân thật ấy không bao giờ có ở những kẻ tội phạm tầm thường. Đây không phải là một kẻ thích khoe khoang những điều rỗng tuếch. Tất nhiên anh sẽ hỏi tôi: "Tại sao không đi báo cáo cho Sở cảnh sát?". Vấn đề là ở chỗ, không phải tự tay hắn hành động, mà chính bọn tay chân của hắn mới là người thực hiện. Tôi tin như vậy, vì tôi có đầy đủ chứng cứ.

- Có kẻ đã tấn công vào anh hay sao?

- Anh bạn Watson thân mến! Giáo sư Moriarty không phải thuộc hạng người thích để công việc nằm lâu trong sọt rác. Sau khi hắn rút khỏi, khoảng gần 24 giờ đêm, tôi có việc phải ghé phố Oxford. Trong khi băng qua đường ở chỗ góc phố Bentinck và phố Welbeck, tôi trông thấy một cỗ xe song mã đang phóng như bay đâm thẳng vào tôi. Tôi vừa kịp nhảy lui lại bước lên vệ đường, chỉ trậm trễ trong vòng một phần mười giây, có lẽ tôi đã bị bẹp dí rồi. Chiếc xe rẽ ngoặt

và biến mất. Lúc ấy tôi quyết định không nên bước xuống khỏi vỉa hè, nhưng từ trên mái nhà ở chỗ phố Vere có một viên gạch bay tới và vỡ thành từng mảnh vụn ngay dưới chân tôi. Tôi liền gọi cảnh sát và ra lệnh khám xét ngay nơi xảy ra sự việc. Ở trên mái nhà có chất mấy chồng gạch chuẩn bị cho công việc sửa chữa; và bọn chúng muốn khẳng định viên gạch kia là do gió thổi bay tới thôi. Tôi biết rõ thủ đoạn của chúng, nhưng lại không đủ bằng chứng để buộc tội. Tôi gọi một cỗ xe và đi đến nhà người anh trai ở phố Pall Mall, sống tại đó cả ngày hôm nay, rồi từ đó tôi đi thẳng tới chỗ anh. Dọc đường có một thằng cầm dùi cui đều cẳng xông vào tôi. Tôi đã tóm hắn nộp cho cảnh sát giam giữ. Tôi bảo đảm với anh là, không một ai có thể khám phá ra mối liên hệ giữa một tên, mà những chiếc răng cửa đã bị tôi dùng tay đánh gãy trong ngày hôm nay với một tên giáo sư dạy toán mà có lẽ giờ đây đang giảng cách giải bài tập cho học sinh trên chiếc bảng cách đây 10 dặm. Bây giờ chắc anh đã hiểu, vì sao khi vào phòng anh, trước tiên tôi phải kéo kín các tấm rèm che cửa sổ, và vì sao tôi phải xin phép anh đi ra khỏi nhà không phải bằng cổng trước, mà bằng một lối nào đó ít bị chú ý hơn.

Tôi đã nhiều lần khâm phục lòng can đảm của bạn tôi, nhưng hôm nay khi anh ngồi kể lại những sự việc vừa mới xảy ra trong ngày một cách điềm tĩnh, tôi lại càng đặc biệt kính nể anh hơn.

- Có lẽ, anh nên ở lại ngủ qua đêm với tôi. - Tôi đề nghị.

- Không được bạn thân mến. Tôi sẽ là một người khách nguy hiểm cho anh. Tôi đã suy tính kỹ lưỡng kế hoạch hành động, và mọi việc sẽ kết thúc tốt đẹp. Hiện nay công việc đang ở giai đoạn cuối, cảnh sát có thể tiến hành bắt bớ mà không cần tôi phải tham gia. Tôi chỉ cần trong thời gian xét hỏi. Thời gian chờ đợi cảnh sát hành động cũng chỉ còn vài ba ngày nữa, tốt nhất là tôi nên đi đâu đó. Tôi rất sung sướng nếu anh cùng đi qua biên giới với tôi.

- Hiện nay bệnh nhân của tôi không nhiều, - Tôi đáp, - Anh bạn đồng nghiệp sẵn sàng thay tôi, tôi sẽ cùng đi với anh.

- Ngay sáng sớm ngày mai anh có thể đi được không?

- Được, nếu cần.

- Ôi, hoàn toàn rất cần bây giờ anh hãy nghe kỹ lời dặn của tôi. Watson, yêu cầu anh hãy làm đúng không được sai một ly nào, bởi hai chúng ta đang tiến hành một cuộc đối đầu chống lại một tên bợm tài năng nhất và một tập đoàn tội phạm lớn nhất, hùng mạnh nhất ở châu Âu. Anh hãy lắng nghe đây! Hành lý không được để địa điểm hẹn nhận, ngay bây giờ anh nhờ một người tin cẩn nhất mang ra ga Victoria. Sáng sớm ngày mai, anh phải sai người giúp việc gọi một cỗ xe, nhưng anh phải dặn họ là hãy bỏ qua chiếc xe đầu tiên cũng như chiếc xe thứ hai mà anh ta bắt gặp. Anh ngồi vào cỗ xe và đi tới phố Strand, đến cầu nổi Lowther. Cần nói thêm là anh đừng đọc địa chỉ cho người xà ích mà viết lên giấy đưa cho ông ta và dặn ông ta tuyệt đối không được vứt mảnh giấy đó xuống đường. Anh hãy trả tiền trước; khi chiếc xe vừa dừng lại anh hãy nhảy ngay vào chỗ cầu nổi tính toán sao cho đúng 9 giờ 15, anh có mặt bên kia cầu. Ngay cạnh vỉa hè anh sẽ nhìn thấy một cỗ xe không lớn lắm. Người đánh xe bận chiếc áo khoác màu đen, cỗ áo được kẹp bằng một đường viền màu đỏ. Anh hãy ngồi vào xe và đi đến nhà ga đúng lúc tàu chuẩn bị chuyển bánh.

- Thế tôi sẽ gặp anh ở đâu?

- Tại nhà ga, người ta sẽ dành cho chúng ta một buồng hai người hạng nhất.

- Nghĩa là chúng ta sẽ gặp nhau ở trong toa?

- Đúng thế.

Tôi đã hoài công để thuyết phục Holmes ở lại ngủ với tôi. Tôi biết rằng anh sợ gây ra chuyện không hay cho gia đình người bạn thân thiết của mình. Đây là nguyên nhân duy nhất khiến anh phải vội vã ra đi. Sau khi đã vội vàng căn dặn mọi cách thức thực hiện chương trình hành động cho ngày mai, anh đứng lên và cùng tôi đi ra ngoài vườn. Anh trèo qua hàng rào, đi ngay ra hẻm Mortimer, huýt sáo gọi một chiếc xe. Tôi lắng nghe tiếng lộc cộc của bánh xe đang xa dần.

Sáng ngày hôm sau, tôi làm đúng theo lời Holmes căn dặn với tất cả sự thận trọng cảnh giác cần thiết khi gọi một cỗ xe. Cỗ đó không thể nào là một cái bẫy được. Sau khi ăn sáng xong, tôi đi đến địa điểm đã được quy ước trước. Khi xe tiến đến chiếc cầu Lowther, tôi

lao vào trong cầu với sự nhanh nhẹn hiểm có. Khi trông thấy cỗ xe đang đứng đợi tôi đúng như Holmes mô tả, tôi vừa kịp ngồi vào xe thì người xà ích tầm thước, bịt kín bằng chiếc áo ấm màu đen liền ra roi quất ngựa. Chỉ một loáng đã đến ga Victoria. Tôi vừa bước xuống ngựa thì người xà ích đánh xe quay lại, và phóng như bay, thậm chí không thèm quay nhìn tôi.

Mọi việc đều tiến triển đúng như ý định. Hành lý của tôi đã có sẵn ở nhà ga; và tôi cũng không khó khăn gì tìm thấy căn buồng mà Holmes đã chỉ dẫn, bởi nó là buồng duy nhất được treo tấm biển "Đã có người". Bây giờ chỉ còn một việc làm tôi lo lắng nhất, đó là sự vắng mặt của Holmes. Tôi nhìn lên đồng hồ nhà ga, chỉ còn 7 phút nữa là tàu xuất phát. Thật vô ích khi tôi lục kiếm trong đám người ra đi và những người đưa tiễn thân hình gầy gò của anh bạn tôi. Anh không có trong đám người ấy. Tôi đã giết thời gian, bằng cách giúp một cha cố người Ý trông rất đáng kính, khi ông ta, bằng một giọng lơ lớ tiếng Anh, đang cố gắng giải thích cho người phu khuân vác rằng hành lý của ông cần được gửi thẳng đến Paris. Sau đó tôi dạo quanh sân ga một lần nữa và quay về buồng mình. Ở đó tôi gặp lại ông cha cố người Ý lộm khộm, mà tôi mới làm quen. Mặc dù vé của ông không phải vào phòng này, nhưng người phu khuân vác vẫn cứ ẩ vào chỗ tôi. Thật vô ích để giải thích cho người bạn đường không mời của tôi hiểu rằng, cuộc đột nhập của ông đã làm tôi bực bội như thế nào, tôi nói tiếng Ý còn tồi hơn là ông nói tiếng Anh. Vì vậy tôi chỉ biết nhún vai và lo lắng nhìn qua cửa sổ, sốt ruột chờ đợi Holmes. Một nỗi lo sợ bao trùm lấy tôi; sự vắng mặt của anh có nghĩa là có chuyện gì đã xảy ra đêm qua. Các cánh cửa lên xuống đã được khép chặt, tiếng còi tàu đã vang lên, đúng lúc ấy bỗng dừng...



- Watson thân mến, thậm chí anh không thèm hạ cố đoán hoài chào tôi một lời.

Một giọng phát ra ngay bên cạnh tôi. Tôi nhìn quanh, toàn thân lạnh toát. Bây giờ cha cố đứng ngay trước mặt tôi. Trong một giây phút những nếp nhăn của ông bỗng giãn ra, chiếc mũi kéo dài ra khỏi chiếc cằm, môi dưới thoi không đưa ra phía trước nữa, còn miệng thì như đang thì thầm, cặp mắt lơ đãng bây giờ đã sáng lên ánh lửa thường ngày; chiếc lưng khòm được vươn thẳng. Nhưng tất cả những việc ấy kéo dài chỉ vòng một khoảnh khắc, và Holmes lại vụt biến đi nhanh chóng, cũng giống như khi anh xuất hiện.

- Lạy Chúa đáng kính! - Tôi thốt lên, - Anh làm tôi hoảng cả hồn.

- Chúng ta cần thận trọng đến mức tối đa. - Anh thì thầm, - tôi có đủ chứng cứ để nghĩ là tụi chúng nó đã lần được theo dấu vết. Kìa! Chính thằng Moriarty ở kia kìa!

Holmes vừa nói xong thì tàu chuyển bánh. Tôi nhìn qua cửa sổ về

phía sau, trông thấy một người cao cao, đang tức tối xô đẩy chen lấn đám đông và vẫy vẫy tay như níu đoàn tàu lại. Tuy nhiên mọi chuyện đã muộn rồi. Vận tốc con tàu đang tăng dần và chẳng mấy chốc nhà ga đã nằm lại khá xa phía sau.

- Anh thấy không, - Holmes nói và cười, - Mặc dù chúng ta cảnh giác tới mức tối đa, nhưng cũng phải chật vật lắm mới thoát khỏi được bọn người kia đấy.

Anh đứng dậy cởi chiếc áo thụng màu đen và chiếc mũ ra, - Những thứ thuộc về hình kì dị của anh - Và cho tất cả vào một chiếc túi du lịch.

- Watson, anh có đọc báo buổi sáng không?

- Không.

- Nghĩa là anh không hay biết tí gì về chuyện xảy ra tại hẻm Baker của chúng ta à? Đêm hôm qua, chính xác hơn là vào gần sáng ngày hôm nay, chúng nó đã tập kích nhà tôi, nhưng gây tổn thất không đáng kể.

- Làm thế nào bây giờ? Điều ấy thật quá quắt không thể nào chịu nổi.

- Hình như, sau khi tên đặc phái viên dùng dùi cui xông vào tôi bị bắt, tụi chúng đã mất hẳn dấu vết về tôi. Lúc đầu chúng cho rằng tôi sẽ quay về nhà. Nhưng sau đó chúng đã đánh hơi và theo anh từng bước. Chính điều này đã dẫn thẳng Moriarty đến ga Victoria. Trên đường đi tới nhà ga, không biết anh có sơ xuất gì không?

- Tôi đã làm đúng như anh dặn.

- Anh thấy cỗ xe ngay vị trí chứ?

- Đúng, chiếc xe đã đợi tôi ở chỗ ấy.

- Thế anh có nhận ra người xà ích không?

- Không.

- Đây là anh trai tôi, Mycroft. Trong công việc như vậy tốt nhất là

không cho người ngoài cuộc biết những điều bí mật của mình. Còn bây giờ chúng ta phải tìm cách đối phó với Moriarty.

- Tôi nghĩ, chúng ta đi chuyến tàu này làm sao hẳn ta có thể đuổi kịp?

- Watson thân mến! Tôi đã nói với anh, hẳn là một người có trí tuệ cao, hẳn có một trình độ ngang với tôi. Chẳng lẽ, ví như tôi là một người đuổi theo, lúc ấy một cản trở không đáng kể như vậy sẽ làm tôi bó tay hay sao? Tại sao anh đánh giá hẳn quá thấp như vậy?

- Nhưng hẳn có thể làm gì được bây giờ?

- Làm điều mà trong trường hợp đó tôi cũng làm.

- Anh hãy cho tôi biết anh sẽ hành động ra sao?

- Tôi sẽ thuê hẳn một chuyến tàu tốc hành danh riêng cho tôi.

- Nhưng dẫu sao cũng vẫn chậm trễ.

- Không trễ chút nào. Chuyến tàu của chúng ta sẽ dừng lại ở Canterbury, ở đó chúng ta phải đợi tàu thủy ít ra cũng phải mất 15 phút. Và hẳn sẽ bắt gặp chúng ta ở đấy.

- Nên nhớ hẳn là thằng tội phạm chứ không phải là chúng ta. Vậy nếu hẳn mang xác đến đây, chúng ta sẽ ra lệnh bắt giữ.

- Làm như vậy sẽ đổ xuống sông, xuống biển những công lao của ba tháng làm việc cật lực của tôi. Chúng ta chỉ bắt được một con cá to, còn những con cá nhỏ khác sẽ tìm đường chạy thoát. Thứ hai này tất cả bọn chúng sẽ lọt vào tay cảnh sát. Bây giờ chúng ta không được phép bắt bớ.

- Thế chúng ta làm gì?

- Chúng ta cần đi đến Canterbury.

- Sau đó?

- Sẽ đi Newhaven, và từ đó sẽ đi Dieppe. Moriarty cũng sẽ làm điều này, mà trong trường hợp ấy tôi cũng làm như vậy. Hẳn đi đến

Paris, đánh dấu những chiếc va li của chúng ta, nằm đợi ở phòng gửi hành lý hai ngày. Còn chúng ta trong thời gian ấy sẽ mua một cặp bao dệt bằng thảm và sẽ đi buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm ở các địa phương mà chúng ta sẽ đi ngang qua. Rồi chúng ta sẽ bình tĩnh ghé thăm đất nước Thụy Điển, qua cửa ngõ thành phố Luxembourg và Basle.

Tôi là một nhà du lịch dày dạn kinh nghiệm, vì thế không bao giờ tôi cho phép mình buồn rầu vì chuyện mất mát hành lý. Nhưng thú thực, tôi không chịu nổi ý nghĩ là chúng tôi sẽ né tránh tên tội phạm có một tiền sử quá kinh khủng, toàn là những chuyện rùng rợn, dã man. Tuy thế Holmes là người hiểu rõ tình thế hơn tôi. Và chúng tôi đã đến Canterbury. Ở đây chúng tôi được biết còn một giờ nữa mới có tàu thủy đi Newhaven. Tôi lặng lẽ nhìn chiếc tàu chở hành lý của chúng tôi đang khuất dần từ xa. Lúc đó, Holmes cầm lấy tay áo tôi và chỉ về phía con đường sắt.

- Anh thấy đấy, nhanh như chớp! - Anh ta lên tiếng.

Từ xa, trong cánh rừng Kent, một dòng khói nhỏ bốc lên. Có một con tàu chỉ kéo có một toa đã xuất hiện chỗ khúc cua trước khi vào nhà ga. Chúng tôi vừa kịp nấp sau những kiện hàng, chiếc tàu đã rú lên một tiếng đinh tai nhức óc chạy băng qua chỗ chúng tôi và phả vào mặt chúng tôi một luồng hơi nóng bỏng.



- Đã đến! - Holmes thốt lên và đưa cặp mắt nhìn vào toa tàu đang chạy từ từ và dừng lại trên đường ray. - Anh thấy không, sự thông thái của anh bạn cũng có một giới hạn đấy chứ. Nếu hấn rút ra kết luận đúng như tôi đã làm và hành động thích hợp với nó thì có lẽ mọi chuyện thật quá phi thường.

- Hấn sẽ làm gì nếu hấn đuổi kịp chúng ta?

- Còn nghi ngờ gì nữa, hấn muốn giết tôi. Kệ thầy hấn, tốt nhất là tôi không nên đợi đến lúc hấn ta hạ tay xuống. Bây giờ chỉ còn một vấn đề nan giải nhất: chúng ta nên ăn sáng ở đây hay là cứ chịu mang bụng đói đến Newhaven?

Ngay đêm hôm ấy, chúng tôi đã đi đến Brussels và lưu lại đây hai ngày. Sang sáng thứ ba đến Strasbourg. Sáng thứ hai, Holmes đã đánh một bức điện cho cảnh sát London, và đến tối khi quay về khách sạn, chúng tôi đã thấy bức điện trả lời. Holmes lật xem bức điện, và tức tối ném nó vào lò.

- Đáng lý ra, tôi phải tiên liệu trước chuyện đó mới phải - Anh ta rên rỉ. - Nó đã tẩu thoát, đã lọt lưới!

- Moriarty?

- Cảnh sát đã tóm gọn cả băng, nhưng chỉ riêng hãn ta lại lọt lưới! Bởi tôi đã đi khỏi, bọn cảnh sát kia làm sao địch nổi hãn, mặc dù tôi rất tin là đã cung cấp cho cảnh sát tất cả các đầu mối. Watson, có lẽ tốt nhất anh nên quay về nước Anh.

- Tại sao vậy?

- Bây giờ tôi là một người bạn đường nguy hiểm. Con người ấy đã bị mất hết tất cả. Nếu trở lại Anh quốc hãn sẽ bị bắt ngay. Theo tôi được biết về tính cách của hãn thì bây giờ hãn đang tập trung tất cả nỗ lực của mình để trả thù tôi. Hãn đã trắng trợn nói điều đó với tôi trong cuộc gặp gỡ ngắn ngủi hôm ấy. Tôi tin đó không phải là một lời dọa suông. Tôi thành thật khuyên anh hãy trở về nước Anh.

Nhưng tôi là một cựu chiến binh, là bạn cũ lâu đời của Holmes, tất nhiên tôi không thể nào ra đi trong giây phút này và mặc lòng để anh ở lại một mình. Khi ngồi ăn trong nhà hàng của khách sạn Strasbourg, chúng tôi đã tranh luận về chuyện này hơn nửa giờ. Ngay ngày hôm đó, chúng tôi đi đến Geneva.

Suốt một tuần chúng tôi đi lang thang khắp thung lũng Rhone, và bỏ lại đằng sau thị trấn Leuk; chúng tôi vượt qua những con sông còn phủ đầy một lớp băng cứng; tiếp tục tiến qua Interlaken, đến Meiringen. Một cuộc dạo chơi đầy thú vị. Màu xanh của mùa xuân đang mơn mớn, dưới đất, trên đầu chúng tôi là một màn tuyết trắng bao phủ. Nhưng tôi biết Holmes không khi nào sao lãng mỗi đe dọa đang treo trên đầu anh. Trong những xóm làng trù phú, ấm cúng, hay trên các con đường mòn quanh hiu dọc sườn núi đâu đâu tôi cũng bắt gặp cái nhìn rất nhanh và chòng chọc của anh, như muốn xem xét từng khuôn mặt của từng người mà anh gặp. Rõ ràng anh hoàn toàn tin vào mỗi nguy hiểm không thể tránh khỏi đang từng bước đuổi theo chúng tôi.



Tôi vẫn nhớ mãi một trường hợp thế này: Chúng tôi đi qua vùng Gemmi và đang dạo dọc bờ hồ Daubensee, bỗng có một tảng đá lớn từ bên phải đang lao xuống và rơi xuống hồ ngay sau lưng chúng tôi. Holmes vội lao lên tít trên đỉnh ngọn tháp chăm chú quan sát, theo dõi. Người phiên dịch nói cho anh yên tâm là chuyện đá lở vào mùa xuân là một hiện tượng rất bình thường ở vùng này. Holmes không nói gì, nhưng đã cười với tôi với dáng điệu của một người biết trước sự kiện này từ lâu. Trái với sự lo lắng của mình, anh không chút nào tỏ ra rầu rĩ u phiền. Ngược lại, chưa bao giờ tôi thấy anh đang trong một tâm trạng phấn chấn vui vẻ như hôm ấy. Anh đã lặp đi lặp lại nhiều lần một điều là nếu tay giáo sư Moriarty bị vạch trần trước xã hội, anh sẽ vui lòng chấm dứt công việc của mình.

- Watson, tôi cảm thấy tôi hoàn toàn có quyền để nói rằng tôi đã sống một cuộc đời không phải là vô ích. - Anh nói. - Và thậm chí ngay bây giờ con đường đời của tôi kết thúc, tôi cũng có phần nào khuây khỏa trong lòng: Nhờ tôi mà bầu không khí của thành London được trong sạch hơn. Tôi đã tham gia hơn một nghìn vụ án và đảm bảo với anh tôi chưa bao giờ lạm dụng uy tín, ảnh hưởng của mình để giúp đỡ những việc phi nghĩa. Thật ra, trong thời gian gần đây,

công việc lôi cuốn, hấp dẫn tôi hơn là nghiên cứu những câu đố mà bản thân thiên nhiên đặt ra trước mặt; cũng như những vấn đề cấp thiết cần được giải quyết mà trách nhiệm của bộ máy chính quyền quá non nớt không thể đảm nhận nổi. Watson, vào ngày mà tôi kết thúc đường công danh của mình bằng một cú bắt sống tóm gọn, cũng có khi sẽ phải tiêu diệt một tên phạm pháp nguy hiểm nhất và tài ba nhất châu Âu, thì lúc ấy, cuốn sổ ghi chép những hồi ký của anh sẽ đi đến chỗ kết thúc. Giờ tôi đang cố gắng để hoàn thành nốt công việc chưa được nói đến, sao cho thật chính xác. Tôi cố gắng nắm thật kỹ những tình tiết, điều này không phải là dễ. Nhưng tôi đặt ra cho mình trách nhiệm là không bỏ sót chi tiết nào là nhỏ nhất.

Ngày 3 tháng 5, chúng tôi đến làng Meiringen, và dừng trú ở khách sạn "Anh quốc". Ông chủ khách sạn là một người vui nhộn, thính pha trò và nói tiếng Anh rất sõi, bởi ông đã từng làm bồi bàn ở khách sạn "Grosvenor" ở Anh gần ba năm. Mồng 4 tháng 5, sau buổi trưa, theo lời khuyên của ông chủ, cả hai chúng tôi rủ nhau lên núi dạo chơi, với ý định sẽ ngủ lại ở làng Rosenlauri. Ông ta cũng khuyên chúng tôi nên tham quan thung lũng thác Reichenbach nằm lưng chừng ngọn núi; nhưng gần đây một chút là khu vực đáng sợ nhất. Một dòng thác lũ do những tảng băng tan đang tuôn xối xả xuống một vực thẳm không đáy, bọt nước tung như hơi khói bốc lên từ một ngôi nhà. Một khe rãnh: nơi dòng thác đổ vào, được chắt đầy những tảng đá to tướng đen đũi như than. Ở phía dưới, trong lòng độ sâu không thể nào đo được ấy là các khe bị thu hẹp lại, biến thành cột cái giếng đang sôi ầm ầm, giếng này luôn luôn được bổ sung thêm nước từ trên róc xuống với một sức mạnh kinh khủng đã làm cho nước bắn tung toé trở lại, hắt ngược lên tới mỏm núi cao. Tất cả những cảnh tượng ấy, làm cho con người cảm thấy choáng ngợp, làm cho ta điếc tai, bởi những tiếng gầm không ngớt.

Chúng tôi đã leo lên theo con đường có hình dáng một nửa vòng tròn; nhờ vậy mà những nhà du lịch có thể nhìn thấy quang cảnh thác nước. Con đường kết thúc một cách đột ngột, không còn đường nào đi tiếp. Vì vậy, người nào đã leo lên rồi, buộc lòng phải quay lại chính con đường đã đi lên. Vừa lúc chúng tôi quay xuống, thì bỗng đứng trông thấy một thằng bé Thụy Điển. Thằng bé chạy lại chỗ chúng tôi, trên tay cầm một bức thư. Trên phong bì có đóng dấu của khách sạn, nơi chúng tôi thuê trọ. Đường như đó là bức thư do ông

chủ khách sạn viết và gửi cho tôi. Ông ta viết rằng: Chúng tôi vừa ra khỏi khách sạn vài phút, có một bà người Anh đi đến, bà ta đang nằm trong giai đoạn cuối cùng của bệnh lao phổi. Bà ta sống qua mùa đông ở Davos Platz , bà định đến thăm bạn bè ở Lucerne. Nhưng trên đường đi bỗng bà ta ho ra máu. Hình như bà ta không còn sống được bao lâu nữa, cùng lắm chỉ trong vài tiếng đồng hồ. Nhưng đối với bà ta không có gì an ủi động viên bằng việc được trông thấy một người bác sỹ người Anh ở bên cạnh. Nếu tôi đi đến với bà ta thì... ở đoạn tái bút, ông ta còn nói thêm, chính ông ta sẽ đội ơn tôi rất nhiều, nếu tôi đồng ý quay lại khách sạn, bởi người đàn bà kiên quyết cự tuyệt không muốn thuê nhờ một bác sỹ người Thụy Điển.

Tôi không thể nào từ chối, không thể nào thoái thác yêu cầu của một bạn đồng hương đang chết dần chết mòn nơi đất khách quê người. Nhưng cùng lúc ấy tôi rất lo ngại nếu bỏ mặc Holmes ở lại một mình. Cuối cùng chúng tôi quyết định như sau: thằng bé mang thư đến sẽ là người phiên dịch và bạn đường với anh, còn tôi sẽ quay lại xóm Meiringen. Bạn tôi còn muốn ở lại nơi thác nước một lúc; sau đó sẽ đi bằng qua mấy ngọn đồi để đi đến Rosenlauri, và ở đấy tôi sẽ gặp anh. Khi đi ra được một đoạn, tôi quay lại nhìn; Holmes đang đứng, cúi nhìn xuống tảng đá, hai tay bắt chéo sau lưng. Lúc bấy giờ, tôi đâu có hay rằng không bao giờ tôi còn gặp bạn tôi nữa.



Đến chân núi, tôi còn nhìn lên một lần nữa, tôi không còn nhìn thấy thác nước, nhưng tôi dõi theo con đường dẫn tới thác nước chạy dọc theo sườn núi. Có một người đàn ông đang gập gáp trên con đường đi lên. Hình như bóng đen sậm của ông ta trông rất rõ trên nền xanh rục rở kia. Tôi ngờ ngợ ra cái dáng đi tất bật của ông ta, nhưng chính tôi lúc ấy cũng rất vội đến bệnh nhân của mình, nên chỉ một thoáng tôi đã quên con người ấy. Gần một giờ sau tôi đến khách sạn ở Meiringen, ông chủ khách sạn đang đứng ở cửa.

- Thế nào? - Tôi đến gần ông ta và lên tiếng hỏi. - Hy vọng là tình hình bà ấy không quá bi đát?

Nét mặt ông ta lộ rõ vẻ ngạc nhiên, sừng sốt cặp lông mày rướn lên. Tim tôi bỗng thót lại, nhói đau.

- Nghĩa là không phải ngài đã viết cái này? - Tôi lấy bức thư trong túi ra và hỏi. - Ở khách sạn có một bà bệnh nhân người Anh không?

- Tất nhiên là không - ông ta thét lên. - Có chuyện gì thế? Ngoài phong bì đóng dấu khách sạn tôi? À, tôi nhớ ra rồi! Có lẽ bức thư này do một người Anh cao cao đã viết. Ông ta đến khi hai ngài vừa bước

ra. Ông ta nói rằng...

Nhưng tôi không tài nào ngồi nghe những lời giải thích dài dòng của ông ta. Bị một nỗi lo sợ bao trùm, tôi vội vàng cầm đầu cầm cổ chạy theo con đường tắt dẫn đến chân núi. Tôi mất gần trọn một giờ để chạy xuống núi, và hoặc dù tôi đã dồn tất cả sức lực của mình để chạy, nhưng cũng mất đứt hai giờ đồng hồ tôi mới đến được thác nước ban nãy. Chiếc gậy của Sherlock Holmes vẫn nằm bên cạnh tảng đá, còn anh thì không thấy đâu. Tôi đã gọi, đã gào thét tên anh, nhưng vô ích. Câu trả lời duy nhất là tiếng vọng dội lại tiếng gào thét của tôi từ những tảng đá dốc dựng đứng bao quanh.

Khi thấy cây gậy, tôi lạnh toát cả người: nghĩa là Holmes không đi đến Rosenloui. Anh đang còn quanh quẩn đâu đây, trên con đường mòn bề rộng chỉ có 3 feet, được bọc bởi một phía bức tường đá dựng đứng. Kẻ thù đã gặp anh tại đây. Thằng bé người Thụy Điển cũng biến mất. Có lẽ thằng bé đã bị tên Moriarty mua chuộc để cho hai kẻ đối mặt với nhau. Còn chuyện gì đã xảy ra? Ai có thể nói được! Tôi đứng yên như vậy chừng hai phút, hết sức bối rối vì sợ hãi, và cố trấn tĩnh lại. Tôi nhớ lại những phương pháp của bạn tôi, và tôi thử đem ra vận dụng, với hy vọng sẽ làm sáng tỏ những gì tang thương đã xảy ra. Than ôi! Chuyện ấy mới dễ làm sao?

Trong lúc chuyện trò chúng tôi chưa đi hết lối mòn, và cây gậy rơi vào đúng chỗ chúng tôi dừng lại. Mảnh đất đen màu mỡ, chưa bao giờ khô vì quanh năm suốt tháng những giọt nước tung tóe bắn lên. Ngay cả con chim đậu cũng để lại dấu nữa là. Có hai hàng bước chân còn in rõ nét ở đoạn cuối chỗ lối mòn. Những vết chân này đều đi ra xa, còn dấu quay trở lại không thấy đâu hết. Cách mấy bước chân nữa là tới chỗ vực, toàn bộ đất ở đây bị giày xéo, dẫm nát và đào bới tung lên. Những cây dương xỉ mọc gần vực thẳm đã bị dẫm lên và dây bần. Tôi nằm sấp xuống và bắt đầu nhìn chăm chú vào dòng nước đang gào thét. Bây giờ tôi đã trông thấy những tảng đá vừa mới được bóng lên do ai dẫm lên. Tôi gào thét nhưng những tiếng vang dội đã lẫn át hết giọng hét của tôi.



Thật may mắn, lời chào cuối cùng của bạn tôi đã đến với tôi. Chiếc gậy nằm lại được dựng nghiêng vào vách đá, và ngay phía trên có một vật gì đó lấp lánh sáng. Tôi đưa tay với lấy, và thấy đó là hộp đựng thuốc bằng bạc mà Holmes vẫn hay mang nó trong người. Khi tôi cầm lên có vài tờ giấy nằm phía dưới bỗng rơi xuống đất. Tôi nhặt lên. Đó là ba tờ giấy được xé từ một quyển sổ tay, và trên đó có đề dòng chữ gửi cho tôi. Địa chỉ ghi khá rõ nét, chữ rõ ràng, chứng chạc, dường như Holmes đang viết nó trong phòng.

"WATSON THÂN MẾN

Điều ghi trong mẫu thư này là do sự nhã ý của ngài Moriarty. Tôi ngồi viết cho anh mấy dòng. Ông ta đang đợi tôi để giải quyết dứt điểm những vấn đề có liên quan đến tới cả hai. Ông ta đã kể qua loa cho tôi nghe cách thức mà ông ta đã đánh lạc hướng cảnh sát nước Anh, và nắm được cuộc hành trình của chúng ta. Tất cả những điều đó, một lần nữa khẳng định nhận xét của tôi về khả năng hiếm có của ông ta là đúng. Tôi thật thích thú, khi nghĩ rằng có thể vạch trần những việc làm không hay, những việc dính líu đến sự tồn tại của con người này. Nhưng tôi sợ rằng, điều đó có thể cũng phải trả một cái giá khá

đặt. Việc này có thể làm cho bạn bè tôi buồn, đặc biệt là anh, Watson ạ! Cần nói thêm với anh là cuộc đời tôi đã đến lúc đi đến tột đỉnh của nó rồi, tôi không thể nào mong ước kết cục tốt hơn. Cũng nói cho anh hay, bức thư từ khách sạn Meiringen - đó là cái bẫy, chuyện này tôi không may may nghi ngờ. Sau khi anh ra đi, tôi hoàn toàn yên tâm không còn ân hận gì hết. Anh hãy chuyển cho ngài thanh tra Patterson những giấy má cần thiết dùng để vạch mặt băng cướp ấy. Hiện nay những tài liệu đó nằm ở trên bàn, trong chiếc hộp dưới chữ "M". Chiếc phong bì màu xanh với dòng chữ "Moriarty". Trước khi từ giã nước Anh, tôi đã kịp làm tất cả những gì cần thiết và gửi nó ở đằng anh trai tôi Mycroft. Nhờ anh gửi lời chào thân thiết của tôi tới vợ anh.

Người bạn chung thủy của anh,

SHERLOCK HOLMES"

Những gì còn lại có thể gói gọn trong hai câu. Sau công việc khám xét hiện trường, người ta đều thống nhất cho rằng cuộc vật lộn giữa hai địch thủ đã kết thúc như thế này: Cả hai cùng bị rơi xuống vực thẳm mà vẫn không chịu buông tay ra. Người ta cũng có ý định tìm kiếm tử thi, nhưng cũng không mang lại kết quả gì. Thân thể của một tên tội phạm nguy hiểm nhất và của một người bảo vệ công lý trứ danh nhất sẽ vĩnh viễn nằm dưới vực sâu thẳm, quanh năm nước sôi réo ầm ỉ.

Người ta cũng không tìm thấy thằng bé con người Thụy Điển đâu cả. Có lẽ đó là một trong số những đặc phái viên do Moriarty tuyển chọn. Còn băng cướp độc ác có lẽ ở London mọi người vẫn còn nhớ, những chứng cứ do Holmes thu thập khá đầy đủ đã vạch mặt chỉ tên tất cả tổ chức ấy; và người ta đã khám phá ra đầu đảng cũng như linh hồn của tổ chức ấy chính là tay giáo sư Moriarty mà đáng lẽ phải bị còng bằng chiếc gông sắt. Trong quá trình ấy bản thân con người đáng sợ kia còn chưa được làm sáng tỏ. Nếu buộc lòng tôi phải nói lên toàn bộ sự thật về quá trình phạm pháp của hắn thì điều này sẽ động viên một số người bào chữa thiếu lương tâm và trách nhiệm, họ sẽ mưu toan minh oan cho hắn bằng những đòn công kích chống lại một con người, mà con người đó bao giờ tôi cũng cho rằng: một người cao thượng nhất, sáng suốt nhất trong những người mà tôi

quen biết.

☺

CHÚ THÍCH

- 1) Đơn vị tiền tệ của Anh
- 2) khoảng 28 gram
- 3) Nguyên văn: pound (đơn vị tiền tệ của Anh)
- 4) Nguyên văn: Franco-Midland Hardware Company, Limited
- 5) Nguyên văn: By Jove
- 6) Nguyên văn:

“The supply of game for London is going steadily up.

Head-keeper Hudson, we believe, has been now told to receive all orders for fly-paper and for preservation of your hen-pheasant s life”.

- 7) “The game is up. Hudson has told all. Fly for your life”.
- 8) Khoảng 2 m.
- 9) Nguyên văn:

AT QUARTER TO TWELVE

LEARN WHAT

MAY

- 10) Nguyên văn:

“IF YOU WILL ONLY COME AROUND AT QUARTER TO TWELVE
TO THE EAST GATE YOU WILL LEARN WHAT
WILL VERY MUCH SURPRISE YOU AND MAY
BE OF THE GREATEST SERVICE TO YOU AND ALSO
TO ANNIE MORRISON. BUT SAY NOTHING TO ANYONE
UPON THE MATTER.”

Những chữ màu đỏ là những chữ bị xé.

- 11) Đơn vị tiền tệ Anh

12) Nguyên văn: rupee (Đơn vị tiền tệ Ấn Độ)

13) Nguyên văn: Monsieur Dubugue

☺

HẾT

